

ngô đình diệm
lời khentiếng chê
minh võ



Người khen ta mà khen đúng là bạn ta
Kẻ chê ta mà chê đúng là thấy ta
Còn kẻ nịnh ta là thù địch ta vậy.
(Tuân Tử)

THÔNG VŨ TÁI BẢN lần thứ 2
California, tháng 02 năm 2002

Lời cảm tạ của soạn giả:

Trân trọng gửi tới

- Các tác giả được trưng dẫn về những ý kiến
và tư liệu giúp hình thành soạn phẩm.
- Các thân hữu gần xa về những đóng góp
và hỗ trợ giúp hoàn thành soạn phẩm.

Minh Võ

Xuất bản tháng 5 năm 1998

Tái bản lần thứ nhất tháng 10 năm 1998

Tái bản lần thứ hai tháng 02, 2002.

Ấn phí: 16 Mỹ Kim (tại Mỹ và Canada)

20 Mỹ Kim (các nơi khác)

Mua sách xin hỏi các tiệm sách địa phương,
hoặc liên lạc Thông Vũ: điện thoại (760) 599-3969

ngôđìnhdiệm.lờikhentiếngchê

ngô đình diệm. lời khentiếng chê.
minh võ

bìa: **Midway Press**. ảnh: *internet*
trình bày: **Midway Press**, sưu nhật từ
internet. ấn hành: **Anywhere**

Copyright © 2008 by Minh Võ

ngô đình diệm
lời khế tiếng chê
minh võ



Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ảnh: T.L.

mục lục

Đôi lời của soạn giả nhân dịp tái bản	13
Lời giới thiệu của giáo sư Tôn Thất Thiện	18
Đôi dòng cảm nghĩ của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích	22
Tâm tình gửi bạn đọc trong giới trẻ	25
Chương 1 Bảo Đại: Ngô Đình Diệm nổi tiếng là thông minh liêm khiết	34
Chương 2 Phan Bội Châu: Ông Ngô Đình Diệm là Chí sĩ, Vĩ nhân	40
Chương 3 William E. Colby: Ngô Đình Diệm, nhà độc tài nhân từ	43
Chương 4 Bùi Diễm: Ngô Đình Diệm là người chuyên quyền và là sự thất bại	50
Chương 5 Cao Thế Dung: Tổng thống Ngô Đình Diệm là người rất giàu tình cảm. Phải chăng ông cũng có người tình?	57
Chương 6 Trần Văn Đôn: “Tội nghiệp ông Diệm là người ai cũng mưu phản: tướng lãnh của ông, người Mỹ và ngay cả chính em ruột ông”	65
Chương 7 Dwight D. Eisenhower: Ngô Đình Diệm, con người thần kỳ	74
Chương 8 Bernard Fall: Ngô Đình Diệm giống Franco của Tây Ban Nha	79

Chương 9 Marguerite Higgins: Thanh thế của ông Diệm lầy lùnh như trong truyện cổ tích	90
Chương 10 Lyndon Baines Johnson: Ngô Đình Diệm, Churchill của thập kỷ tại Á Châu	104
Chương 11 Stanley Karnow: Ngô Đình Diệm, ông quan của Mỹ	113
Chương 12 Hồ Sĩ Khuê: Ngô Đình Diệm là người yêu nước... Nhưng không yêu dân, mà chỉ bắt dân phải yêu ông	129
Chương 13 Nguyễn Cao Kỳ: Ông Diệm là người dễ bị lừa gạt lợi dụng	142
Chương 14 Đối với ngàn trang sách của ông phải là ngàn lời nguyện rửa ông Diệm. Lỗi ông Diệm theo ông Đỗ Mậu tre toàn tỉnh Quảng Bình không ghi hết. Tội của ông Diệm, ông Đỗ Mậu cho rằng, nước sông Hương rửa không sạch...	152
Chương 15 Dương Văn Minh: Diệm được kính trọng quá trong đám người đơn sơ chất phác dễ bị lừa, đặc biệt là người Công giáo và dân di cư	160
Chương 16 John M. Newman : Ông Diệm quá tự tin vào khả năng vô địch của mình nên trở thành chuyên quyền và gia đình trị	167
Chương 17 Richard M. Nixon: Tổng thống Ngô Đình Diệm ví như tảng đá đình vòm	175
Chương 18 Frederick Nolting: Ngô Đình Diệm là con người buống binh	183
Chương 19 Arthur M. Schlesinger, Jr: Diệm là người hết sức câu nệ truyền thống. Ông ta thi hành một chính sách gia đình trị theo kiểu Đông Phương	200
Chương 20 Neil Sheehan: Diệm là người xảo quyết, gian trá, là tên phản động cuồng nhiệt, muốn tái lập triều đại nhà Ngô	207

Chương 21 Trương Như Tảng: Ngô Đình Diệm, một sự bí ẩn, một con người huyền bí	221
Chương 22 Maxwell D. Taylor: Tổng thống Ngô Đình Diệm ví như nắp hộp Pandora	230
Chương 23 Hoàng Ngọc Thành: Dù có lỗi lầm gì đi nữa, Ngô Đình Diệm là người thực sự có thái độ quyết liệt trong việc bảo vệ chủ quyền của dân tộc Việt Nam	238
Chương 24 Nguyễn Chánh Thi: Ngô Đình Diệm chỉ là một kẻ bất tài	243
Chương 25 Đỗ Thọ: Lịch sử sẽ viết rằng Hoa Kỳ đã mượn tay tướng lãnh giết tổng thống Ngô Đình Diệm... Mai hậu công lao của tổng thống Diệm to tát được người người ca tụng như tổng thống Lincoln của người Hoa Kỳ	249
Chương 26 Phạm Kim Vinh: Ngô Đình Diệm còn vượt xa hơn cả Hồ Chí Minh	255
Chương 27 Lời bàn chung	259
Phụ lục	319
Vài nét về tiểu sử Minh Võ	340

Đôi lời của soạn giả nhân dịp tái bản

Cùng bạn đọc thân mến,

Để đáp ứng yêu cầu của một số quý vị, nhất là những vị ở ngoài Quận Cam, nơi tiêu thụ đa số ấn bản trong lần in thứ nhất, tôi đã đồng ý cho tái bản soạn phẩm này với một vài sự bổ túc theo tài liệu mới nhận được.

Tôi đặc biệt cảm ơn những ý kiến xây dựng mà quý vị đã nêu lên trong thư riêng, điện thoại, hay trong buổi ra mắt sách... nhằm góp ý về nội dung cuốn sách với mục đích cho nó hoàn chỉnh hơn ở các lần tái bản. Nhân đây tôi xin phép được nhắc lại hai ý kiến có vẻ theo hai chiều hướng trái ngược, nhưng tựu trung đều do hảo ý. Và xin có đôi lời giải thích, mong quý vị không cho rằng tôi cố chấp.

Trước hết, trong phần tự do phát biểu ý kiến buổi ra mắt sách tại Quận Cam có một vị phê bình là tác phẩm thiếu lời khen tiếng chê của đại chúng, chỉ nêu ý kiến của 26 tác giả có tên tuổi. Vị đó còn khẳng định: nếu đại chúng được hỏi ý thì chắc chắn sẽ khen Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Thêm vào đó, chỉ cách đây hai tuần tôi lại nhận được lá thư góp ý của nhà văn nữ Hoàng Thị Đáo Tiệp cũng có ý kiến tương tự. Tôi xin phép quý vị và bà Tiệp được trích nguyên văn một đoạn trong lá thư mà bà nói là bà viết vội vàng ở sở làm: *“Nhưng có điều cháu cảm thấy rằng nếu cụ trích được lời của những người lính tron, của những người dân quê dốt nát... nhận xét về vị lãnh đạo của mình thì cũng rất nên... Những người không biết, không nỡ hại ông, thương ông nhất là có trong số người dốt nát, thấp cổ bé miệng. Cháu lúc đó hãy còn bé quá và sống ở dưới quê, nhưng cháu nhớ cháu có thấy một bà cụ nhai trầu, móm sòm vì rụng hết răng mà khóc ông Diệm như khóc cha chết vậy.”*

Đó cũng là ý kiến của nhiều vị khác mà tôi rất tán thành. Tiếc rằng chưa thể thực hiện được trong lần tái bản này.

Muốn dành cho ‘Đại Chúng’ một chương, ta phải có đủ thì giờ, phương tiện và cơ hội về vùng quê Việt Nam một chuyến và ở đó trong một thời gian khá lâu để phỏng vấn nhiều người, đủ để nói rằng họ đại diện cho ‘Đại Chúng’, đồng thời bảo đảm rằng họ được tự do nói lên ý nghĩ chân thật của họ. Tôi e rằng trong chế độ hiện nay mà mọi người phải tôn thờ “Bác và Đảng” ít có ai đủ can đảm nói ngược lại đường lối tuyên truyền chống “Mỹ Diệm” của đảng. Còn nếu ta chỉ phỏng vấn một số người ở Hải Ngoại thì thiết nghĩ những “lính tron, người dân quê mùa dốt nát” rất hiếm, nếu không phải là chẳng có ai, vì họ đâu có được Mỹ cho đi định cư theo diện HO hay có đủ vàng để vượt biên.

Còn nếu chỉ căn cứ vào lời nói của một số người rồi nêu thêm ý kiến chủ quan của mình thì sợ rằng không đủ tính thuyết phục đối với những người thích cái gì cũng phải “Nói có sách mách có chứng”.

Tuy nhiên nếu có thể nói dân ca là ý kiến của dân gian, của đại chúng thì câu ca dao: “*Một mai mưa rã tan Hồ, Lúa lên Ngô tốt, ăn Ngô no lòng*” mà nhà văn cộng sản hồi chánh Xuân Vũ nêu lên trong “Mạng người Lá rụng” được trích lại trong chương cuối cũng có thể đáp lại một phần sự mong mỏi của các vị nói trên. Ngoài ra còn những lời của cựu đại tướng Dương Văn Minh, của ông Hồ Sỹ Khuê, của cựu trung tướng Trần Văn Đôn... (là những người làm đảo chính lật ông Diệm và/hoặc kịch liệt đả kích ông) nói về sự dân quê chất phác, các bà giầu tình cảm, v.v. mến thương ông Diệm mà nếu quý vị đọc kỹ các chương liên hệ sẽ cho thấy là tôi đã không bỏ qua ý kiến của người dân nghèo, người dân quê mùa dốt nát. Chỉ tiếc không đủ nhiều để mở một chương riêng.

**
*

Ý kiến thứ hai mà tôi muốn nêu lên ở đây là nhận xét của một nhà vật lý ở Virginia trong một cuộc điện đàm. Ông nói ông vừa đọc đến (trang 248, ấn bản tháng 5) phần đầu của chương cuối, Lời bàn chung, nơi nói về thiếu tướng Đỗ Mậu. Ông bảo: Dù ông Đỗ Mậu viết gì chẳng nữa cũng không nên nói ông ta... đập đầu vào đá. Và nhà vật lý lấy làm tiếc rằng soạn giả “thiếu vô tư, đã đặt vào đó quá nhiều cảm tính, làm mất tính khách quan mà một tác phẩm lịch sử loại này cần có.” Trong buổi ra mắt sách ngày 10 tháng 5 năm 1998 tại Quận Cam tôi đã thuật lại chuyện này với cử tọa và nhận khuyết điểm. Tuy nhiên tôi cũng trình bày những lý do và động lực khiến tôi có lúc chủ quan, thiếu trầm tĩnh. (Xin xem phụ lục). Trong lần tái bản này soạn giả sẽ không còn thấy mấy từ “vừa đập đầu vào đá” trong câu nhận xét về thiếu tướng Đỗ Mậu nữa.

Chắc bạn đọc cũng đồng ý với tôi là một người làm công tác văn học mà đối tượng thường là xã hội loài người, là những con người có “hỷ nộ ai cụ ái ố dục” thì khó mà tuyệt đối khách quan như một người làm công tác khoa học vật lý mà đối tượng là những vật vô hồn, vô tri vô giác. Hơn nữa đối tượng của soạn phẩm này là những nhân vật lịch sử có liên hệ mật thiết đến cuộc chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến làm trên hai triệu người chết vì bom đạn, gần một triệu người chết vì tù đầy và vượt biên, bỏ thân trên rừng hay làm mồi cho cá dưới biển. Cuộc chiến đó nay đã có đủ bằng chứng rằng nếu những người như ông Đỗ Mậu không tiếp tay cho ngoại nhân lật đổ và sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì rất có thể đã tránh được. Vì vậy trong khi cầm bút mà lòng những nghĩ tới nạn nhân chiến cuộc trong đó có mình và gia đình mình, bạn bè mình, rất có thể là tôi đã nổi giận mà không hay, từ tiềm thức, cho nên mới bảo ông Đỗ Mậu đập đầu vào đá. Thực ra đấy cũng chính là cảm nghĩ của tôi khi đọc cuốn Việt Nam máu lửa quê hương tôi như tôi đã chứng minh ở những trang sau đó.

Còn rất nhiều ý kiến khác không kém phân xác đáng và có tính cách xây dựng đã được nêu lên trong buổi ra mắt sách và trong các cuộc điện đàm và hàng chục lá thư. Tôi xin ghi nhận và chân thành cảm ơn quý vị đã có nhã ý nêu lên. Tiếc rằng tôi không thể đề cập hết ở đây được.

Ngoài nhận xét về thiếu tướng Đỗ Mậu vừa nêu, về cơ bản soạn phẩm không có gì thay đổi so với lần xuất bản đầu tiên. Nhưng cũng có một vài bổ túc nhỏ để tăng cường cho phần chứng cứ được phong phú và đa dạng hơn, theo những tài liệu mới thu nhận được. Do đó soạn phẩm có dài thêm độ 50 trang.

Với thời gian và sự quan tâm góp ý của bạn đọc, chúng tôi hy vọng mỗi lần tái bản lại có thêm điều mới làm cho tác phẩm càng ngày càng hoàn chỉnh hơn.

California ngày 9 tháng 9 năm 1998

Minh Võ

Lời giới thiệu của giáo sư Tôn Thất Thiện

Một dữ kiện mà tất cả những người Việt sinh sống lâu năm ở nước ngoài đều biết, lấy làm buồn phiền, và không thay đổi được là: con cái của họ biết rất ít và rất lơ mờ về Việt Nam. Và nếu chúng sinh và lớn lên ở ngoại quốc thì chúng lại càng không biết gì về xứ sở của cha mẹ.

Có tình trạng vừa nói trên vì hai lý do chính. Một là: Việt Nam không phải là nơi “chôn nhau cắt rốn” của các trẻ: chúng sinh và lớn lên trong một môi trường khác với môi trường của cha mẹ chúng; bạn học, bạn chơi của chúng phần đông, mà có khi hoàn toàn, không phải là người gốc Việt; và chương trình học của chúng không hướng vào Việt Nam. Hai là: chúng không bắt buộc phải dùng tiếng Việt, dần dần không nói thạo tiếng Việt, và rốt cục không muốn dùng tiếng Việt, ngay cả trong gia đình.

Nếu không dùng tiếng Việt tất nhiên không thể biết, nhất là không thể hiểu tường tận, chuyện Việt Nam được vì bắt buộc phải đọc sách ngoại ngữ. Mà sách viết bằng

ngoại ngữ, phần lớn là tiếng Anh, do tác giả người ngoại quốc soạn thảo, thì hầu hết không nói đúng sự thật, hay không nói hết sự thực, hoặc vô tình nói sai sự thực, và, tệ hơn nữa, một số rất lớn cố ý xuyên tạc sự thực, chỉ nói xấu không nói tốt về nước Việt Nam và người Việt Nam. Sự kiện này gây cho thanh niên Việt Nam một mặc cảm xấu hổ về xứ sở, dân tộc, cha mẹ mình.

Muốn sửa đổi tình trạng nói trên, phải có nhiều sách do người Việt soạn thảo, và viết một cách đúng đắn - sưu khảo công phu tường tận, trình bày một cách mạch lạc, đầy đủ, khách quan, lý luận chặt chẽ, dùng lời lẽ đúng đắn - thay vì bất chấp đúng sai, phải trái, không tôn trọng nguyên tắc “nói có sách mách có chứng”, đả kích, lăng mạ bừa bãi, dùng lời lẽ bất nhã, thô tục, v.v. Chỉ có những sách soạn thảo và viết một cách đúng đắn mới được những thư viện trường liệt vào loại “khả kính”, mua và đặt lên kệ sách của thư viện họ mà không bị khiển trách là dùng ngân sách nhà trường để mua “trash” (đồ rác).

**
*

Tất nhiên những sách đúng đắn, đúng tiêu chuẩn “khả kính”, có nhiều hy vọng được đưa lên kệ sách của các thư viện ngoại quốc lớn nếu viết bằng ngoại ngữ hơn là bằng tiếng Việt. Nhưng những tác phẩm viết bằng tiếng Việt cũng có hy vọng được các thư viện đó chấp nhận nếu được nhân viên thư viện chuyên về Á đông xác nhận là nó thực sự có giá trị. Nếu được dịch ra ngoại ngữ thì nó lại càng nhiều hy vọng được chấp nhận hơn nữa. Như vậy, trên kệ sách của các thư viện lớn có thêm những tác phẩm giúp độc giả, nhưt là các thanh niên VN, kiểm điểm sự đúng sai của những điều nêu ra trong các tác phẩm ngoại quốc, và có được một quan điểm cân bằng, trung thực, về xứ sở của cha mẹ mình.

Vì lý do trên, tôi rất vui và mừng khi nhận được bản thảo của quyển *Ngô Đình Diệm: Lời khen, tiếng chê* của ông Minh Võ, và tôi lấy làm hân hạnh được ông ấy mời giới thiệu tác phẩm này.

Trước ngày nhận được bản thảo nói trên, tôi không hề quen, và cũng không hề biết ông Minh Võ. Đọc tiểu sử của ông ấy, tôi mới biết là ông tên thật là Vũ Đức Minh, thời cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm cầm quyền ông còn rất trẻ (ông sinh tại Nam Định năm 1931); suốt thời gian ông Diệm cầm quyền ông không hề giữ chức vụ gì đáng kể có thể cho ông ta gần ông Diệm và đặt ông ta vào thế ân oán đối với ông Diệm; mãi đến năm 1971, tám năm sau khi ông Diệm bị hạ sát, và ba năm sau khi tôi từ chức Tổng trưởng Thông tin, ông mới được cử giữ chức Phó giám đốc nha Vô tuyến truyền thanh. Cho nên, những điều tôi nói dưới đây hoàn toàn không do liên hệ gì riêng với Minh Võ, mà chỉ diễn xuất sự tán thành một công trình sưu khảo có giá trị về những diễn biến trong thời gian 1954-1963. Thật ra, tác phẩm này bao gồm cả những năm 1945-1975. Đó là một giai đoạn cực kỳ rối ren mờ mịt, cần được nhiều thời gian, và rất nhiều công trình sưu khảo đứng đắn khách quan, đặc biệt là của người Việt Nam, soi sáng.

Điều trên đây rất cần thiết để tái lập sự thực bị ếm nhem, bóp méo, xuyên tạc, hay vì sưu khảo hời hợt, thiếu sót, chưa được đưa toàn bộ toàn diện ra ánh sáng để cho mọi người Việt Nam có đủ dữ kiện so sánh, cân nhắc, phán xét một cách chính xác, cân bằng và công bằng, và hiểu rõ những gì đã thực sự xảy ra cho xứ sở, cho mình và cho thân nhân bằng hữu của mình, cho toàn dân tộc Việt Nam, cùng những khuyết điểm và ưu điểm của những người đã lãnh

đạo xứ sở trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn của đất nước. Chỉ sau khi điều kiện này thực hiện, người Việt mới đi đến một sự hiểu biết lẫn nhau, thông cảm nhau, dung nhượng và hòa giải với nhau, để cùng nhau xây dựng lại xứ sở, thay vì tiếp tục vin vào quá khứ, hay đúng hơn, vào những quan niệm sai lầm về quá khứ, để soi mói, đả kích, đối chọi nhau, sùng sộ với nhau, coi nhau như kẻ thù.

Tác phẩm của ông Minh Võ là một công trình sưu khảo có giá trị, đáp ứng đúng những tiêu chuẩn của một công trình sưu khảo đúng đắn và lương thiện, thuộc vào loại “khả kính” nói trên. Nó là một đóng góp lớn trong công cuộc làm sáng tỏ sự thực về một giai đoạn sôi động của lịch sử Việt Nam.

Tuồng cũng cần nói ở đây là năm 1963 ông Minh Võ đã có xuất bản một tác phẩm cũng có giá trị. Đó là Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản. Tác phẩm này đã được Đài VOA trích đăng trong nhiều tháng, rồi ông Minh Võ cũng đã được Đài VOA mời phụ trách một mục hàng tuần, mang tên là “Viễn ảnh Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa”, trong suốt thời gian 7 năm, từ tháng 5, 1964 đến giữa năm 1971.

Tôi hy vọng rằng tác phẩm Ngô Đình Diệm: Lời khen tiếng chê sẽ được dịch ra ngoại ngữ để được phổ biến rộng rãi và cung cấp cho người ngoại quốc, và nhất là những thanh niên Việt Nam không đọc được tiếng Việt, một tài liệu quan trọng để họ có cơ sở so sánh với các tác phẩm của tác giả ngoại quốc, kiểm điểm những điều các tác giả này đã nói về Việt Nam và người Việt Nam, và có một quan niệm chính xác và thẳng băng hơn.

Ottawa ngày 20/4/1998

Đôi dòng cảm nghĩ của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích

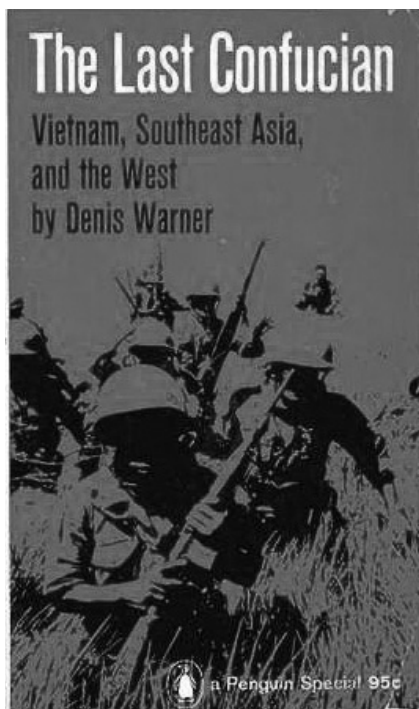
Lượn công định tội là một việc làm vô cùng hệ-trọng trong lịch-sử. Ngày xưa, ngay từ hồi vua chúa cũng đã có những ngự sử làm công việc này để giúp vua nhìn sáng suốt hơn. Và nếu ta vẫn còn quan-niệm lịch-sử như một tấm gương để trông vào đó mà hành-xử cho ra người thì việc làm này lại càng cần kíp hơn bao giờ hết.

Do nghĩ vậy nên tôi rất cảm kích được tác-giả Minh Võ cho xem tập bản thảo *Ngô Đình Diệm, lời khen tiếng chê*. Việc trước hết phải nói là tinh-thần làm việc muốn cho thật công bằng của tác giả. Ngay từ những trang đầu ông đã cho là việc ông làm dù cần thiết nhưng cũng tỏ ra rất khó khăn. Sức người có hạn, ông không thể xem được cả ngàn cuốn sách viết về chiến-tranh Việt-nam để mà rút ra được những nhận-định thật chính-xác. Ông đã phải làm công việc “sampling,” nghĩa là chọn trong hàng nghìn cuốn sách một số không tới 30 cuốn mà ông mong là tiêu-biểu, đại diện cho nhiều quan-điểm để có được một cái nhìn không đến nỗi một chiều.

Song kỹ-thuật “sampling” tự nó đã là một việc làm rất khó. Tác-giả chọn quyển này thì người khác có thể đòi chọn 5-3 quyển khác ngay. Riêng cá nhân tôi, chẳng hạn, rất tiếc là trong những sách ông chọn để nghiên cứu về chỗ đứng trong lịch-sử của ông Diệm, hình như ông đã không để ý mấy đến sách của người Anh, người Úc, như sách của Dennis J. Duncanson (*Government and Revolution in Vietnam*) và nhất là cuốn *The Last Confucian*, một trong những cuốn hiếm có mà có thể gọi căn-bản là tiểu-sử của ông Diệm, do Denis Warner (Úc) viết. Tại sao? Vì người Anh, người Úc không trực-tiếp tham-gia vào chiến-tranh Việt-nam một cách thâm sâu như người Mỹ, người Pháp nên dễ có thái-độ khách-quan hơn.

Tuy nhiên, nói thế là nói về tiểu-tiết vì cứ nhìn vào chỗ sách tác giả Minh Võ đã đọc ta cũng phải thấy ngay là ông đã nỗ lực hết mình để nghe, xét và cân nhắc nhiều quan-điểm khác nhau, cả Mỹ lẫn Việt, liên-quan đến chỗ đứng của ông Ngô Đình Diệm trong lịch-sử nước nhà. Việc này rất cần thiết song, một lần nữa, tôi cũng xin nhắc là không phải dễ.

Ta có thể có những phản-ứng nhất thời, rất nhanh, rất



chủ quan mà chưa chắc đã sai. Như bà Ngô Đình Nhu, khi được tin chồng và anh chồng mình chết, đã nói ngay là câu chuyện chưa hết và “ác giả, ác báo” - kết-quả nhõn-tiền là chỉ cần ba tuần sau ông John Kennedy, tổng-thống Hoa-Kỳ, cũng bị ám sát chết. (Nghĩa là cái linh tính của bà Nhu rất nhanh nhạy, bà đâu phải đợi đến hôm nay, nghĩa là 30 năm sau, sau khi các hồ sơ mật của chính quyền Mỹ đã được mở ra cho công chúng, bà mới trông ra bàn tay, trách nhiệm của người Mỹ trong cái chết của ông Diệm. Nói thế không có nghĩa là tôi đồng ý với bà Nhu, một người mà tôi cho là đã đổ dầu thêm vào lửa trong vụ Phật Giáo 1963, nên bà cũng phần nào mang trách-nhiệm trong sự sụp đổ của nhà Ngô và nền đệ nhất Cộng-hòa ở miền Nam. Tôi chỉ xin nêu ra đây trường-hợp này để nói như người Mỹ, “facts are facts,” sự-kiện lịch-sử là sự-kiện lịch-sử, không phải mình nói vắn nói vẹo mà rồi có thể đổi thay được những sự-kiện đó; và cũng để nêu ra một cái trớ trêu của lịch-sử: bà Nhu là người Công-giáo, thế mà khi lên tiếng trong vụ này, bà lại dùng một hình ảnh hoàn-toàn Phật-giáo. Thêm vào đó tôi cũng muốn nói là không thể luận riêng tội hay công của ông Diệm mà không nói đến những người chung quanh ông.)

Thành thử chuyện của ông Minh Võ làm, tuy đáng phục và cần thiết đấy, tôi dám nghĩ là cũng chưa phải là tiếng chuông cuối cùng về vấn-đề này. Dầu sao, tuy mới chỉ là bước đầu, tôi thiết nghĩ là ông cũng đã suy nghĩ nhiều và khá sâu sắc - đủ đáng để đem ra chia sẻ với chúng ta. Do vậy nên tôi xin có lời giới thiệu này và mong là độc-giả của ông cũng học hỏi được nhiều như tôi đã thu lượm được trong khi đọc bản thảo.

Springfield, ngày 29 tháng 3, 1998.

Tâm tình gửi bạn đọc trong giới trẻ

Một hôm đầu tháng 11 năm 1997 một người cháu nói với tôi: “Người Mỹ nói Ông Ngô Đình Diệm là độc tài, thối nát, đàn áp Phật Giáo, còn ông Hồ chí Minh được toàn dân gọi là cha già dân tộc. Bác ạ.” Tôi hỏi: “Cháu nghe ai nói thế?” Anh ta liền bật máy vi tính rồi chỉ cho tôi xem vài đoạn trên Internet:

1. Hồ Chí Minh. By Elizabeth Maxwell, 20th Century Honors: “Ho’s fight for freedom never ended... in the end he was known by all the people in Vietnam as the uncle of their country.”

2. South Vietnam. By Charles Matthews, 20th Century Honors: “Diem’s regime proved to be very corrupt and oppressive, and contributed to South Vietnam being very politically unstable. His racist policies against the Buddhists of South Vietnam which represented 80% of the population...”

3. Buddhism. By Charles Matthews, 20th Century

Honors: “Diem passed laws that threatened the Buddhist population’s religious freedom by banning some holidays and customs. This caused a lot of dissent among the Buddhists who were very powerful due to the fact that Buddhism represented over 80% of the population.”

Tạm dịch:

1. Hồ Chí Minh. Tác giả Elizabeth Maxwell. Nhà Xuất bản Century Honors: “... Ông Hồ không ngừng chiến đấu cho tự do... cuối cùng ông đã được toàn dân Việt Nam coi như Bác của xứ sở họ.

2. Nam Vietnam. Tác giả Charles Matthews. Nhà xuất bản Century Honors.” Chế độ Diệm đã rõ là một chế độ thối nát và đàn áp và đã góp phần vào sự bất ổn chính trị của miền Nam Việt Nam. Những chính sách kỳ thị của ông ta chống tín đồ Phật Giáo miền Nam Vietnam là tầng lớp đại diện cho 80% dân số.”

3. Đạo Phật. Tác giả, nhà xuất bản, như trên: “Ông Diệm đã ban hành những đạo luật đe dọa tự do tôn giáo của dân theo đạo Phật bằng cách cấm một số ngày nghỉ theo đạo và những tập tục của đạo. Điều này đã gây bất đồng trong giới Phật tử là thành phần rất có thể lực do sự kiện là Phật giáo đại diện trên 80% dân số.

Tôi hỏi: “*Cháu có tin những điều đó là đúng không?*” “*Dĩ nhiên cháu không tin.*” Anh ta đáp. “*Vì gia đình mình từ ông nội đến ba cháu rồi chúng cháu đều là nạn nhân cộng sản, không ưa gì ông Hồ và hiểu rõ ông Diệm là người chống Pháp, chống cộng, có công trong việc xây dựng miền Nam giàu có hơn miền Bắc của ông Hồ gấp bội. Nhưng các bạn cháu, nhất là những người còn trẻ và đã xa quê hương từ những năm 70, phần đông, nếu không tin hoàn toàn những điều đó thì cũng*

nghĩ ông Diệm không phải là người tốt. Vì bị ảnh hưởng của sách báo Mỹ.”

Từ ngày đệ nhất Cộng hòa bị lật đổ, rồi Hoa Kỳ ồ ạt đem quân tác chiến vào Việt Nam, Mỹ hóa cuộc chiến tranh, tôi ít quan tâm đến thời cuộc, không còn viết sách nữa. Sách báo đôi khi có cầm đọc cũng chỉ là để khuây khỏa, giải sầu. Nhưng nay những lời trên của người cháu còn trẻ làm tôi ray rứt, muốn tìm hiểu thêm, để chia sẻ với độc giả lớp trẻ những nhận định khách quan hơn về lịch sử, nếu có thể được.

Vào thư viện Mỹ, nhìn đến khu sử về VN thấy chóa mắt, vì nhiều quá. Trước mắt tôi: “No more Vietnams” (“Thôi đừng VN nào nữa.”) Tôi tính bỏ đi, trong bụng cũng nghĩ, thôi VN với chả VN, đề tài cũ rích rồi. Nhưng nhìn xuống dưới phía tên tác giả, hai chữ Richard Nixon màu đỏ to tướng gọi óc tò mò của tôi, vì gần đây, sau khi chính khách lỗi lạc này chết, các cơ quan truyền thông và nghệ thuật (thứ bảy) đã nói nhiều đến tên tuổi và cuộc đời ông. Tôi cầm cuốn sách đem về đọc. Trong tác phẩm này ông Nixon nói đến tổng thống Ngô Đình Diệm rất nhiều và với những nhận xét khách quan và tốt đẹp, chứ không như những tác giả Mỹ khác mà cháu tôi nói. Tôi muốn đọc thêm.

Nhưng Nixon viết trong tác phẩm của ông là những sách về chiến tranh Việt Nam (cho đến năm 1985, là năm ông viết xong cuốn “No More Vietnams”) có tới khoảng 1.200 cuốn. Tôi đành nghĩ ra một cách cứ lấy tạm một số chừng một hay hai phần trăm số đó cũng đủ rồi chứ làm sao đọc hết được. Thế là thỉnh thoảng tôi lại vào thư viện mang về một quyển. Ban đầu tôi thấy việc đọc sách có vẻ

mệt, nhất là những sách bằng Anh ngữ. Nhưng càng đọc tôi càng thích thú và rồi không biết mệt nữa.

Sau ba tháng mài miệt đọc, tôi lấy làm hài lòng nhận ra rằng trong những tác phẩm đó có đại diện đủ mọi loại nhân vật; Mỹ có, Việt có, người chê ông Diệm cũng có, mà người khen ông Diệm cũng không hiếm. Có những tác giả là tổng thống, thủ tướng, quốc trưởng. Cũng có một số nhà báo, sử gia, nhất là tôi thấy có nhiều người trước kia đã kịch liệt đả kích ông Diệm chủ trương hay chủ xướng việc lật đổ, hoặc đích thân nhúng tay vào việc lật đổ ông Diệm, và dĩ nhiên có một số trước kia là người thân và mền phục ông Diệm, tuy rằng những người thân nhất trong gia đình ông hay các vị phụ tá trung thành nhất thì không có ai, vì hầu hết đã bị sát hại hay hãm hại rồi.

Tôi bèn nảy ra một ý: Làm một cuộc thăm dò dư luận với những tiêu chuẩn và phương pháp mà các nhà báo hay cơ quan thăm dò “Gallup” thường làm. Nhưng thay vì hỏi người sống thì tôi hỏi tác phẩm. Nghĩa là tôi sẽ, theo sự lựa chọn chủ quan của tôi, trích hay trích dịch một số đoạn văn trong những tác phẩm mà tôi đã đọc để trình với bạn đọc trong giới trẻ về những lời khen hay tiếng chê đối với ông Ngô Đình Diệm được nêu lên trong các tác phẩm đó. Dĩ nhiên sự lựa chọn của tôi là do chủ quan. Nhưng nếu độc giả không đồng ý thì cứ tự do suy nghĩ hay nói lên nhận định của mỗi người.

Để giúp bạn đọc đỡ mắt thì giờ tôi sẽ ghi nguyên văn hay dịch nguyên văn rồi ghi dưới phần chú thích nguyên văn bằng ngoại ngữ để bạn đọc có thể duyệt lại xem có chính xác không; vì dầu sao, nếu dịch không đến nỗi là diệt, hay phản, thì thường cũng không thể luôn luôn thật sát nghĩa được.

Và cũng để giúp bạn đọc có thể kiểm tra cả việc chọn lựa những đoạn trích dẫn hay trích dịch để dẫn chứng xem có ra ngoài văn cảnh không, tôi sẽ ghi rõ số trang và tên tác giả, tên nhà xuất bản, cùng với nơi và năm xuất bản nếu có thể được, để bạn đọc, nếu cần, có thể đọc nguyên cả đoạn hay nguyên tác phẩm, xem sự trích dẫn hay trích dịch của tôi có trung thực và chính xác hay không. Dĩ nhiên tôi luôn cố gắng khách quan và công bình, nhưng chỉ có độc giả thẩm định được tính khách quan hay chủ quan của tôi.

Cũng nhằm giữ thái độ thật khách quan, vô tư tôi sẽ gạt ra ngoài một số tác giả mà tôi biết có liên hệ nhiều đến cá nhân ông Diệm hay thường được một số người cho rằng có thiên kiến muốn bào chữa cho ông Diệm. Ví dụ ông Nguyễn Văn Châu, tác giả cuốn “Ngô Đình Diệm và nỗ lực hòa bình đang dở”¹, vì có người như trung tướng Nguyễn Chánh Thi cho rằng ông Châu, người Công Giáo miền Trung, là con nuôi ông Diệm và kém học thức, mặc dầu cuốn sách của ông Châu là luận án sử học trình bằng Pháp văn tại trường đại học Paris VII; hoặc ông Hoàng Lạc, tác giả cuốn “Nam Việt Nam, những sự thật chưa hề nhắc tới”, vì tuy ông Hoàng Lạc không phải Công giáo, hay người miền Trung, nhưng đã được ông Diệm đặt làm tỉnh trưởng, sau khi đã từng làm đội trưởng đại đội an ninh phủ tổng thống; hoặc nữa ông Nguyễn Trân, tác giả cuốn “Ngô Đình Diệm công và tội”, vì ông này cũng đã từng được ông Diệm đặt làm tỉnh trưởng tỉnh Định Tường. Gần đây tướng Huỳnh Văn Cao cũng mới cho in cuốn “Một kiếp người” trong đó có nói tốt về ông Diệm. Tôi cũng phải gạt cuốn

¹ Xin xem trang đầu của phần sách báo trích dẫn.

sách đó sang một bên, vì nhiều người Mỹ như Karnow, Sheehan, trung tá Vann, v.v. liệt ông Cao vào hàng sĩ quan “bợ đỡ” ông Diệm. Tôi càng không muốn trích dẫn ông Nguyễn Văn Chức, tác giả cuốn “Việt Nam Chính Sử” mà những người vô tư như sử gia Hoàng Ngọc Thành đều cho là cuốn sách giá trị viết bởi một ngòi bút trung thực, công tâm. Lý do cũng vì ông Chức chẳng những là người Công Giáo mà còn là tổng thư ký liên đoàn Công Giáo. Mà những người có thành kiến với ông Diệm thường gắn liền ông Diệm với những gì là Công Giáo, cho nên có thể bảo ông Chức bênh vị tổng thống đồng đạo.

Về phía người ngoại quốc tôi cũng xin bỏ qua một người là nữ tiến sĩ Ellen Hammer², tác giả cuốn “A death in November” là người đã hết lời ca ngợi TT Ngô Đình Diệm vì tôi không muốn có quá nhiều người “bênh” trong “cuộc thăm dò dư luận bằng tác phẩm” này. Ngoài ra cũng vì những người thù ghét và chủ trương lật ông Diệm như thiếu tướng Đỗ Mậu bảo bà Hammer không vô tư vì bà là bạn thân của giáo sư Bửu Hội (nhà bác học duy nhất của VN lúc ấy) mà gs Bửu Hội thì lại hết lòng ủng hộ ông Diệm trong vấn đề Phật Giáo, mặc dầu thân mẫu của giáo sư là một Phật tử thuần thành.³

² Xin xem trang thứ 2 của phần sách báo trích dẫn.

³ Trong thời gian xảy ra vụ khủng hoảng Phật Giáo nhà bác học Bửu Hội đang làm đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Ma-rốc được tổng thống Ngô Đình Diệm cử cầm đầu phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa (Quan Sát Viên) tại Liên Hiệp Quốc thay thế bà Trần Văn Chương từ nhiệm. Ông đã nồng nhiệt và khôn khéo vận động với ông tổng thư ký LHQ U Thant và những nhân vật chính yếu trong đại hội đồng LHQ, đồng thời đề nghị tổng thống Diệm, chấp thuận mời một phái bộ LHQ đến Việt Nam để nhận xét thực trạng về tự do tín ngưỡng tại đây. Trong phúc trình tổng kết vào tháng 12 năm 1963, nghĩa là hơn một tháng sau cuộc đảo chính lật

Tôi thành thực xin các tác giả nêu trên rộng lượng thông cảm cho tôi. Và nếu bạn đọc thấy như vậy là không công bằng, thì xin tự tìm đọc những tác phẩm trên để bổ túc cho sự chọn lựa của tôi.

Cũng để giữ khách quan và công bình, tôi sẽ không trích dẫn những lời khen trước, hay xếp những lời khen xuống cuối để gây tác dụng tâm lý với độc giả. Mà sẽ xếp theo thứ tự A,B,C, của tên tác giả (tên gọi cho người Việt và tên họ cho người ngoại quốc). Ví dụ Bảo Đại đứng đầu và Phạm Kim Vinh đứng chót.

Ngoài ra tôi xin dành quyền bày tỏ cảm nghĩ riêng của tôi, và xin độc giả ghi nhận đó chỉ là cảm nghĩ chủ quan, đối với các lời khen hay chê. Đôi khi tôi cũng trình bày những gì tôi biết về tác giả để độc giả dễ thấy nguyên nhân của những lời khen hay tiếng chê đó. Nhưng tôi mong bạn đọc vẫn giữ thái độ độc lập trong khi phán xét những lời khen hay tiếng chê đó, đừng để mình bị ảnh hưởng bởi cảm nghĩ của cá nhân tôi.

Trong thời ông Ngô Đình Diệm làm TT đệ nhất Việt Nam Cộng hòa, tôi không giữ chức vụ gì quan trọng trong

đồ đệ nhất Cộng Hòa, phái đoàn đã xác nhận là không có kỳ thị tôn giáo. Nhưng những người chủ xướng cuộc đảo chính ở Hoa Thịnh Đốn và trong tòa đại sứ Mỹ ở Saigon, có lẽ đã đoán trước được kết luận của phái bộ LHQ bất lợi cho cuộc đảo chính nếu trì hoãn đến sau khi phái bộ LHQ kết thúc báo cáo, cho nên đã cho khởi động cuộc đảo chính ngay khi phái bộ còn ở Saigon.

Ông Hà Vĩnh Phương, một Phật tử, hiện là chuyên gia pháp luật Nguyên Tử Năng của LHQ ở Áo, lúc ấy là đại sứ, tổng thư ký của phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa, trực tiếp dưới quyền của giáo sư Bửu Hội, đã tỏ lòng kính phục giáo sư về thái độ và lòng nhiệt thành của giáo sư trong vấn đề này trong một bài báo nhan đề: “Một Thời ... Vang Bóng” đăng trên tờ “Tiếng Sông Hương” nhân dịp kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học. Ông đã kính cẩn dùng từ “Người” để gọi giáo sư, cũng như để gọi tổng thống Ngô Đình Diệm.

chính quyền, lại cũng còn ít tuổi, nên chẳng bao giờ được gặp vị TT đó. Cũng chẳng có hân hạnh được gặp phó tổng thống hay một vị tổng bộ trưởng nào trong chính quyền. Vì vậy cũng gần như bất cứ “phó thường dân” VN nào, tôi chỉ biết ông là một TT và là TT được dân bầu lên theo hiến pháp. Còn tôi là một quân nhân phải theo kỷ luật nhà binh, tôn kính vị tổng tư lệnh của mình. Cho nên tôi không đủ tư cách và cơ sở để khen hay chê ông Diệm trong tập sách này. Tôi chỉ nêu lên những lời khen hay chê của những người khác, rồi góp ý bàn thêm về những lời khen tiếng chê đó mà thôi. Và mong các bạn đọc trẻ, cũng chẳng bao giờ được thấy mặt TT Ngô Đình Diệm, sẽ cùng tôi chia sẻ những nhận định về ông qua những lời khen và tiếng chê của những người đã từng có dịp gặp hay theo dõi sát hành động của vị tổng thống đầu tiên của VN.

Tôi sẽ chia soạn phẩm này ra làm 26 chương ghi 26 lời khen hay tiếng chê của 26 nhân vật trong số đó có, về phía Mỹ, 3 vị tổng thống, 2 vị đại sứ, 1 giám đốc, 3 sử gia, 3 nhà báo, cộng là 12; về phía Việt Nam, 1 nhà cách mạng tiền bối, 1 tổng thống, 1 quốc trưởng, 1 thủ tướng, 1 đại sứ, 3 tướng lãnh, 2 sử gia, 2 nhà báo, 1 trung úy và 1 cán bộ cao cấp cộng sản, cộng là 14; tổng cộng 26. Trong số tác phẩm trích dẫn có 9 cuốn bằng Việt Ngữ, số còn lại bằng Anh ngữ. Cũng xin ghi nhận là trong số 26 nhân vật được trích dẫn có 6 vị tích cực tham gia các cuộc đảo chính lật ông Diệm.

Đầu mỗi chương tôi sẽ xin giới thiệu sơ qua từng tác giả. Và cuối mỗi chương sẽ dành vài hàng lăm bèn về tác giả hay tác phẩm đã trích dẫn. Lời khen hay tiếng chê mà chúng tôi đặt ở ngay đầu chương làm tiêu đề chỉ là một

lời có tính cách đặc trưng của mỗi nhân vật, phải đọc cả chương thì mới thấy đầy đủ ý nghĩa của nó. Đồng thời lời nói đặt thành tiêu đề không có nghĩa tuyệt đối là khen hay chê. Vì thường những tác giả khen đâu có chê, và ngược lại những người chê dù chê đến mấy cũng có những lời khen, đôi khi lời khen còn mạnh hơn những lời chê.

Ngoài 26 chương bao gồm nội dung chính, sẽ có một chương nhận định chung về những ý kiến đã được trích dẫn và góp ý về tình hình thế giới và Nam Việt Nam thời đệ nhất cộng hòa do tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo, qua sách báo mà tôi được đọc gần đây, nhất là qua tác phẩm của những tác giả nêu trên

Ước mong của tôi là trình được một cách vắn tắt và tổng hợp những lời khen tiếng chê của một số nhân vật lịch sử cũng như của dư luận Mỹ, Việt đối với một nhân vật lịch sử nổi bật của Việt Nam là cố tổng thống Ngô Đình Diệm. Theo thiên kiến, ông Diệm chẳng những đã từng đại diện cho phe quốc gia Việt Nam trong gần một thập kỷ khi ông cầm quyền, mà có lẽ còn cho tới ngày nay và sau này nữa. Vấn đề là những người trong phe quốc gia có muốn có một người tương đối xứng đáng đại diện cho mình hay không.

Dù sao những nhận định chủ quan của tôi cũng chỉ dựa trên vài phần trăm những sách đã viết về cuộc chiến tranh Việt Nam, trong đó có những lời khen và tiếng chê dành cho ông Ngô Đình Diệm. Vì vậy hiển nhiên là còn thiếu sót. Mong các bạn trẻ khi tìm đọc tiếp những tác phẩm khác sẽ bổ túc cho.

California, ngày 24 tháng 2 năm 1998.

Chương 1

Bảo Đại: Ngô Đình Diệm nổi tiếng là thông minh liêm khiết

Vua Bảo Đại (1913-1997) là vị hoàng đế cuối cùng của nhà Nguyễn và cũng là ông vua cuối cùng của Việt Nam. Ngày 25 tháng 8 năm 1945 ông đã thoái vị với câu nói lịch sử:

*“Trẫm muốn được làm Dân một nước tự do hơn làm Vua một nước bị trị.”*¹ Sau đó ông được ông Hồ Chí Minh mời làm cố vấn tối cao cho chính phủ liên hiệp cùng với giám



Hình: T.L.

mục Công Giáo Lê Hữu Từ. Nhưng chẳng bao lâu, nhận ra ý đồ của ông Hồ và phe nhóm muốn xích hóa Việt Nam, ông đã thôi hợp tác. Năm 1949, theo lời yêu cầu của một số chính khách quốc gia, Bảo Đại trở lại chính trường với tư cách là quốc trưởng cho đến ngày 23 tháng 10 năm 1955 thì bị truất phế

¹ “Con Rồng Việt Nam”, Nguyễn Phước Tộc, California 1990. Trang 188.

và tiếp tục sống lưu vong ở Pháp cho đến khi qua đời ngày 31 tháng 7 năm 1997. Trước khi qua đời ít lâu ông đã cải giáo thành giáo hữu Công Giáo, mặc dù cha ông là vua Khải Định rất sùng đạo Phật và có xây chùa để thờ ông ra đó gỗ mỗ tưng kinh, khăn Phật. (1bis)

Tháng 7 năm 1979 Bảo Đại viết xong hồi ký “Le Dragon d’Annam” (Ed. Plon, Paris xuất bản năm 1980) được Nguyễn Phước Tộc dịch ra tiếng Việt là “Con Rồng Việt Nam” và cho xuất bản năm 1990 tại California Hoa Kỳ.²

Đọc “Con Rồng Việt Nam” người ta thấy Bảo Đại rất quý trọng Ngô Đình Diệm và đã chọn ông Diệm để mời lãnh đạo chính phủ tới 4 lần³, mặc dù ông này chỉ nhận hai lần vào năm 1933 và 1954.

Vì muốn thực hiện chương trình cải cách hầu khôi phục dân chủ quyền Việt Nam, năm 1933 vua Bảo Đại đã đặt Ngô Đình Diệm vào chức vụ thượng thư bộ Lại (Nội Vụ) đứng đầu nội các lúc ấy chỉ gồm có 6 bộ^{3bis}, kiêm tổng thư ký hội đồng hỗn hợp Việt Pháp về “Canh Tân.” Trong hồi ký ông Bảo Đại viết:

“Tôi cho vời một viên quan tỉnh trẻ tuổi nhất là Ngô Đình Diệm, lúc ấy làm Tuần vũ tỉnh Phan Thiết, để đảm trách bộ Lại. ...Diệm năm ấy mới 31 tuổi, NỔI TIẾNG LÀ THÔNG MINH LIÊM

^{1bis} Trong hồi ký “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi”, NXB. Văn Nghệ, 1993, (trang 172), ông Đỗ Mậu gọi vua Khải Định là “vị vua nổi tiếng Việt Gian”

² Chú thích và trích dẫn trong chương 1 này là theo bản dịch của Nguyễn Phước Tộc.

³ Vào những năm 1933, 1945, 1948, và 1954.

^{3bis} 6 bộ trong nội các là: Đứng đầu và có quyền trên hết là bộ Lại tức Nội vụ. 2: Bộ Hộ tức bộ Tài chính. 3: Bộ Lễ hay bộ Học. 4: Bộ Hình tức Tư Pháp. 5: Bộ Binh tức Quốc Phòng. Và sau hết 6: bộ Công tức Công chánh. Như vậy ông Diệm ở tuổi 31 đã đứng đầu nội các gồm các vị thượng thư hầu hết đều hơn ông cả chục tuổi, như ông Bùi Bằng Đoàn, cha của đại tá Việt cộng Bùi Tín, thượng thư bộ Hình, hơn ông Diệm đúng 20 tuổi.

*KHIẾT. Đây là một người quốc gia bảo thủ. Ngoài chức vụ thượng thư, Ngô Đình Diệm còn là tổng thư ký cho hội đồng hỗn hợp về Canh Tân đã được ban bố năm trước, bao gồm các thượng thư Việt Nam và hàng công chức cao cấp Pháp”.*⁴

Nhưng vì thấy người Pháp không đáp ứng những yêu cầu của ông về canh tân nên chỉ vài tháng sau Ngô Đình Diệm đã từ chức để phản đối, mặc dù nhà vua cố thuyết phục ông nên tiếp tục. Khi bắt buộc đi phải chấp thuận cho ông từ chức nhà vua bảo ông Diệm:

*“Mong rằng sự ra đi của quan thượng sẽ mở mắt cho người Pháp”.*⁵

Câu sau đây ở trang sau chứng tỏ Bảo Đại lúc ấy đã kỳ vọng ở Ngô Đình Diệm đến mức nào và đồng thời cho thấy trong hàng sĩ phu lúc ấy Bảo Đại không còn biết trông cậy vào ai ngoài Ngô Đình Diệm: *“Ngô Đình Diệm đi rồi, tôi HOÀN TOÀN thất vọng.”*⁶

Năm 1945, khi Nhật đảo chính Pháp, người Nhật tỏ ý muốn trao trả độc lập cho Việt Nam trong tay Bảo Đại. Nhà vua lập chính phủ Trần Trọng Kim. Nhưng trước khi chọn sử gia này, ông đã nghĩ đến Ngô Đình Diệm. Ông viết: *“Trong óc tôi, người tiêu biểu nhất trong số này là Ngô Đình Diệm.”*⁷

Đến cuối tháng tư đầu tháng năm năm 1948 ông Bảo Đại lại muốn lập chính phủ do ông Diệm lãnh đạo. Nhưng ông Diệm không nhận vì thấy người Pháp chưa đáp ứng những đòi hỏi của ông. Trong hồi ký ông Bảo Đại viết: *“Nay chỉ còn đi đến việc thực hiện. Nhưng ai sẽ là thủ tướng chính phủ trung ương đây? Diệm được mời lại từ chối.”*⁸

⁴ Sách đã dẫn trang 91. Bảo Đại cũng cho biết là ông Nguyễn Hữu Bài đã tiến cử ông Ngô Đình Diệm.

⁵ Sđd tr. 93.

⁶ Sđd tr. 94.

⁷ Sđd tr. 165.

⁸ Sđd tr. 313.

Trong khi hội nghị Geneve đang khai diễn, vào tháng 6 năm 1954 với viễn ảnh đen tối, nếu không nói là tuyệt vọng, cho giải pháp Bảo Đại và phe quốc gia, ông Bảo Đại lại một lần nữa tìm đến “người mà tôi tin cần.” Ông đã thuật lại đầu đuôi câu chuyện như sau:

“... Tôi cho vời Ngô Đình Diệm và bảo ông ta: “-- Cứ mỗi khi mà tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông. Ông thì lúc nào cũng từ chối. Nay tình thế rất bi đát, đất nước có thể bị chia cắt làm đôi. Ông cần phải lãnh đạo chính phủ.

- Thưa hoàng thượng, không thể được ạ, ông ta đáp. Tôi xin trình ngài là sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã quyết định. Tôi định đi tu...

- Tôi kính trọng ý định của ông. Nhưng hiện nay tôi kêu gọi đến lòng ái quốc của ông. Ông không có quyền từ chối trách nhiệm của mình. Sự tồn vong của Việt Nam buộc ông như vậy.

Sau một hồi yên lặng cuối cùng ông ta đáp:

- Thưa hoàng thượng, trong trường hợp đó, tôi xin nhận sứ mạng mà Ngài trao phó.

Cầm lấy tay ông ta, tôi kéo sang một phòng bên cạnh, trong đó có cây thánh giá. Trước thánh giá tôi bảo ông ta:

- Đây là Chúa của ông đây, ông hãy thề trước chân dung Chúa là giữ vững đất nước mà người ta đã trao cho ông. Ông sẽ bảo vệ đất nước để chống lại bọn Cộng Sản, và nếu cần, chống luôn cả người Pháp nữa. Ông ta đứng yên lặng một lúc lâu, rồi nhìn tôi, sau nhìn lên Thánh giá, ông nói với giọng nghẹn ngào:

- Tôi xin thề.”⁹

Bảo Đại đã trao cho Ngô Đình Diệm toàn quyền dân sự và quân sự để đối phó với tình hình cực kỳ khó khăn lúc ấy. Về những khó khăn của tân thủ tướng, quốc trưởng Bảo Đại viết: “Công việc không dễ dàng gì cho Ngô Đình Diệm. Việc ông đến Saigon chẳng được ai hoan nghênh. Cần phải động viên tinh thần

⁹ Sdd. tr. 515.

mọi người cả nước đã rơi vào tình trạng hoang mang. Ngày 30 tháng 6 ông ta ra Hà-Nội mà những điều ông ta thấy không ai có thể tưởng tượng được. Chống lại Cộng Sản chẳng ai nghĩ đến.... Trái lại nữa người Pháp bắt đầu di tản trước tiên... Hàng trăm ngàn người đau khổ trong đó có những người Công Giáo thuộc các giáo phận miền Bắc mà ông tin tưởng sẽ đứng bên cạnh ông, thì chỉ nghĩ đến chạy vào Nam. Thật đã quá chậm, không thể hành động gì được nữa.”¹⁰

Tuy rất bất mãn về việc bị truất phế nhưng xem ra ông Bảo Đại rất nhẹ nhàng trong việc chỉ trích ông Diệm. Có lẽ lời duy nhất ông dùng tương đối nặng là câu “*một quốc gia cảnh sát trị*” để chỉ trích chế độ Ngô Đình Diệm chuyên quyền độc đoán.¹¹

Khoảng giữa năm 1992, sau 37 năm im lặng, Bảo Đại bỗng lên tiếng trong một buổi nói chuyện tại một trường học ở Pháp. Nhân dịp này người ta đã hỏi ông nhiều điều về thái độ của ông trong những năm cầm quyền trong đó có một câu về việc ông trao toàn quyền cho ông Diệm, được nhà báo Phan Văn Trường ghi lại và dịch từ Pháp văn như sau:

“*Hỏi: Tại sao Ngài lại trao quyền cho ông Ngô Đình Diệm để rồi ông này lật Ngài?*”

Vua Bảo Đại cũng trả lời ngay : “*Ông Diệm là người tôi tín nhiệm. Lúc đó thế lực của Pháp đã thất bại. Phía Cộng Sản đã được Liên Xô tích cực ủng hộ về mọi mặt nên tôi khuyên ông Diệm nên tìm sự ủng hộ của Mỹ để có thể ngăn chặn (endiguer) sự bành trướng của Cộng Sản. Việc ông ta lật tôi là do sức ép của chính trị. Ông Diệm là NGƯỜI YẾU NƯỚC, lúc trao quyền tôi có yêu cầu ông ấy cam kết với tôi hai điều trước bàn thờ Chúa, vì ông ấy rất mộ đạo, là phải giữ vững miền Nam, và nếu không làm được sứ mạng ấy thì phải trao*

¹⁰ Tr.517.

¹¹ Tr 538.

¹² Nguyệt san “Diễn Đàn Phụ Nữ” tháng 9 năm 1992.

trả quyền lại cho tôi. Nhưng rồi ông ta đã CHẾT KHI THI HÀNH NHIỆM VỤ. Dù sao thì ông ta cũng cố giữ những lời cam kết ấy mà không được.”¹²

Có lẽ vì đã từng là quốc trưởng và đã phải đối phó với Cộng sản, có kinh nghiệm về các phương pháp khuấy động gây rối của cộng quân, hơn nữa tin tưởng ông Ngô Đình Diệm là người yêu nước thương dân, nên Bảo Đại không tin ông Diệm có thể bách hại Phật Giáo. Trong hồi ký ông đã viết: “*Tất cả đang tiến tới, thì chính phủ (Ngô Đình Diệm) gặp phải sự chống đối của các nhà sư. Ông Diệm và Nhu là người Công Giáo. Các nhà sư được cộng sản giật giây và mật vụ Mỹ tiếp tay, liền bắt đầu hành động. Chính quyền phải đối phó lại. Vô hình trung như mang mặc cảm kỳ thị tôn giáo... Ai đã xúi dục họ gây loạn, ai? Họ ở đâu tới? Làm sao biết được họ từ Hà-Nội vào hay từ Bắc Kinh tới?...*”¹³

¹³ Con Rồng Việt Nam các trang 543 và 545.

Chương 2

Phan Bội Châu: Ông Ngô Đình Diệm là Chí sĩ, Vĩ nhân

Nhà cách mạng lòng danh Phan Bội Châu (1867-1940) người Nghệ An, (cũng như Phan Đình Phùng và Hồ Chí Minh) thiết tưởng ai cũng đều biết. Tài, trí và ý chí, hành động của ông đã ghi vào lịch sử. Ông đã đi khắp nơi thu nạp đồng chí và tìm cách đoàn kết lương giáo trong mặt trận yêu nước chống thực dân Pháp. Trong mục “Giao kết giáo đồ” trang 36 của cuốn tự truyện “Phan Bội Châu niên biểu” ông đã nói qua về hành động này:



Hình: T.L.

“Đoạn tôi từ biệt Tiểu La, lại chạy khắp các địa phương thâm kết giáo đồ từ Quảng Bình dĩ Bắc. Cụ Thông ở Mộ Vinh, Cụ Truyền ở Mỹ Du, Cụ Thông ở Quỳnh Lưu, Cụ Ngọc ở Ba Đồn, đều thông tình tỏ hết. Cái đám mây mù nghi ngờ giữa

*luong giáo, quét một trận mà sạch bong, cũng là một việc thích lắm.”*¹

Ông cũng không ngừng xuất dương cầu viện và đưa học sinh ra nước ngoài học tập trong phong trào Duy Tân để tạo lực lượng chống Pháp. Ông đã gặp rất nhiều yếu nhân Nhật Bản và Trung Hoa trong đó có cả Lương Khải Siêu và Tôn Trung Sơn để gây hậu thuẫn cho đại cuộc. Nhưng vận nước chưa tới, ông đã bị người quen phản và bị Pháp bắt giam vào tháng 6 năm 1925, bỏ dở việc lớn.²

Bernard Fall, trong cuốn “The two Vietnams”, có nói về việc ông Ngô Đình Diệm liên lạc với nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu.³

Minh Hùng, tác giả “Đời một tổng thống”, Saigon 1971, có ghi lại lời phát biểu của cụ Phan Bội Châu về việc ông Diệm rũ áo từ quan năm 1933 như sau: “Ông Ngô Đình Diệm, con người có tâm huyết, biết thương giống nòi, biết nhục vong quốc, nên ông dám chống lại cường quyền, lui về ẩn tích, đợi thời tuyết sĩ. Đó mới là đáng bậc CHÍ SĨ, VĨ NHÂN, tất sau này cuộc Phục Hưng chỉ có hạng người ông Diệm mới làm nổi. Ta muốn tặng ông Diệm một bài thơ để tỏ lòng kính trọng bậc

¹ Phan Bội Châu Niên Biểu. Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Saigon. 1971. Trang 36. Từ “Cụ” mà Phan Bội Châu dùng ở đây chỉ các linh mục Công Giáo. Thời ấy con chiên thường gọi các linh mục VN là “cụ.”

² Sử gia Phạm Văn Sơn, trong *Việt Sử Tân Biên*, tập 7, cơ sở Xuất Bản Đại Nam, trang 228 cho rằng cụ Phan đã bị nhóm Lý Thụy (tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh) và Lâm Đức Thụ bàn tính bán đứng cụ cho Pháp để lấy tiền tổ chức chống Pháp vì cho rằng cụ đã quá già và cũng hy vọng Pháp không giết cụ (?) Cụ bị bắt, đem xử tử, rồi được giảm án thành khổ sai chung thân. Sau cùng nhờ nhân dân phản đối và vận động với viên toàn quyền Pháp Varenne mới tới nhận chức, nên cuối cùng cụ được tha và bị quản thúc gặt gao tại Huế cho đến khi qua đời.

³ Sdd trang 239,240.

thiếu niên hiền triết. Ông Diệm bây giờ mới là ông lớn⁴ thật sự.”

⁴ “Ông Lớn” là từ thường dùng để gọi các quan. Cụ Phan Bội Châu có ý nói: Khi làm quan, từ tuần vũ Phan Thiết đến Thượng Thư bộ Lại trong triều, ông Diệm được gọi là “ông lớn”, nhưng không lớn thực sự, mà chỉ khi đã can đảm từ bỏ những chức tước đó, để phản đối chính quyền thực dân, ông Diệm mới thực sự trở thành “Ông Lớn”, tức VĨ NHÂN.

Chương 3

William E. Colby: Ngô Đình Diệm, nhà độc tài nhân từ

William E. Colby (1920-1996) là một luật sư suốt đời phục vụ trong ngành OSS⁺ (tiền thân của Trung Ương Tình Báo Mỹ CIA) và CIA. Mới 24 tuổi ông đã mang quân hàm thiếu tá, hoạt động tại Âu châu, rồi Á châu. Ông đến Saigon đầu năm 1959, tháng 6 năm 1960 làm trưởng nhiệm sở CIA ở Việt Nam. Đầu năm 1962 ông trao quyền lại cho John Richardson, trở về Hoa Thịnh Đốn làm phó giám đốc Viễn Đông vụ. Ông đứng đầu CIA từ 1973 đến 1975. Ngày 27 tháng 4 năm 1996 Colby tử nạn một cách bí mật trong vụ đắm ca-nô mà ông lái du ngoạn (?) trên sông Wicomico gần nhà nghỉ mát cuối tuần của ông ở Rock Point, tiểu bang Maryland. Colby là một trong số ít người Mỹ kính trọng hai ông Diệm, Nhu như ông đã viết trong hồi ký “Honorable Men / My life in the CIA”

“Sau khi trình bày cho giám đốc McCone nghe, tôi cùng ông

⁺ OSS là viết tắt cụm từ “Office of Strategic Services”; CIA là “Central Intelligence Agency”.



Thiếu tá W. Colby (thứ ba từ trái sang). Hình: Colby Family Collection

tới tòa Bạch Ốc trong chiếc Limousine của ông và tôi đã thú nhận với ông ta rằng cái chết của hai ông (Diệm Nhu) làm cho riêng cá nhân tôi rất đau lòng; tôi đã từng quen biết họ và kính trọng cả hai người, tôi là một trong số rất ít người Mỹ đã có cảm tình đó, đặc biệt là về phần ông Nhu” (thì càng ít người Mỹ có cảm tình. Chú thích của soạn giả).¹

¹ “Những con người đáng kính / Đời tôi trong Cơ Quan Trung Ương Tình Báo.” Tác giả: W.E. Colby và Peter Forbath. NXB Simon and Schuster, New York 1978. tr. 217. Nguyên văn: “After briefing McCone, we rode down to the White House in his limousine, and I confessed to him that their deaths had hit me personally; I had known and respected them both, one of very few Americans who did, especially as far as Nhu was concerned.”

Trong chương 5 “Áp chiến lược tại Việt Nam” ông đã nói nhiều về tính cương nghị và cái uy của ông Diệm biểu lộ trong những cuộc khủng hoảng chính trị và gọi ông Diệm là nhà ĐỘC TÀI NHÂN TỬ.

“Thực vậy, ông Diệm điều hành công việc như một ông quan cai trị, MỘT NHÀ ĐỘC TÀI CÓ THIÊN TÂM (hay nhân từ,

theo soạn giả), dùng quyền lực ép dân phải bắt tay vào công cuộc phát triển (cộng đồng), vì lợi ích của chính họ, bắt chấp họ nghĩ gì về điều đó, độc đoán, thiếu dân chủ. Ông ta dùng - nhưng lại than phiền về - hệ thống thu lại do Pháp đào tạo vào công việc đó, vì ông tin rằng nó sẽ có thể được cải tiến dần dần và sẽ được thay thế bằng lớp người sắp tốt nghiệp từ những trường huấn luyện về hành chánh, quản trị của Mỹ.”².

² Sđd. trang 145. Nguyên văn: “Thus, Diem functioned as a Mandarin administrator, A BENEVOLENT DICTATOR, forcing his people into development for their own good, whatever they thought of it, authoritarian and undemo-cratic, using but complaining about the French trained bureaucracy he employed to do so, believing that it could gradually be reformed and replaced by the graduates of American public-administration training programs.”

Tại sao Colby có vẻ tán thành cách làm việc độc đoán của ông Diệm mà ông gọi là nhà độc tài nhân từ này? Vì theo nhận xét của ông, là người đã từng đi về thôn quê, lại nhìn rõ thực lực và phong cách của các chính trị gia phòng khách, trong nhóm Caravelle chẳng hạn, và nhất là đã có kinh nghiệm với cộng sản, biết họ đang toan tính gì, sắp thực hiện những gì, thì một nền dân chủ mà một số người Mỹ khuyến cáo không thích hợp cho Việt Nam vào lúc ấy. Colby viết:

“Rõ ràng đây là giai đoạn đầu của “chiến tranh nhân dân”, (Cộng sản đang) động viên và tổ chức các lực lượng để dùng vào cuộc chiến. Và rõ ràng là ở điểm này sự thách thức có tính chính trị và khuynh đảo, chứ không phải là thứ cần đến các bộ tư lệnh sư đoàn hay quân đoàn để đối phó. Mặt khác cuộc thách thức chính trị, tuy vậy, cũng chẳng phải là loại mà giới thượng lưu trí thức có thiện ý nhưng không có thực lực (cơ sở chính trị), ngồi trong khách sạn Caravelle để ra tuyên ngôn,

kêu gọi lập “chính phủ lương thiện, công chính”, “một quân đội anh dũng được phần chấn bởi một tinh thần duy nhất”, và một nền kinh tế “phồn vinh,” miễn là chính phủ thay đổi đường lối. Và như vậy, theo ý tôi, những khuyến cáo có tính mệnh lệnh của tòa Đại Sứ ép ông Diệm phải bỏ nhiệm những người chống ông vào trong chính phủ, và cổ vũ một cuộc điều tra của quốc hội theo kiểu Mỹ xem ra rất không thích đáng. “Theo thiện ý của tôi, cuộc đổ sức thực sự lúc ấy là ở thôn xã. Những vấn đề căn bản hơn nằm ở đó.”³

³ Sdd trang 161. Nguyên văn: “Clearly, this was the first stage of the ‘people’s war’, the mobilization and organization of the forces with which to fight. And clearly at this point the challenge was a political and subversive one, and not something for divisions and corps headquarters to contend with. On the other hand, though, the political challenge was not one that could be met by a well-meaning, intellectual elite with no political base issuing manifestoes from the Caravelle Hotel, calling for an ‘honest and just government’, ‘a valiant army animated by a single spirit’ and an economy which will ‘flourish’ provided that the government changes its ways. And thus, in my view, the Embassy prescriptions of appointing oppositionists to the government and advocating American-style Congressional investigations seemed largely irrelevant. The real contest, it seemed to me, was in the villages, where the issues are more fundamental.”

Colby kính phục anh em ông Diệm có lẽ một phần vì nhận thấy hai ông có cùng một nhận định như trên. Khi mới tới Việt Nam Colby đã phải khen những thành tựu đạt được ở thôn quê. Ông viết:

“Đường sá được mở lại. Số trường học tăng nhanh ở thôn quê. Chương trình ngũ niên xịt thuốc diệt muỗi được khởi sự để thanh toán bệnh sốt rét rừng. Sản xuất lúa gạo bắt đầu tăng.”⁴

⁴ Sdd trang 145. Nguyên văn: “Roads were reopened, schools proliferated in the countryside, a five-year DDT- spraying campaign was started to eliminate malaria, rice production began to climb”.

“Những tiến bộ về kinh tế, xã hội lúc đó đã xuống đến nông thôn. Đặc biệt kế hoạch ‘Khu trù mật’ năm 1959, là kế hoạch được ông Diệm nâng niu nhất, bắt đầu với nhiều hứa hẹn. Những “đô thị” nông nghiệp được xây dựng trên phần đất truất hữu của địa chủ theo chương trình cải cách điền địa và được chia thành những khu trung tâm dân cư và vùng ruộng lúa.”⁵

⁵ Sđd trang 158. Nguyên văn: “The social and economic improvements then coming to the countryside. In particular, Diem’s pet project of 1959, the “Agroville”, got off to what seemed a promising start. Agricultural “cities” were established on land taken from large landowners under a land reform program and divided into population centers and rice fields.”

Một lý do khiến Colby chịu cái độc tài của ông Diệm là vì chính ông nhận thấy rằng nếu không áp dụng một số biện pháp mạnh thì không thể nào làm chủ được tình thế khó khăn đến hỗn loạn xảy ra ở một nước kém mở mang, chia rẽ trầm trọng như Nam Việt Nam, luôn bị cộng sản khuấy phá về mọi mặt, từ trên miền Bắc phá xuống, từ sườn Ai-Lao và hồng Cam-Bốt đánh sang và từ trong nội bộ đánh ra. Colby đã cho việc ông Diệm tồn tại được qua những năm 1954, 1955 là một phép lạ và cho rằng nếu Mỹ không nhúng tay vào thì ông Diệm cũng đã vượt qua cuộc khủng hoảng 1963, vì nó không trầm trọng bằng những lần trước. Nhận xét này cũng là nhận xét của Stanley Karnow, một sử gia thiên cộng và thường có ý coi thường ông Diệm, như bạn đọc sẽ thấy ở chương 11. Colby nhìn nhận là trong hai cuộc đảo chính và hỗn loạn năm 1954 và 1955 đại tá Lansdale đã giúp ông Diệm một cách đặc lực, nhưng cũng công nhận rằng những thành quả chủ yếu vẫn là do ông Diệm. Ông viết:

“Nhưng để đạt được tất cả điều này, thành tựu chính đích

thực là của ông Diệm, kết quả của sự cương quyết của ông ta trong những khi có khủng hoảng, của sự cương quyết dùng quyền uy của mình giữa cơn hỗn loạn, và sự sốt sắng thi hành sứ mạng quốc gia chống cộng như một nhà tu trung thành với sứ mạng thiêng liêng của tôn giáo, và ngay cả đến sự từ chối dễ gây phật ý: không chấp nhận những lời khuyên nên cẩn trọng hay thỏa hiệp trong một tình thế ảm đạm.”⁶

⁶ Sđd trang 144. Nguyên văn: “But for all of this, the main accomplishment was truly Diem’s, the result of his toughness in crisis times, his firm use of authority amid anarchy, his monastic devotion to his mission of non-Communist nationalism and even his prickly refusal to accept counsels of caution and compromise when the situation appeared bleak.”

“PHÉP LẠ của Diệm khi thoát chết trong những năm 1954-1956 đã khiến người ta hy vọng ông sẽ thành công ở đây.”⁷

⁷ Sđd trang 156. Nguyên văn: “Diem’s ‘miracle’ of survival in the dark years of 1954 and 1955 gave hope that we could succeed here”.

Về cuộc xáo trộn sau ngày lễ Phật Đản mùng 8 tháng 5 năm 1963, được mệnh danh là cuộc khủng hoảng Phật Giáo, Colby viết:

“Nhưng tôi nhớ rằng Diệm đã thoát hiểm và tồn tại trong tình hình còn hỗn loạn hơn vào năm 1955 và tôi tin rằng ông ta cũng có thể lại thoát nạn lần nữa, nếu như người Mỹ giữ bình tĩnh và cho ông ta sự ủng hộ vào lúc này cũng như đã ủng hộ ông ta lúc trước.”⁸

⁸ Sđd trang 206. Nguyên văn: “but I remember that Diem had survived even greater turmoil in 1955 and I believed that he could do so again if the Americans kept a cool head and gave him the support now that they gave him then.”

“Vì cuộc rối loạn ở Huế đã đưa đến điều mà tôi coi như lỗi lầm tệ hại nhất của chiến tranh Việt Nam là cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm do Mỹ đỡ đầu.”⁹

⁹ Sdd trang 203. Nguyên văn: “For the Hue riot led to what I still consider the worst mistake of the Vietnam war: the American-sponsored overthrow of Diem.”

Chương 4

Bùi Diễm: Ngô Đình Diệm là người chuyên quyền và là sự thất bại

Cựu đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ, rồi đại sứ lưu động trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, ông Bùi Diễm sinh năm 1922 trong một gia đình



Hình: T.L.

Nho phong mà tổ tiên đã từng làm đại thần trong nước. Ông là con học giả Bùi Kỳ và cháu sũ gia Trần Trọng Kim, thủ tướng chính phủ do Nhật dựng lên từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945. Ông Diễm sớm tham gia phong trào học sinh chống Pháp và gia nhập đảng Đại Việt khi mới 20 tuổi. Theo cuốn hồi ký “Trong nanh vuốt lịch sử” của ông¹, thì ông đã giữ vai trò liên lạc giữa thủ tướng Trần Trọng Kim và lãnh

¹ Nguyên văn: “In the Jaws of History” tác giả Bùi Diễm cùng viết với David Chanoff. (Ông này cũng cùng viết chung những hồi ký của Đoàn Văn Toại và Trương Như Tảng). Nhà X.B. Houghton Mifflin Co., Boston. 1987.

tự đảng Đại Việt Trương Tử Anh trong những năm 45, 46 là lúc cộng sản phóng tay tàn sát các đảng viên của các đảng phái quốc gia.

Tháng 6 năm 1954, khi hội nghị Geneve đang khai diễn ông đại diện Bác sĩ Phan Huy Quát liên lạc với cựu hoàng Bảo Đại để xin cho bác sĩ Quát làm thủ tướng thay thế hoàng thân Bửu Lộc. Nhưng Bảo Đại đã chọn Ngô Đình Diệm. Không thối chí, ông Diệm lại vận động với ông Diệm để bác sĩ Quát có một ghế bộ trưởng, cũng không xong. Có lẽ vì ông Diệm không muốn dùng những chính khách đã bị đốt cháy trong giải pháp Bảo Đại từ 1948 đến 1954.

Ông Diệm cho biết là chính ông đã giúp soạn thảo bản tuyên ngôn cho nhóm Caravelle mà ông cho rằng gồm toàn những chính khách có thớ.

Trong cuộc đảo chính năm 1963 ông Diệm đã cộng tác mật thiết với tướng Lê Văn Kim vì biết ông này phụ trách phần chính trị trong hội đồng tướng lãnh đảo chính. Người Mỹ mà hai ông Kim và Diệm thường xuyên tiếp xúc trong dịp này là Rufus Phillips, một nhân viên CIA. Sự liên hệ Diệm-Phillips-Kim cũng na ná như sự câu kết giữa tướng Trần Văn Đôn và trung tá Mỹ Lou Conein². Ông hy vọng

² Đối chiếu cuốn “Our endless war” (Cuộc chiến bất tận của chúng tôi) của Trần Văn Đôn, người đọc thấy hình như ông Bùi Diễm đã che giấu việc ông và ông Phan Huy Quát có liên lạc vận động để người Mỹ đặt làm thủ tướng. Cuối trang 108 và đầu trang 109 (Sđd) ông Đôn viết: “Lou Conein đại diện Đại Sứ Cabot Lodge gọi và xin phép cho một máy bay đáp xuống Tân Sơn Nhứt. Conein nói máy bay có chở Bác sĩ Phan Huy Quát từ Cần Thơ về Saigon. Tôi đã phải cấp giấy phép, vì các lãnh tụ đảo chính đã cấm chỉ mọi chuyến bay. Sau này tôi được biết rằng việc ông Quát vội vã về Saigon có liên hệ đến một kế hoạch của người Mỹ muốn đưa ông lên làm thủ tướng của chính phủ hậu đảo chánh. Bác sĩ Quát, một chính khách thân Mỹ đã từng làm bộ trưởng quốc phòng thời quốc trưởng Bảo Đại. Sau này vào năm 1965, giữa

qua ông Kim ông có thể đạt được ý nguyện đưa bác sĩ Quát lên làm thủ tướng của chính phủ hậu đảo chính. Nhưng khi đảo chính thành công ông đã “thất vọng.” Vì tướng Dương Văn Minh đã không chọn bác sĩ Quát mà lại chọn ông Nguyễn Ngọc Thơ.

Tuy nhiên rồi cũng có một lần ông được toại nguyện. Đầu năm 1965 tướng Nguyễn Khánh đã mời bác sĩ Quát làm thủ tướng và bác sĩ Quát đã phải tranh luận gay go mới thuyết phục được ông Diễm nhận ghế bộ trưởng phủ thủ tướng.^{2bis}

Hai ông vừa nhận chức được chưa đầy một tháng thì hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng^[++] mở màn cho cuộc Mỹ hóa chiến tranh Việt Nam, tuy rằng chưa bao giờ người Mỹ chính thức tuyên chiến.

Ba tháng sau ông Quát, mặc dầu có quân sư Diễm trợ lực, không giải quyết nổi cuộc khủng hoảng nội các do nguyên

lúc cuộc khủng hoảng tôn giáo và chính trị lên cao người Mỹ đã thành công trong việc ban bố cho người con đỡ đầu của họ chức thủ tướng.” Sau đây là nguyên văn:

“Lou Conein, representing Ambassador Cabot Lodge, called and asked for permission for a plane to land at Tân Sơn Nhứt. He said the plane was carrying Dr Phan Huy Quat back to Saigon from Can Tho where he had been grounded. I had to grant the permission, since all flights were banned by the coup leaders. I learned afterward that Quat’s hurried return to Saigon was linked to an American plan to make him premier of the post-coup government.

“Dr Quat, a pro-American statesman, had served as a cabinet minister during Bao Dai’s reign. Later in 1965, at the height of a religious and political crisis, the American succeeded in giving their protégé the premiership.” (pages 108 and 109)

^{2bis} Trang 125. Ông Diễm đã dùng các từ “miễn cưỡng” (reluctance) về phía ông, và “tranh cãi mãnh liệt” (argued strongly) về phía bác sĩ Quát.

^[++] Nơi trang 338 ông Diễm có thanh minh “Thanh Nga” rằng người Mỹ không hỏi ý thủ tướng Phan Huy Quát và ông!

³ Sđd trang 102. Và 104.

nhân chia rẽ Bắc Nam, đã anh dũng rút lui ngày 11 tháng 6 năm 1965, chấm dứt giấc mơ “dân sự - dân chủ” của chính khách Bùi Diễm.

Ông Diễm cho biết ông có rất nhiều bạn Mỹ³ và thường tiếp xúc với các phóng viên Mỹ của các nhật báo, tuần báo và các hãng thông tấn lớn như Neil Sheehan (UPI), Malcolm Browne (AP), và David Halberstam (N.Y.Times)⁴. Có lẽ vì thế nhận định của ông về chế độ đệ nhất Cộng Hòa có phần giống dư luận chung của báo giới Mỹ do các phóng viên trẻ nói trên chi phối trong thời gian 1962-1963 là lúc chính quyền Ngô Đình Diệm gặp nhiều khó khăn dồn dập. Ngược lại cũng có người cho rằng ông và những người có ác cảm với ông Ngô Đình Nhu như ông đã ảnh hưởng nhiều đến nhận định của các nhà báo Mỹ nói trên. Trong cuốn hồi ký ông viết:

*“ÔNG DIỆM CHUYÊN QUYỀN VÀ THẤT BẠI, quá rõ là đều do sự chi phối của người em nham hiểm”*⁵

Nhưng ban đầu, khi “bản chất con người ông Diễm chưa bộc lộ hiển nhiên”⁶, như ông viết, ông Diễm đã có nhận định khá tốt về ông Diệm: *“Tôi rất kính phục vị thủ tướng mới và tin tưởng rằng, trên hết, ông là một chính khách sắc sảo, tinh khôn.”*⁷

⁴ Sđd trang 101

⁵ Sđd trang 97. Soạn giả tạm dùng tính từ “nham hiểm” để chuyển nghĩa từ “Machiavellian” do danh từ riêng Machiavelli, tên của một chính trị gia Ý (Niccolò Machiavelli, 1469-1527), tác giả cuốn *Le Prince* (Ông Hoàng) mà có người nói là cuốn sách đầu giường của ông Ngô Đình Nhu. Trong tác phẩm này Machiavelli đã bộc lộ chủ trương dùng mọi thủ đoạn hiểm độc nhất miễn sao đạt được mục tiêu chính trị. Nguyên văn trong “In The Jaws of History”: “Diem was an autocrat and a failure, all too obviously under the sway of his Machiavellian brother.”

⁶ S.đ.d trang 97, hàng 25.

⁷ S.đ.d trang 87. Nguyên văn: “I had a good deal of respect for the new prime minister, and I believed that above all he was an astute politician.”

Về tình hình yên tĩnh ở nông thôn trước 1960, ông Diễm viết: *“Trước đó đi trong miền quê thật thoải mái. Bạn có thể lái xe từ nơi này đi nơi khác mà không sợ bị tấn công.”*⁸

Về cuộc khủng hoảng Phật Giáo giữa năm 1963, ông Diễm kết tội giám mục Ngô Đình Thục hơn là ông Diệm:

*“Cuộc khủng hoảng Phật Giáo trên khắp Việt Nam vào tháng 6 năm 1963 là do chính sách của chính phủ Diệm ưu đãi Công Giáo. Gia đình Diệm theo đạo Công Giáo, và khi ở Hoa Kỳ ông Diệm đã từng ở trong một dòng tu của Mỹ. Tự nhiên là ông ta cảm thấy thoải mái hơn xung quanh người Công Giáo và an tâm hơn về sự trung thành của họ. Nguyên điều này, tự nó không tạo nên những vấn đề nan giải. Nhưng anh của ông Diệm là giám mục Thục ở Vinh Long, rồi tổng giám mục Huế, và chính ông này hơn là ông Diệm, phải chịu trách nhiệm về các vụ bùng nổ tôn giáo xảy ra vào mùa hè năm đó.”*⁹

Dẫu sao so với các ông Nguyễn Chánh Thi, Đỗ Mậu, Hồ Sĩ Khuê¹⁰, thì ông Diễm đã dùng những lời tương đối nhẹ

⁸ Sđd trang 97. Nguyên văn: “I did know that as 1960 merged into 1961, the guerrillas had made serious inroads into the life of the countryside. Prior to that it had been easy to get around in rural areas. You could drive from place to place without fear of attack.”

⁹ S.đ.d trang 99. Nguyên văn: “The Buddhist crisis that enveloped Vietnam in June of 1963 was provoked by the Diem regime’s favoritism toward Catholics. Diem’s family was Catholic and while he was in the United States Diem had spent time in an American monastery. He naturally felt more comfortable around Catholics and more sure of their loyalty. By itself, this might have not created insurmountable problems. But Diem’s oldest brother, Thuc, was bishop of Vinh Long and then archbishop of Hue, and it was he, more than Diem himself, who was responsible for the religious explosions that took place that summer.”

¹⁰ Xin xem các chương sau.

nhàng trong khi chỉ trích ông Diêm. Có lẽ một phần vì ông đã được chứng kiến cán bộ của Võ Nguyên Giáp thủ tiêu, tàn sát các người quốc gia vào những năm 1945, 1946 tại Bắc Việt trong đó có vô số các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Đại Việt, các đồng chí của ông, kể cả lãnh tụ Trương Tử Anh mất tích một cách kỳ bí, cũng tương tự như lãnh tụ Lý Đồng A của đảng Duy Dân. So với sự tàn bạo của cộng sản thì dầu sao thái độ của chính quyền Ngô Đình Diêm đối với nhóm Caravelle vẫn còn rất nhẹ.

Phải chăng vì đã lớn tuổi¹¹, và cũng đã gần ba chục năm sau, nên ông Diêm không nói chính xác lắm về vụ bắt giam các nhân vật thuộc nhóm Caravelle¹², khiến người đọc có thể hiểu lầm là một vài người, như ông Phan Quang Đán chẳng hạn, đã bị bắt giam ngay sau khi bản “tuyên ngôn Caravelle” ra đời, và ông Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh cũng tự tử ngay lúc đó.

Thực ra tác giả “Đoạn Tuyệt” chỉ tự tử sau khi nghe bị đưa ra tòa vào tháng 7 năm 1963, vì ông cho rằng “Chỉ có lịch sử xử được tôi”¹³. Còn bác sĩ Phan Quang Đán (tức Phan Huy Đán) thì vẫn được tự do. Bằng chứng là ông còn có thể “tham gia” cuộc đảo chính tháng 11 năm 1960 và bị một thiếu tá cùng họ và chữ lót Phan Huy sỉ nhục ngay trước mặt, khi sĩ quan này nói to với tướng Nguyễn Chánh Thi rằng: “Đ.M. chúng nó xôi thịt đó. Toàn là bọn xôi thịt cả, đại tá oi”¹⁴. Vị sĩ

¹¹ Năm in cuốn hồi ký ông Diêm 65 tuổi.

¹² Sđd trang 95.

¹³ Theo Cao Thế Dung và Lương Khải Minh tác giả “Làm thế nào để giết một tổng thống” thì sau khi nghe tin nhà văn Nhất Linh quyền sinh ông Diêm vô cùng xúc động và sau đó ông thường hay lên Đà Lạt tĩnh dưỡng cho khuây khỏa.

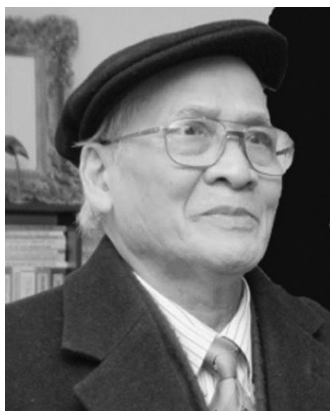
¹⁴ “Việt Nam, một trời tâm sự” của Nguyễn Chánh Thi trang 138.

quan Phan Huy này muốn nói: ông Đán (hay có lẽ cả ông luật sư Hoàng Cơ Thụy nữa, cho nên mới dùng hai chữ “chúng nó”, và không biết có ngụ ý gom cả ông Phan Huy Quát, cũng cùng họ Phan Huy vào đó không?) muốn lợi dụng “Cách Mạng” nhảy ra vào phút chót để “ăn có”.

Chương 5

Cao Thế Dung: Tổng thống Ngô Đình Diệm là người rất giàu tình cảm. Phải chăng ông cũng có người tình?

Cao Thế Dung là nhà văn, nhà báo, nhà giáo và nhà nghiên cứu kinh tế có bằng tiến sĩ của Mỹ về “Các thương gia Trung Quốc và thị trường lúa gạo từ 1865-1965.” Nhưng ông muốn trở thành sử gia với những tác phẩm đồ sộ như “Việt Nam 30 năm máu lửa” cả ngàn trang¹, và đặc biệt là bộ bút ký lịch sử nổi tiếng “Làm thế nào để giết một tổng thống” xuất bản tại Saigon năm 1970². Tác phẩm 700 trang này tuy được ra mắt với hai tác giả: Cao Thế Dung và Lương Khải Minh. Nhưng như ở trang



Hình: T.L.

¹ Do Alfa xuất bản tại Falls Church, Va, Hoa Kỳ năm 1991.

² Những trích dẫn ở đây đều theo ấn bản của cơ sở Văn Hóa Đông Phương tái bản lần thứ ba tại hải ngoại năm 1988.

cuối sách Cao thế Dung đã minh định, Lương khả Minh chỉ góp ý kiến và tài liệu, trách nhiệm về những nhận định và kết luận thuộc trách nhiệm của Vị Hoàng tức Cao Thế Dung. Ở đầu chương 1 (trang 14) tác giả đã nói rõ mục đích của ông *“không nhằm biện minh cho ai, hoặc kết tội ai, mà chỉ muốn nói lên một sự thực.”*

Đầu thập niên này người ta thấy giáo sư Dung viết đều đặn cho tờ *Vạn Thắng*, tờ báo độc nhất ở Mỹ không có quảng cáo, của một tổ chức chính trị do một cựu đảng viên Duy Dân, ông Hà Lạc Dã Phu Việt Viêm Tử, Lê Tư Vinh cầm đầu³. Cùng với ông Dung độc giả còn thấy những cây bút có tiếng như nữ văn sĩ Minh Đức Hoài Trinh, một trong những sáng lập viên của Văn Bút Việt Nam hải ngoại, Lê Xuyên, Nguyễn Thị Bình Thường, cựu bộ trưởng giáo sư bác sĩ Trần Ngọc Ninh, cựu

³ Ông Lê Tư Vinh là một nhà tướng số và tử vi đã để tâm nghiên cứu kinh dịch và khoa thái sát hàng chục năm. Những lời tiên đoán chính xác của ông về thời cuộc quốc tế liên quan đến sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu và Liên Xô đã khiến nhiều người nghĩ rằng những gì ông đang nhắm tới và tiên đoán về một Việt Nam thoát ách cộng sản chỉ xảy ra trong vòng vài năm vào đầu thập niên này sẽ thành sự thực. Nhưng, chẳng may những tiên đoán lạc quan của ông đã sai. Có lẽ vì vậy mà tờ *Vạn Thắng* đình bản và tổ chức chính trị của ông Vinh cũng im tiếng cho đến nay. Ông Vinh cũng là người nói xác quyết rằng những áng thơ chống cộng của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện chính là lệnh tiến công của cố đảng trưởng Duy Dân, Lý Đông A. Như vậy, theo ông, Lý Đông A hãy còn sống. Nếu có đọc *Vạn Thắng*, hẳn độc giả đã thấy là chính bác sĩ Trần Ngọc Ninh, cựu bộ trưởng, và ký giả Nguyễn Thị Bình Thường cũng đồng quan điểm với ông Vinh và mỗi người bằng một cách, cố chứng minh rằng thơ Nguyễn Chí Thiện chính là thơ Lý Đông A. Có lẽ vì vậy nên khi ông Nguyễn Chí Thiện xuất hiện trên đất Mỹ thì người ta không muốn đọc “*Vạn Thắng*” nữa.

Về con người được mệnh danh là “ngục sĩ” - Nguyễn Chí Thiện. Ông luôn tự cho và tự hào là mình đã chống cộng ngay từ đầu và chống từ Hồ Chí Minh trở xuống, ngay từ những ngày còn nhiều người tôn sùng thần tượng Hồ Chí Minh đã dám thóa mạ ông ta thậm tệ. Tưởng nên thêm rằng Nguyễn Chí Thiện đã từng là

nghị sĩ Phạm Nam Sách, v.v. Nhưng chỉ được vài năm thì tờ báo đình bản sau những tai nạn dồn dập xảy đến cho cá nhân và gia đình ông Vinh, và tòa báo bị thiêu rụi.

Gần đây người ta lại thấy tên ông Cao Thế Dung trong số những nhân vật tham gia cái gọi là chính phủ lưu vong của kỹ sư Nguyễn Hữu Chánh, trong đó có vài vị cựu tướng lãnh đệ nhị Cộng Hòa. Người không ưa thì nói ông Dung là người cơ hội chủ nghĩa, đón gió trở cờ. Người rộng lượng thì bảo ông năng nổ tìm mọi thể đứng để chống cộng.

Trong cuốn sử “Việt Nam 30 năm máu lửa” ông Dung đã phê bình TT Diệm như sau:

“Một sai lầm khác nghiêm trọng của chính quyền Ngô Đình Diệm là làm mất 3 tiềm lực chống cộng vô giá:

- Ở miền Trung Việt Nam Quốc Dân Đảng cầm súng chống chính quyền.

- Ở miền Nam Cao Đài một phần bất hợp tác - chính quyền có thể loại Trần Văn Soái, Lâm Thành Nguyên, nhưng loại lực lượng Hòa Hảo Lê Quang Vinh không những sai lầm nghiêm

bạn tù của Vũ Thư Hiên (con Vũ Đình Huỳnh, một trong mấy người thân tín nhất của Hồ Chí Minh, đã từng là trưởng ban lễ tân của phủ chủ tịch, sau này bị thanh trừng không nương tay trong cái gọi là “vụ án xét lại chống đảng”) và sau này cả hai thoát ra nước ngoài còn ở chung với nhau trong một căn hộ lại đã bị chính Vũ Thư Hiên, cũng như Bùi Tín chê là có thái độ thiếu khoan nhượng đối với những người cộng sản giác ngộ.

Về con người và lập trường chống cộng của Nguyễn Chí Thiện, Vũ Thư Hiên có viết trong hồi ký “Đêm Giữa Ban Ngày” như sau: “Với anh Cộng sản là xấu, là tội tề, là kinh tởm, chấm hết. Không một cái gì của Cộng sản là tốt... Cao lệnh khênh giữa các bạn tù, Nguyễn Chí Thiện nhìn đời qua cặp kính trắng mà đằng sau là cặp mắt lỗi ngơ ngác. Thiện không phải là người tù buống binh, chống đối bất cứ ai vào bất cứ lúc nào. Anh còn thuộc loại hiền lành nữa là khác. Nhưng đó là một người tù không thể bẻ gãy. Tinh thần bất khuất của những người tù không biểu hiện ở thái độ ngang tàng mà ở thái độ bất cần, thái độ khinh mạn.”

trọng mà còn là một trọng tội đối với lịch sử. Đây là chủ trương của Nguyễn Ngọc Thơ và Dương Văn Minh^[+], hai người vốn không ưa Ba Cụt và Hòa Hảo, đồng thời cũng do sự cố chấp của ông Diệm.

- Mất lực lượng Trình Minh Thế là một thiệt hại to lớn. Với trên 2.500 (quân), năm 1952 lực lượng yêu nước này đã mở rộng địa bàn hoạt động khắp miền Đông và lan tới miền Tây, phát triển lối đánh du kích và đặc công. Lúc nghe tin trung tướng Trình Minh Thế bị bắn chết tại trận,⁴ theo Lansdale, người đang ngồi nói chuyện với ông Diệm, thì ông này bàng hoàng và chảy nước mắt. Lansdale nói với Shaplen : “Đây là lần duy nhất mà tôi thấy ông ta bộc lộ tình cảm (14, số chú thích của Cao Thế Dung). Nhưng chỉ một năm sau lực lượng của tướng Thế bị chia cắt, đẩy ra khỏi miền Đông và đưa lên Cao Nguyên hoặc ra giới tuyến.

- Miền Trung đen tối hơn, lực lượng Đại Việt vô trang lý khai ở Ba Lòng.”⁵

Sau đây chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn có liên

[+] Ông Lâm Lễ Trinh, cựu bộ trưởng, cũng nói chính đại úy Nhung, người mà nhiều người cho rằng đã giết hai ông Diệm-Nhu trên xe M113 ngày 2 tháng 11 năm 1963, tay em thân cận của ông Dương Văn Minh đã hành quyết Ba Cụt. (Diễn Đàn Phụ Nữ số tháng 1, năm 1998.)

⁴ Tướng Trình Minh Thế thuộc lực lượng Cao Đài Liên Minh, chủ trương vừa chống cộng vừa chống thực dân Pháp nên được tổng thống Diệm, cùng một chủ trương chiêu dụ (theo một phụ tá thân cận của tướng Thế, thì ông Diệm đã cử em ruột ông là Ngô Đình Nhu lên tận bàn doanh của vị tướng này để thuyết phục, và cũng phải đấu trí gay go mới chinh phục được,) đã ra hợp tác với chính quyền và dẫn quân đi dẹp phiến loạn Bình Xuyên. Ông bị tử thương trong trận này (ngày 3 tháng 5 năm 1955). Theo những người chống ông Diệm lúc đó thì do ông Diệm muốn diệt hậu họa, vì thấy tướng Thế là người được quân chúng mến phục và có thể sẽ là người thay thế ông. Một số người khác thì cho rằng Việt cộng là thủ phạm. Cũng có người tin là do đạn của phe Bình Xuyên. Mãi tới gần đây một cuốn sách của

quan đến “lời khen tiếng chê” đối với ông Diệm trong cuốn “Làm thế nào để giết một tổng thống” của Cao Thế Dung, được nhiều người đọc một cách say mê trong những năm đầu thập niên 70².

Trước hết về liên hệ tình cảm gia đình ông Diệm, theo lễ nghĩa, ông Cao Thế Dung viết:

*“Nhu trên đã viết, TT Diệm bị chi phối mạnh mẽ bởi tình nghĩa gia đình thân thuộc. Chữ Lễ đối với ông là một điều không thể thiếu. Tiếc rằng chữ Lễ trong tinh thần Nho Giáo, tuy tạo được thể thống về phương diện quốc gia, song cái thực tại của xã hội giữa thế kỷ 20 đã làm cho chữ Lễ của ông tổng thống trở nên những hình thức phù du và làm cho ông lạc lõng và càng cô đơn xa lạ trong một thế kỷ mà nấc thang giá trị cũ chỉ còn như áng mây chiều.”*⁶

“Cũng vì một chữ thể thống mà một sĩ quan đã thắng được vụ kiện. Quan tòa là tổng thống, bà Nhu là nguyên cáo. Khi quốc vương và hoàng hậu Thái Lan qua thăm Việt Nam, thì bà Nhu đóng vai “tiếp viên của quốc gia” (Hotesse) để nghênh đón hoàng hậu Thái Lan về dinh Độc Lập viếng tổng thống V.N. theo nghi lễ rồi trở về dinh Gia Long nghỉ. Tổng thống Việt Nam cũng đến dinh Gia Long để đáp lễ, cùng đi theo có bà Nhu. Lúc trở ra bà Nhu đi sau tổng thống. Viên sĩ quan hầu cận cản lại và nói: “Bà không được đi cùng. Theo nghi lễ bà phải đi sau 5 phút.” Bà Nhu nổi giận phản đối. Viên sĩ quan dẫn chứng theo “sách” “Bà

cựu thiếu tá Salvani nguyên trưởng phòng nhì Pháp thời chiến tranh Đông Dương viết mới vén màn bí mật và cho thấy đó là do viên đạn bắn lén từ một gián điệp Pháp nhắm trả thù cho tướng Champson mà người của tướng Thế đã tung lựu đạn sát hại cùng với ông Thái Lập Thành ngày 31 tháng 7 năm 1951. (Diễn Đàn Phụ Nữ số 144, tháng 3 năm 1996, trang 24.)

⁵ “Việt Nam 30 năm máu lửa,” trang 483.

⁶ “Làm thế nào để giết một tổng thống,” trang 72.

đầu có phải là vợ của tổng thống mà được trở về dinh cùng một lúc. Tôi cứ theo nghi lễ của ông Hoàng Thúc Đàm. Tổng thống phải về dinh trước. Năm phút sau bà mới được ra về.” Bà Nhu nổi giận mà đành chịu.”

“Nhưng sau đó bà về mách ông Nhu và sang tận phòng tổng thống kiện. Ông tổng thống sai gọi viên sĩ quan hầu cận (Đại úy Bằng) vào đối chất. Bà Nhu nói theo lễ của bà Nhu. Viên sĩ quan nói theo lễ của viên sĩ quan và nhấn mạnh làm như thế để giữ thể thống quốc gia. Ông tổng thống không nói một câu, rồi cho cả hai người ra về. Bà Nhu rất hậm hực về thái độ lạng thính của ông anh tổng thống. Sau buổi chiều ông qua phòng ông bà Nhu và tuyên án: “Nó nói đúng”⁷.

Về cách cai trị của tổng thống Diệm, Cao Thế Dung phê bình như sau:

“Ông cai trị dân với một “thiên mạng” của Nho gia. Cho nên ta thường thấy ông luôn nhắc đến chữ “thành”, chữ “thành” lấy ở sách Trung Dung. Một tướng lãnh hiện nay (1970) hãy còn giữ thủ bút của ông do ông viết tay và cho đương sự làm món gia bảo gồm có 6 chữ Hán, nét chữ rất đẹp: “Thành giả thiên chi đạo dã” (Thành là đạo của trời vậy”. Trong tinh thần đó ông quả là một vị minh quân ở tiền bán thế kỷ 19. Nhưng giữa thế kỷ 20 và trong thực tại của Việt Nam sau 1954 tổng thống Diệm lại trở thành lạc lõng trong con giống tổ của thời đại. Tuy tạo được uy quyền tối thượng, tuy giữ được thể thống quốc gia, nhưng ông tổng thống lại trở nên pho tượng trong vườn thượng uyển. Trong khu vườn đó ông tưởng ai cũng nghĩ như ông, cũng làm như ông và sống như ông sống. Ông lại quá tin nơi mình với mặc cảm uy quyền và ghen với uy quyền đó (Jaloux de son pouvoir).”⁸

⁷ Sdd trang 74.

⁸ Sdd trang 83, 84.

Tác giả “Làm thế nào để giết một tổng thống” biết rất nhiều chi tiết vụn vặt trong đời sống cá nhân tổng thống Diệm đối với các anh em ông, với bà Nhu và các cộng sự viên thân cận, kể cả các sỹ quan tùy viên và tóm tắt rằng ông Diệm là người vừa có tình vừa có uy:

“Tổng thống Diệm là NGƯỜI NHIỀU TÌNH CẢM, tốt bụng nhưng chữ Lễ, chữ Nghĩa theo tiết độ của nho gia đã trở thành cái khung chắc nịch nhốt ông vào đó. Do đó mà cái tôi tình cảm (Le moi sensible) không thể hiện được ra ngoài để thấu phục nhân tâm và hỗ trợ cho cái uy sẵn có của ông. Sau 1963, phải nhìn nhận rằng, trong hàng lãnh đạo quốc gia tại miền Nam, chưa một nhà lãnh đạo nào chứng tỏ có cái uy như ông. Đó là ưu điểm và là điều cần thiết số một của một ông quốc trưởng. Nhất là quốc trưởng một nước chậm tiến.”⁹

Sau đó ít trang ông Dung lại nhắc lại và nhấn mạnh hơn:

“Nhiều người vẫn tin tổng thống Diệm là con người khô khan ít tình cảm. Điều này không đúng, và trái lại, ông lại quá nhiều tình cảm.”¹⁰

Có lẽ Cao thế Dung là người duy nhất đã dám đưa một vấn đề khá tế nhị với nhiều nghi vấn về khả năng sinh lý, đời sống tình cảm của ông Diệm lên những trang sách nóng bỏng. Với 8 trang giấy và hai tiêu đề: “Mối tình bí mật của tổng thống Ngô Đình Diệm”, và “Mon cœur a son secret” (tạm dịch: “Lòng tôi có bí mật của nó”), Cao Thế Dung đã lôi giáo sư Phạm Văn Nhu ra làm chứng để quả quyết rằng về phương diện sinh lý ông Diệm rất bình thường, và ông còn có một mối tình, có lẽ chỉ trong mộng. Quý vị nào muốn

⁹ Sdd trang 97.

¹⁰ Trang 102.

biết chi tiết xin đọc sách đã dẫn từ trang 102 đến trang 110.

Có lẽ cũng chỉ có Cao Thế Dung dám đưa một vấn đề hết sức nguy hiểm lên mặt giấy để gián tiếp tố cáo Mỹ nhưng tay một cách thô bạo và tàn bạo vào việc lật đổ cho bằng được tổng thống Diệm qua trung gian các nhà sư, những vị “thánh” của đạo từ bi, mặc dù lúc ấy các tài liệu mật về vụ đó chưa được giải mật và những người chủ trương hay tham gia đảo chính còn tại chức với quyền uy tột đỉnh.

Theo ông Cao Thế Dung thì một đại úy tình báo Mỹ tên là Scott đã dùng một loại chất nổ mà chỉ CIA Mỹ có để gây chết chóc và hỗn loạn, kinh hoàng trước đài phát thanh Huế hôm mùng 8 tháng 5 năm 1963, mà sau đó các Phật tử trong nhóm Ấn Quang của TT. Thích Trí Quang và các phóng viên Mỹ sẵn ác cảm với chính quyền Ngô Đình Diệm luôn luôn quả quyết - mãi cho đến nay - rằng thiếu tá Sỹ (họ luôn luôn viết kèm theo chữ “Công Giáo”) là thủ phạm của vụ tàn sát đó¹¹.

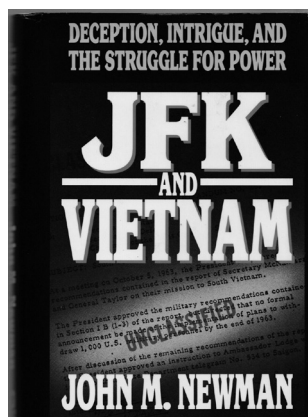
Tiết lộ bí mật đó không phải lời khen hay tiếng chê, nên không được trích dẫn nguyên văn ở đây. Tuy nhiên nó cũng góp phần vào việc minh oan cho cố tổng thống Ngô Đình Diệm, vì vậy chúng tôi mời quý vị độc giả nào có thiện cảm với vị tổng thống đệ nhất Cộng Hòa xem Sđd trang 326-330.

¹¹ Trang 326-330.

Chương 6

Trần Văn Đôn: “Tội nghiệp ông Diệm là người ai cũng mưu phản: tướng lãnh của ông, người Mỹ và ngay cả chính em ruột ông”

Trung tướng Trần Văn Đôn (1917-1997) xuất thân từ một gia đình vọng tộc miền Nam, sớm bước vào binh nghiệp nên thời đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam ông đã làm đến tư lệnh quân đoàn, rồi quyền tổng tham mưu trưởng. Do sự quen biết từ trước với gia đình ông bà Ngô Đình Nhu, lại là vị tướng trực tiếp dưới quyền Tổng thống là tổng tư lệnh quân lực Việt Nam (theo hiến pháp,) nên ông có nhiều dịp kề cận hai ông Diệm Nhu, biết rõ những cái hay và cái dở của hai ông. Ông Đôn là người đóng vai chủ chốt trong việc liên lạc với Đại sứ Cabot Lodge (qua trung tá CIA Lucien Conein, bạn của ông Đôn từ nhiều năm trước khi hai người cùng sống ở Pháp, (sinh quán của



Hình: Tạp chí Life

cả hai) để tổ chức cuộc đảo chính lật đổ nền đệ nhất Cộng Hòa, dẫn đến cái chết bi thảm của hai anh em ông Diệm. Ba tháng sau khi đảo chính thành công ông Đôn bị tướng Nguyễn Khánh, cũng bạn cũ của ông, bắt giam lỏng tại Đà Lạt cùng với các tướng Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân, Tôn Thất Đính. Thời đệ nhị Cộng Hòa ông Đôn đắc cử nghị sĩ quốc hội.

Ông Đôn di tản sang Mỹ trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn và 3 năm sau cho ra đời tác phẩm “Cuộc chiến bất tận của chúng tôi”¹

¹“Our endless war“, NXB. Presidio Press 1987.)

Trong tập sách gần 270 trang này tác giả đã kết tội ông Diệm là độc tài, gia đình trị, và bách hại Phật Giáo, những cái cơ để ông cùng với một số tướng lãnh khác lật ông Diệm. Tuy nhiên đọc xong cuốn sách người đọc rất ngạc nhiên thấy tướng Đôn khen ông Diệm nhiều hơn chê. Chúng tôi chỉ đan cử một vài đoạn.

Nơi trang 48, sau khi nhắc lại lai lịch, tài năng và uy tín của ông Diệm đối với cựu hoàng Bảo Đại, người đã nhiều lần trọng dụng ông Diệm, hoặc khẩn khoản mời ông Diệm giữ chức thủ tướng trong những năm 1933, 1945, 1948, tướng Đôn viết: *“Khi ông Diệm nhận ra cảm quyền năm 1954, tất cả những ai biết ông đều đồng ý ông vừa là người yêu nước nồng nhiệt vừa trung kiên bảo vệ nền độc lập quốc gia, Tuy nhiên cũng có người không tin cậy ông trong chức vụ thủ tướng, coi ông không được mọi người hoan nghênh, vì ông gốc miền trung và đã xa quê hương lâu ngày. Nhưng trong tâm trí nhiều người ông vẫn là lãnh tụ duy nhất có được ở miền Nam mà sự liêm khiết không thể đả kích được.”*²

² Sách đã dẫn trang 48. Nguyên văn: “When Ngô Đình Diệm did

accede to power in 1954, all who knew him had to agree that he was both an ardent patriot and a staunch defender of national independence. However, there were those in political circles who distrusted the new prime minister, regarding him as an intruder, since he came from central Vietnam and had been absent from the country for a long time. But in many minds he was the only leader available in South Vietnam whose integrity could not be assailed.”

Sau khi nhắc lại cuộc tháp tùng tổng thống Diệm sang Mỹ năm 1957 và lấy làm hành diện được nghe người Mỹ tán dương, bảo đó là lần đầu tiên tổng thống Mỹ (Eisenhower) nghênh đón một đoàn quốc khách tận sân bay, tướng Đôn nói về tính tình ông Diệm mà ông cho rằng ít ai được biết: *“Ông Diệm là người cực kỳ nóng nảy, nhưng biết cách giữ bình tĩnh trước mặt người khác, hay trong lúc thương lượng. Ông có một thứ bình thần của người Á Châu, che giấu một nỗi xao xuyến não loạn bên trong.”*³

³ Sddtr. 49. Nguyên văn: “Diem was an extremely nervous man but he knew how to maintain a calm appearance in the presence of others or during business negotiations. He had a kind of Asiatic tranquility which masked an inner turmoil that only insiders saw.”

Trước năm 1954 ông Đôn đã từng có dịp nói chuyện với ông Diệm tại nhà ba của ông ở Đà Lạt là nơi ông bà Nhu trú ngụ và trồng lan, say mê ngắm lan. Ông viết về thời gian này như sau: *“Ông Diệm muốn học thật nhiều, học hết sức mình, về mọi khía cạnh của đất nước, chính phủ, Việt Minh và quân đội. Ông hỏi tôi những câu hỏi rất tỷ mỉ, thấu đáo và có thể moi cho đến tận cùng tất cả kiến thức mà tôi có lúc đó. Tôi rất cảm phục ông, coi ông là một người rất mực thông minh, cương trực và đầy lòng yêu nước.”*⁴

⁴ Sddtr. 51. “He wanted to learn as much as he could about all aspects of the country, the government, the Viet Minh, and the army. He asked very detailed and penetrating questions and was able to

extract from me just about all the knowledge I had. I was greatly impressed with him seeing him as a highly intelligent, honest, and patriotic man.”

Đến đoạn sau ông Đôn cho biết nhận xét và cảm tưởng của ông khi ông Diệm được bầu làm tổng thống đệ nhất Cộng Hòa như sau: *“Đây là những lúc hồ hởi hân hoan thực sự cho dân Việt Nam chúng tôi. Lần đầu tiên chúng tôi được thấy một lãnh tụ thực sự năng động và được dân mến chuộng sẽ có thể đương đầu với lực lượng miền Bắc của ông Hồ Chí Minh. Vào thời gian đó tất cả chúng tôi đứng đằng sau ông Diệm: quân nhân, công chức, và nông dân miệt quê trong các làng xã. Sự ủng hộ này hoàn toàn đến nỗi trong cuộc bầu cử ông Diệm đã thắng quá lớn và ngày 26 tháng 10 năm 1956 nền đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam được tuyên bố thành lập với ông Diệm là tổng thống.”*⁵

⁵ Sđd tr. 62. “These were heady times for us Vietnamese. For the first time we saw a really dynamic and popular leader who would turn the anti-Communist cheek against Ho Chi Minh ‘s forces of the North. At that time we were all behind Diem: the army, civil services, and the farmers out in the villages. This support was so complete that in the election, Diem’s position carried overwhelmingly and on October the first Republic was proclaimed with Diem as president. A constitution was promulgated concurrently and 52 foreign nations recognized the new republic. We even appointed an observer to represent us at the United Nations.”

Các nhà báo Mỹ thời đó và một vài sử gia Mỹ sau này như Stanley Karnow, Schlesinger, Sheehan thường chê ông Diệm ru rú ở trong dinh không chịu tiếp xúc với dân. Nhưng những người gần ông Diệm hơn và chịu khó theo ông đi kinh lý như đại sứ Nolting, ông Đôn, hoặc như nhà báo Margaret Higgins xông xáo hàng chục thôn ấp ngay trong thời gian xáo trộn sau này để tìm hiểu sự

thực, thì đều khen ông Diệm đi sát dân và được dân què thương mến. Đây hãy nghe ông Đôn, một ông tướng chủ chốt trong cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm, cho biết kinh nghiệm của ông:

“Chương trình ấp chiến lược⁶ nhằm Bình Định thôn què và đấu tranh chống tham nhũng, cờ bạc, nghiện hút và mải dâm là bước đầu được lòng dân mà tổng thống Diệm đã làm khi chế độ của ông mới thành lập.

⁶ Có lẽ tác giả muốn nói kế hoạch dinh điền hay khu trù mật, vì quốc sách “Ấp chiến lược” đến năm 1962 mới bắt đầu.

“Tôi đã có thể thấy ngay qua nhiều cuộc nói chuyện với dân chúng thuộc mọi giai tầng xã hội là những hành động ban đầu của ông Diệm rất u được lòng dân. Trong quân đội mọi cấp đều phấn khởi trước tinh thần thống nhất sau khi dẹp xong các phe phái và chinh phục được các thành viên các phái đồ đứng vào hàng ngũ chúng tôi. Các cuộc kinh lý khắp vùng thôn què của ông Diệm làm ông rất được lòng dân. Tại hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, trước kia từng là cú điểm của cộng sản, dân làng đã nói với tôi: ‘Trong 10 năm dưới quyền ông Hồ Chí Minh ông ta chưa một lần nào tốn công đến thăm tôi, nhưng mới chỉ 10 ngày (sau khi được giải phóng) ông Ngô Đình Diệm đã tới thăm và nghe chúng tôi kể những nỗi khó khăn của chúng tôi.’ Dân chúng ở cả thành thị lẫn xóm làng đều biết về ông Diệm và lấy làm thích những gì họ được xem thấy.”⁷

⁷ Sđd tr. 63. Nguyên văn: “A strategic hamlet program to help pacification of the countryside and the struggle against corruption, gambling, drugs, and prostitution was a popular step taken by the president at the start of his regime. I could see at first hand from many conversations with people at all levels of society that Diem’s early actions were tremendously popular. In the army, all ranks were enthusiastic at our unified spirit after the suppression of the sects

and the rallying of their members to our side. Diem's visits around the countryside made him very familiar with the farmers. In Bình Định and Quảng Nam provinces, which had long been communist stronghold, I was told by the villagers that, 'In ten years of leadership by Ho Chi Minh, he never once took the trouble to visit us, but after only ten days, Ngo Dinh Diem has already come to see us and listen to our problems.' The people, both in cities and hamlets were becoming aware of Diem and liking what they saw."

Vì quý trọng ông Diệm và có liên hệ nhiều với ông bà Nhu từ lâu, nên trong cuộc đảo chính tướng Đôn - theo ông viết - đã đề nghị đừng giết hai ông, và nay trong hồi ký ông xác nhận rạch ròi việc giết hai ông là chủ trương của tướng Dương Văn Minh, và còn nói chính ông này ra lệnh hạ sát hai ông.^{7bis} Ông Đôn cũng nói rằng ông Minh luôn chối điều đó và có ai hỏi thì ông Minh lại bảo cứ hỏi ông Đôn thì rõ. Để khỏi đi vào chi tiết một vấn đề hơi xa trọng tâm chủ đề "lời khen, tiếng chê", xin mời bạn đọc, nếu muốn biết giữa hai ông Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn ai sai ai đúng, hãy đọc "Việt Nam Chính Sử" của Nguyễn Văn Chức và "Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm" của Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức.

^{7bis} Sddtr.112: "This still leaves unanswered the question of who ordered their deaths. I can state without equivocation that this was done by general Big Minh, and by him alone"

Cuối trang 114 ông Đôn có tiết lộ một chi tiết khá lý thú: *"Sau cuộc đảo chính - ông Đôn luôn dùng từ đảo chánh chứ không gọi là cuộc Cách Mạng như một số nhà sư hay tác giả khác, Mỹ cũng như Việt - khi đi qua tủ hồ sơ của ông Nhu tôi đã tìm thấy một lá thư của bà Nhu từ ngoại quốc gửi về hỏi chồng về vụ đảo chính của ông ta chống ông Diệm ra sao. Ngẫu nhiên mà ÔNG DIỆM ĐÁNG THUƠNG BỊ MỌI*

NGƯỜI MUU PHẢN, từ các tướng lãnh hàng đầu của ông, rồi người Mỹ, ngay cho đến cả em ruột ông.”⁸

⁸ Sdd tr. 114 và 115. Nguyên văn: “After our coup, in going through Nhu’s file cabinet, I found a letter written by his wife from abroad asking how his own coup plan against Diem was coming. As it happened, poor Diem had everyone plotting against him, his top generals, the Americans, and even his own brother.

Sở dĩ tướng Đôn người đóng vai chủ chốt trong cuộc lật đổ ông Diệm, mà lúc ấy những người chủ trương đều gọi là “Cuộc Cách Mạng”, lại không dùng từ này mà trái lại luôn luôn dùng từ đảo chánh (‘Coup d’etat’), là vì ngay từ sau đó ông đã thấy rằng cái được mệnh danh là cách mạng đã chẳng đem lại được điều gì tốt đẹp cho xứ sở mà còn mở đầu “một giai đoạn lịch sử đầy hỗn loạn với biết bao là bấp bênh.” Như ông đã viết trên tờ *Công Luận* của tướng Tôn Thất Đính ngày 31 tháng 10 năm 1970.⁹

⁹ Trong tác phẩm “Làm thế nào để giết một tổng thống,” trang 603, Cao thế Dung đăng lại nguyên văn lời ông Đôn như sau: “Ngày 1 tháng 11 năm 1963 rút lại chỉ còn là một ngày “đảo chánh mở ra một giai đoạn lịch sử đầy hỗn loạn.”

Không như các tướng Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi hay ông Bùi Diễm, tướng Trần Văn Đôn nhận xét có khi tích cực về các ông Nhu, Cần và ngay cả bà Trần Lệ Xuân, vợ ông Nhu mà ông cho là người đàn bà vô cùng quyến rũ ai cũng thấy đẹp¹⁰.

¹⁰ “She was an immensely attractive woman, beautiful by everybody’s standard.”

Tuy nhiên cũng giống tướng Kỳ, ông Đôn cho rằng ông Diệm ưa nịnh và dễ bị lừa. Cuối trang 50 ông đã nêu một ví dụ cụ thể trường hợp tình trưởng Bình Tuy đã búng những cây có trái ở vườn đem trồng vào những chỗ ông Diệm kinh lý đi qua để khoe thành tích tăng gia sản xuất, mà

ông Diệm không biết. Thực ra chuyện này hồi đó bị vỡ lở vì chính ông Diệm đã tinh mắt biết được, nên tình trường Lê Văn Bường liền bị cách chức.

Trong hồi ký ông Đôn cho biết ông cũng là Phật tử như tướng Dương Văn Minh¹¹, và cũng thú thực rằng sau cuộc đảo chính 63, trong thời gian hỗn loạn, 9 lần thay đổi chính phủ, có một lần thượng tọa Thích Trí Quang xúi ông làm đảo chính lật ông Kỳ, nhưng ông không nhận vì, ông bảo, ông không có quân quyền trong tay. Có thể hiểu rằng nếu có binh quyền ông đã lại cùng với TT. T.Trí Quang thử thời vận lần nữa¹². Ông nói, vì TT. T.Trí Quang chống tất cả các chính quyền sau ông Diệm (lần lượt các ông Thơ, Sửu, Hương, Quát, Khánh và Thiệu, Kỳ), nên bị các ông này cho rằng thượng tọa là cộng sản, nhưng theo ông thì không đúng¹³. Ông cũng thêm ngay sau đó rằng TT. T.Trí Quang chỉ tin cậy có một người trong chính quyền lúc ấy (thời tướng Kỳ làm chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương), là Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi^{14 & 15}.

¹¹ Sdd trang 77.

¹² Đầu trang 173.

¹³ Trang 172. Nguyên văn: “Quang was in opposition to all regimes from Diem’s on, so he was INCORECTLY characterized as a Communist by ALL OF THEM.”

¹⁴ Ibid.: “About the only senior official he (T.Quang) trusted in government was the First Corp commander, General Nguyen Chanh Thi.

¹⁵ Về tướng Thi xin xem chương 24.

Cuốn “Our endless war” của ông Đôn được ông Colby để tựa. Tại Mỹ hai ông lại ở rất gần nhau¹⁶ chắc cũng năng có dịp gặp nhau trước khi in tác phẩm này. Phải chăng vì vậy mà ông Đôn cũng nói đến một thứ “độc tài

nhân từ” giống như ông Colby¹⁷. Nhưng khác một điều là ông Colby thì mô tả ông Diệm là nhà độc tài nhân từ, còn ông Đôn thì đề nghị với ông Thiệu nên áp dụng một chế độ độc tài nhân từ, (benevolent dictatorship), nhưng không được ông Thiệu tán thành vì sau đó ông Thiệu đã áp dụng chế độ bán độc tài (nguyên văn của ông Đôn: semidictatorship), hay nói nôm na là độc tài nửa vời. Điều này không trực tiếp liên quan đến việc ông Đôn khen hay chê ông Diệm, nhưng một cách gián tiếp cũng nói lên ý nghĩ của ông Đôn có thay đổi phần nào sau khi lật đổ ông Diệm và thấy sự hỗn loạn ngay sau đó, nếu không phải là sau khi được ông Colby làm cho tỉnh ngộ phần nào về lỗi lầm của những người lấy cớ độc tài lật đổ ông Diệm, dẫn đến cảnh đổ nát và hỗn loạn. Có lẽ vì vậy mà trong hồi ký ông Đôn đã không đả kích ông Diệm nhiều như các ông Nguyễn Chánh Thi, Đỗ Mậu, Hồ sĩ Khuê...¹⁸

¹⁸ Sđd trang 176-177. Nguyên văn: “One day early in 1969, during a lunch with Thiệu and Khiêm I suggested to them that what might be necessary for the good of the country was a kind of benevolent dictatorship. I thought that the rules of democracy were not very feasible while our country was engaged in a life-or-death struggle. Perhaps such a dictatorship to save the nation, but not to keep them personally in power, might prove effective. Thiệu and Khiêm smiled at me and said enigmatically, “Don’t worry. Just wait and you will see.” “What we saw instead of a vigorous dictatorship was what I called “semidictatorship.”

Chương 7

Dwight D. Eisenhower: Ngô Đình Diệm, con người thần kỳ

Dwight David Eisenhower (1890-1969) là tổng thống thứ 34 của Hiệp Chúng Quốc Mỹ (hai nhiệm kỳ, từ 1953 đến 1961.) Trong thế chiến II ông là tư lệnh tối cao đoàn quân viễn chinh Mỹ chỉ huy cuộc đổ bộ lên bờ biển Normandie của Pháp để giải phóng Âu châu khỏi ách thống trị của Đức Quốc Xã dưới quyền nhà độc tài áo nâu Hitler. Trước khi rời chức vị tổng thống, và chỉ một ngày trước khi tân tổng thống Kennedy tuyên thệ nhậm chức, tổng thống Eisenhower, với kinh nghiệm của một thống soái, một chiến lược gia quân sự và với tư cách người tiền nhiệm cao niên, đã khuyến cáo và căn dặn Kennedy là phải bằng mọi cách giữ cho bằng được Ai Lao là cửa ngõ vào Việt Nam và Đông Nam Á. Nhưng Kennedy, với những quân sự và chuyên gia về cộng sản và Đông Nam Á cũ Averell Harriman và Roger Hilsman đã coi thường lời khuyên này, trung lập hóa Ai Lao rồi đánh mất luôn Ai Lao, khiến sau này bị ông Diệm chê trách, rồi đâm ra thù



Tổng thống Dwight D. Eisenhower tái đắc cử năm 1956. Ảnh: T.L.

vật (Tôi chỉ có ý nói Harriman.)

Sử gia John M. Newman, trong cuốn “Tổng thống John F. Kennedy và (cuộc chiến)Việt Nam”¹ đã ghi: “Khoảng đầu năm 1957 ông Diệm, bây giờ là quốc trưởng, đã dùng quyền hành của mình để chế ngự các giáo phái bất phục tùng và nghiền nát các chi bộ Việt Minh ở đồng bằng sông Cửu Long; những thành tích này khiến tổng thống Eisenhower ca tụng ông ta là CON NGƯỜI THẦN KỲ của Á Châu².”

¹ Nguyên văn: “JFK and Vietnam”, by John M. Newman, N.Y. 1992. Xin xem chương 16.

² Sđd trang 26. Nguyên văn: “By 1957 Diem, now the chief of state, had used his power to subdue the dissenting religious sects and smash the Viet Minh cells in the Mekong Delta, accomplishments which led Eisenhower to hail Diem as the “Miracle man” of Asia.

Chỉ những người nào hiểu rõ tình hình chính trị thế giới lúc ấy, và nhất là tình hình tuyệt vọng của Việt Nam sau chiến thắng Điện Biên của Cộng sản, và theo dõi sát những gì tân thủ tướng Ngô Đình Diệm phải đối phó khi mới lên chấp chánh, mới có thể thấu triệt được lời khen của anh hùng thế chiến II dành cho ông Diệm.

Như bạn đọc đã thấy nơi chương 3, ông Colby cũng coi việc ông Diệm vượt qua những khó khăn trong hai năm mới về nước là một phép lạ³.

³ Xem chương 3 ở trên.

Nữ ký giả Marguerite Higgins trong “Our Vietnam nightmare”, trang 162 cũng trích lời của một chuyên viên về các vấn đề Viễn Đông là William Henderson coi việc ông Diệm thoát hiểm trong các cuộc đảo chính hồi 1954, 1955 là một phép lạ chính trị có tầm rộng lớn nhất, mặc dầu Henderson là một trong những người chỉ trích ông Diệm sau này.⁴

⁴ Higgins. Sđd trang 162. Nguyên văn: “Even his most articulate critics such as William Henderson, Far East specialist on the council of Foreign Relations, agreed that ‘in retrospect the survival of Ngô Đình Diem’s anti-Communist government and effective consolidation of its power throughout most of Free Vietnam constitute a POLITICAL MIRACLE of the first magnitude’.

Vẫn theo lời trình bày và trích dẫn của bà Higgins thì sử gia Joseph Buttinger cũng đã nhiều lần nhắc lại từ phép lạ để nói về những thành tựu của ông Diệm: “phép lạ chính trị”, “phép lạ của Việt Nam”⁵.

⁵ Higgins Sđd tr. 12. Nguyên văn, lời của J. Buttinger: “When the Republic of Vietnam was created in July 1954, even friendly and hopeful observers said that this new nation could not last for more than two years. So strong was the belief of its early demise that its

existence today is frequently referred to as a POLITICAL MIRACLE - as if the survival of this new state were not so much an unexpected as an essentially unexplainable event. àthis re-establishment of administration and political unityàmust be regarded as Ngo Dinh Diem's major contribution to the "MIRACLE OF VIETNAM".

Ông thị trưởng Nữu Ước, trong cùng dịp đó, cũng cho rằng ông Diệm có thể sẽ được lịch sử xếp vào hàng vĩ nhân của thế kỷ 20)

⁶ Nguyên văn: "A man history may judge as one of the great figures of the twentieth century" ("Hai mươi năm và hai mươi ngày") của Nguyễn cao Kỳ, trang 31.

Thẩm phán tối cao pháp viện Hoa Kỳ William O. Douglas, tác giả cuốn "North from Malaysia" xuất bản năm 1953, nghiên cứu về lịch sử các nước ở phía Bắc Mã Lai trong đó có Miến Điện, Tân Gia Ba, Thái Lan, Lào và Việt Nam đã sớm khám phá ra trong con người Ngô Đình Diệm một ANH HÙNG, nên đã là một trong những nhân vật nổi tiếng Hoa kỳ ủng hộ ông sớm nhất.

Ngoài ra Bernard B. Fall, người nghiên cứu khá thấu đáo về con người NĐĐ trước khi cầm quyền cũng như Hồ Sĩ Khuê, người luôn sống bên cạnh NĐĐ trong những năm 1947, 1948 đều công nhận ông có khả năng tiên đoán thời cuộc như nhà tiên tri.⁷

⁷ Xin xem các chương 8 và 12.

Nhưng dân tộc Mỹ là một dân tộc khó hiểu và nước Mỹ là một nước dân chủ nhất thế giới là nơi quyền tự do cá nhân được tuyệt đối bảo đảm, trong đó có quyền tự do phát biểu ý kiến riêng trên báo chí, được coi là đệ tứ quyền (ngoài quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp.) Vì vậy ở những chương sau bạn đọc sẽ được xem nhiều ý kiến trái ngược hẳn của một số nhà báo và sử gia Mỹ, những người

mà cựu tổng thống Nixon cho rằng có trách nhiệm lớn trong việc làm cho nước Mỹ thất trận nhục nhã.

Trong số những người ca ngợi và ủng hộ ông Diệm ban đầu trong những năm ông thành công, có vài người như thượng nghị sĩ Mansfield, lãnh tụ khối đa số ở thượng viện, và ngay chính tổng thống Kennedy vào những tháng cuối cùng của đệ nhất cộng hòa đã thay đổi ý kiến và lên án tổng thống Diệm hoặc tìm cách hạ ông. Nhưng hai vị tổng thống Eisenhower và Johnson thì vẫn giữ lập trường của mình. Sau khi ông Diệm đổ rồi, Ông Johnson, lúc ấy vừa nhậm chức được hơn hai tháng đã mời cựu tổng thống Eisenhower vào văn phòng để bàn về quốc sự. Trong câu chuyện tổng thống Eisenhower đã tỏ vẻ tiếc và nói mặc dầu những hành động của ông Diệm đã gây cho Hoa Kỳ những khó khăn, nhưng “ông ta vẫn là người có khả năng.” Trong cuốn “The Vantage Point”, ông Johnson đã viết: *“Tổng thống Eisenhower, cũng như tôi, cảm thấy rằng việc sát hại ông Diệm đã dẫn đến hậu quả gây khó khăn trở ngại cho Nam Việt Nam và cho cả chúng ta”*⁸

⁸ Sdd Tạm dịch “Ưu Thế”, NXB. Holt Rinehart & Winston N.Y. 1971. Trang 131, nguyên văn: “He felt, as I did, that the assassination of Diem had resulted in a great setback for South Vietnam and for us.”

Chương 8

Bernard Fall: Ngô Đình Diệm giống Franco của Tây Ban Nha

Bernard B. Fall (1926-1967) là ký giả Pháp. Cha mẹ ông đều là người Áo gốc Do Thái, nạn nhân của Đức Quốc Xã. Mới 16 tuổi ông đã gia nhập kháng chiến quân Pháp chống Đức Quốc Xã. Những kinh nghiệm sống của ông trong thời này đã khiến ông nặng lời phê bình chính sách của Mỹ tại Việt Nam cho rằng không thích hợp để chống chiến tranh khuynh đảo và du kích chiến cũng tương tự như cuộc kháng chiến chống Đức của ông, và



Bernard Fall tử nạn tại Việt Nam ngay trong vùng “Phố không vui” (“la rue sans joie”, một vùng đầm lầy ở phía Bắc Huế), cũng là nhan đề một cuốn sách khác của ông về Việt Nam. Hình: T.L.

nhất là đã bỏ rơi Pháp mặc cho Nhật, rồi Việt Minh làm thịt. Tốt nghiệp đại học Paris và Munich, ông là giáo sư tiến sĩ và là học giả uyên thâm, đã từng viếng thăm cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam, gặp nhiều nhân vật trong giới lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và cuối cùng tử nạn tại Việt Nam ngay trong vùng “Phố không vui” (“la rue sans joie”, một vùng đầm lầy ở phía Bắc Huế), cũng là nhan đề một cuốn sách khác của ông về Việt Nam. Bi thảm và trớ trêu là đầu cuốn sách ông đã để tặng “Những người đã chết ở đó”. Ông chết khi mới 41 tuổi.

Bernard Fall đã để nhiều năm nghiên cứu về tình hình chính trị kinh tế miền Nam cũng như miền Bắc. Năm 1963 trước khi đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam bị lật đổ, ông đã cho xuất bản cuốn “Hai nước Việt Nam”¹.

¹ Nguyên văn: “The Two Vietnams” NXB. Frederick A. Praeger. U.S.A. 1967.

Cuốn này đã được duyệt lại và bổ túc hai lần để tái bản vào những năm 1964 và 1967. Trong đó tác giả đã nói rất nhiều và phân tích tỷ mỉ về thân thế sự nghiệp, tính tình và quan niệm xã hội cũng như lập trường chính trị cứng rắn của ông Diệm là những điều có ảnh hưởng quyết định đối với chế độ miền Nam lúc ấy. Tác giả cho rằng, tuy trên pháp lý nó là một chế độ Cộng hòa với đầy đủ mọi bảo đảm của một nền dân chủ, nhưng trên thực tế lại chỉ là một chế độ quân chủ tuyệt đối không vua, giống như Tây ban Nha dưới quyền của thống chế Franco.

Cuối trang 237 B. B. Fall viết: “*Thực vậy, Nam Việt Nam tuy về cơ cấu tổ chức là một chế độ Cộng Hòa - chủ yếu là để làm vừa lòng quan thầy Mỹ thường cho rằng chế độ này gần*

gửi với họ hơn bất cứ chế độ nào khác - nhưng xét theo những tương quan thực sự giữa nhà cầm quyền và kẻ dưới quyền thì đó chỉ là một nền quân chủ tuyệt đối không vua, giống như Hung Gia Lợi của Đô Đốc Horthy trong nhiều năm giữa hai cuộc thế chiến, hoặc giả như Tây ban Nha của Franco từ 1939 tới nay.”² & 2bis

² Sdd trang 237. Nguyên văn: “Thus, while Vietnam was structural-ly a republic - mostly to please its American godfathers to whom that system of government is more familiar than any other - it was in terms of actual relations between government and governed, an absolute monarchy without a king, such as Admiral Horthy’s Hungary was much of the time between the two World Wars or as Franco’s Spain has been since 1939.”

^{2bis} Francisco Franco (1892-1975), tổng thống Tây Ban Nha từ 1939 đến 1975, được du luận thế giới coi như một nhà độc tài trong thế chiến thứ hai, nhưng không giống các nhà độc tài áo nâu (Đức), áo đen (Ý), và áo đỏ (Nga).

Tác giả không có ý nói quân chủ tuyệt đối là xấu. Ông nêu trường hợp Pedro đại đế của Nga, Napoléon của Pháp làm tỷ dụ và cho rằng rất có thể ông Diệm cũng nhìn vai trò của ông dưới một góc cạnh tương tự. B. B. Fall viết: “Công việc chủ yếu ông (Diệm) phải làm là củng cố nước Việt Nam bị chia cắt để trở thành một quốc gia chống cộng có đất sống; kiến tạo một chính quyền trung ương có quyền hành vững mạnh tuyệt đối và chuẩn bị một vùng không cộng sản cuối cùng có thể ăn thua đủ với vùng cộng sản. Nói cách khác, có thể ông Diệm đã coi vị trí của ông giống Vua Gia Long là người vào cuối thế kỷ 18, với viện trợ của ngoại nhân, đã đánh bại kẻ tiếm quyền, thống nhất quốc gia Việt Nam và đặt ra các luật, lệ để cai trị được 50 năm. Trong cả hai trường hợp vấn đề không phải là có đại diện dân chúng không mà là có giữ được cho nước tồn tại sau cơn nguy biến hay không”³.

³ Sđd trang 237. Nguyên văn: “His key job was to consolidate truncated Vietnam into a viable anti-Communist state; to establish unchallenged control by the central government; and to prepare the non-Communist area for an eventual showdown with the Communist area. In other words, Diem may have considered his own position to resemble that of Emperor Gia-Long who, at the end of the eighteenth century, and with the help of foreign advisers, defeated the usurpers, reunified the Vietnam state, and gave it the codes and laws that ruled it for fifty years. In neither case was popular representation an issue, but national survival was.”

Nói về thời gian còn theo học (cùng trường với ông Hồ.) để chuẩn bị bước vào quan trường, tác giả ca ngợi ông Diệm là “học sinh tối ưu” “thành công một cách xán lạn” và “đổ đầu, cho nên vừa ra trường được bổ làm quận trưởng lúc chưa đầy 20 tuổi”.⁴

4 Sđd trang 238 và 239. Nguyên văn: “Having completed his lycee studies at Hue (precisely where Ho Chi Minh, ten years his elder,) Diem entered the French-run School of law and administration at Hanoi. An intense debater—his habit of haranguing visitors for hours on end without letting them putting in a word probably stemmed from this training — and an excellent student, as well, Diem succeeded brilliantly. He graduated in 1921 at the top of a twenty-man class and immediately entered the provincial administration as a district chief.”

Tác giả cũng nhắc đến việc Vua Bảo Đại muốn cải tổ hệ thống cai trị đã đặt ông Diệm làm thượng thư bộ Lại tức bộ nội vụ, nhưng đứng đầu nội các, (thường được coi như ngang hàng với chức thủ tướng ngày nay.) và đặc trách việc cải tổ. Nhưng luôn luôn trung thành với nguyên tắc bất di bất dịch “tất cả hoặc không gì”⁵

⁵ “All or nothing” ông đã từ chức khi thấy không đạt được điều ông muốn.

Tác giả viết: “Đúng là con người nổi tiếng thanh liêm trung

thành với nguyên tắc “ Tất cả hoặc không gì” ông (Diệm) đã từ chức vào tháng 7, sau khi công khai tố cáo nhà vua “chỉ là công cụ trong tay nhà cầm quyền Pháp” và trao trả lại tất cả mọi chức tước và huân chương mà vua Bảo Đại và người Pháp đã trao tặng ông.”

Về thời gian lui về ở ẩn như phần đông người ta thường cho rằng ông Diệm không hoạt động gì, tác giả B.B.Fall đã có những nhận định khác hẳn. Ông viết tiếp:

“Cũng giống như cha ông trước kia, và cũng như địch thủ số một của ông sau này là Hồ Chí Minh là người cũng trong cùng thời gian đó đã biến mất khỏi con mắt người đời trong hơn một thập kỷ, ông Diệm lui về sống cuộc đời nghiên cứu và đọc sách. Nhưng vai trò của ông chẳng hề thuần túy ẩn dật và hướng nội, như những nhà viết tiểu sử danh nhân chính thức thường mô tả, khiến người ta tưởng lầm như thế. Ông Diệm đã giữ những liên lạc thư từ liên tục, thường xuyên với những lãnh tụ quốc gia Việt Nam, như Phan Bội Châu, Cường Để chẳng hạn, ở trong nước và ở Nhật, và cả với những người quốc gia chống thực dân của nước ngoài, như Subha Chandra Bose của Ấn Độ, Sukarno của Nam Dương là những người trông mong vào sức mạnh đang lên của Nhật để giúp xúi sở họ tiến tới độc lập. Có thể khá chắc là ông Diệm cũng lấy làm cảm kích về một số luận cứ của họ. Nhưng vốn tin tưởng vững chắc vào xã hội của ông, hơn hẳn niềm tin của những chính khách đó nơi xã hội của họ, ông ta không có nhiều lý do bằng họ để dấn thân vào việc tìm bất cứ nguồn viện trợ duy nhất nào bên ngoài. Ngay cả sau khi Nhật đã nắm quyền kiểm soát ở VN, ông Diệm cũng từ chối không để mình công khai đứng về phe Nhật. Mặc dầu có vẻ đúng là người Nhật có giúp ông Diệm khỏi bị Pháp bắt

vào tháng 7 năm 1944 và cho ông được hưởng sự bảo vệ của bộ tổng tư lệnh của họ ở Saigon cho đến ngày họ thất trận. Nhưng cũng được biết là ông Diệm đã từ chối không nhận chức bộ trưởng trong chính phủ đoàn- mệnh Trần Trọng Kim do Nhật đỡ đầu, và như vậy đã giữ được cho lý lịch của ông khỏi bị ai cáo buộc là hợp tác với phe Trục.^{6&7}

⁶ Trục là dịch từ “Axis” gồm ba nước Đức, Ý, Nhật trong thế chiến II.

⁷ Sdd. trang 239-240. Nguyên văn: “ Like his father before him, and like his future archenemy, Hồ Chí Minh, who at that same moment also disappeared from public view for almost a decade, Ngô Đình Diệm now retired to a life of study and reading. But his role was far from cloistered and purely introspective, as his official hagiographers made it appear. Diem maintained an intense correspondence with Vietnamese nationalist leaders such as Phan Bội Châu or Prince Cường Để, at home and in Japan, and also with such foreign anticolonial nationalist as Indias Subha Chandra Bose and Indonesias Sukarno, who both banked in Japan’s rising strength to help their countries toward independence. There can be no doubt that Diem was impressed with some of their arguments, but being far more solidly anchored in his own society than Bose and Sukarno were in theirs, he had less reason to commit himself to any one source of outside help. In his New Yorker profile of Diem, Robert Shaplen says that Diem told him that he nevertheless had ‘sounded out a number of the higher-ups among the newcomers on the possibility of creating a free nation under their auspices,’ but had gotten nowhere. Even after the Japanese took over the reins of power in Vietnam, Diem refused to commit himself openly on their side. Although it is apparently true that the Japanese helped him to escape arrest by the French in July, 1944, and offered him protection of their headquarters in Saigon until V-J day, it is also known that Diem refused a ministerial portfolio in the short-lived Japanese-sponsored Tran Trong Kim administration - thus keeping his record free of charge of ‘collaboration’ with the Axis.”

Về chuyện ông Hồ nhờ ông Diệm giúp và bị từ chối, B. B. Fall viết: “ông Hồ, vốn biết ông Diệm có thiên tài về hành

chính quản trị^[++], và cũng thấy sự kém cỏi khùng khiếp của đàn em mình trong lãnh vực khó khăn đó, nên đã cho mời vị quan này đứng về phe mình và đề nghị trao cho ông chính công việc mà ông đã làm dưới quyền Bảo Đại: Bộ nội vụ. Ông Diệm đáp lại lời mời đó bằng một thái độ tiêu biểu cho con người ông “Tại sao ông giết anh tôi?” Ông Diệm hỏi. — “Đó là một sự lầm lẫn.” Ông Hồ trả lời. “Đất nước đang rối bời. Không sao tránh được.” Ông Diệm giận dữ quay gót đi ra.”⁸

[++] Ông F. Nolting, cựu đại sứ Mỹ tại Saigon từ 1961 đến tháng 8 năm 1963, thì cho rằng ông Diệm kém về mặt hành chánh. Có lẽ vị đại sứ này nhận xét theo tiêu chuẩn và quan niệm Mỹ. Trong khi ông Diệm được đào tạo theo hành chánh Pháp, (lại thấm nhuần tư tưởng nhân trị của nhà Nho, lấy đức trị dân.)

⁸ Sđd tr. 240. Nguyên văn: “But Ho, recognizing Diem’s administration gifts and the woeful ineptness of his own followers in that difficult field, summoned the mandarin to his side and offered him the very job he had held under Bảo Đại: the Ministry of the Interior. Diem’s reply was typical of the man: “Why did you kill my brother?” asked Diem. “It was a mistake,” replied Ho. “The country was all confused. It could not be helped.” Angriely, Diem turned on his heel and walked out.”

Những gì tác giả “Hai Nước Việt Nam” viết cho thấy ông tin rằng ông Diệm không chống chủ nghĩa cộng sản mà chống những người cộng sản Việt Nam là thủ phạm giết anh ông. Có lẽ vì tác giả thấy ông Diệm là người rất gần bó với gia đình theo tinh thần hiếu đễ của “người Trung Hoa và người Việt Nam” như ông viết⁹.

⁹ Giữa trang 141 B. Fall viết: “Diem did not object to Hós Communism then. What counted was that Ho had allowed Diem’s brother to be murdered” và “Family loyalty is a common Chinese and Vietnamese trait.”

Về việc ông Diệm lại từ chối chức thủ tướng do ông Bảo Đại trao vào tháng 5 năm 1949, tác giả bảo có người cho rằng vì ông Diệm không muốn Việt Minh trút nỗi bất bình của họ lên đầu hàng chục vạn giáo dân sống trong vùng họ kiểm soát, nhưng thực ra lý do đích thực của việc từ chối chức thủ tướng lúc đó là:

“Thực ra Diệm nghĩ rằng những nhượng bộ của Pháp chưa sâu rộng đủ để ông dốc thân vào thực hiện. Vẫn trên căn bản ‘Tất cả hoặc không gì’ ông Diệm lại thôi ủng hộ Bảo Đại và lập tại Nam và Trung Việt một chính đảng nhỏ mang cái tên nói lên một ‘chương trình hành động’ ‘Phong trào Quốc Gia Qua Khích.’ Phong trào kêu gọi kháng chiến chống cả Pháp lẫn Việt Minh, một cố gắng vô vọng vào năm 1949, nhưng, như một báo cáo chính trị của Pháp đã nói rõ: ‘Ông (Diệm) nhằm tổ chức lại và tăng cường lực lượng Công Giáo để đạt được sự đoàn kết thực sự và nền độc lập của Việt Nam. Ngay khi đã đủ mạnh, ông ta sẽ bắt tay vào việc giao tế với các ngoại cường nhất là Hoa Kỳ, và sẽ xin họ giúp về kinh tế và ngoại giao.’ ‘Còn đối với nước Pháp thái độ của ông ta là thân hữu vào lúc này, vì nhà cầm quyền Pháp hãy còn có ích cho ông ta. Theo quan điểm của ông Diệm, chỉ mong Mỹ can thiệp khi nào đã rõ ràng Pháp trở nên bất lực trong việc giải quyết chiến cuộc Đông Dương.’” “Báo cáo đó 6 năm sau chứng tỏ hoàn toàn là một LỜI TIỀN TRI. Nhưng vào năm 1948 chẳng ai đếm xỉa đến.”¹⁰

¹⁰ Cuối trang 241 và 142. Nguyên văn: “In reality Diem thought the concession made by France were not far-reaching enough for him to commit himself to their implementation. Playing again on an ‘all or nothing’ basis, Diem once more withdrew his support from Bảo Đại and created in South and Central Vietnam a small political party with a name that in itself was a program; Phong trao quoc Gia Qua Khich, or Nationalist Extremist Movement. The movement advocated resis-

tance against both the French and the Viet Minh (a hopeless endeavor, in 1949), but as a French political report stated: “He aims to reorganize and increase Catholic strength in order to obtain the real unity and independence of Vietnam. As soon as he has gained sufficient strength, he will enter in relations with foreign powers, notably the United States, and will seek their help in the economic and diplomatic fields. ‘Vis à vis France, his attitude is cordial for the time being, since the French authorities can still be useful to him. The United States [in Diem’s view] should be expected to intervene only when it becomes obvious that France by itself is powerless to resolve the Indochinese conflict.’ That report was to prove fully PROPHEPIC (soạn giả viết hoa để nhấn mạnh) six years later, but in 1948, it was ignored’.”

Cũng như hầu hết những người không ưa ông Diệm, Bernard B. Fall cũng nói ông Diệm thể với ông Bảo Đại sẽ trung thành với quốc trưởng. Và còn hơn thế nữa. Đây xin dịch toàn văn của tác giả về vấn đề này: “Ông Diệm đã không tiến vào cuộc đấu mà không được võ trang. Ông ta xin Bảo Đại một điều mà ông này cho đến lúc ấy vẫn đủ khôn ngoan để từ chối với các vị thủ tướng của ông ta: toàn quyền dân sự và quân sự. Sau ba ngày do dự, Bảo Đại nhượng bộ. Ông Diệm đã nhận được những quyền hành chuyên chính tuyệt đối vào ngày 19 tháng 6 năm đó (1954). Có người cho rằng Bảo Đại hoàn toàn thấy rõ mình đang đem ngai vàng quảng đi, nên bắt Diệm long trọng tuyên thệ trung thành với ông ta, và nhiều nhân chứng có uy tín còn nói quả quyết rằng ông Diệm quỳ gối trước Nam Phương hoàng hậu thể sẽ làm mọi sự trong quyền hạn của mình để bảo vệ ngai vàng Việt Nam cho hoàng thái tử Bảo Long, con của Bảo Đại.”¹¹

¹¹ Sđd. tr. 244. Nguyên văn: “Yet Diem did not step into the fight unarmed. He demanded from Bao Dai something the latter had thus far always been wise enough to refuse to his Premiers: full and complete civilian and military powers. After three days of hesitation, Bao Dai yielded. Diem received absolute dictatorial powers on June 19.

Fully realizing that he was throwing his throne away, Bao Dai allegedly made Diem swear a solemn oath of allegiance to him, and several authoritative witnesses affirm that Diem also swore on his knees to Empress Nam Phuong that he would do everything in his power “to preserve the throne of Vietnam for Crown Prince Bao Long,” son of Bao Dai.”

Những lời tường thuật nhẹ nhàng trên đây của B.B. Fall cũng phần nào trùng hợp với lời cáo buộc của tướng Đỗ Mậu trong tác phẩm “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi.” Tuy nhẹ nhàng thật đấy, nhưng nó dẫn đến kết luận chết người: Ông Diệm vừa không có phẩm cách, ham quyền cố vị, vừa là con người lừa thầy phản bạn, không biết chữ tín là gì. Nếu ông Bảo Đại chết rồi hoặc không đích thân viết hồi ký nói ngược lại những điều bịa đặt trên (xin xem lại chương 1), thì những cái tin kiểu “có người cho rằng” của tiến sĩ giáo sư Bernard Fall nó tai hại đến chừng nào cho uy tín một lãnh tụ quốc gia Việt Nam như ông Ngô Đình Diệm. Nhưng các tác giả Mỹ có mấy người đọc “Le Dragon d’Annam” của Bảo Đại? Ông Diệm đã chết không để lại hồi ký để tự bào chữa như các ông Bùi Diễm, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Đôn và Nguyễn Chánh Thi. Nhưng lịch sử sẽ là trạng sư bào chữa cho ông, như đài BBC đã nói ngay khi vừa được tin ông bị giết.

Ở trên đọc giả đã thấy B. B. Fall ví ông Diệm như Franco, lại cho rằng ông ta có một cái nhìn từ góc cạnh giống như Pedro Đại Đế của Nga hay Napoléon của Pháp. Cứ xét hoàn cảnh của Tây Ban Nha hồi 1939, 1940, và tình hình Âu Châu hồi ấy so với tình hình Nam Việt Nam trong những năm 1959, 1960 thì ta tưởng có lẽ tác giả “Hai nước Việt Nam” cũng đồng quan điểm với Colby(12). Nhưng người đọc sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng sau khi nhận xét về thái độ của

ông Diệm quỳ gối trước hoàng hậu Nam Phương thì thái độ của tác giả cũng thay đổi hẳn. Ông chỉ trích ông Diệm nặng nề. Nêu lên những sự kiện cụ thể để kết tội ông Diệm đàn áp đối lập (bỏ tù chủ báo *Thời Luận* Nghiêm Xuân Thiện, và các chính khách trong nhóm Caravelle, (trang 270 và 271). Ông cũng chê trách các giới chức Mỹ và các ký giả các báo Mỹ như tuần báo *Thời Đại*, nhật báo *Nữ Uớc Thời Báo* hay hãng thông tấn Mỹ (AP) là đã chẳng hiểu mô tê gì khi khen ông Diệm. Có điều tuy ông kết tội ông Diệm bỏ tù ông Nghiêm Xuân Thiện mấy tháng, nhưng cũng phải nhìn nhận là ông này vẫn được tiếp tục bày tỏ lập trường chống đối một cách hợp pháp qua việc đứng vận động cho liên danh Hồ Nhật Tân, Nguyễn Thế Truyền trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 9 tháng 4 năm 1961. Ông Fall đã ở Bắc Việt một thời gian chắc biết rõ ông Hồ Chí Minh đối xử với đối lập ra sao và hai đảng Dân chủ và Xã hội của các ông Nghiêm Xuân Yêm và Nguyễn Xiển có bao giờ dám hé răng phê bình đảng cộng sản không hay chỉ luôn luôn vuốt đuôi, ca tụng mà thôi. Ông cũng nhìn nhận là ông Phan Quang Đán, thuộc nhóm Caravelle, chỉ bị bắt vào tháng 11, nghĩa là sau khi ông đã tham gia cuộc đảo chính 11-1960. Tội âm mưu lật đổ chính phủ hợp hiến hợp pháp đáng hình phạt gì? Nhưng ông Đán cũng chỉ bị giam.

Tóm lại ông Bernard Fall ban đầu tuy không khen nhiều, nhưng có vẻ bênh phần nào. Rồi sau đó quay đả kích kịch liệt.

Chương 9

Marguerite Higgins: Thanh thế của ông Diệm lây lừng như trong truyện cổ tích

Nữ ký giả Marguerite Higgins (1920-Jan, 1966), giải Pulitzer phóng viên quốc tế 1951, sinh ở Hương Cảng. Khi còn là hài nhi 6 tháng bà đã biết Việt Nam và cho đến năm 1965 đã 10 lần đến Việt Nam trong nhiệm vụ phóng viên cho nhiều tờ báo lớn của Mỹ. Bà đã từng cộng tác với trên 60 tờ báo kể cả các



Marguerite Higgins được một tờ báo bình luận: phóng viên chiến trường có ngòi bút thép. Hình: T.L.

tờ *Washington Evening Star*, *Chicago Daily News*, *Boston Herald*, *Seattle Times*, đã từng là phóng viên chiến trường ở Đức và Triều Tiên. Bà cũng là tác giả nhiều cuốn sách

trong đó có cuốn về cuộc chiến tranh Triều Tiên. (Tại đây bà đã phải phấn đấu cam go với tướng McArthur mới có thể trở lại để làm nhiệm vụ phóng viên chiến trường). Bà coi mình như người có những liên hệ mật thiết với Việt Nam, một xứ sở, một dân tộc từng làm bà vui thích đến say mê¹.

¹ “Our Vietnam nightmare”, “Vietnam, cơn ác mộng của chúng ta” NXB Harper & Row, 1965. Trang 2.

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam lần thứ 7 vào mùa hè 1963 bà đã xông xáo, lặn lội đến nhiều làng xã và các đơn vị chiến đấu (tờ *Time* số ra ngày 14 tháng 1 năm 1966, 11 ngày sau khi bà mất, (lúc mới 45 tuổi) đã thuật lại lời một binh sĩ Mỹ nói về tinh thần xông xáo nơi trận địa của bà như sau: “Maggie trang điểm bằng bùn đất cũng như các phụ nữ khác trang điểm bằng son phấn”^{1bis}

^{1bis} Time magazine Jan 14, 1966. Trang 61. Nguyên văn: “Maggie wears mud like other women wear makeup”.

Theo tờ tuần san này thì ngay khi còn ở trên máy bay từ Việt Nam về nước bà đã lâm trọng bệnh và qua đời chỉ hơn 3 tháng sau đó. Nhưng trong khi bệnh nặng người nữ ký giả yêu nghề vẫn viết đều đặn mỗi tuần 3 bài xã luận.

Bà đã ngồi đàm đạo cùng tổng thống Ngô Đình Diệm 5 giờ đồng hồ và cho biết: với bà ông Diệm không độc thoại, như với các ký giả khác².

² Sdd trang 165. Có lẽ vì vị tổng thống độc thân này thích nghe một nữ ký giả nói chằng. Chính tướng Maxwell Taylor cũng nói rằng trong cuộc hội kiến 4 giờ với ông Diệm vị tướng này phải khó khăn lắm mới nói chen vào được một vài câu.

Phải chăng vì cái đặc ân này mà nữ ký giả Marguerite Higgins đã hết lời ca ngợi tổng thống Ngô Đình Diệm và cố bào chữa cho ông trước dư luận Mỹ lúc ấy vô cùng bất

lợi cho ông? Dĩ nhiên đó chỉ là một ý nghĩ hài hước chạy qua đầu soạn giả khi cố chọn mấy đoạn tiêu biểu trong tác phẩm trên ba trăm trang này mà hầu hết gồm vô số sự việc sống động với những dẫn chứng cụ thể của một nhà báo xông xáo khắp 4 vùng chiến thuật,³

³ Cuối trang 37-39 “And in the summer of 1963, as I wandered from village to village, North, South, East, and West, it became perfectly clear to me that so called “religious persecutions” had nothing whatsoever to do with the realities of life as experienced by the overwhelming majority of people in the countryside. Further, most people in the countryside did not have any notion of what was going on in Saigon, or for that matter, ten kilometers beyond the village. For example, I asked a respected village notable in a strategic hamlet near Quảng Ngãi if he had heard about the troubles in the cities: “I try to keep up on things”, he said, “and twice a year a woman who lives in a house six lanes away sends her son by bicycle to the city [Province capital] to buy a newspaper and we get someone to read it to us. But this year the rice crop was very good, so good that the lady could not spare her son, so we did not get any newspapers.”

đi đến hàng chục thôn ấp, từ vùng núi non đến vùng châu thổ và duyên hải, để tìm hiểu nguyên nhân vì đâu mà một con người chỉ trước đó ít lâu được gọi là thần kỳ, “con người mà thẩm phán tối cao pháp viện Mỹ W. Douglas gọi là anh hùng của Việt Nam bỗng dung biến thành một con quái vật.”⁴

⁴trang 15.

Về buổi thiếu thời và sự giáo dục của ông Diệm, bà Higgins viết trong tác phẩm “Our Vietnam nightmare”: “Cha của Diệm chẳng những là vị quan cao cấp nhất trong triều (tương tự như tể tướng), nhưng còn là một học giả lỗi lạc và một nhà giáo dục, và đối với một người có địa vị như ông, có vẻ như hơi lập dị. Vì ông cho rằng con mình phải

học lao động cực khổ cũng như thợ phú. “Đàn ông con trai phải hiểu đời sống nhà nông”, Ngô Đình Khả thường hay nói thế. Và điều này giải thích tại sao Diệm và 5 anh, em của Diệm thỉnh thoảng được sai đi tới đồng lúa bùn lầy để giúp nông dân làm công việc trồng lúa vất vả, cực khổ.⁵

⁵ Trang 159. Trang 159. Nguyên văn: “Diem’s father was not only the highest-ranking mandarin at the court (something like the grand vizier) but a brilliant scholar and educator, and for a man of his position, something of an eccentric. Ngo Dinh Kha felt that his sons should learn about hard labor as well as poetry. ‘A man must understand the life of a farmer,’ Ngo Dinh Kha used to say. And this apparently explains why Diem and his five brothers were sometimes sent into the muddy rice paddies to help the farmers in their toilsome planting.”

“Ngô Đình Diệm sinh ngày 3 tháng 1 năm 1901, ở tỉnh Quảng Bình, phía bắc vĩ tuyến 17. Hồ Chí Minh cũng sinh ở phía Bắc. Họ Ngô đã trở lại đạo Công Giáo có lẽ đến 300 năm trước khi Diệm ra đời. Họ rất sùng đạo, và Diệm cũng không phải luật trừ. Thời niên thiếu Diệm đã nghĩ đến chuyện đi tu làm linh mục. Nhưng, như ông có lần giải thích cho tôi, ngay thời gian còn rất trẻ đó ông đã cảm thấy rằng trong đời ông cuộc xung đột giữa chủ nghĩa quốc gia Việt Nam và chủ nghĩa thực dân Pháp sẽ lên tới tột đỉnh. ‘Và lúc ấy tôi muốn giữ một vai trò trong đó.’ Diệm nói. ‘Và hơn nữa, khi mối quan tâm của tôi mở rộng ra thì cuộc sống cho Giáo Hội không đủ.’ Không giống như nhiều người quốc gia đồng bào ông, Diệm được giáo dục hoàn toàn ở trong nước, mặc dầu khi còn ở bậc trung học ông đã được điểm cao trong các kỳ thi ở trường quốc học Huế, nên được học bổng tại Paris. Nhưng ông đã không nhận. Mẹ ông Diệm có lần đã nhận xét: ‘Trong số các con tôi,

anh nào đi du học ngoại quốc về đều có pha lẫn nhiều điều và mang nhiều mâu thuẫn trong người. Nhưng Diệm thì thuần túy Việt Nam’.

Từ nhận xét trên về căn bản giáo dục của ông Diệm, M. Higgins dẫn đến hành động của ông thời làm tuần vũ Phan Phiết, rồi tới thời gian ông làm tổng thống: “Kinh nghiệm của Diệm khi làm tỉnh trưởng đã cho ông mối quan tâm dài lâu đối với miền quê VN và những vấn đề thực tiễn của nông nghiệp, nước, đập nước và trường học. Khi làm tổng thống, những quan tâm đó làm ông thường hay ra khỏi SG mỗi tuần ít nhất vài ba ngày.

“Có một huyền thoại kỳ lạ về sự cô lập và xa rời quần chúng của ông Diệm càng ngày càng tăng vào những giai đoạn sau này của nhiệm kỳ tổng thống của ông và nhiều người Mỹ đã lầm tưởng ông ta không chịu hòa đồng với dân.” Vì cái huyền thoại phổ biến đó, tôi xin đăng lại ở đây bức thư tháng 7 năm 1965 của đại sứ F. Nolting nói lên quan điểm sâu sắc về những chuyến đi kinh lý của ông Diệm ở giữa dân làng Việt Nam.⁶

6 Trang 160-162. Nguyên văn: “Diem’s experience as a province’s chief gave him a lasting interest in the Vietnamese countryside and in the practical problems of agriculture, water, dams, and schools. As president, these interests took him out of Saigon at least several days each week. A curious legend of isolation and aloofness grew up about Diem in the latter stage of his presidency and many Americans mistakenly believed he refused to identify with his people. Because of this prevailing myth I include here a letter of July 1965, from former ambassador Nolting giving an intimate view of Diem’s journeys among the Vietnamese villagers.

(Bức thư ghi:) “Ông Diệm là người đi đường không biết mệt. Ông rời Saigon đi về các tỉnh hai ba ngày mỗi tuần. Ông làm chúng tôi mệt lả, tả tơi để theo kịp ông. Ngoài những bộ

tư lệnh quân đội và các tiền đồn, ông còn đi tới tận các quận huyện xa xôi, thôn xã hẻo lánh, ở Cà Mau, những làng thượng trên cao nguyên và những trại huấn luyện người Thượng, những hải đảo ở ngoài khơi, tới sát vĩ tuyến 17, v.v. Như cô biết đó, Diệm đã từng là tỉnh trưởng thời Pháp thuộc (một tỉnh trưởng cực tốt.) Và ông ta rất thích những vấn đề nông nghiệp địa phương - như các điều kiện sinh sống, trường học, nước uống, đường xá, sông lạch, hạt giống, phân bón, thâm canh, vấn đề chủ điền, tá điền, gia cư, v.v. Ông ta có đầy đủ ý kiến và những đề xuất tại chỗ để cải tiến. Ông ta đặc biệt thích thú và tự hào về những trạm cải tiến nông nghiệp mà chính phủ ông đã thành lập, dạy bảo nhiều điều từ việc trồng cây ăn trái và cây có củ, đến các hồ nuôi cá, cách làm bột sắn và ngay cả cách làm nấm rơm nữa.

“Tôi đã theo ông Diệm trong nhiều, rất nhiều chuyến đi (và cũng đi nhiều chuyến riêng khác để biết phản ứng.) Và tôi chắc chắn là ông ta thực sự và thành thực cố tìm ra sự thực về các điều kiện nông thôn và các nhà chức trách ở miền quê, khuyến khích mọi người nêu lên những vấn đề khó khăn, những khiếm nại, và giải quyết nhiều việc ngay tại chỗ. Ông ta không phải nhà hùng biện trước đám đông, nhưng cực kỳ công hiệu đối với những toán nhỏ dân quê và dân làng, ông không câu nệ lễ nghi, thực sự thích dân, có cảm tình với họ, gây được thiện cảm và thường đi đến những biện pháp sửa chữa thực tế. Ông ta chắc chắn và hoàn toàn không phải là người xa rời quần chúng như nhiều người mô tả. Ông ta hay than phiền về những nghi lễ mà các quan tỉnh đặt ra cho ông và thích được nói chuyện tự do với những toán nhỏ dân chúng, ăn uống đơn sơ với ít bô lão trong làng và bàn luận với họ những vấn đề thực tiễn. Sự kiện ông Diệm không bắt tay hay vỗ lưng người khác mà chỉ cúi đầu

đáp lễ, dĩ nhiên là do phong tục của giới bình dân Việt Nam. Chứ chẳng phải là phản ứng của một người sống tách biệt hay một thái độ thiếu quan tâm đến người khác (như một số nhà báo đã nói lên ý nghĩ của họ.)

“Trong những chuyến đi chung với ông Diệm, chương trình của chúng tôi thường là: khởi hành từ Saigon vào lúc 5 giờ sáng, bay tới một bãi đáp gần nơi phải tới nhất. Rồi lên xe con, xe jeep hay trực thăng tùy theo con đường, thỉnh thoảng phải đi bộ hay thuyền tới một ấp hay xã. Đối với một người đàn ông lùn, mập, thì ông Diệm là một người đi bộ rất nhanh và không có ngọn đồi hay bụi rậm nào có thể làm ông chùn bước. Ông thường nói cha của ông dạy rằng lên đồi thì chạy còn xuống đồi thì đi thường. Sau khi đã viếng 4 hay 5 thôn, xã hay tiền đồn trong ngày, chúng tôi thường về đến Saigon vào khoảng 8, 9 giờ tối. Thỉnh thoảng trong những chuyến đi dài, chúng tôi nghỉ lại đêm. Bữa ăn thì có khi thịnh soạn có khi đơn sơ. Ông Diệm thích những bữa thanh đạm hơn. Tôi nhớ có nhiều dịp đã nhắc tôi nhớ lại những lần đi cắm trại ở Virginia khi còn nhỏ - dưa hấu, bắp nướng còn cùi, và thậm chí cả cá bông lau vừa bắt dưới sông lên. Với những chuyến đi như vậy, chắc trong khoảng thời gian từ 1961 đến 1963 chúng tôi đã thăm hết hay hầu hết các tỉnh trong số 41 tỉnh ở Việt Nam vào lúc đó, và có những tỉnh chúng tôi đã tới thăm nhiều lần. Những chuyến đi như vậy luôn luôn khoan khoái và ích lợi. Và tôi chắc chắn có một mối tương quan tốt giữa vị tổng thống và đại đa số dân quê. Rủi thay điều đó lại không đúng đối với tầng lớp “trí thức” ở Saigon. Có lẽ vì vậy ông Diệm thường náo nức muốn đi thăm thôn quê.

“Tôi chưa bao giờ biết chắc thế nào là “người QUAN CÁCH”, nhưng nếu ông Diệm mà là quan-cách thì tôi thích

thứ quan cách đó. Ông ấy là một lãnh tụ tốt, trung thực, quả cảm và đáng kính, theo sự quan sát kề cận của tôi suốt hơn một năm rưỡi. Mặc dầu tôi đã gặp khó khăn và tốn thì giờ trong nhiều lần thương lượng với ông, tôi vẫn luôn luôn kính trọng ông về sự kiên trì trong mục đích và, lạ thay, ông còn có cả một sự nhã nhặn và thương cảm trong khi nói những điều trái ý tôi. [Ông ta thường dùng kỳ nghỉ một ngày rưỡi trong dịp Lễ Giáng Sinh, là kỳ nghỉ duy nhất của ông, để đến ở với binh sĩ tại những tiền đồn xa xôi nhất mà ông có thể tìm thấy.]⁷

⁷“Diem was an indefatigable traveller.” He was out of Saigon in the provinces two-three days out of every week. He ran us ragged trying to keep up with him. In addition to army headquarters and outposts, he visited the remotest villages and districts, Ca Mau, Montagnard villages and training camps, off-shore islands, seventeenth parallel, etc. As you know, Diem had been a province chief under the French [a darned good one] and he was intensely interested in local rural problems - healthy conditions, schools, water supply, roads, canals, seeds, fertilizer, crop diversification, land ownership, land rents, housing, etc. He was full of ideas and on-the-spot suggestions for improvement. He was especially interested in, and proud of, the agricultural improvement stations which his government had established, teaching many things, from fruit and nut-tree raising to fishponds, manioc-grinding, and even mushroom-raising in rice-straw stacks. I accompanied Diem on many, many trips [and took many others to try to get reaction on my own.] I am sure that he was genuinely and sincerely seeking out the truth about rural conditions and rural government, inviting the airing of problems and complaints and settling many matters on the spot. He was not a good orator before big crowds, but extremely effective with groups of peasants and villagers, informal, inquiring, genuinely interested and sympathetic, and usually coming up with practical remedies. He was any thing but aloof as depicted. He frequently complained about the ceremonies laid on for him by provincial officials, preferring to talk to the people in small groups, to eat simply with a few

of the village elders, to discuss real problems, The fact that he did not shake hands and slap backs, but bowed instead, was of course the result of his country's customs [*italics mine*] not a reflection of an aloof or disinterested attitude (as some members of the press professed to think). On trips with Diem, our usual schedule was to leave Saigon at 5 am, fly to the airstrip nearest our destination, take a car, jeep or helicopter (depending on roads) sometimes reaching a hamlet or village by foot or row-boat. For a short, stout man, Diem was a fast walker and no hill or underbrush stopped him. He used to say that his father taught him to run uphill and walk down. After visiting four or five hamlets, outposts, or villages during the day, we would generally return to Saigon around 8 or 9 pm. Sometimes, on longer trips, we would spend the night. Meals were sometimes elaborate, sometimes simple. Diem preferred the simple ones. I remember many occasions which reminded me of camping trips when I was a boy in Virginia - watermelon, roasted corn on the cob, even skinned catfish caught in the river. On such trips, we must have visited, between 1961 and 1963, all, or nearly all, of the then 41 provinces of South Vietnam - many times in some of them. These trips were always refreshing and rewarding, and I am sure that there was a real rapport and mutual respect between President Diem and the large majority of the rural people. Unfortunately, this was not true of the "intellectual" of Saigon. Maybe that's why Diem was always eager to visit the countryside. I have never been quite sure what the "mandarin type" is, but if Diem is one, I am for it. He was a good, honest, courageous, and respected leader - according to my close observation over 1,5 years. Although I had many difficult and time-consuming negotiations with him, I always respected him and admired his tenacity of purpose and, strangely, his gentleness and compassion. (He used to spend his 11/2 day Christmas holiday, the only days-off he took, in the remotest military outpost he could find, with the troops)

Đó là nhận xét và cảm nghĩ của Đại sứ Frederick Nolting trong lá thư gửi cho bà Higgins. Sau đây là nhận xét và cảm nghĩ của riêng người nữ ký giả: "Trong câu chuyện dành cho tôi,⁸

⁸ Ngày 7 tháng 8 năm 1963, cuộc phỏng vấn cuối cùng ông Diệm

dành cho một phóng viên nước ngoài theo nhận xét của tác giả nơi trang 165.

Ông Ngô Đình Diệm có vẻ là một học giả Nho Giáo hơn hẳn một tín đồ Công Giáo sùng đạo, một cảm nghĩ có lẽ phát sinh từ cuộc luận đàm giữa ông và tôi về rất nhiều đề tài khác nhau - nào chính trị toàn cầu và phát triển thế giới, nào các thái độ của châu Á, những triết thuyết khác nhau về chính phủ, những quan niệm trần thế - đều được nhắc đến trong cái khung cảnh rộng lớn này.”

Sau lá thư của Nolting, tác giả còn nhắc đến nhiều nhân vật khác và trung dẫn nhận xét và cảm nghĩ tốt đẹp của họ dành cho chính phủ Ngô Đình Diệm, trong đó có các ông: William Henderson, chuyên gia về các vấn đề Viễn Đông trong Hội Đồng quan hệ quốc ngoại, là người thường chỉ trích ông Diệm kịch liệt nhất cũng phải nhận rằng, nhìn lại những khó khăn trở ngại mà ông Diệm đã vượt qua để củng cố quyền hành đã tạo nên “Một phép lạ chính trị có tầm cỡ rộng lớn nhất” lúc bấy giờ⁹.

⁹ Trang 162. Nguyên văn: “Even his most articulate critics such as William Henderson, Far East specialist on the Council of Foreign Relations, agreed that ‘in retrospect the survival of Ngo Dinh Diem’s anti-Communist government and the effective consolidation of its power throughout most of Free Vietnam constitute a political miracle of the first magnitude’”. Trang 163 nguyên văn: “In December 1959, Wolf Ladejinsky, the American expert who supervised the landreform program in Japan and Taiwan as well as in South Vietnam, wrote in Reporter magazine: ‘The slogan ‘land to the landless’ used so effectively by the communist in their drive for power has been a source of bitter disappointment and tragedy to many farmers of North Vietnam. Not so in South Vietnam. Beginning two years ago, a sizable portion of the large landlords’ holdings has been distributed among landless tenants. By now, approximately 35% of the tenants have become landed proprietors. An earlier measure which

limited land rents to 25% of the crops, or about half the rentals formerly received by the landlords has made landlordism less attractive than it once was.”

Wolf Ladejinsky, giám định viên Mỹ về các cuộc cải cách điền địa ở Nhật và Đài Loan cũng như ở Nam Việt Nam đã nêu những con số thống kê chính xác để ca ngợi chương trình cải cách ruộng đất của chính phủ Diệm. Và những ký giả khác của báo “Christian Science Monitor”, “Le Monde” đều được trích dẫn để chứng minh những thành quả của chính phủ Ngô Đình Diệm.¹⁰

¹⁰ Trang 17.

Bà M. Higgins chắc là phải thích thú khi nghe tổng thống Diệm trình bày các vấn đề khó khăn và hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam vào lúc đó, cho nên đã nhắc lại trong nhiều trang sách nguyên văn những lời ông nói với bà như là một cách giúp ông tự biện minh trước dư luận thế giới, nhất là dư luận Mỹ đang bị phẫn nộ, nếu không phải là hầu hết, ký giả đầu độc. Nếu bạn đọc thấy tò mò muốn biết xin đọc 3 trang 166-168 Sdd

Về vấn đề Phật Giáo là vấn đề gai góc nhất của ông Diệm và có thể nói chính nó làm ông Diệm đổ, M.Higgins đã mạnh bạo đưa ra những ý kiến khiến một số tăng lữ và Phật tử phải bất bình. Sở dĩ nữ ký giả này dám nói ngược lại phần đông những đồng nghiệp của bà là vì bà đã đến tận những nơi xảy ra các cuộc biểu tình, tuyệt thực, hay những miền quê để điều tra trong tinh thần vô tư và khách quan. Những con số mà bà trưng dẫn làm bằng cũng dựa trên những thống kê có xuất xứ đáng tin cậy. Sau đây là cảnh tượng tại Chùa Xá Lợi, nơi tác giả tới đầu tiên để tìm hiểu về “vụ Phật Giáo”, xem đó là một vấn đề tôn giáo thực

sự hay chỉ là một vấn đề chính trị giả trang, như câu hỏi luôn luôn ở trong đầu người nữ ký giả dày kinh nghiệm.

*“Chùa Xá lợi chính là nơi được sử dụng để làm bộ chỉ huy gây rối trong các chiến dịch của Phật tử chống ông Diệm. Chính tại đây các máy quay rô-nê-ô không ngừng in ra những tài liệu tuyên truyền về cái gọi là sự bách hại (Phật Giáo.) Chính từ những phòng họp từ phía sau mà những mệnh lệnh được truyền đi tới các toán tự vệ dần dựng nên những cuộc tự thiêu của các huynh đệ của họ.”*¹¹

¹¹ M. Higgins là ký giả nói nhiều nhất về lai lịch, hành động và tính tình của thượng tọa Thích Trí Quang mà bà cho rằng là con người có tham vọng hay mưu đồ chính trị hơn là một nhà tu hành, càng không hợp với lối tu của Đạo Phật. (Từ trang 25 đến trang 35.)

Hơn hai mươi trang của chương 3 được tác giả dành cho việc chứng minh không có vấn đề bách hại hay kỳ thị tôn giáo trong chế độ Ngô Đình Diệm. (Các trang 36-58.)

Mặc dù khi xuất bản tác phẩm của mình bà Higgins chưa có những tài liệu mật sau này được giải mật như các ông Hoàng Ngọc Thành¹²,

¹² xin xem chương 23

hay John M. Newman

¹³ xin xem chương 16,

nhưng nhờ có bạn ở bộ ngoại giao nên đã biết đích xác các ông Harriman và Roger Hilsman là những người cố gắng bằng mọi cách hạ ông Diệm, và còn nói “khi hồ sơ mật được mở ra, lịch sử sẽ cho thấy phó tổng thống Johnson đã kiên trì cố gắng đẩy lui xu hướng (muốn lật ông Diệm) không phải vì cảm tình đặc biệt với ông này, nhưng vì sợ nó sẽ có thể di hại đến nỗ lực chiến tranh và sự ổn định chính trị”¹⁴.

¹⁴ Trang 188. Nguyên văn: “When the secret files are opened, history will show that Vice President Johnson made very strenuous, though secret, efforts to try to stem the tide - not out of any particular love for Diem, but out of fear of what his overthrow might do to the war effort and political stability.

Theo bà Higgins thì lúc đó ngoài phó tổng thống L.B. Johnson các ông McNamara, bộ trưởng quốc phòng, tướng Maxwell Taylor, chủ tịch ủy ban tham mưu liên quân và McCone giám đốc CIA cũng chống việc lật đổ ông Diệm.

Nơi trang 298 tác giả “Việt Nam, cơn ác mộng của chúng ta” đã cho việc Hoa kỳ lật đổ ông Diệm (Lúc ấy các tài liệu mật chưa được giải mật nên phần đông dư luận Mỹ đều cho rằng đó là công việc hoàn toàn nội bộ của Việt Nam, giữa ông Diệm và các tướng lãnh của ông, chứ người Mỹ không hề có nhúng tay vào) là một “sự can thiệp xấu xa và không thể tha thứ vào nội bộ của một nước khác”¹⁵ (trang 298).

¹⁵ Trang 296. Nguyên văn: “...the overthrow of a friendly allied leader is morally wrong, historically unsound, and totally dishonorable.”

Ba trang sau bà Higgins đã trưng dẫn lời của một nhà báo Úc thân cộng viết rằng:

“Hồ Chí Minh đã đón mừng tin ông Diệm bị lật đổ bằng nhận định sau đây: “Tôi thật không ngờ người Mỹ lại có thể ngu đến như vậy”.¹⁶

¹⁶ Trang 302. Nguyên văn: “According to an Australian journalist, with communist sympathies, Hồ chí Minh greeted news of Diem’s overthrow with the remark,” I could scarcely believe that the Americans would be so stupid.”

Theo soạn giả, nếu người Mỹ không muốn mang tiếng là một dân tộc ngu như Hồ chí Minh nói, thì hãy đổ cái ngu ấy lên đầu chính quyền Kennedy, hay cho gọn hơn,

lên đầu mấy nhà ngoại giao cỡ ông Cabot Lodge, Averell Harriman, Roger Hilsman và cố vấn an ninh Michael Forrestal, và dĩ nhiên lên đầu các nhà báo cỡ Neil Sheehan, David Halberstam. Họ ngu hay có ác tâm, thù vật hay có một âm mưu thâm kín? Xin mời đọc các chương kế.

Chương 10

Lyndon Baines Johnson: Ngõ Đình Diệm, Churchill của thập kỷ tại Á Châu.¹

L yndon B. Johnson (1908-1973), thuộc đảng Dân Chủ, là tổng thống thứ 36 của Hiệp Chúng Quốc Mỹ. Phó tổng thống Hubert Humphrey có lần gọi ông là “tổng thống Toàn Mỹ.” Trước khi



Lyndon B. Johnson (1908-1973) (trái)
và TT. J.F. Kennedy. Hình: T.L.

¹ Xin xem “JFK and Vietnam” của John M. Newman trang 71 và “Vietnam a history của Stanley Karnow trang 112. Sir Winston Leonard Spencer Churchill là thủ tướng Anh trong thế chiến II (1939-1945), và cũng là người được giải thưởng Nobel văn chương. Ông đã thành công trong việc thuyết phục tổng thống Mỹ Franklin Delano Roosevelt viện trợ cho Anh để chống Đức Quốc Xã và khiến Hoa Kỳ rời bỏ chủ nghĩa cô lập, nhảy vào vòng chiến, giải phóng Âu châu. Có lẽ ông Johnson muốn, (đại diện tổng thống Kennedy), nhắc nhở tổng thống Diệm, là người rất thuộc lịch sử, hãy noi gương cố thủ tướng Churchill cầu viện binh của Mỹ để cứu Việt Nam khỏi sự thống trị của cộng sản, hay ít ra khỏi sự phá hoại của

tổng thống J.F. Kennedy bị ám sát tại Dallas, Texas ngày 22 tháng 11 năm 1963 (đúng 3 tuần sau khi ông lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm, gây nên cái chết bi thảm của hai ông Diệm, Nhu), ông Johnson là phó tổng thống và là người không đồng ý trong việc chính quyền Kennedy toan tính lật đổ ông Diệm. Sau khi ông Kennedy mất rồi, ông Johnson lãnh đủ hậu quả tai hại của việc lật đổ ông Diệm. Chiến tranh mở rộng. Miền Nam bị đe dọa nặng nề và có thể mất vào tay cộng sản bất cứ lúc nào. Vì vậy, ngược hẳn với ý muốn của mình, ông Johnson đã phải cho quân tác chiến Mỹ đến Việt Nam^[+], trực tiếp ngăn chặn làn sóng đỏ, để giữ lời cam kết của hai vị tiền nhiệm không để miền Đông Nam Á lọt vào tay cộng sản.

[+] Các đơn vị thủy quân lục chiến đổ bộ lên bờ biển Đà Nẵng sáng ngày 8 tháng 3 năm 1965.

Tháng 5 năm 1961 ông Johnson tới VN với tư cách là phó tổng thống, đại diện tổng thống J. F. Kennedy, để bàn chuyện viện trợ cho Việt Nam. Trong tác phẩm “Uu Thế” thuật lại những gì ông đã làm trong thời gian cầm quyền từ 1963 đến 1969, ông đã khoe rằng chỉ trong không đầy ba giờ đồng hồ thảo luận với tổng thống Diệm ông đã có thể đi đến một thỏa thuận về tất cả mọi vấn đề với vị tổng thống rất khó tính “đầy lòng tự hào và khó thương

chúng tại miền Nam Việt Nam lúc ấy đã bước sang giai đoạn nguy kịch. Chắc các sử gia Karnow và Newman không nghĩ tới điều này, và nếu ông Karnow cùng với các ông Harriman, Hilsman, Forrestal mà ở trong bộ ngoại giao của tổng thống Roosevelt chắc các ông ấy cũng khuyên nên để cho Đức quốc xã làm thịt các nước bạn để thỏa mãn tính ích kỷ, trịch thượng và chủ trương “phản chiến” của các ông ấy. Và nếu điều bất hạnh đó xảy ra thì biết đâu, sau khi làm thịt châu Âu rồi châu Phi, Đức Quốc Xã chẳng chiếu cố đến châu Mỹ và liệu Hoa Kỳ có tránh thảm bại hay không (như sau này thảm bại ở Việt Nam.)

thuyết.” Quá phấn khởi về sự thành công của mình, ông đã ca ngợi tổng thống Diệm là Churchill của thập kỷ của Á Châu tại bữa dạ tiệc do tổng thống Diệm khoản đãi. Nhưng các sử gia Stanley Karnow, tác giả “Vietnam, a history” và John M. Newman, tác giả “JFK and Vietnam” viết rằng ông Johnson khen không thật lòng và có ý nịnh ông Diệm thôi. Ông Trần Ngọc Dũng khi dịch cuốn sách của ông Newman nơi trang 69 “John F. Kennedy và chiến tranh Việt Nam” còn viết nặng hơn khi thêm vào sau từ “nịnh” một chữ “bợ” to tướng. Một phó tổng thống đại diện tổng thống một siêu cường nịnh tổng thống một quốc gia nhỏ bé chỉ bằng nửa tiểu bang California trong số 50 tiểu bang của siêu cường, đó đã là chuyện hơi khó nghe, lại còn bợ nữa thì không hiểu các tác giả hay dịch giả nói trên nghĩ gì về tư cách của vị lãnh đạo Hoa Kỳ, nhất là khi người Mỹ thường tự phụ rằng các nhà lãnh đạo của họ luôn luôn được bầu lên một cách công bình tuyệt đối, không giống như những cuộc “bầu cử gian lận” tại miền Nam VN thời đệ nhất hay đệ nhị Cộng Hòa.” Nghĩa là các tác giả, dịch giả trên có ý nói con người đứng hàng thứ nhì, và sau này lên đứng hàng thứ nhất, trong số gần 300 triệu dân Mỹ ưu Việt, đại diện cho toàn dân tộc Mỹ bách chiến bách thắng, đã nói láo, hay đánh lừa.^[++]

[++] Riêng về lời bình phẩm của Stanley Karnow, xin xem chương 11.

Đáng nói hơn, không phải chỉ tổng thống Johnson ca ngợi Ngô Đình Diệm. Tổng thống Eisenhower, anh hùng của thế chiến II, trước đó 4 năm cũng đã gọi ông Diệm là con người thần kỳ (tức làm nên những điều kỳ diệu, người thường không làm được).²

² xem chương 6.

Đặc biệt là tổng thống Nixon, 22 năm sau cuộc đảo chính lật đổ và sát hại ông Diệm còn ca ngợi ông Diệm bằng một hình ảnh kiến trúc chính trị như đại đa số dân Mỹ ngày nay phải công nhận, ông là kiến trúc sư thượng thặng.³

³ xem chương 17.

Cựu đại sứ Nolting trong cuốn “Tù tín nhiệm đến thăm kịch” đã cho biết tổng thống Lyndon B. Johnson vẫn cho việc lật ông Diệm là một lỗi lầm, mặc dầu sau khi mọi việc đã lỡ ông phải bám lấy những tướng lãnh để giải quyết những vấn đề khó khăn càng ngày càng tăng trong một tình trạng hỗn loạn hậu đảo chính. Trong tác phẩm “The vantage point” (tạm dịch “Ưu thế”) chính tổng thống Johnson, nhắc lại cuộc đảo chính, cũng đã viết: *“Tôi nghĩ chúng ta đã lầm khi không ủng hộ ông Diệm”*⁴

⁴ “The vantage point” (tạm dịch “Ưu Thế”) NXB. Holt Rinehart & Winston N.Y. 1971, trang 44, Nguyên văn: “I thought we had been mistaken in our failure to support Diem.”

Hai trang sau ông giải thích: *“Tôi tin rằng việc sát hại ông Diệm đã tạo thêm nhiều vấn đề hơn là giải quyết chúng.”*⁵

⁵ Sdd. trang 45-46, nguyên văn: “I believed the assassination of President Diem had created more problems for the Vietnamese than it had solved. I saw little evidence that men of experience and ability were available in Vietnam, ready to help lead their country. I was deeply concerned that worse political turmoil might lie ahead in Saigon.”

Ông cũng nhắc lại việc tổng thống Diệm đã thành công rực rỡ trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn lúc mới lên cầm quyền như sau:

“Khi nhân dân Việt Nam bầu ông Ngô Đình Diệm lên làm quốc trưởng thay thế ông Bảo Đại vào cuối năm 1955 hầu hết

các chuyên gia Tây phương đều nghĩ Nam Việt Nam chỉ tồn tại được hơn 6 tháng. Những năm dài chinh chiến đã làm nó suy yếu. Người Pháp đã cho một số rất ít người Việt Nam cơ hội để học hỏi, trau dồi kinh nghiệm về hành chính quản trị trong chính quyền. Lúc ấy xem ra chắc chắn là Cộng sản có kỷ luật cao sẽ chiếm quyền. Nhưng dưới sự lãnh đạo của ông Diệm Nam Việt Nam đã tiến tới. Việt Nam không cộng sản đã bắt đầu hàn gắn những vết thương của mình và trở nên phồn thịnh. Xứ sở nhỏ bé này đã phải tiếp thu khoảng 900.000 dân tỵ nạn chạy trốn chế độ Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Mức sản xuất tăng. Xuất cảng cũng tăng. Số trường học cũng tăng. Mức sống lên cao. Nam Việt Nam đang có tiến bộ.”⁶

⁶ Sđd trang 50, nguyên văn: “When the Vietnamese people voted for Ngo Dinh Diem to replace former Emperor Bao Dai as Vietnam’s chief of state in late 1955, most western experts thought the new country would last little more than six months. Long years of wars had weakened it. The French had given very few Vietnamese a chance to acquire skills or experience in government and administration. It seemed certain that the highly disciplined Communists would take over... But under Diem’s leadership the South Vietnamese moved forward. Non- Communist South Vietnam began to heal its wounds and to prosper. The small country absorbed about 900,000 refugees who fled Ho chi Minh’s rule in the North. Production increased; so did export; so did the number of schools. Living standards rose. South Vietnam was making progress.”

Về tình hình an ninh nói chung và riêng tình hình thôn quê, với sự cố vấn và phương tiện vận chuyển mau lẹ, và chương trình Ấp chiến lược phát triển khả quan, ông Johnson đã dẫn chứng báo cáo của phái đoàn McNamara-Taylor vào cuối tháng 10 năm 1963, nghĩa là chỉ một tháng trước cuộc đảo chính, cho rằng những xáo trộn tại thành thị do vụ Phật Giáo gây ra không làm hại đến công cuộc

bình định và chống cộng ở nông thôn. Ông Johnson viết:

“Hạ tuần tháng 9 tổng thống Kennedy yêu cầu tổng trưởng quốc phòng McNamara và tướng Taylor, lúc ấy là chủ tịch ban tham mưu liên quân tới Việt Nam để trực tiếp quan sát. Những biến cố xảy ra tại đó khởi đầu từ tháng 5 đã gọi lên trong trí tổng thống Kennedy những câu hỏi về những triển vọng chống cộng thành công trong vấn hạn cũng như hiệu quả của cố gắng của chúng ta trong dài hạn.

“Hai ông đã trở về ngày 2 tháng 10 và lập tức báo cáo cho tổng thống Kennedy hay là “chiến dịch quân sự đã tiến triển rất tốt đẹp và vẫn tiếp tục tiến triển.” Hai ông kết luận rằng trong khi chính quyền Diệm càng ngày càng mất lòng dân, những xung đột chính trị vẫn không ảnh hưởng xấu đến các cuộc hành quân quân sự. Nếu điều đó tiếp tục đúng như vậy thì hai ông tin rằng chúng ta sẽ có thể rút một số cố vấn của chúng ta về nước vào cuối năm 1963à Hai ông cũng cảnh cáo rằng tình trạng chia rẽ về chính trị nếu tiếp tục có thể ảnh hưởng xấu đến tình hình quân sự cũng như sự ước lượng tình hình của các ông trong tương lai.”⁷

⁷ Sđd trang 61, nguyên văn: “Late in September President Kennedy asked secretary of Defense McNamara and general Taylor, then chairman of the Joint Chief of Staff to go to Vietnam for another firsthand look. Events there beginning in May had raised questions in the President’s mind about prospects for success against the Viet Cong in the short run, as well as about long range effectiveness of our effort. They returned on October 2 and reported immediately to President Kennedy that ‘the military campaign has made great progress and continues to progress.’ They concluded that while the unpopularity of the Diem government was growing, political strife had not yet affected military operations. If that continued to be true, they believed we could bring home some of our military advisers by the end of 1963.”

Tổng thống Johnson phê bình một cách nghiêm khắc một vài giới chức cao cấp trong bộ ngoại giao mà ông không nêu đích danh, nhưng người đọc dễ thấy đó chính là các ông Harriman và Hilsman trong việc soạn thảo và gửi cấp tốc công điện cho đại sứ Lodge ngày 24 tháng 8 năm 1963, khuyến khích cuộc đảo chính. Ông viết:

“Sau các cuộc tấn công chùa chiền, một công điện, được soạn thảo tại bộ ngoại giao, đã được gửi đi Saigon ngày 24 tháng 8. Quả thực bức công điện đã bảo đại sứ Lodge hãy khuyến ông Diệm phải làm ngay những việc cần thiết để sửa chữa tình hình và thỏa mãn những đòi hỏi nổi bật của Phật Giáo. Nếu ông Diệm không hành động lập tức, vị đại sứ được chỉ thị thông báo cho những tướng lãnh chủ chốt rằng Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục viện trợ cho chính phủ Saigon về quân sự và kinh tế nữa. Tối hậu thư này có nghĩa là phải loại bỏ ông Nhu và bà vợ năng động về chính trị của ông ta khỏi mọi ảnh hưởng và trách nhiệm liên tục trong chính quyền. Bằng nếu ông Diệm từ chối không chịu, Hoa Kỳ sẽ không thể ủng hộ ông ta được nữa. Nếu lúc đó các tướng lãnh lên cầm quyền chúng ta sẽ ủng hộ họ.

*“Công điện thảo vội vã và thiếu tham khảo này đã bật đèn xanh cho những kẻ muốn ông Diệm đổ. Một khi ông đại sứ hành động theo huấn thị nhận được, những chuẩn bị cho một cuộc đảo chính được khuyến khích. Theo phán đoán của tôi, quyết định này là một sai lầm ngớ ngẩn nghiêm trọng; nó phóng ra một thời kỳ hỗn loạn về chính trị sâu xa ở Saigon kéo dài gần hai năm.”*⁸

⁸ Sđd trang 60-61. Nguyên văn: “After the attacks on Buddhist pagodas, a message prepared in the State Department was sent to Saigon on August 24. In effect, it told Ambassador Lodge to advise

Diem that immediate steps had to be taken to correct the situation and to meet the outstanding Buddhist demands. If Diem did not act promptly, the ambassador was instructed to advise key Vietnamese military leaders that the United States would not continue to support the Saigon government militarily or economically. This ultimatum meant the removal of Nhu and his politically active wife from any continued influence or responsibility in the government. If Diem refused, the United States could no longer support him. If the military leaders then took over, we would support them. This hasty and ill-advised message was a green light to those who wanted Diem's downfall. Once the Ambassador acted on his instructions, preparations for a coup were stimulated. In my judgement, this decision was a serious blunder which launched a period of deep political confusion in Saigon that lasted almost two years.

Tổng thống Johnson thực ra chưa nói hết ý của ông về hậu quả của quyết định hồ đồ đó: Sự lật đổ ông Diệm đã dẫn đến việc quân tác chiến Mỹ bó buộc phải ồ ạt đổ vào miền Nam, biến công cuộc bình định của chính quyền Ngô Đình Diệm trước kia thành một cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Hà Nội, khiến binh sĩ quân đội quốc gia đang là chiến sĩ chống cộng đùng một cái trở thành lính đánh thuê, phe quốc gia mất chính nghĩa, và cuộc chiến chống cộng trở thành cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, và cuối cùng là sự thảm bại của cả Hoa Kỳ lẫn phe quốc gia, và nói đúng ra của cả nhân dân Việt Nam, Nam cũng như Bắc, vì sau 1975 là bắt bớ, giam cầm, chết chóc, đói khổ cho đến ngày nay. Ông Cabot Lodge trước khi qua đời năm 1985 đã hối hận về việc quá tích cực khi thi hành công điện này. Nhưng còn các ông Harriman, Hilsman, Forrestal và một loạt những nhà báo năng nổ cổ vũ cho việc lật đổ ông Diệm vẫn còn im tiếng có lẽ vì tự ái hay cố chấp.

Nữ tiến sĩ Ellen J. Hammer trong cuốn *A Death in*

November, nơi chương 10 cũng là chương cuối, trang 309, đã cho biết:

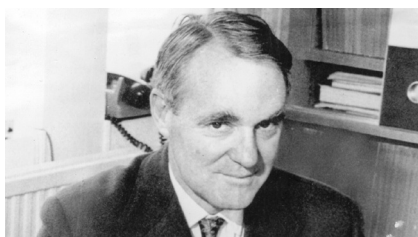
“Cái chết - ở Texas và ở Saigon - chắc hẳn đã làm ông Johnson bận tâm trong những ngày liền sau khi lên làm tổng thống. Hôm sau tang lễ Kennedy, và trước khi dọn vào Bạch Cung Johnson đã chỉ cho Hubert Humphrey xem bức chân dung của ông Ngô Đình Diệm treo ở tiền sảnh tu thất ông và nói: ‘Chúng ta đã nhúng tay trong vụ sát hại ông ta, bây giờ điều đó lại xảy ra ở đây’.”

Chẳng lẽ tổng thống Mỹ cũng nghĩ như bà quả phụ Ngô Đình Nhu lúc ấy, “ác giả ác báo”?

Chương 11

Stanley Karnow: Ngô Đình Diệm, ông quan của Mỹ.

Đó là tựa đề của chương 6, tác phẩm “*Vietnam, a history*” của Stanley Karnow, trang 222.[+]



Stanley Karnow, năm nay 72 tuổi, bước vào làng báo từ tuổi 25, làm thông tin viên cho các báo lớn như *Thời Đại*, *Sống*, *Bưu Điện Hoa Thịnh Đốn* và cả tờ *Người Quan Sát* của Anh. Năm 1959, ông tới Saigon và có gặp tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông đã được giải thưởng Pulitzer về lịch sử với tác phẩm “*Đế Quốc Mỹ ở Phi Luật Tân*.” Ông cũng là phóng viên chính cho bộ phim truyền hình lịch sử Việt Nam đã từng được cộng sản Bắc Việt đem chiếu khắp nơi trong nước sau ngày

[+] The Viking Press xuất bản lần đầu tại Mỹ năm 1983. Lần 2 do nhà Pingu Books, năm 1984. Và lần 3 do nhà Viking Pinguin có sửa chữa và cập nhật năm 1991. Các trích dẫn trong soạn phẩm này theo lần xuất bản năm 1991.

họ chiếm được miền Nam, làm cho những người quốc gia nhất là anh em quân nhân trong 2 chế độ Cộng Hòa cảm phần về sự xuyên tạc lịch sử đến độ trắng trợn, bỉ ổi.

Qua tác phẩm “Việt Nam, một lịch sử” Stanley Karnow lại một lần nữa cho thấy cái tài viết “lách” của một nhà báo kỳ cựu trong những trang sách đầy thiên vị. Có lẽ vì trong khi ở Việt Nam và làm phóng viên cho một tạp chí thiên tả như tờ *Thời Đại*, ông đã thường xuyên tiếp xúc với những người như Phạm Xuân Ẩn, đại tá tình báo cộng sản, cài vào làm phóng viên cho cùng một tờ tuần báo của ông, hay nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, một đảng viên cộng sản kỳ cựu từ khi còn du học tại Paris, sau này về nước đã nằm vùng hành nghề bác sĩ để hoạt động bí mật cho cộng sản. Thái độ của ông chống đối ông Diệm một phần còn do sự tiếp xúc của ông với những nhà “trí thức quốc gia” như các ông Phan Quang Đán, Hoàng Cơ Thụy và nhất là “nhà ngoại giao” Bùi Diễm là những người luôn luôn bất mãn, luôn luôn chống đối, luôn luôn âm mưu lật đổ, nhưng khi cò đến tay thì chẳng làm nên trò trống gì như lịch sử những năm 1964, 1965 đã chứng tỏ. Trong tác phẩm của ông, được giới thiệu là có hàng triệu độc giả, và là cuốn sử về Việt Nam đầy đủ nhất từ trước tới nay, tác giả không kê những sách ông tham khảo, như phân đông các nhà sử học thường làm, mà chỉ nêu tên chừng 500 người mà ông nói là đã giúp ông hoàn thành tác phẩm đồ sộ của ông. Trong số những cái tên được nêu lên có tên các ông Diệm, Nhu, bà Nhu, các ông Bùi Diễm, Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi và hàng chục tên các nhân vật cộng sản, nhưng không thấy tên nữ ký giả M.Higgins và cố tổng thống Nixon, là hai người bênh vực ông Diệm.

Ngay dưới tựa đề của chương 6 “America’s Mandarin”, Karnow dành trọn trang 222 để đăng hình tổng thống Diệm mặc com-lê trắng, thắt cà-vạt đen, đầu hơi cúi, hai tay chấp sau lưng, dáng điệu trầm tư, đang đi trong căn phòng vắng vẻ chỉ có vài chiếc ghế xung quanh một chiếc bàn tròn trên đặt một bình hoa huệ trắng. Bên dưới bức hình tác giả ghi:

*“Ngô Đình Diệm trong tư thế trầm tư đặc thù tại dinh của ông ta ở Saigon. Tách biệt và khắc khổ, ông ta ít hòa mình với thiên hạ, trái lại chỉ thích tự cô lập, sống với gia đình và những phụ tá thân cận.”*¹

¹ Sđd trang 222. Nguyên văn: “Ngo Dinh Diem in a characteristic meditative pose in his palace in Saigon. Aloof and austere he mingled poorly with people, preferring instead to isolate himself with his family and close aides.”



Cứ nhìn 14 tấm hình tiếp theo đăng ở những trang đầu của chương 6, kèm theo những hàng chữ ghi ở dưới mỗi tấm hình, với ngụ ý phê bình kín đáo mà sâu sắc, tinh vi của tác giả, người ta có thể thấy ngay sự thiên vị hay thành kiến của ông. Ví dụ tấm ảnh số 1 nói trên đối chiếu với tấm ảnh số 10 ở trang 227 chụp cảnh

tổng thống Diệm tươi cười rạng rỡ giờ cao chiếc mũ của

ông để vẫy chào đám dân quê đứng hai bên đường chào đón ông. Dưới tấm ảnh này tác giả ghi như sau:

“Ngô Đình Diệm trong một chuyến đi thăm miền quê ở Nam Việt Nam. Mặc dầu nét mặt ông vui vẻ, nhưng ông ta vốn chẳng thích những chuyến đi xa như vậy, mà các cố vấn thúc



ép phải làm vì họ nghĩ ông thiếu tiếp xúc với quần chúng.”²

²Sđd trang 227. Nguyên văn: “Ngo Dinh Diem on one of his early trips into the South Vietnamese countryside. Despite his cheerful expression, Diem dislikes such expeditions, which were urged on him by his American advisers, who thought he lacked the “common touch.”

Nhìn tấm ảnh và đọc những hàng chữ ghi dưới, ta thấy tác giả muốn tỏ ra mình khách quan, vì cũng chọn cả ảnh đẹp và có ý nghĩa tốt. Nhưng ông đã khéo “lách” cái ý phê bình chỉ trích vào trong đó khiến người đọc phải nghĩ theo là ông Diệm không thích gần dân, nhất là khi cái ấn tượng đầu tiên do tấm hình lớn choán nguyên một trang sách mô tả ông Diệm trong tư thế trầm tư, cô độc còn hằn lên trong trí người đọc. Nhưng tác giả không nói đó là ý ông mà lại nói cho người ta thấy đó là ý của các cố vấn của ông Diệm. Đó là nghệ thuật tuyên truyền mà cộng sản hay dùng một cách vi diệu. Không dè một nhà báo dân chủ cũng có cái tài đó.

Dưới tấm ảnh thứ hai nơi trang 223 chụp cảnh tổng thống Diệm từ trên chiếc phi cơ của Hàng Không Pháp bước xuống trước sự đón tiếp của dân chúng tại sân bay ngay dưới chân cầu thang. Hình chụp chỉ cho thấy vài trăm cái đầu, nhưng ngay đằng sau lớp người này còn bao nhiêu người nữa thì không biết. Nhưng hãy đọc hàng chữ mà tác giả ghi:



“Tháng 6 năm 1954, khi ông Diệm trở về Việt Nam với tư cách thủ tướng, ông được đón tiếp tại sân bay Saigon bởi một đám người, hầu hết là tín đồ Công Giáo như ông. Tuy là người quốc gia kỳ cựu, lúc ấy ông cũng chỉ là một khuôn mặt hầu như chẳng ai biết.”³

³ Sđd trang 223. Nguyên văn: “In June 1954, when Diem returned to Vietnam as Prime minister, he was met at the Saigon airport by only the handful of enthusiasts, most of them Catholics like himself. Though a veteran nationalist, he was a virtually unknown figure.”

Lật sang trang sau: Bức ảnh cuộc tổ chức bầu cử, dưới có hàng chữ của tác giả: *“Chẳng bao lâu sau khi về làm thủ*

tướng, Ngô Đình Diệm đã tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại. Ông ta đã được hầu hết phiếu bầu, kết quả của mảnh lối bầu cử mà các cố vấn Mỹ của ông ta bày cho.”⁴



⁴ Sổ trang 224. Nguyên văn: “Not long after his return to Vietnam as prime minister, Ngo Dinh Diem organized a referendum to oust Emperor Bao Dai. Diem received almost all the votes, the result of electoral devices contrived by his American advisors.

Thật là tuyệt. Tác giả đầu có nói ông Diệm gian lận trong cuộc bầu cử. Cũng đầu có nói ông Diệm là tay sai của Mỹ. Nhưng nhìn tấm hình rồi đọc hàng chữ ở dưới người ta ắt phải có ý nghĩ đó.

Trong tấm ảnh số 6 trang 225 ông Diệm đứng giữa 4 người nước ngoài, người Mỹ cao lớn mặc quân phục đứng bên phải ông là tướng Lansdale lúc ấy còn là đại tá. Dưới ảnh Karnow ghi: “Ngô Đình Diệm sống sót qua các biến cố chính trị được là phần lớn nhờ đại tá Edward Lansdale, một sĩ

quan không quân biệt phái cho CIA. Lansdale, một nhà quảng cáo ở San Francisco, được mô tả một cách sinh động trong nhân vật đại tá Hillendale, trong cuốn “người Mỹ xấu xí” bán chạy nhất vào năm 1965”⁵ tr.225.



⁵ Sđd trang 225. “Ngo Dinh Diem owed his political survival largely to colonel Edward Lansdale (near left), an Air Force officer attached to the CIA. Lansdale, a former San Francisco advertising man, was portrayed as colonel Hillendale in the 1965 best-seller *The Ugly America*.”

Đọc những hàng ghi dưới các tấm hình vừa kể, người ta thấy tác giả đã hạ thấp ông Diệm một cách khéo léo đến độ xem ra có vẻ khách quan, vô tư, hoàn toàn không ác ý. Nhưng nghĩ kỹ thì thấy đây ác ý. Karnow là ký giả kỳ cựu dày kinh nghiệm biết cách viết và lách, dùng hình ảnh để nói lên ý nghĩ của mình và gọi lên trong đầu người đọc những cảm nghĩ mà ông mong muốn. Cứ đọc kỹ những lời ghi dưới những tấm hình vừa kể người đọc đủ có ngay một hình ảnh không mấy tốt đẹp về ông Diệm: cô độc, không

thích gần dân, chỉ được một ít người Công Giáo ủng hộ, dựa vào người Mỹ mà tồn tại, những người Mỹ ủng hộ ông Diệm thuộc loại xấu ("xấu xí") mà tiêu biểu là đại tá CIA Lansdale. Khi người đọc đã có thành kiến đó rồi thì dễ bị ảnh hưởng bởi những trang sau, dù tác giả cố làm ra vẻ khách quan để thuyết phục những người đọc thận trọng.

Trang 229 Karnow trích lời ông Ngô Đình Diệm nói, có lẽ trong một hoàn cảnh nào đó vào thời đại quân chủ, nhưng tác giả không ghi rõ là khi nào. Câu đó như sau: *"Một sự tôn kính thiêng liêng phải dành cho chúa thượng là môi giới giữa nhân dân và Trời cao khi ngài làm lễ quốc giáo."* Chúng tôi lấy làm tiếc không tìm được nguyên văn lời ông Diệm và cũng không biết ông nói trong trường hợp nào. Câu trên chỉ là dịch lại lời dịch thuật của tác giả Karnow từ tiếng Việt ra tiếng Anh như sau: *"A sacred respect is due the person of Sovereign. He is the mediator between the people and heaven as he celebrates the national cult"*.

Vì câu này mà nhiều người Mỹ và một số người Việt thân Mỹ cho rằng ông Diệm tự coi mình như một ông vua trị dân thay trời. Dân ở bên dưới ông. Ông ở giữa Trời và dân. Có thể là câu nói của ông Diệm có liên quan đến việc tế lễ Nam Giao trong nền quân chủ Việt Nam trước đây mà tác giả vô tình hay hữu ý đã đặt vào khung cảnh của đệ nhất Cộng Hòa để bêu xấu chăng.

Liên dưới câu của ông Diệm, Karnow đặt câu của tổng thống Lyndon B. Johnson khen ông Diệm trong một bữa quốc yến do ông Diệm khoản đãi như sau: *"Tổng thống Diệm là Churchill của thập kỷ trong hàng tiền đạo của các nhà lãnh đạo bảo vệ tự do."*⁶

⁶ Sdd trang 229. "President Diem is the Churchill of the decade"

in the vanguard of those leaders who stand for freedom. - Lyndon B. Johnson.

Đó là lời khen rõ ràng. Nhưng chỉ ít hàng sau Karnow lại viết rằng khi ông ta hỏi tổng thống Johnson thì ông này bảo “cút.” Ông Karnow viết cuốn “Sử Việt Nam” hơn 10 năm sau khi tổng thống Johnson qua đời (1973.) Không biết ngoài ông Karnow có ai khác nghe được tiếng “cút” của tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ không. Thuật lại chuyện này, nếu có thực, chẳng những tác giả hạ thấp ông Diệm, mà còn sỉ nhục tổng thống Mỹ mà nhân dân Mỹ đã bầu lên, có lẽ không phải bằng những mảnh lời mưu mẹo, xảo thuật do cố vấn Mỹ (đồng bào của Karnow) đã bày vẽ ra cho ông Diệm thắng ông Bảo Đại, như Karnow đã ghi dưới một tấm hình vừa nói ở trên. Vì chẳng lẽ tại một nước mệnh danh là dân chủ nhất thế giới lại cũng có một người như Johnson, ăn nói chẳng ra gì, khen người ta rồi lại bảo ‘cút ấy vậy mà dân Mỹ thông minh cũng bầu làm tổng thống hay sao?

Sau những hình ảnh rất gợi ý như trên theo sau là lời khen của tổng thống Johnson, Karnow viết ở trang đầu chương 6:

“Là một người Công Giáo sống khổ hạnh như nhà tu, lại thấm nhuần truyền thống Nho Giáo, một thứ hỗn hợp của nhà sư và ông quan, ông Diệm ngay thẳng, can đảm và hăng say trung thành với chính nghĩa quốc gia. Ngay đến ông Hồ Chí Minh cũng kính nể lòng yêu nước của ông Diệm. Nhưng ông Diệm không thể sánh kịp ông Hồ mà cả những người chống cộng cũng coi như một vị anh hùng. Bị ảnh hưởng mạnh bởi cảm nghĩ rằng mình không thể sai lầm, như một vị hoàng đế thừa xua được phong chức để trị vì, ông Diệm muốn mọi người

*phải tuân phục ông. Không tin một ai ngoài người nhà nên không chịu ủy quyền, và cũng không tạo nổi một lực lượng quân chúng sẵn sàng bỏ phiếu cho ông, ngoài những đồng đạo Công Giáo, đồng hương miền Trung. Nhất là ông ta không thể hiểu được tầm rộng lớn của cuộc cách mạng chính trị, xã hội, kinh tế mà những người cộng sản, đối thủ của ông đang cổ vũ.)*⁷

⁷ Sđd trang 229. “An ascetic Catholic steeped in Confucian tradition, a mixture of monk and mandarin, he was honest, courageous and the fervent in his fidelity to Vietnam’s national cause; even Ho Chi Minh respected his patriotism. But he was no match for Ho, whom even anti-communists regarded as a hero. Imbued with a sense of his own infallibility, as if he were an ancient emperor ordained to govern, Diem expected obedience. Distrustful of everyone outside his family, he declined to delegate authority, nor was he able to build a constituency that reached beyond his fellow Catholics and natives of central Vietnam. Above all, he could not comprehend the magnitude of the political, social and economic revolution being promoted by his communist foes.”

Chẳng rõ ở những lần tái bản sau, sau khi được nghe những người cộng sản vẽ mông cách mạng như Trần Bạch Đằng, Dương Quỳnh Hoa, Phạm Xuân Ẩn, Bùi Tín, Trương Như Tảng, v.v. ông Karnow có cho biết thành quả của cái mà ông gọi là cuộc cách mạng rộng lớn của CÁC NGƯỜI CỘNG SẢN nó thể thảm đến như thế nào không, và nếu sánh với những gì mà hai nền Cộng Hòa miền Nam Việt Nam đã đạt được, thì liệu nó có được một phần nhỏ không. Hay ông vẫn còn cho rằng nó thực sự là một cuộc cách mạng?

Tác giả đã đưa trường hợp áp chiến lược Bến Cát tỉnh Bình Dương làm ví dụ để phê bình quốc sách áp chiến lược, và nêu trận Ấp Bắc làm bằng chứng để phê bình các tướng lãnh miền Nam và đích thân ông Diệm. Ông viết:

“Ông Diệm và ông Nhu coi chương trình Ấp chiến lược chủ yếu là một phương tiện để mở rộng ảnh hưởng cá nhân của mình, chứ không phải một phương cách truyền cho nông dân ý chí chống cộng”⁸

⁸ Trang 273. “Diem and Nhu saw the strategic hamlet program as essentially a means to spread their influence rather than a device to infuse peasants with the will to resist Vietcong.”

“Dân quê coi như mình phải tự bảo vệ xóm, nhưng hầu hết đàn ông đủ sức khỏe đã đi theo Việt Cộng, không phải vì tin cho bằng để thách đố những biện pháp cưỡng bách của chế độ.”⁹

⁹ Trang 273. “The peasants were supposed to defend the hamlet themselves, but most of the able-bodied man had rallied to the Vietcong, perhaps less out of conviction than in defiance of the regime’s coercive methods.”

“Một sĩ quan Mỹ ở đồng bằng sông Cửu Long quả quyết rằng “ấp chiến lược” đã làm tê liệt quân lực miền Nam Việt Nam mà đáng lẽ phải dùng để đánh Việt cộng. Các viên chức của Diệm hoàn toàn hiểu sai chương trình ấp chiến lược. Họ chỉ muốn làm đẹp lòng ông Diệm. Họ là dân thành phố được thăng chức nhờ bợ đỡ (nguyên văn nghĩa đen là “hôn dít”) cấp trên, và chỉ lo trở về Saigon, để lại được thăng chức, thăng cấp.”¹⁰

¹⁰ Trang 274. “One US officer in the Mekong delta à asserted that the strategic hamlets were paralyzing South Vietnamese Forces that ought to be fighting Vietcongà Diem’s official totally misconstrued the program. “They only want to please the regime. They haven’t the faintest idea what makes peasants tick -and how can they? They are city boys who earned promotions by kissing the asses of their bosses, and all they care about is getting back to Saigon to get promoted again.”

Karnow dùng trận Ấp Bắc làm bằng cớ để chứng minh

điều đó và sĩ và hai tướng Công Giáo Huỳnh Văn Cao và Bùi Đình Đạm (ông Đạm lúc ấy còn là đại tá):

*“Diệm chỉ thị cho sĩ quan của ông tránh thương vong. Nhiệm vụ chính của họ, theo ông ta, không phải là đánh Việt cộng, mà là bảo vệ ông chống những cuộc đảo chính có thể xảy ra ở Saigon.”*¹¹

¹¹ Trang 276. “Diem instructed his officers to avoid casualties. Their primary role, in his view, was not to fight the Vietcong but to protect him against possible coup in Saigon.”

“Sự yếu kém của quân đội Diệm đã trở nên quá rõ vào tháng giêng năm 1963 gần Ấp Bắc, một làng ở đồng bằng Sông Cửu Long, 40 dặm tây nam Saigon. Tại đây một lực lượng Việt cộng nhỏ hơn đã đánh toi bời một sư đoàn Nam Việt Nam. Nếu không bị chỉ huy bởi những sĩ quan hèn kém, sư đoàn này đã có thể ghi được một chiến thắng. Nhưng các sĩ quan do đích thân ông Diệm chọn đã cho thấy thực chất của chế độ của ông ta.

“Tướng Huỳnh Văn Cao, tư lệnh quân đoàn 4, bao gồm toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long, là người trung thành hàng đầu của ông Diệm, đã được thăng cấp chỉ vì trung thành, chứ khả năng thua kém các đồng nghiệp. Là một tín đồ Công Giáo người Huế, ông Cao thuộc đảng Cần Lao của ông Nhu. “Cao lúc ấy mới trao quyền tư lệnh sư đoàn 7 là đơn vị chính của quân đội miền Nam Việt Nam trong vùng cho một đàn em được ông ta bao bọc là đại tá Bùi Đình Đạm cũng là một tín đồ Công Giáo rất được lòng ông Diệm.”¹²

¹² The Diem army's shortcoming became dramatically apparent in January 1963 near Ap-Bac, a village in the Mekong Delta, forty miles south-west of Saigon, where an inferior Vietcong contingent mauled a South Vietnamese Division that could have scored a victo-

ry had it not been led by pusillanimous officers. But the officers, personally picked by Diem, exemplified his regime: ‘General Huynh Van Cao, the South Vietnamese commander of the fourth Corps, which embraced the whole of the Mekong delta, was a loyalist whose fidelity had earned him promotion over more competent colleagues. A Catholic from Hue, he belonged to Nhu’s secret political organization, the Can Lao. He had recently turned over the Seventh Division, the principal South Vietnamese unit in the area, to a protégé, Colonel Bui Dinh Dam, also a Catholic high on Diem’s list of favorites.’

Karnow đã thuật lại lời phê bình gay gắt của trung tá Vann, cố vấn sư đoàn 7. Ông này chẳng những chê đại tá Đạm, mà còn, theo nguyên văn của Karnow, kết tội cả ông Diệm. Chúng ta sẽ xem trung tá Vann mà Karnow trung dẫn ở đây là người như thế nào ở chương 20 (Sheehan)

“Ông Diệm muốn chiến tranh cứ không phân thắng bại mãi, để ông ta có thể tiếp tục nhận viện trợ Mỹ”¹³

¹³ Sđd trang 278-279. Nguyên văn: “Diem wanted the war to stumble along inconclusively so that he could continue to receive American aid.”

Về cuộc khủng hoảng Phật Giáo bắt đầu từ lễ Phật Đản, ngày 8-5-1963 Karnow đã mô tả tỷ mỉ trong 4 trang (294-297). Đọc xong ai cũng thấy trách nhiệm và sự ngoan cố của chính quyền. Tôi chỉ xin trích một đoạn văn liên quan đến thiếu tá Đặng Sĩ:

“Ngày 8 tháng 5 năm 1963, khi các Phật tử tập hợp tại Huế để mừng lễ Phật Đản thứ 2527, viên phó tỉnh trưởng, một người Công Giáo, có cái tên là thiếu tá Dang Xi, áp dụng một sắc lệnh cũ cấm họ treo cờ nhiều màu của họ. Nhưng một tuần trước đó ông ta lại khuyến khích giáo dân ở đó treo cờ xanh trắng của Giáo Hoàng để mừng kỷ niệm 25 năm thụ phong của Thực.”¹⁴

¹⁴ Sđd trang 295. Nguyên văn: “On May 8, 1963, as Buddhists

assembled in Hue to celebrate the 2527th birthday of the Buddha, the deputy province chief, a Catholic by the name of Major Dang Xi, enforced an old decree prohibiting them from flying their multicolored flag.”

Để bạn đọc biết thêm về vai trò của Đặng Sỹ trong vấn đề này và số phận của ông ta sau khi nền đệ nhất Cộng Hòa sụp đổ, tôi sẽ trích dịch trang 115 trong cuốn “A Death In November” của nữ ký giả Ellen Hammer nêu lên ý kiến của một số người trong cuộc về vụ án xử Đặng Sỹ dưới thời chính phủ Nguyễn Khánh (Xin xem phần Phụ Lục).

Karnow thuật lại nguyên văn lời thượng tọa Thích Trí Quang nói với các viên chức tòa đại sứ Mỹ: “*Các ông chịu trách nhiệm về sự rối loạn này, vì các ông ủng hộ ông Diệm và cái chính phủ ngu dốt của ông ta.*”¹⁵

¹⁵ SDD. trang 296. Nguyên văn: “You are responsible for the present trouble because you back Diem and his government of ignoramuses.”

Đặc biệt về cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963, Karnow, có lẽ sau khi đã được đọc một số tài liệu mới giải mật, đã phải thú nhận: “*Ông ta (Diệm) đã không thể sụp đổ, nếu không có sự đồng lõa của Mỹ.*”¹⁶

¹⁶ SDD. trang 293. Nguyên văn: His collapse would have been impossible without American complicity.

Tác giả đã không dùng từ lật đổ mà lại dùng từ sụp đổ. Vì vậy có thể có người sẽ bảo sự đồng lõa ở đây là nhắm vào những người Mỹ ủng hộ hay bênh vực ông Diệm, chứ không có ý nói chính phủ Mỹ, đứng đầu tại Hoa Thịnh Đốn là tổng thống Kennedy và đứng đầu ở Saigon là đại sứ Cabot Lodge sau này. Nhưng theo mạch văn, với những hàng liên sau đó thì không thể nào suy diễn như vậy được, mà phải hiểu tác giả có ý nói sự lật đổ. Không

thể bảo Stanley không biết dùng chữ, lẫn lộn danh từ. Cho nên phải hiểu ông ta muốn lập lò để nếu ai hiểu lầm, khi tách câu văn ra khỏi mạch văn, thì càng tốt. Để kiểm chứng mời bạn đọc gặp thẳng tác giả với nguyên bản cuối trang 293: *“Kennedy deferred to Henry Cabot Lodge, the U.S. ambassador in Saigon, who encouraged Diem’s senior officers to stage a coup d’etat.”*

Và đầu trang 294:

“America’s responsibility for Diem’s death haunted U.S. leaders during the years ahead prompting them to assume a larger burden in Vietnam.” Xin tạm dịch: “Ông Kennedy đã chiều theo ý ông Henry Cabot Lodge, đại sứ Hoa kỳ ở Saigon để ông này khuyến khích các tướng tá của ông ta tổ chức một cuộc đảo chính.”

Và

“Trách nhiệm của Mỹ về cái chết của ông Diệm ám ảnh các nhà lãnh đạo Mỹ suốt mấy năm sau đó khiến họ nhận lãnh một gánh nặng hơn ở Việt Nam”.

Những lời trên cho thấy tác giả không thể chối trách nhiệm của Mỹ trong việc lật đổ (chứ không phải sụp đổ) ông Diệm. Nhưng đã cho người đọc có cảm tưởng trách nhiệm đó nhẹ thôi vì chỉ khuyến khích chứ không trực tiếp tổ chức. Nhưng nếu chỉ khuyến khích thì tại sao lại phải trung tá CIA Lou Conein luôn luôn túc trực tại văn phòng tướng Khiêm ở tổng tham mưu cùng với các tướng Minh, Đôn và lại còn chi tiền triệu vào việc đảo chính nữa? Và tại sao Rufe Phillips lại cũng kè kè ở bên hai ông Bùi Diễm và Lê Văn Kim, trong khi ai cũng biết tướng Lê Văn Kim phụ trách về chính trị trong cuộc đảo chính. Dầu sao thì Stanley Karnow cũng thành thực hơn những người như

tướng Nguyễn Chánh Thi và Schlesinger cú nhất định cho rằng Mỹ không đóng vai trò gì trong cuộc đảo chính này, như ta sẽ thấy trong các chương 19 và 24.

Chương 12

Hồ Sĩ Khuê: Ngô Đình Diệm là người yêu nước... Nhưng không yêu dân, mà chỉ bắt dân phải yêu ông

Năm 1992 nhà xuất bản Văn Nghệ tại California cho ra cuốn “Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam”, tác giả Hồ Sĩ Khuê. Trong cuốn sách này tác giả nói rất nhiều về liên hệ cá nhân ông với các ông Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu và nhất là ông Ngô



Đình Diệm. Có thể nói trong một thời gian dài ông được ông Diệm coi như người nhà và ông đã chọn ông Diệm làm lãnh tụ của mình. Trong những năm 1947, 1948, khi ông Diệm ở khu nhà thờ Cha Tam trong Chợ Lớn, (nơi hai ông Diệm Nhu sẽ đến dự lễ lần cuối cùng trước khi chết,) ông Hồ Sĩ Khuê đã luôn luôn kề cận, đọc sách, nghiên cứu, sắp xếp tài liệu cho ông Diệm. Ông Diệm đã cử ông coi hai tờ báo *Hoa Lu* và *Tinh Thần* và đề xuất những đường hướng

hoạt động trong tương lai khi nắm chính quyền. Vẫn theo ông Khuê thì, vì ông Diệm không nghe theo những lời khuyến cáo của ông cho nên ông không hợp tác, mặc dù được ông Diệm cho người gọi. Dĩ nhiên ông Khuê khen ông Diệm cũng nhiều, vì dầu sao ông cũng đã từng có lúc tâm phục, nhưng ông chê nhiều hơn và chê rất thậm tệ, phần nhiều ở những điểm mà ông cho rằng ông Diệm không nghe ông, nhất là từ khi đã nắm được chính quyền. Ví dụ không dùng người Nam Kỳ, dẹp giáo phái, không liên lạc mật thiết với các nước trong thế giới thứ ba mà chỉ bám vào Mỹ, độc tôn, “toàn quyền”, gia đình trị, không hiểu Phật Giáo, bách hại Phật Giáo, mở đường cho Mặt trận giải phóng miền Nam.

Sau đây là một vài đoạn liên quan đến các điểm mà ông Hồ Sĩ Khuê chỉ trích ông Diệm:

“ÔNG DIỆM MỞ ĐƯỜNG MẶT TRẬN.” Đó là tiêu đề ông Hồ Sĩ Khuê dùng cho chương 6, choán cả trang 253. Trong chương này ông Khuê chê ông Diệm không thu hút được người miền Nam, nhất là thành phần kháng chiến quốc gia nên đã “xuân bại, ông có tội với lịch sử. Ông mất mạng một cách bi thảm, đặt miền Nam trên đà sụp đổ, rồi sau đó đẩy cả dân tộc vào tay cộng sản”¹

¹“Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng” Nhà xuất bản Văn Nghệ. Trang 282. Nhưng trước khi kết tội ông Diệm như trên, ông Khuê đã thành thực nhận rằng không phải ông Diệm không biết điều đó. Sau đây là nguyên văn lời ông Khuê: “Dùng hai vú sữa Nam Bộ” người Nam Kỳ, đất Nam Kỳ, và thành phần kháng chiến quốc gia, mà giữ nước. “Không phải là khám phá của người viết, và cũng không có gì mới mẻ đối với ông Diệm. Chính ông đã dạy tôi như thế từ những năm 1947, 1948, và tôi từng lấy làm thích thú. Dựa lên dân lên đất Đồng Nai, Bến Nghé, để sau đó, gồm đất nước về một mối; đập lên đất đảng trong, dựa vào lòng dân Nam Đảng trong, mà thống nhất non sông thành một quốc gia hưng vượng. Nguyễn A!nh đã chọn chiến

Về “chế độ toàn quyền” của ông Diệm, ông Khuê viết: *“Người Nam Kỳ cùng ông Diệm cầm quyền nhiều đấy chứ. Các ông Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Văn Hương, Bùi Văn Thỉnh chẳng là nhân vật người Nam là gì? Rồi thiếu chi tỉnh trưởng, quận trưởng, giám đốc này nọ, người Nam Kỳ. Ông Diệm đâu có cầm quyền một mình, sao có thể bảo ông là toàn quyền?”² Nhưng ông dùng một số nhân vật Nam Kỳ quanh ông để “sai bảo,” không dành cho họ một chút quyền hành chính trị nào. Cho nên tổng thống Cộng Hòa chỉ là một QUAN TOÀN QUYỀN không hơn không kém.”³*

Mấy trang sau tác giả “Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải phóng” còn chỉ trích ông Diệm nhiều hơn nữa: *“Ông (Diệm) chỉ tin dùng những người ông vừa ý. Ông tập hợp và dung túng một lớp tay chân khuyến mãi, chỉ đầu đầu giữ mình thế nào cho khỏi bị thất sủng, lo làm vừa lòng ông hơn là làm nên việc cho ông.”⁴*

lược này trong công trình phục hưng sự nghiệp của các Chúa Nguyễn và thống nhất nước nhà. Ông đã thành công rực rỡ. Trong hai năm 1947, 1948 ông Ngô Đình Diệm đã nhận ra và giải cho tôi bài học này của vua Gia Long: Có người Lục Tỉnh là có đất Nam Kỳ. Giữ được đất Nam Kỳ là giữ được nước nhà.”

² S.d.d. tr.320.

³ S.d.d. tr. 321.

⁴ S.d.d. tr. 321. Các ông Võ Văn Hải, Đoàn Thềm, Quách Tông Đức, Nguyễn Ngọc Thơ, Tôn Thất Trạch, Nguyễn Đình Thuần, Nguyễn Ngọc Khôi, Trần Thiện Khiêm, Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, v.v., những người thường ở chung quanh ông Diệm, khi đọc những hàng trên (được ông Khuê gọi là khuyến mãi, tức chó ngựa,) không biết có cảm thấy hãnh diện và sung sướng không. Quý vị ấy có đồng ý với ông Hồ Sĩ Khuê không? Ở chương trên chúng tôi đã trích dẫn Karnow viết rằng các tướng lãnh thời ông Diệm (Xin nhớ cho rằng Karnow không phải chỉ nói riêng có hai ông Huỳnh Văn Cao và Bùi Đình Đạm mà ông ta nêu đích danh đâu được thăng cấp nhờ bộ đồ (nguyên văn nghĩa đen là “hôn dít”). Như vậy các vị tổng bộ trưởng, phó tổng thống, chủ tịch quốc hội, dân biểu, tỉnh trưởng, quận trưởng, tổng giám

Hai trang kế tiếp ông Khuê dùng để chứng minh và lên án ông Diệm là “gia đình trị.” Ông viết: *“Ở thượng tầng, người Trung, người Bắc đều bị kỳ thị tất, chứ chẳng phải chỉ người Nam. Chẳng có lấy một ai chen vào trung tâm quyết định chính quyền được. Việc nước là việc riêng của anh em ông, của gia đình ông. Người trong nước gọi chung là “Gia đình trị”*⁵ Về vấn đề Phật Giáo ông Khuê chê ông Diệm hiểu Phật Giáo một cách nông cạn cho nên coi thường Phật Giáo, đàn áp Phật Giáo. Ông viết: *“Không như người Thiên Chúa Giáo phải rửa tội để thành con chiên, ai sống theo giới luật nhà Phật, xưng mình là Phật tử, đều đã là Phật tử cả, không cần phải quy y không vụ*

đốc, giám đốc và tất cả các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp thời đệ nhất cộng hòa, đã từng được ông Diệm thăng cấp, thăng chức nghĩ gì? Quý vị có thấy nhục không? Hay chỉ có cố tổng thống của quý vị đáng sĩ nhục, đáng chỉ trích mà thôi? Thời đệ nhất cộng hòa kẻ viết tập sách này chỉ là một sĩ quan cấp úy, không có chức vụ gì quan trọng trong chính quyền, suốt 9 năm thời ông Diệm chỉ được thăng một cấp, dĩ nhiên không phải do bọ đỡ, vậy mà khi đọc những hàng trên của ông Hồ Sĩ Khuê và Karnow còn thấy đỏ mặt tía tai. Vì nghĩ rằng khi người ta đã vu cáo, sĩ nhục một lãnh tụ quốc gia có tài trí, đức độ và đầy lòng yêu nước như ông Ngô Đình Diệm thì còn ai trong số những nhà lãnh đạo hay chính khách khác mà người ta không sĩ nhục? Vậy thì toàn dân trong phe quốc gia là cái gì? Chỉ có những người bên phe cộng sản có quyền ngẩng đầu lên thôi ư? Câu hỏi này tôi không đặt ra cho ông Karnow, vì đã rõ ông ta là nhà báo thiên cộng, nhưng cho riêng ông Hồ Sĩ Khuê, vì tôi nghĩ ông cũng muốn làm người quốc gia, và vì thấy ông cũng chê trách ông Hồ Chí Minh, mặc dầu ông không thích chống cộng.

⁵ Tr.331. Đọc đến đây người đọc hơi lấy làm lạ, vì ở những trang trước ông Khuê đã nhiều lần thuật lại những cuộc đối thoại giữa ông với ông Diệm và ông Nhu về những vấn đề chính trị và ông Diệm cũng như ông Nhu, dù bận mấy cũng chăm chú nghe ông, có khi đến nửa đêm, và trao đổi ý kiến với ông một cách thành thực cởi mở. Chỉ có điều đôi khi có những ý kiến không vừa lòng ông Khuê, vì ông là người ngoài cuộc, còn hai ông là những người trong cuộc, người có trách nhiệm, nên khó làm mạnh như ông Khuê, hoặc chính các ông ấy cũng muốn làm mà không dám vì hoàn cảnh lúc ấy quá khó khăn, chứ không phải các ông ấy phản bội lời hứa ban đầu.

phải đến chùa. Đồ tể buồng giao trở thành Phật. Thỉnh Phật lên bàn thờ chung với ông bà, là đủ thành Phật tử. Quan niệm tín ngưỡng không cố chấp này, ông Diệm không hiểu nổi. Đối với ông Phật tử là kẻ đến chùa. Cho nên ông bày tên “đạo Ông Bà”, để gọi chung người thờ cúng tổ tiên, khỏi phải kể họ là Phật tử. Như thế Phật tử chỉ là thiểu số, còn thiểu số hơn cả đạo Thiên Chúa của ông. Phật giáo theo cách tính này chưa đến 10%. Ông có đàn áp thẳng tay cũng chẳng đủ sức làm gì được ông. Và ông đã thẳng tay đàn áp. Cho nên ông chết thảm”^{68/7}

Ông Khuê đưa 4 chữ Cộng Hòa Nhân Vị ra làm đề tài chế giễu mỉa mai. Có chỗ ông viết:

“Trước kia, nhà nước Saigon càng tuyên truyền “cộng sản hà khắc” đồng bào càng thấy “Nhân vị hà khắc” cũng chẳng kém chi.”

Lại có chỗ ông so sánh chế độ ông Diệm độc tôn là do phát xuất từ quan niệm độc thần của Thiên Chúa Giáo cũng y hệt như chế độ cộng sản của ông Hồ cũng phát xuất từ quan niệm độc thần của chính thống giáo Nga mà những Lenin và Stalin là tín hữu khi chưa bỏ đạo để theo Karl Marx. Kể ra cũng là một nhận định độc đáo của trí óc ông Khuê.

Cũng như Bernard B. Fall và ông Đỗ Mậu, ông Hồ Sĩ Khuê bảo ông Ngô Đình Diệm mặc dầu được Mỹ triệt để ủng hộ,

^{68/7} Sđd tr.396-397. Câu “ai sống theo giới luật nhà Phật, xưng mình là Phật tử, đều là Phật tử cả.” khiến người đọc có thể hiểu: Ai xưng mình là Phật tử nhưng không sống theo giới luật nhà Phật (cấm sát sinh là một) thì không phải Phật tử. Thử hỏi mấy ai dám bảo mình giữ đủ giới luật nhà Phật, kể cả các thượng tọa, đại đức? Vậy Phật tử được mấy người? Còn nếu chỉ cần xưng mình là Phật tử đủ để trở thành Phật tử, thì những kẻ gian, gián điệp chẳng hạn, cứ xưng mình là Phật tử, rồi đến chùa xin mặc áo sư có thành sư không và nếu ông sư đó làm chuyện tày trời, bán nước hại dân, nhà chùa có chịu trách nhiệm không?

và dù “Mỹ muốn là trời muốn”, như ông khẳng định, ông Diệm vẫn phải thể trung thành với ông Bảo Đại ở Cannes để được ông Bảo Đại bổ nhậm làm thủ tướng. Đọc chương 1 bạn đọc đã thấy ông Khuê bịa đặt, không rõ với dụng ý gì.

Trở lên là những lời chê. Trước khi nêu lên một vài tiếng khen của ông Khuê đối với ông Diệm, chúng tôi mời bạn đọc nghe một vài câu vừa khen vừa chê, hay khen đấy rồi lại chê đấy, đầy mâu thuẫn:

“Ông Hồ (Chí Minh), ông Diệm đều yêu nước. Ông nào cũng có hoài bão về đất nước. Phải nhận điều này là thiếu vô tư”⁸ tr.30. và: “Ông Diệm, ông Hồ, cả hai đều yêu nước. Không ai chối cãi được.”⁹ Rồi chỉ 6 hàng sau ông Khuê còn nhấn mạnh hơn nữa: “ÔNG DIỆM YÊU NƯỚC CÁCH TRỌN VẸN, lấy đất nước làm cứu cánh tuyệt đối của ông. Tất cả con người ông, ông dành trọn cho đất nước. Ngôn từ ông dùng: “Tôi tiến, tiến theo tôi. Tôi lùi hãy giết tôi. Tôi chết, trả thù cho tôi.”¹⁰ Nhưng chỉ 12 hàng sau ông Khuê lại viết: “Mà ÔNG DIỆM THÌ KHÔNG YÊU DÂN, chỉ bắt dân phải yêu ông.”

Người đọc tự hỏi: Chẳng lẽ ông Hồ sĩ Khuê liên tưởng tới hai chữ Giang Sơn theo nghĩa đen, nên cho rằng “NƯỚC” đây chỉ là nước của sông Cửu Long, sông Hồng Hà, hay nước suối trên sườn núi Ngự, núi Bà Đen, thậm chí nước hồ, nước ao, nước cống, nước ruộng? Yêu nước mà không yêu dân có thể nào là yêu nước không? Đọc đến cuối trang 371 thì người đọc mới ngả ngửa ra, vì thấy quả thực cụ già Hồ Sĩ Khuê đã quá lắm cảm mất rồi, nói trước quên sau. Ông viết một cách chắc nịch: “Ông (Diệm) quên một điều: nước chính là dân.”

⁸ Sdd Tr.30.

^{9 & 10} Sdd tr.31.

Thưa lão tiền bối họ Hồ, ông Diệm không quên đâu. Ông Hồ (Sĩ Khuê, chứ không phải Chí Minh) quên đấy.

Cũng như Bernard B. Fall,¹¹ trong “The Two Vietnams”, ông Hồ Sĩ Khuê khen ông Diệm tiên đoán sự việc như nhà tiên tri. Trang 164 ông viết: “ Ông Diệm bảo tôi: *Thành ra nguy cơ không phải là óc ly khai của người Nam Kỳ. Nguy cơ là cộng sản. Pháp là vấn đề giai đoạn, cộng sản mới thực là vấn đề tâm huyết và dài hạn. Pháp thắng hay bại trong cuộc chiến chống Việt Minh vẫn phải đi đến chỗ công nhận Việt Nam Độc Lập. Điều quan trọng là làm thế nào buộc họ trao trả chủ quyền trong tay chúng ta*” (trong tay ông Diệm). Lần khác ông thêm: “*Cùng kỳ lý, nếu Pháp không thắng nổi, ta có thể dùng Nam Kỳ làm cứ điểm huy động quân chúng Lục Tỉnh để tranh thủ với cộng sản. Giữ được Nam Kỳ là giữ được nước.*” Tôi suy nghĩ nhiều về điều ông Diệm nói đây và đi đến kết luận: Trong tư tưởng thâm kín của ông, người Nam kỳ ly khai, người Nam Kỳ thống nhất không quan trọng bằng việc người Nam Kỳ có chịu chống cộng với ông không. Tinh thần ly khai người Nam Kỳ có chỗ ông Diệm dùng được để tranh thủ với ông Hồ. Lời trên của ông Diệm tôi xem như một LỜI TIỀN TRI. Sáu năm sau đó hiệp định Geneve đã đưa ông vào hoàn cảnh Nam Bắc phân tranh mới, đúng như ông có vẻ đã liệu sẵn.¹²

Hai chục trang sau ông Khuê lại khen ông Diệm tiên tri lần nữa: Sau khi thuật lại trong gần một trang sách khổ lớn những nhận định sâu sắc của ông Diệm về tình hình chính trị năm 1947, tác giả đã kết luận: “Ông Diệm quả đã TIỀN TRI là Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào Việt Nam”.¹³

¹¹ Sđd trang 442.

¹² Trang 164.

¹³ Sđd trang 184.

Cũng như Stanley Karnow, Hồ Sĩ Khuê khen ông Diệm can đảm. Nơi trang 264 ông viết:^{14&15}

“Hành động không tham dự kháng chiến của ông (Diệm) quả thực CAN ĐẢM, về phương diện tinh thần. Người trong nước không mấy ai làm được như ông, kể cả Huỳnh Thúc Kháng. Chọn lựa này của ông khả kính. Đường lối ông quyết tâm theo đuổi có giá trị. Thất bại về sau của ông không làm hoen ố giá trị này. Nehru Ấn Độ và Sukarno Nam Dương không làm chi khác ông. Và nhờ đi trước có lẽ đã mở đường cho ông chẳng.”

“Đã chọn lựa như thế, ông không thể để phong trào kháng chiến cả nước lôi cuốn ông vào, vì ông biết thế nào cũng bị cộng sản lợi dụng để thực hiện mưu đồ của họ, mưu đồ mà ông cho là phi dân tộc. Lịch sử tất sẽ ghi nhận định này của ông là đúng.”

Trong khi phê bình và kết tội ông Diệm là “toàn quyền, gia đình trị, kỳ thị, độc tôn” ở chương này, ông Khuê, không rõ vô tình hay hữu ý đã có những ghi nhận khách quan về

^{14&15} trang 264. Không riêng gì ông Khuê, ông Bảo Đại cũng nói ông Diệm là người yêu nước. Và chính ông Hồ chí Minh cũng phải nhận như vậy. Nhà báo thiên cộng Karnow tuy nói ông Diệm không thể sánh với ông Hồ nhưng cũng không dám phủ nhận rằng chính ông Hồ cũng phải kính trọng lòng yêu nước của ông Diệm (Vietnam a history trang 229.) Chỉ có ông Đỗ Mậu cố tình ngụy biện rằng ông Hồ khen là để khích cho ông Diệm cao hứng đuổi Mỹ đi, chứ thực bụng ông Hồ coi ông Diệm chỉ là tay sai của Pháp và Mỹ (hồi ký của Hoàng Linh Đỗ Mậu trang 570). Ông Đỗ Mậu quên rằng ông Hồ nói điều đó với phái đoàn nghị sĩ Nhật sau khi ông Diệm đã bị lật đổ và bị giết rồi. Và lại nếu ông Hồ không khen thật lòng thì Karnow đã không nói ông ta kính trọng lòng yêu nước của ông Diệm. Sở dĩ ông Đỗ Mậu không dám nhận ông Diệm là người yêu nước có lẽ vì ông, là người tích cực nhất trong việc lật đổ ông Diệm (dùng khổ nhục kế với tướng Đính, dùng mưu mẹo và tướng số với ông Kỳ...) không muốn mang tội hãm hại người yêu nước. Nhưng bàn tay ông đã dính máu rồi. Tòa án lịch sử liệu có tha bổng ông không?

tình hình miền Nam trong thời ông Diệm hết sức tốt đẹp như sau:

*“Bàn chuyện giàu nghèo, không xã hội nào thực sự công bình được hẳn. Nhưng xã hội Saigon sau năm 1954 không có ai bần cố như sau 1975. Mức sống chung giữa các thành phần đều được nâng cao. Sống dễ dàng nên khao khát được sống an bình, không mấy ai hăm mộ cách mạng vô sản.”*¹⁶

Đó là Saigon. Còn đây là nông thôn:¹⁷

“Nông thôn đang hồi thay đổi mạnh. Xưa miền Nam có người nghèo túng, tuy không hề biết cảnh “bần cố nông” của miền Bắc. Nay thì dân cày Nam Bộ không còn thiếu thốn quá đáng, háo hức theo cuộc sống có nhiều thay đổi. Cây tay đổi sang cây máy, phân hóa học thay phân tươi, sông rạch lưu thông đã có thuyền máy, có ghe đuôi tôm, nhà cửa bắt đầu có những tiện nghi tối thiểu, radio, tủ lạnh, quạt máy, ti vi dần dà gia đình nào cũng có một vài món làm vui. Cuộc sống hàng ngày con nhà nông không còn đầu tắt mặt tối quá đáng. Thanh niên miệt vườn dùng quen tay nên biết ham chuộng máy móc. Nhờ giao thông tiện lợi hơn xưa, nên rành cảnh sống phố phường, mà không phải so bì hơn kém. Giáo dục mở mang. Trường ốc mở rộng thêm nhiều. Trẻ em miệt vườn, trước không qua được bậc tiểu học, nay đi vào trung học là chuyện bình thường. Báo chí sách vở lan tràn khắp nơi, mở rộng tầm hiểu biết phổ thông. Người lớn, trẻ con đều thạo tin tức thế giới và chuyện xảy ra hàng ngày trong nước. Không còn mấy ai chìm trong vòng ngu tối nữa”.

“Nông thôn không bần cố. Thành thị cũng không bao

(16) Trang 369

(17) Trang 270.

giờ còn gọi là vô sản được. Đời sống thợ thuyền Nam Bộ, nói chung có nhiều triển vọng hơn xưa. Khác hẳn lớp cu li đồn điền đất đỏ, hay khu bến tàu Ba-son ngày trước. Sống ở thành thị họ có nhiều điều kiện hơn nông dân, để tận trang đời sống hàng ngày, trau chuốt ý thức, mở rộng kiến văn. Một số công chức ngày xưa, có khi là bác sĩ hay thú y, chán chế độ phong kiến, đòi người lãnh mình làm dân lao động, ảnh hưởng quanh quẩn trong các xóm bình dân, không phải ít. Tài xế tắc xi nhưng trưa đến không kể khách, nằm gác chân xem báo. Đạp xích lô nhưng mỗi chiều ngồi nhậu nhẹt lai rai bàn chuyện thời cuộc với xóm giềng. Những cảnh sống như thế xóa sạch mọi đẳng cấp thầy thợ trong xã hội, tạo một không khí hòa đồng vươn cao. Con em gia đình lao động đã bắt đầu vào đại học, làm giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, sánh vai cùng bạn bè đồng lứa xuất phát từ đủ mọi thành phần xã hội.”

“Đây là những thành tựu xã hội có thể đưa ông Diệm đến thành công, nếu ông không làm “toàn quyền” “Tình hình bấy giờ giải thích tâm lý hôm nay của một số người “nuối tiếc” nhất là các bà:”

Ông Diệm còn tốt hơn ông Hồ nhiều.” “Thực thế, dân miền Nam thời “Cộng Hòa Nhân Vị”, 30 năm trước có một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn thời “xã hội chủ nghĩa ông Hồ” 30 năm sau. Đầy đủ. Chưa đúng. Thừa thãi. Cho nên sau 1975, người miền Nam đòi hỏi, bán dần những “thừa thãi cũ mà ăn! Đến nay vẫn chưa hết.”

Ông Khuê nói một số người nhất là các bà giàu tình cảm nuối tiếc cảnh sung túc và không khí hòa đồng vươn cao trong chế độ Cộng Hòa Nhân Vị. Nhưng ông không cho biết lý do thực sự tại sao, với những thành tựu như thế mà

lại có một số người lên án ông Diệm - trong đó có ông Hồ Sĩ Khuê - tìm cách lật đổ ông ta, giết ông ta. Và nay, đã 35 năm sau, vẫn còn kết tội, chứ không nuối tiếc như những nông dân chất phác và thợ thuyền ngay thẳng, và nhất là các bà giấu tình cảm kia. Phải chăng vì các nhà trí thức miền Nam, như những Hồ Sĩ Khuê, hay Bùi Diễm, Trương Như Tảng, Trần Bạch Đằng lúc ấy đã có quá nhiều ảo vọng hay tham vọng. Tham vọng muốn mình phải là tổng thống, thủ tướng. Ảo vọng muốn có một nền dân chủ như nước Mỹ trong đó báo chí được tự do phản chiến đem nước Mỹ đến thất trận nhục nhã trước đoàn quân đi dẹp râu hay chân đất của Văn Tiến Dũng. Hoặc ảo vọng được độc lập thống nhất dưới chế độ “X.H.C.N.” (mà có người châm biếm với ác ý bảo đó là 4 chữ viết tắt của cụm từ “Xếp Hàng Cả Ngày” hay “Xạo Hết Chỗ Nói” hay “Xuống Hàng Chó Ngựa”, v.v.) của ông Hồ. Những Trương Như Tảng, Phùng Văn Cung, Dương Quỳnh Hoa, Phạm Xuân Ẩn, Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn, v.v. ở miền Nam và ngay cả những Bùi Tín, Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Vũ Thư Hiên, v.v. ở miền Bắc nay có hối tiếc không hay vẫn cho rằng độc lập thống nhất theo xã hội chủ nghĩa vẫn hơn Cộng Hòa Nhân Vị? Colby đã đánh giá trí thức Saigon lúc ấy một cách xứng đáng và thực tiễn như đã được trưng dẫn ở chương 3. Trong phần “lời bàn chung” chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này và thử góp ý về lý do tại sao ông Diệm đổ, đứng ra tại sao người ta lật đổ ông Diệm.

Ông Hồ Sĩ Khuê còn khen ông Diệm cách gián tiếp khi so sánh ông với ông Hồ Chí Minh mà ông Khuê cho rằng cả hai đều tự xưng là cách mạng. Trang 433 ông Khuê viết:

“Ông Diệm cũng một thời được khoác áo “Cách Mạng

Quốc Gia.” Hoạt động để cải thiện nhân sinh, tăng tiến xã hội, đúng là cách mạng. Nhưng thay đổi để đưa con người đến chỗ đói rách cùng cực đưa xã hội đến chỗ tan rã, thoái hoá thấy rõ, như ông Hồ đã làm, mà vẫn được xưng tụng là một nhà Cách Mạng!”

Đó là một cách khen trong cái chê. Và sau đây là một cách chê trong cái khen:

“Các đảng phái quốc gia hoàn toàn kẹt cứng (vì trót theo ông Hồ kháng chiến.) Chỉ mình ông Diệm đơn độc thoát được. Giá trị của cố tổng thống Việt Nam Cộng Hòa là ở đây. Tiếc một nỗi ông không nâng giá trị ông lên cao hơn được.”

Có lẽ vì ông Hồ Sĩ Khuê đã cảm phục ông Diệm ngay từ khi còn tấm bé, nên trong khi kịch liệt đả kích và lên án ông Diệm ông đã vô tình hay hữu ý ca tụng ông Diệm, có khi trực tiếp ngang nhiên, có khi gián tiếp, với ẩn ý, qua cách trình bày những nhận xét, hành động, và thành tích mà ông Diệm đạt được trong 9 năm cầm quyền. Để chứng minh sự cảm phục của ông Khuê ngay từ khi còn nhỏ, tôi xin trích một đoạn văn nơi cuối trang 149 và đầu trang 150 như sau:

“Tôi nhớ lúc ông Diệm từ quan, tôi có thua với thầy tôi là hành động này dễ làm, đối với người như ông. Ông dòng vọng tộc, quan chức tột đỉnh rồi, có tiếp tục ở ngôi vị, danh vọng ông chẳng cao hơn. Nhưng từ quan sẽ làm cho danh vọng ông thêm lớn. Nay nghiệm lại, thằng bé là tôi nói điều này lúc ấy, rõ là đã tâm phục ông Diệm lắm rồi.”

Phải chăng lòng cảm phục khi còn bé đã ăn sâu vào tâm khảm ông Khuê, cho nên khi về già ông mang hai tâm trạng trái ngược, một trước 1954, một sau 1963, khiến cho tác phẩm của ông đầy đầy những mâu thuẫn, khó hiểu.

Đọc xong cuốn “Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng” tôi có nhận xét như sau: tác giả công nhận ông Diệm là người có chí, có tài, có trí hơn người, [vì nhìn thời cuộc rất xa và rất chính xác như nhà tiên tri] có nghị lực và có lòng yêu nước sắt son, và đã thành công trong việc nâng cao mức sống người dân. Một người như vậy theo lẽ thường phải được đa số nhân dân mến phục. Nhưng ông Khuê thấy ông Diệm bị lật đổ, và vì không biết rõ nguyên do từ đâu, thủ phạm là ai, hay biết mà không dám nói ra, nên đã phải cố gượng gạo, không thật lòng, gán cho ông Diệm những tội tày trời như bách hại Phật Giáo, đẩy dân miền Nam vào bưng theo cộng sản, mở đường cho Mặt Trận Giải Phóng, để rồi sau cùng đẩy toàn dân vào tay cộng sản. Ông Khuê nói vì ông không hợp tác với chính quyền Ngô Đình Diệm, lại đã “cắt đứt mọi liên hệ hai bên từ cuối năm 1954”, nên có thể ông không biết được đích xác công việc của ông Diệm¹⁸ và do đó có thể xét đoán ông Diệm không thật đúng. Tôi thấy đó có thể là một lý do. Và còn những lý do khác mà tôi sẽ trình bày ở phần nhận định chung cho tất cả những tác giả ở phía chống đối, đả kích hay lên án ông Diệm.

¹⁸ Sđd Trang 153, đầu chương XXI

Chương 13

Nguyễn Cao Kỳ: Ông Diệm là người dễ bị lừa gạt lợi dụng

Nguyên phó tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (đệ nhị) Nguyễn Cao Kỳ xuất thân từ một gia đình theo đạo Phật, tốt nghiệp thiếu úy trừ bị khóa I Nam Định, rồi trở thành phi công tốt nghiệp trường huấn luyện phi công của Pháp tại Marakech, Maroc. Ông đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc đảo chính lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm năm 1963, không phải vì ông ở trong số tướng lãnh chủ xướng. Nhưng, theo lời ông, nếu không có ông thì cuộc đảo chính có thể đã thất bại. Ông đã tham gia vào phút chót do đại tá Đỗ Mậu khéo móc nối, (qua trung gian một ông thầy tướng số). Ông Kỳ nổi tiếng nhất về lời tuyên bố ở lại tử thủ chống cộng vào cuối tháng 4 năm 1975.

Khi làm Chủ tịch uỷ ban hành pháp trung ương những năm 1966-1967, với quyền hành của một thủ tướng thời loạn, ông đã tuyên bố chính phủ của ông là chính phủ của người nghèo, và cương quyết bài trừ tham nhũng với một pháp trường cát dựng lên ở chợ Bến Thành và đã xử bắn



Nguyễn Cao Kỳ (hàng thứ nhất từ trái sang). Hình: T.L.

gian thương Tạ Vinh. Ông được nhiều người ngưỡng mộ là đã dám thẳng tay đối phó, và thành công rực rỡ với các vụ mệnh danh là Phật Giáo xuống đường của một thiểu số nhà sư và Phật tử gây rối, làm lợi cho cộng sản, do thượng tọa Thích Trí Quang lãnh đạo vào năm 1966 mà cố tổng thống Ngô Đình Diệm, vì quá ôn hòa và bị người Mỹ cản trở, đã thất bại trước đó 2 năm rưỡi, đưa tới sự sụp đổ của đệ nhất Cộng Hòa.

Cùng nhờ nắm Không Quân nên chỉ hai tháng sau khi giúp ông Dương Văn Minh lật ông Diệm, ông Kỳ lại giúp tướng Nguyễn Khánh lật tướng Minh một cách dễ dàng. Ông Kỳ còn cứu tướng Khánh trong hai cuộc đảo chính hụt do các tướng Dương Văn Đức, Lâm Văn Phát và đại tá Phạm Ngọc Thảo chủ mưu, vụ thứ nhất xảy ra ngày 13

tháng 9 năm 1964 và vụ thứ hai vào trung tuần tháng 2 năm 1965. Ông Kỳ đã biết lợi dụng bộ nhúng phục phi công của ông để bay nhanh lên về cấp bậc và chức quyền. Chỉ hơn một năm sau cuộc đảo chính 1963 ông đã từ thiếu tá bay lên thiếu tướng, từ chỉ huy trưởng một căn cứ không quân lên tư lệnh Không Quân.

Sau khi hai nhà trí thức và chính khách lỗi lạc của nhóm Caravelle là Phan Khắc Sửu và Phan Huy Quát, một ở ghế Quốc trưởng, một ở ghế thủ tướng, hục hặc nhau và bất lực trong việc giải quyết những vấn đề tranh chấp quyền lợi giữa phe Nam và phe Bắc, nhất là không thoát khỏi áp lực của nhóm Phật Giáo Thích Trí Quang, đồng từ chức, trao quyền lại cho hội đồng tướng lãnh sáng sớm ngày 13 tháng 6 năm 1965, ông Kỳ được cử làm thủ tướng với danh xưng “chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương.” Sau hai năm thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ra ứng cử cùng với trung tướng Nguyễn Văn Thiệu và đắc cử phó Tổng Thống trong một cuộc bầu cử mà ông cho là trong sạch, công bình nhất tại VN.

Cuối tháng 4 năm 1975, trước sức tấn công của cộng quân, bất chấp những quy định của Hiệp Định Paris, và sự phản bội, buôn xuôi, của người bạn Mỹ, ông Kỳ không giữ được lời hứa ở lại tử thủ, đã cùng với hầu hết cấp lãnh đạo đệ nhị Cộng Hòa trốn chạy ra nước ngoài, làm bia cho miệng người mai mĩa. Ngay khi tới Mỹ ông Kỳ bắt đầu viết hồi ký và năm sau (1976) cho ra đời tác phẩm “Hai Mươi Năm, Hai Mươi Ngày”¹

¹“Twenty years and twenty days”, Stein and day, New York, 1976.

Trong những trang 32, 33 ông Kỳ nói rõ nhận xét của ông về hai anh em ông Diệm, Nhu, cho rằng ông Nhu có

tài nhưng không dùng tài đó để chống cộng. Còn ông Diệm thì tốt nhưng dễ bị lừa và lợi dụng: “Ông Diệm có lý tưởng của ông và tận tâm tâm ông ta là người ngay thẳng, lương thiện, nhưng đã trở thành NGƯỜI DỄ BỊ LỪA GẠT, bị lợi dụng bởi kẻ khác.”²

“ Ông ta không biết mình bị vận dụng ra sao”^{3&4}

² Sách đã dẫn trang 32, nguyên văn: “Diệm had his ideals, and was at heart an honest man, but he became a dupe for others.”

³ Xem [4]

⁴ Sđd tr. 33, nguyên văn: “He had no idea how he was being manipulated.”

Ông Trần Văn Đôn trong cuốn “Our endless war”, trang 50 cũng có nhận xét giống ông Kỳ là cố tổng thống Diệm dễ bị người khác lừa gạt. Xin xem chương 6 của soạn phẩm này. Và ông Stanley Karnow khi nói về áp chiến lược cũng cho rằng ông Diệm bị lừa mà không hay biết. Xin xem chương 11.

Theo ông Kỳ thì người lợi dụng và lừa gạt ông Diệm trước tiên là các anh em ông, nhất là ông Nhu và bà Nhu mà ông Kỳ không tiếc lời đả kích. Khác với phần đông các nhà báo và sử gia Mỹ, ông Kỳ không kết tội ông Diệm là kỳ thị hay đàn áp Phật giáo, tuy có nhắc lại cuộc khủng hoảng Phật giáo bắt đầu từ ngày lễ Phật Đản 8 tháng 5 năm 1963. Về cuộc bố ráp chùa Xá Lợi và một số chùa chiền khác, ông Kỳ đổ hết trách nhiệm lên đầu ông Nhu. Ông Kỳ cho rằng chính ông Diệm muốn nhượng bộ phe Phật giáo Ân Quang nhưng ông Nhu ngăn cản, cho rằng ông anh quá mềm yếu. Ông viết:

“Theo lệnh của Nhu, thiếu tá Đặng Sỹ, phó tỉnh trưởng (Thừa Thiên) và là một tín đồ Công Giáo, hạ lệnh xử dụng

đạn thật và lựu đạn thật. Chín Phật tử chết. Các lãnh tụ Phật giáo bảo họ bị lực lượng của Sỹ giết, còn Nhu thì bảo họ chết vì lựu đạn của cộng sản. Ông Diệm nhân nhượng một vài yêu sách của phe Phật Giáo, kể cả việc họ có quyền treo cờ Phật. Nhưng Nhu bảo ông anh là hèn nhát khi nhân nhượng như vậy”.⁵

⁵ Xin xem chương 6 soạn phẩm này, hoặc trang 50 cuốn “Our endless war” của Trần Văn Đôn.

(Sđd trang 35. Nguyên văn: “On Nhu’s order Major Dang Sy, deputy chief of the province and a Catholic, ordered live ammunition and grenades to be issued. Nine Buddhists died, killed by Sýs forces according to the Buddhist leaders, by Communist grenades according to Nhu. à Diem acceded to certain Buddhist demands, including their right to fly flags, but Nhu called him a coward for these concessions.”

Sở dĩ ông Kỳ không lên án ông Diệm bách hại Phật Giáo như số đông ký giả và sử gia Mỹ có lẽ vì chính ông cũng đã phải đối phó với nhóm Phật Giáo quá khích của thượng tọa Thích Trí Quang vào tháng 3 năm 1966 khi ông cầm quyền tại miền Nam Việt Nam trong chức vụ thủ tướng với danh xưng “chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương.” Trong chương 8 của cuốn “Hai mươi năm, hai mươi ngày” ông Kỳ đã nói rất chi tiết và lý thú về mưu mô tiến quyền của TT. T.T. Quang và cách giải quyết mạnh bạo, dứt khoát không khoan nhượng của chính phủ của ông, mặc dù, theo ông viết, ông gặp phải sự chống đối của vị lãnh sự Mỹ tại Đà Nẵng là người ủng hộ TT. T.T. Quang, và tướng Lewis Walt, tư lệnh Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đóng tại Đà Nẵng.

Dưới đây xin trích dịch một đoạn văn: “TT Quang mưu toan kiểm soát chính quyền từ trong hậu trường đã cản trở nỗ lực chiến tranh. Các Phật tử đã đóng một vai trò quan trọng

trong sự sụp đổ trước tiên là của ông Diệm, rồi đến ông Khánh và ông Hương. Thích Trí Quang, người có đôi mắt trừng trừng và hàm răng trắng hếu nổi bật trên màn ảnh TV là người lão luyện trong nghệ thuật quấy rối. Ông ta muờng tượng mình là một Gandhi thứ hai, nhưng thực ra chỉ chuyên môn vận động ngầm, do động lực chính trị chi phối. Ông ta nghĩ, bởi vì tôi xuất thân từ một gia đình Phật tử và đã đả kích ông Nhu vì ông này xử tệ với các Phật tử, nên tôi sẽ là nắm bột trong tay của ông ta. Nhưng chẳng ai thao túng, ảnh hưởng được tôi. Công việc của tôi là cố thắng trận giặc này.”⁶

⁶ Sđd Tr. 87. Nguyên văn: “I realized the time had come to have a showdown with the Buddhists, particularly their leader, Thích Trí Quang, whose attempt to control power from behind the scenes was hampering the war effort. “The Buddhists had played a significant role in the downfall first of Diem, then of Khanh and Huong. Tri Quang, whose staring eyes and shining white teeth made such an impact on the TV screen, was an old campaigner in the art of stirring up trouble. He imagined himself to be a second Gandhi but in fact was nothing more than a politically motivated intriguer who thought that because I was only thirty-five, and not a professional politician, he would find it easy to manipulate me. He may also have believed that because I came from a Buddhist family, and had attacked Nhu for his viciousness toward the Buddhist, I would be put in his hands. However I was not to be manipulated by anyone. My job was to try to win the war.” Tri Quang went to see Henry Cabot Lodge, the American ambassador, and told him he was determined to overthrow me. As Lodge recounted the incident to me, he asked Tri Quang, “But just suppose you do overthrow Marshal Ky. Who would you choose to replace him as prime minister?” Tri Quang sat quietly for a moment, thinking hard. Then he made an astounding observation to Lodge, “We will be willing to put Marshal Ky back.”

Trang 88 hồi ký của ông, ông Kỳ đã khẳng định rằng trong hàng ngũ sinh viên mà TT.TT Quang đã khéo léo lợi

dụng cho mục tiêu chính trị đã có sự xâm nhập của cán bộ cộng sản để khuyến khích gây rối.

Về ý đồ của T.T. T.T. Quang nhằm kiểm soát chính quyền từ trong hậu trường, tướng không quân Nguyễn cao Kỳ đã tiết lộ một chi tiết lý thú và đầy tính thuyết phục như sau:

*“Thích Trí Quang tưởng Cabot Lodge còn giữ cảm tình với mình như cuối năm 1963 nên có lần ông ta đến ngõ ý muốn lật tôi, thì bị Cabot Lodge hỏi: ‘Nhưng giả như thượng tọa lật được tướng Kỳ rồi thượng tọa sẽ đặt ai làm thủ tướng thay ông ta?’ Trí Quang ngồi im một lúc, suy nghĩ lung lăm. Rồi đưa ra một lời nhận xét khiến ông Lodge bàng hoàng: ‘Chúng tôi sẽ sẵn sàng đặt ông ta ngồi lại ghế thủ tướng’.”*⁷

⁷ “Tri Quang went to see Henry Cabot Lodge, the American ambassador, and told him he was determined to overthrow me. As Lodge recounted the incident to me, he asked Tri Quang, ‘But just suppose you do overthrow Marshal Ky. Who would you choose to replace him as prime minister?’ Tri Quang sat quietly for a moment, thinking hard. Then he made an astounding observation to Lodge, ‘We will be willing to put Marshal Ky back’.”

Ông Kỳ đã viết những hàng trên khi ông Cabot Lodge còn sống và viết bằng tiếng Mỹ. Như vậy chắc ông không dám nói sai. Chúng ta thử đối chiếu lời ông Kỳ với những gì ông Hoàng Linh Đỗ Mậu đã viết trong “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương tôi” (trang 730) về Thượng tọa Thích Trí Quang: “Riêng đối với Thượng tọa Trí Quang thì dù chiến tranh hay hòa bình, trước hết miền Nam Việt Nam phải được lãnh đạo bởi những nhà lãnh đạo do dân lựa chọn trong tự do và dân chủ. Quan niệm của ông là chính phủ phải do nhân dân hoàn toàn tự do bầu lên trong một thể chế hoàn toàn dân chủ.” Đã rõ những lời này không phải

của Thượng tọa Thích Trí Quang, mà là của riêng ông Đỗ Mậu bịa ra để bênh vực cho thượng tọa mà thôi. Theo ông Kỳ và ông Cabot Lodge thì rõ ràng: đối với thượng tọa T.T. Quang chính phủ Nam Việt Nam phải do T.T. Quang đặt lên, chứ đừng có nói do dân bầu lên.

Người đọc tự hỏi tại sao ông Đỗ Mậu lại bảo hoàng hơn vua đến thế? Bởi vì nếu có ai chứng minh được rằng thượng tọa có tham vọng chính trị, có mưu đồ chính trị, muốn thao túng chính quyền, thì việc thượng tọa chống ông Diệm không phải vì ông Diệm kỳ thị tôn giáo, mà chỉ vì thượng tọa muốn lật tổng thống Diệm, để dành quyền lãnh đạo miền Nam qua những người do thượng tọa đặt lên.

Thượng tọa đã hy vọng sai khiến được các ông Dương Văn Minh, Trần Văn Hương, Nguyễn Khánh. Nhưng cuối cùng chẳng đi đến đâu, có lẽ vì ý đồ thâm kín của thượng tọa không qua mắt được mọi người. Không rõ đại tá Đỗ Mậu khi dùng người thầy tướng nào đó để dụ dỗ thiếu tá Nguyễn Cao Kỳ tham gia đảo chính có nghĩ ông Kỳ sẽ cùng lập trường với ông để hết mình ủng hộ thượng tọa T.T. Quang trong mọi trường hợp không?

Về thượng tọa T.T. Quang một câu hỏi to tướng được đặt ra: Sau ngày cộng sản thôn tính miền Nam, thượng tọa thấy họ đối với Phật Giáo có tốt hơn ông Diệm không? Nếu không, tại sao thượng tọa không có lời nói hay hành động nào phản đối?⁸.

⁸ Ông Dennis J. Duncanson, người đã cùng Sir Robert Thompson hoạt động chống cộng sản đặc lực tại Mã Lai, rồi sau lại phục vụ trong phái đoàn cố vấn Anh cạnh chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (đệ I và đệ II) đã viết về thượng tọa Thích Trí Quang và thái độ của ông Ngô Đình Nhu đối với thượng tọa như sau trong tác phẩm "Government and Revolution in Vietnam" (Oxford University Press, 1968):

“Ông Ngô Đình Nhu đã từng cho rằng thượng tọa Thích Trí Quang đã cố tình bày đặt ra cuộc khủng hoảng Phật Giáo để giúp Việt Cộng. Lúc ấy các nhà quan sát Tây phương nói chung thích nhìn thấy trong các hành động của nhà sư này chỉ có một sự sùng đạo mà thôi. Nhưng vị thế nổi bật của nhà sư trong những vụ xáo trộn còn nghiêm trọng hơn vào năm 1964, sau khi các yêu sách của Phật tử về vấn đề tôn giáo đã được thỏa mãn, đã khiến nhiều người ngoại quốc cuối cùng quay lại đồng ý với ông Nhu. Vì vậy vào tháng 10 năm 1964 Trí Quang đã tuyên bố trên tạp san “*Lập Trường*” mới ra của ông rằng Cộng Sản vào Miền Nam thì Phật Giáo cáo chung cũng như đã xảy ra ở miền Bắc. Nhưng nhà sư đã không nói trong trường hợp cuối cùng điều đó xảy ra thì phản ứng của ông sẽ ra sao.” Đến 30 tháng 4 năm 1975 thì mọi người đã biết rõ phản ứng của nhà sư: Im lặng và bất động.

Chỉ đọc lời tuyên bố của thượng tọa T.T. Quang trên tờ *Lập Trường* mà Duncanson vừa nói đến ở trên, cũng như lời thượng tọa trả lời cuộc phỏng vấn của nhà báo Everett G. Martin đăng trên tuần san “*Tuần Tin Túc*” (Newsweek) số 25 tháng 4 năm 1966, thì ta sẽ thấy những người như trung tướng Trần Văn Đôn hay thiếu tướng Đỗ Mậu nói đúng khi họ bào chữa cho thượng tọa T.T. Quang, bảo ông ta không phải cộng sản hay thân cộng. Nhưng xét người, nhất là một người có tham vọng chính trị, phải xét cả việc làm chứ không chỉ lời nói mà thôi. Trong cuộc phỏng vấn nói trên T.T. Quang đã nói: “Nếu thương thuyết có thể đem lại hòa bình ở Việt Nam, thì hòa bình đó phải là thành quả của sự đánh bại cộng sản cho nhân dân Việt Nam. Sẽ không hợp lý nếu hòa bình là kết quả của sự thương thuyết có lợi cho cộng sản.”

Ngoài một vài lời chỉ trích nhẹ nhàng nêu trên, xem ra ông Kỳ không quên được những cảm nghĩ tốt về ông Diệm trong những năm đầu khi ông Diệm mới về nước. Đầu chương 4, trang 31 ông viết:

“Cảm nghĩ của tôi về ông Diệm lúc ấy nhiều người biết. Trong năm 1954 tôi đã cùng với hàng ngàn người nồng nhiệt hy vọng rằng con người mộ đạo này sẽ chứng tỏ là vị cứu tinh của đất nước. Cũng như mọi người trong gia

đình tôi, tôi đã giúp cho cuộc bỏ phiếu đưa ông Diệm lên cầm quyền. Tôi còn nhớ sự thán phục lạ lùng mà người ta dành cho ông Diệm trong những ngày theo sau cuộc bầu cử ông, đặc biệt là ở Mỹ. Khi ông tới thăm thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào năm 1957, để đọc thông điệp trước lưỡng viện Quốc Hội Mỹ, ông đã đi máy bay của tổng thống và chính tổng thống Eisenhower đã có mặt tại phi trường để nghênh đón ông. Khi ông về nước, chúng tôi đọc tuần san “Sống,” mô tả ông như một “con người thần kỳ, cương nghị”. Thị trưởng Nữu Ước, ông Robert Wagner đã mô tả ông như “một người mà lịch sử sẽ có thể liệt vào hàng vĩ nhân của thế kỷ hai mươi”. Và mãi tới năm 1961, phó tổng thống Johnson, khi thăm Saigon, còn gọi ông là Winston Churchill của Á châu.”⁹

⁹ Sđd trang 31. Nguyên văn: “My feelings about Diem were well known. In the 1954 election I shared with many thousands the fervent hope that this devoutly religious man would prove to be the savior of our country. Like all my family, I helped to vote Diem into power. “I remember the awe with which Diem was regarded in the days after his election, particularly in the United States. When he visited Washington in 1957, to address the joint session of Congress, he traveled in the presidential plane and Eisenhower was at the airport to meet him. Back home we read the Life Magazine profile of a ‘tough miracle man.’ Mayor Robert Wagner of New York described him as ‘a man history may judge as one of the great figures of twentieth century’. And even as late as 1961, vice president Johnson, when visiting Saigon, called him ‘The Winston Churchill of Asia.’

Chương 14

Đối với ngàn trang sách của ông phải là ngàn lời nguyện rửa ông Diệm. Lỗi ông Diệm theo ông Đỗ Mậu tre toàn tỉnh Quảng Bình không ghi hết. Tội của ông Diệm, ông Đỗ Mậu cho rằng, nước sông Hương rửa không sạch...

Thiếu tướng Hoàn Linh Đỗ Mậu là người có số “Sinh vi quân, tử vi thần,” như chính ông, với tư cách một người hâm mộ và nghiên cứu tử vi, đã bấm độn cho ông. Ông cũng tự cho mình là người đã cộng tác với Việt Minh rồi lại chống Việt Minh, đã là đội khổ xanh của Pháp rồi quay lại chống Pháp, đã từng tôn Ngô Đình Diệm như lãnh tụ rồi hằng say lật ông Diệm và cho đến nay vẫn không ngớt thóa mạ ông Diệm hơn bất cứ ai khác..

Có thể thêm là ông cũng đã là ủy viên chính trị của “Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng” do tướng Dương Văn Minh làm chủ tịch, rồi quay ra chỉ trích hội đồng này. Và khi tướng Nguyễn Khánh làm “chỉnh lý”, lên làm thủ tướng, ông lại giữ chức phó thủ tướng đặc trách văn hóa xã hội, để rồi sau đó cũng chỉ trích nặng nề chính phủ Nguyễn

Khánh. Ông đã kết giao với tướng Kỳ trong cuộc đảo chính lật ông Diệm, nhưng rồi sau đó, ông lại chửi bới ông Kỳ không tiếc lời.

Từ ngày sang Mỹ ông không ngớt đả kích Cần Lao. Thì ra chính ông lại là Cần Lao gộc hạng nhất. Ông viết rằng chính ông Nhu đã muốn ông đứng đầu “quân ủy” Cần Lao¹ mà ông không nhận, chỉ nhận chức ủy viên trung

¹ Từ “Quân ủy” mà ông Đỗ Mậu dùng đây, theo chỗ soạn giả được biết qua những người thân cận với trung tá Nguyễn Văn Châu, là do ông Đỗ Mậu nói theo từ của cộng sản. Chứ đảng Cần Lao Nhân vị của ông Nhu không có từ đó. Ông Châu có một thời giữ vai trò “Trưởng ban V (năm)”, mà ông Đỗ Mậu nói là “Chủ tịch Quân Ủy” ngụ ý là đảng Cần Lao cũng giống như đảng cộng sản. Thực tế hoàn toàn khác. Đảng cộng sản, với danh xưng “Đảng Lao Động” miền Bắc lúc ấy, là đảng lãnh đạo. Lãnh đạo chính phủ, lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo nhân dân. Thành viên chính phủ là đảng viên. Dân biểu quốc hội là đảng viên. Chủ tịch quân ủy trung ương là ủy viên bộ chính trị của đảng. Quân ủy trung ương là một bộ phận chính thức đầu não của quân đội, mà chủ tịch có lúc là tổng tư lệnh quân đội.

Trái lại đảng Cần Lao của ông Ngô Đình Nhu không hề có một địa vị và tầm quan trọng như thế trong chính phủ của tổng thống Ngô Đình Diệm. Bằng chứng là hầu hết bộ trưởng không phải đảng viên Cần Lao. Chính ông Ngô đình Nhu là tổng bí thư cũng không giữ chức vụ gì chính thức trong chính phủ, trừ trường hợp sau này với sự ra đời của quốc sách Ấp Chiến Lược, ông được cử giữ chức vụ phối hợp các bộ, một thứ chủ tịch ủy ban liên bộ về quốc sách Ấp Chiến Lược.

Về phía quân đội trung tá Châu chỉ là giám đốc một nha trong số nhiều nha và trên nha còn có các tổng nha thuộc bộ Quốc Phòng. Việc ông Nhu, với tư cách lãnh đạo đảng, chọn, hay tổ chức bầu (?) ông Châu, hay ông Đỗ Mậu, như chính ông này viết trong hồi ký của ông, không phải để lãnh đạo quân đội như Võ nguyên Giáp của đảng cộng sản. Ông Châu thực ra, ngoài chức vụ chính thức là giám đốc một nha dưới quyền bộ trưởng quốc phòng, chỉ có một nhiệm vụ rất khiêm tốn và hạn chế đối với riêng ông Nhu mà thôi. Với chức trưởng ban V, ông Châu không có chút quyền hành gì với các cấp chỉ huy trong quân đội, ngoài một số sĩ quan trực tiếp dưới quyền ông thuộc nha Chiến Tranh Tâm Lý.

Như vậy dùng từ “quân ủy” để gọi thay cho danh xưng chính thức của nó là

ương “quân ủy.” Hình như thiếu tướng Đỗ Mậu bị ám ảnh bởi cái gốc Cần Lao của mình, cũng gần giống Hitler ngày xưa bị ám ảnh bởi nguồn gốc Do Thái của ông ta. Do đó giống như Hitler nhìn đâu cũng thấy Do Thái và tìm diệt cho bằng được, ông Đỗ Mậu nhìn đâu cũng thấy Cần Lao. Cứ hễ ai lên tiếng bênh vực hay khen ông Diệm là bị ông Đỗ Mậu chụp cho mũ “Cần Lao” to tướng. Đòi chỗ ông thêm Cần Lao Công Giáo, có lẽ để được tự tách mình ra xa một chút chẳng.

Không rõ hai nữ văn sĩ và ký giả Ellen Hammer và Marguerite Higgins có được ông liệt vào đảng Cần Lao không mà cũng bị ông bêu riếu đến buồn cười. Hay vì ông đại tá giám đốc an ninh quân đội hồi nào thường được tổng thống Ngô Đình Diệm gọi vào dinh không phải vì công vụ mà để tâm sự, lúc đêm đã về khuya, như chính ông khoe, ghen với hai người đàn bà ngoại quốc rất kính trọng và chắc chắn cũng mến yêu vị tổng thống độc thân? Nếu chuyện này đến tai nhà văn Mỹ Gay Talese có thể tướng Đỗ Mậu sẽ được đem ra so sánh với Rudolf Hess của Hitler.

Cuốn hồi ký của ông, không biết có phải do chính ông viết không, mang tựa đề rất kêu “Việt Nam máu lửa quê hương tôi”, xuất bản năm 1986, tái bản năm 1987 và tái bản lần nữa vào năm 1993, nhưng đã được in đi in lại tới chín, mười lần, theo nhà xuất bản Văn Nghệ cho biết². Cuốn sách dày trên ngàn trang này chứa đựng nhiều sử

hoàn toàn sai, khiến gây ngộ nhận vô cùng tai hại. Nếu thời đó có một vài ông tướng, tá nể sợ ông Châu hay bỏ đờ ông ta, là vì họ hy vọng được ông này báo cáo tốt với ông Nhu hay ông Diệm. Chứ về mặt pháp lý và tổ chức họ không có bất cứ lý do gì phải khúm núm, sợ sệt trước ông Châu, cũng như sau này người kế vị ông ta, khi ông ta đã bị hạ tầng công tác, vì tổng thống Diệm hay biết được là có những vị tướng bỏ đờ ông ta, làm hại uy danh quân đội.

liệu quan trọng và được trình bày một cách chi tiết với sự việc cụ thể hấp dẫn, khiến độc giả, nếu đọc nhanh như đọc tiểu thuyết thì thấy rất hay. Nhưng nếu đọc kỹ từng trang, đối chiếu đoạn trên với đoạn dưới và kiểm chứng lại với các tài liệu khác thì thấy nó chứa đầy dẫy những sai lầm, mâu thuẫn. Vì cuốn sách ngàn trang là ngàn lời nguyên rủa. Những sai lầm, mâu thuẫn lại quá nhiều, nếu trưng dẫn một cách tóm lược ra đây thì cũng phải cần đến hàng trăm trang. Vì vậy tôi chỉ xin nói tóm tắt rằng:

Đối với ông Đỗ Mậu thì cả nhà ông Diệm đều đắc tội với dân với nước. Chính ông Diệm cũng là con người xấu xa, từ cái tướng đi, cặp mắt nhìn cho đến tính gian dân lén lút, có con riêng, đến sự vô ơn bội nghĩa với những đồng chí cũ của mình, có lẽ cả với ông Đỗ Mậu nữa, cho đến hành động thân Pháp, thân Nhật, làm tay sai cho Mỹ, phản bội quyền lợi dân tộc, và sau cùng rắp tâm bán đứng miền Nam cho cộng sản. Cái tội nặng nhất của ông Diệm, đối với ông Đỗ Mậu là tội kỳ thị, đàn áp và bách hại Phật Giáo. Chính cha ông Diệm là Ngô Đình Khả, mà ông Đỗ Mậu đã thường cùng với ông Ngô Đình Cẩn, đến viếng mộ vào những ngày tết trước khi ông Diệm cầm quyền, (“trong khi ông Diệm, ông Nhu ở Saigon không thèm về giỗ bố” như ông viết), cũng bị ông Đỗ Mậu gọi là tay sai cao cấp của thực dân Pháp³. Chưa kể đến những tội của các anh em ông Diệm còn nặng hơn nữa. Đúng là không bút nào tả xiết, “không nước sông nào rửa sạch.”

² Một nhà thơ sang Mỹ định cư năm 1997, ông Thái Thủy, cho biết ở Saigon ông đã được đọc tác phẩm này do nhà xuất bản “Công An Nhân Dân” phát hành với một số thay đổi nhỏ cho hợp với luận điệu của đảng hơn.

³ Người dân Huế ít có ai lại không biết câu phong dao “Đầy vua không Khả,

Vì vậy xin bạn đọc tự tìm đọc thẳng cuốn sách ngàn trang này để tiện bề xét đoán trực tiếp. Nhưng đối với bạn trẻ, tôi đề nghị là hãy đọc chậm chậm với suy nghĩ cẩn trọng, đừng để bị lời văn lôi kéo.

Tôi cũng không có ý góp lời bàn ở đây vì cũng đã có nhiều sách phê bình tác phẩm này rồi. Một vài trang ở đây không nói được hết ý. Nếu tò mò muốn biết bạn đọc có thể tìm đọc cuốn “Việt Nam chính sử” của ông Nguyễn Văn Chúc để so sánh đối chiếu với những gì ông Đỗ Mậu viết trong hồi ký ngàn trang của ông. Và cũng đừng quên ông Nguyễn Văn Chúc chỉ chú trọng đến một số điểm quan trọng đối với ông ấy thôi.

Ngoài việc kể tội nhà Ngô và chỉ trích những người mà ông gán cho cái tội Càn Lao, ông Đỗ Mậu đã nói về thành tích và công trạng cũng như tài cán của mình hơi nhiều. Ông lại chê tất cả những người lãnh đạo Việt Nam từ 1945 cho đến 1975, từ Hồ Chí Minh, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Dương Văn Minh, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Phan Huy Quát, Nguyễn Khánh, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu. Điều đó khiến người đọc phải nghĩ chỉ có ông Đỗ Mậu đáng làm Vua (sinh vi Quân), hay tổng thống, hay

Đào mà không Bài” được truyền tụng vào tiền bán thế kỷ 20 nói về sự can đảm của hai vị đại thần của Nhà Nguyễn, Ngô Đình Khả và Nguyễn Hữu Bài, đã dám chống lại quyết định của thực dân Pháp đẩy vua Thành Thái và đào lăng vua Tự Đức để lấy châu báu. Nhà văn cộng sản Vũ Thư Hiên trong “hồi ký chính trị của một người không làm chính trị” nhan đề *Đêm Giữa Ban Ngày* có thuật lại việc ông Hồ Chí Minh đã nhắc lại câu phong dao nói trên như là cái cớ để hạ lệnh phóng thích ông Ngô Đình Diệm. Vì theo ông Hồ người dân Huế có lòng kính trọng cha ông Diệm đến thế thì cũng nên vì người cha mà tha người con. Xin xem sách đã dẫn (nhà xuất bản Paris, 1988) trang 226-227, có trích đăng trong phần phụ lục soạn phẩm này.

quốc trưởng, hay chủ tịch, hay tổng bí thư, như các ông Trần Đức Lương, Lê Khả Phiêu, hay ít nhất cũng thủ tướng như Phan Văn Khải mới xứng đáng và chỉ có thể mới làm cho nước giàu dân mạnh được.

Nhưng ông cũng đã chẳng từng làm phó thủ tướng và ủy viên chính trị trong hội đồng quân nhân cách mạng, cũng có ảnh hưởng lớn nhất trong hội đồng vì nắm toàn bộ các vấn đề chính trị đó hay sao? Người đọc tự hỏi: Với “tài trí” của ông và “hậu thuẫn” của cả khối Phật Giáo chiếm tới 80% dân số Việt Nam, như phe ông thường nói (chưa kể ông Hilsman ở bộ Ngoại Giao Mỹ thời ấy, chắc cũng cùng phe với ông, còn nói trên 90%), đứng sau lưng anh hùng TT. T.T. Quang, tại sao ông không cùng với vị thượng tọa đầy quyền uy và thế lực đó lợi dụng tình hình sau đảo chính nắm luôn chính quyền, làm quốc trưởng, chủ tịch luôn? Cái số đã là “sinh vi quân” cơ mà?

Khi viết hồi ký ông Đỗ Mậu đã lôi đúng 100 người, trong số đó cũng có những người có tên tuổi, từ các ông Võ Văn Ái, Tăng Xuân An (văn A) đến các ông Văn Xưa, Phan Xứng, Huỳnh Minh Ý (văn Y) ra làm chứng cho những điều ông nói xấu về ông Diệm. Ông trích cả thư riêng của một số vị như các ông Lê Tá, Lê Văn Thái (tức Thái trắng), Hoàng Đồng Tiểu, Tôn Thất Tuế, Võ Như Nguyễn, Huỳnh Minh Ý gửi cho ông hay bạn ông. Dường như ông chẳng những muốn chứng minh rằng hàng trăm người cũng đồng ý với ông, mà còn muốn lôi những vị này đứng hẳn vào phe ông, dứt khoát phải ủng hộ ông, dù có nhiều vị trong số đó chắc chắn là không muốn, nhưng “miệng đã mắc quai.” Những ai không dám lên tiếng phản đối hay cải chính, hoặc đã chết không còn cơ hội cải chính nữa, thì được ông coi là

đồng minh rồi. Và ông còn có thể dựa vào con số đồng đó để lôi kéo thêm nhiều người khác. Đây là một tiểu xảo chính trị, không lấy gì làm tốt đẹp.

Nếu bạn đọc có cơ hội thử hỏi riêng một vài vị trong số đó như ông Lê Văn Thái ở San Diego hay ông Võ Như Nguyễn ở Pau (Pháp) chẳng hạn xem các ông ấy có lấy làm hân hạnh khi thấy thư riêng của mình được ông Đỗ Mậu lợi dụng vào việc gây uy tín riêng cho ông ta không. Trừ phi các ông ấy muốn có một chức tổng bộ trưởng hay tổng giám đốc trong cái chính phủ tương lai nào đó của ông Đỗ Mậu, thiết tưởng chẳng ai thích thư riêng của mình được đăng lên sách báo. Dầu sao nếu có dịp bạn đọc thử đọc hết các bức thư hay tài liệu của một trăm vị đó xem họ viết gì, và những lời thư hay tài liệu đó chứng minh cho lập luận của ông Đỗ Mậu đến mức độ nào.

Để kết thúc chương này tôi cảm thấy bất đắc dĩ phải đặt câu hỏi về tính liêm sỉ, không phải đối với thiếu tướng Đỗ Mậu mà đối với một nhà tiểu trí thức, một nhà văn là ông Đoàn Thêm. Ông này được ông Đỗ Mậu nhắc đến và trung dẫn trong hồi ký của ông đến 15 lần, có lẽ chỉ thua Karnow, Sheehan và Halberstam là những tác giả thiên cộng hay thiên tả coi toàn bộ phe quốc gia chẳng ra gì so với phe cộng sản, là những tác giả được trung dẫn nhiều nhất trong “VNMLQHT.”

Đã làm đến chức đồng lý văn phòng của ông Diệm, ông Đoàn Thêm được coi như người trong bộ tham mưu cao cấp nhất của ông Diệm. (Về mặt hành chánh, những người giữ các chức đồng lý văn phòng, chánh văn Phòng, như ông Võ Văn Hải, hay chức bí thư, công cán ủy viên thường là những người thuộc ê-kíp của người đứng đầu

cơ quan như bộ, phủ và khi người đứng đầu rời nhiệm sở thì đương nhiên đoàn tùy tùng này cũng ra đi, trừ phi người kế vị muốn giữ lại với sự đồng ý của đương sự.) Nếu thấy ông Diệm làm sai sao ông Đoàn Thêm không can ngăn. Nếu thấy ông Diệm cố chấp không can ngăn được và còn xấu xa, như ông viết, thì tại sao ông không từ chức trước, hay ít nhất cũng từ chức vào lúc nguy kịch cuối cùng của ông Diệm, giống như ông Vũ Văn Mẫu chẳng hạn, để vớt vát chút danh dự, mà lại cứ ngồi lì ở đó hưởng bổng lộc. Rồi sau khi ông Diệm chết mới lên tiếng chê bai và lên án ông Diệm?



Đỗ Mậu. Hình: T.L.

Chương 15

Dương Văn Minh: Diệm được kính trọng quá trong đám người đơn sơ chất phác dễ bị lừa, đặc biệt là người Công giáo và dân di cư



Tổng thống một ngày” Dương Văn Minh, thường được gọi là “Minh Xún”, “Minh Cồ” hay “Big Minh”[++] là một trong những tướng Việt Nam được tổng thống Ngô Đình Diệm phong lên hàng tướng lãnh của đệ nhất Cộng Hòa sớm nhất. Nhưng vốn tính lè phè ham chơi tennis và lan

Hình: T.L. cảnh, nên không được

trao những chức vụ đòi hỏi sự năng nổ xông xáo và chú tâm suy nghĩ như tổng tham mưu trưởng, tư lệnh quân đoàn, v.v. mà ông mơ ước. Vì vậy ông là một trong những

người bất mãn với chế độ Ngô Đình Diệm. Ông cũng cho rằng ông Diệm quên ơn ông ủng hộ trong những ngày hàng say chống phiên loạn Bình Xuyên hồi 1955, nên ông càng bất mãn hơn.

Người Mỹ đã câu kết với tướng Trần Văn Đôn (qua đại sứ Cabot Lodge và CIA Lou Conein) chọn ông Minh cầm đầu các tướng lãnh đảo chính lật tổng thống Diệm ngày 1 tháng 11 năm 1963. Nhiều người, trong số đó có trung tướng Trần Văn Đôn, khẳng định rằng chính ông Dương Văn Minh đã ra lệnh giết ông Diệm¹. Ông Đỗ Mậu cũng xác quyết như vậy trong hồi ký của ông².

¹ Xin xem lại chương 6, Trần Văn Đôn.

² “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” Hoành Linh Đỗ Mậu, NXB. Văn Nghệ, 1993, trang 476.

Ông Colby trong hồi ký *Honorable men* (các trang 214

(++) Nhà báo Đặng Văn Nhâm còn thêm “Minh Ngu”. “Minh Bự” (Diễn Đàn Phụ Nữ số 154, trang 53.) Và nhà báo Trương tử Phòng gọi “Minh Khờ”, hay “Quốc trưởng phù du”, “Tổng thống 48 giờ” (“Cái chết của Nam Việt Nam”, N.X.B. Xuân Thu, Los Alamitos, 1988, chương 9, trang 356.) Cũng có người gọi là “tổng thống một ngày” hay 24 giờ. Nếu nói chính xác thì là 42 giờ. Vì tuy theo chương trình thì tướng Dương Văn Minh đọc diễn văn nhậm chức lúc 9 giờ sáng ngày 28, nhưng thực tế mãi đến 5 giờ 30 ông mới đọc do có khó khăn trong việc chọn thành viên chính phủ. Và đến trưa ngày 30 ông đã tuyên bố đầu hàng. Như vậy gọi là tổng thống một ngày hay hai ngày đều có thể đúng. Về phía Mỹ ông Dương Văn Minh thường được gọi là “Big Minh.” Nhưng ông đại sứ Nolting và tướng Harkins còn cho ông Minh thêm một hỗn danh nữa là “General Belly-ache” (“Tướng đau bụng”, *From Trust to tragedy*, trang 132)

[++] Ông Lê Tùng Minh ở Massachusetts còn viết trong cùng tờ báo, cùng số 154 (trang 10) rằng Hồ Chí Minh hứa: “Nếu cách mạng giải phóng miền Nam thành công sẽ dành cho Dương Văn Minh chức phó chủ tịch nước.”

và 215) viết rằng ông Dương Văn Minh đã từng đề nghị giết hai ông Nhu và Cần, nhưng bị ông giám đốc CIA lúc bấy giờ là McCone gạt đi. Ông Colby cũng nói đã từ lâu ông nghi ông Minh muốn giết ông Diệm và sự nghi ngờ đó đã thực sự xảy ra trong ngày đảo chính.

Việc đầu tiên ông làm sau khi hạ ông Diệm là hủy bỏ chính sách “Áp Chiến Lược”, vì cho rằng nó làm mất lòng dân. Hậu quả của việc này là mất luôn cả dân lẫn đất vào tay cộng quân, khiến chiến tranh lan rộng và tình hình miền Nam trở nên rối bời, Hoa Kỳ phải đem quân ồ ạt vào mới giữ được miền Nam. Chính phủ của ông chỉ tồn tại được 90 ngày vì bị tướng Nguyễn Khánh lật với danh nghĩa một cuộc chỉnh lý vào ngày 30 tháng 1 năm 1964. Nhưng ông lại được tướng Khánh mời giữ huy hiệu quốc trưởng cho đến ngày 26 tháng 10 mới bị trao quyền lại cho ông Phan Khắc Sửu. Từ đây vai trò của ông Minh phai mờ dần rồi ông bị cho đi an trí ở Thái Lan từ tháng 2 năm 65 cho đến năm 70.

Năm 1971 trong cuộc bầu cử tổng thống có tin ông ra ứng cử nhưng rồi bỏ cuộc lấy lý do không có tiền tranh cử. Nhưng trong cuốn “hồi ký của một Việt Cộng”, Trương Nhu Tảng viết rằng chính bọn ông (có ý nói Việt Cộng) đã tìm cách ngăn không để ông Minh tranh cử hầu biến cuộc bầu cử trở thành lối bịch vì màn độc diễn của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu³, làm lợi cho phía cộng sản. Ông Dương Văn Minh được nổi tiếng nhất là vị “tổng thống một ngày” đứng ra đầu hàng cộng quân vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Nhiều người cho rằng ông Minh bị cộng sản giật giây qua người em của ông là thiếu tá cộng sản Dương Văn (hay Thành?) Nhựt, bí danh Mười Ty. Cũng có người

đem bằng chứng để nói rằng ông Minh đích thực có hoạt động cho Bắc Việt⁴. Còn ông Đỗ Mậu thì ca tụng ông Minh là người yêu nước, và về nhiều phương diện hơn hẳn ông Diệm và ông Nhu.⁵

³ “A Viet Cong Memoir”, Trương Như Tảng, trang 203: “Để lợi dụng tình hình, chúng tôi chỉ thị cho các điệp viên của chúng tôi nằm trong đám bộ hạ của Minh khuyên ông ta đừng ra ứng cử.” Nguyên văn bản Anh ngữ: “To capitalize the situation, we gave directions to our agents within Minh’s entourage to dissuade him from running.”

⁴ Diễn Đàn Phụ Nữ số 154 từ trang 53 đến trang 59.

⁵ Sđd trang 476.

Nhà báo Trương Tử Phòng trong tác phẩm “Những bí ẩn về cái chết của Việt Nam”, ký tên thật Phạm Kim Vinh cho ông Minh là “một trong những kẻ chủ trương kỳ thị Nam, Bắc một cách cuồng tín và cũng là kẻ ngây thơ nhất về chính trị”^{5bis}

^{5bis} Sđd Nhà xuất bản Người Việt, 1977. Trang 75.

Nhà văn Duyên Anh, Vũ Mộng Long, thì viết:

“Duong Văn Minh đã có cơ hội duy nhất đi vào lịch sử nhưng ông ta tình nguyện khước từ. Từ một tên lính của thực dân Pháp, nhờ sự chuyển mùa của đất nước khan hiếm tài năng, ông ta trở thành tướng lãnh của chế độ Ngô Đình Diệm, trở thành người anh hùng của các chiến dịch tiêu trừ loạn quân Bình Xuyên, Hòa Hảo. Tên lính Xuân tóc đỏ của quân đội, đáng lẽ đứng ở đó là đẹp rồi. Ông ta không chịu. Ông ta nhúc nhích, vì nghĩ mình là Nasser. Ông ta bị dúi vào tội ác thoán nghịch. Và Duong Văn Minh thỏa chí quốc trưởng. Triều đình của Duong Văn Minh thật phù du. Tên vũ biến không thích truy nã thân phận mình, ông ta tưởng ông ta có đế mạng. Bị tước đoạt quyền bính, bị đuổi khỏi đất nước, Duong Văn Minh của quây quay về giành bằng được tước vị tổng thống. Ông ta

thỏa mãn. Thánh nhân thường đãi kẻ khù khờ. Thánh nhân đãi thêm đũa ngu dốt. Đất nước phải có đến thứ Dương Văn Minh gánh vác, kẻ nhu đất nước tàn tạ.”^{5ter}

^{5ter} Saigon ngày dài nhất, Duyên Anh, N.X.B.Xuân Thu, California, 1988.trang 309.

Tướng Maxwell Taylor khi còn là chủ tịch ban tham mưu liên quân Mỹ đã tới Nam Việt Nam vào tháng 10 năm 1961 để nhận định về tình hình. Ông đã gặp tổng thống Ngô Đình Diệm và một số tướng lãnh khác trong đó có đại tướng Lê Văn Tỵ và trung tướng Dương Văn Minh. Trong cuốn hồi ký “Swords and Plowshares” (thanh gươm và lưỡi cày), ông đã có nhận xét về hai vị tướng này. Tướng Tỵ thì chỉ bàn về các vấn đề quân sự thuần túy. Còn tướng Minh thì vừa gặp ông đã đem tổng thống của mình ra nói xấu. Và tướng Taylor phải lấy làm ngạc nhiên tự hỏi sao lại có người đem chuyện xấu của chủ mình nói với một người lạ mới gặp lần đầu tiên, chưa kịp giới thiệu nhau, như thế này.⁶

⁶ Swords and Plowshares, by Waxwell D. Taylor trang 234.
 Nguyên văn: Minh and I had scarcely exchanged greetings when Minh began to unburden himself of his grievances against Diemà but I was somewhat startled by his willingness to criticize his president to a foreign like me.” Tạm dịch: “Minh và tôi chưa kịp chào nhau xong thì Minh đã bắt đầu trút những sự bất bình của ông ta đối với Diệm, nhưng tôi có phần nào sững sốt về sự sẵn sàng chỉ trích vị tổng thống của ông ta với một người ngoại quốc như tôi.”

Trong cuốn “No more Vietnams” tổng thống Nixon có thuật lại lời tướng Minh Cổ nói về cái chết của ông Diệm như sau: “*Không thể để ông Diệm sống được, vì ông ta quá được kính trọng bởi những người đơn sơ chất phác dễ bị lừa, đặc biệt là người Công giáo và dân di cư*”.⁷

⁷ No more Vietnams, R.Nixon, trang 70.

Cách đây mấy tháng Francis X. Winters đã công bố lá thư riêng của thú trưởng ngoại giao Harriman lúc đó gửi cho đại sứ Cabot Lodge chỉ 3 ngày trước khi tướng Minh bị tướng Khánh lật. Winters đã tìm thấy nó trong khu tủ bản thuộc thư viện Quốc Hội, ngăn 484. Bức thư đề ngày 27-1-1964 có đoạn ông Harriman khen ông Lodge biết cách dạy người “học trò” Dương Văn Minh về chính trị. Và còn chúc ông Lodge thêm quyền lực (ở Việt Nam). Đây nguyên văn đoạn thư đó:

“Cabot thân, tôi rất lấy làm thích thú theo dõi điều anh khuyên nhủ Minh Cổ về cách vận động chính trị và lấy làm sung sướng được xem tấm hình trên báo cho thấy học trò của anh đang theo học một ông ‘thầy thực thụ’ ...

*Chúc anh thêm quyền hành.”*⁸

⁸ “The year of the hare”, (Năm Mão), đại học Georgia Press. 1997. Trang 120. Nguyên văn: “Dear Cabot, I followed with interest the advice you have been giving to Big Minh on campaigning and was delighted to see the news-photo which shows that your pupil is learning from a real master... More power to you.”

Từ ngày sang Pháp sống lưu vong năm 1982, ông Minh thường giữ im lặng, cũng không viết hồi ký để tự đề cao hay tự biện minh như các ông Trần Văn Đôn, Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi, v.v. Nhưng năm 1997, trong khi có tin đồn nhà cầm quyền cộng sản đang cho sửa sang “đình Hoa Lan” của ông để chuẩn bị đón ông về nước với một sứ mạng hay chức vị gì đó, ông bỗng lên tiếng với báo chí ở Pháp và phủ nhận là ông không đầu hàng mà chỉ trao quyền. Lời tuyên bố của ông đã bị tờ *Diễn Đàn Phụ Nữ* loan tải và châm chích mỉa mai.⁹

⁹ Xem *Diễn Đàn Phụ Nữ* số 160, tháng 7, năm 1997, từ trang 60 đến trang 67.

Hai năm gần đây tờ *Diễn Đàn Phụ Nữ* (do ký giả chuyên nghiệp Chủ Bá Anh sáng lập,) đã ba, bốn lần đem cuộc đời và hoạt động ngấm ngấm của tướng Dương Văn Minh ra mổ xẻ và khẳng định ông là tay sai nếu không hữu ý thì cũng vô tình cho cộng sản. Số 154 tháng 2 năm 1997, trang 54 ghi: “Tướng Dương Văn Minh, một nhân vật đã từng hai lần đóng vai tướng lãnh đạo miền Nam. Lần nào cũng ngấn ngùi. Nhưng mỗi lần đều mang đến tai biến thảm khốc vô lường cho nhân dân miền Nam.” Chỉ nửa năm sau cũng nguyệt san nói trên đã trích lời nhà báo cộng sản Hồ Văn Quang thuật lại lời tướng Nguyễn Hữu Cồ viết trong tù cộng sản ở Hà Tây như sau: “Thực sự hôm nay ở trong tù tôi nghĩ lại mà thấy tội nghiệp cho Minh Cồ, thích làm tổng thống mà khả năng quá hạn chế, do đó bị Thích Trí Quang điều khiển đủ mọi chuyện. Ngày lịch sử trong đời làm chính trị của Minh Cồ không phải là ngày nhậm chức tổng thống mà chính là ngày 29 tháng 4 năm 1975, vì ngày này từ 8 giờ đến 12 giờ khuya Minh Cồ và tôi phải đến “hoàng cung Ấn Quang” 5 lần và lần nào cũng với nội dung là “thầy” cũng hứa hẹn một cách chắc chắn không thể sai lệch là sắp xong. Bên kia chậm lắm là tối 29-4-75 hay sáng 30-4-75 sẽ bàn thảo việc thành lập chính phủ liên hiệp...” (D.Đ.P.N. số 160, tháng 7, 1997, trang 66.)

Chương 16

John M. Newman : Ông Diệm quá tự tin vào khả năng vô địch của mình nên trở thành chuyên quyền và gia đình trị



John M. Newman là giáo sư về các vấn đề cộng sản Liên Xô, Trung Hoa và chiến tranh Việt Nam. Ông đã từng chiến đấu ở Thái Lan, Phi Luật Tân, Nhật và Trung Quốc. Năm 1992 ông đã đích thân xuất bản cuốn sách dày 500 trang của ông nhan đề: *JFK and Vietnam*, được ông Trần Ngọc Dũng dịch ra tiếng Việt với tựa đề *John F. Kennedy*

và chiến tranh Việt Nam (N.X.B. Thế Giới, San Jose, 1993).¹

¹ Chú thích và trích dẫn theo nguyên tác “JFK and Vietnam”, NXB. A Time Warner Co. 1992.

Để viết cuốn *JFK and Vietnam* tác giả đã đọc 15 ngàn trang tài liệu, tham khảo và phỏng vấn trên dưới 100 tác giả và nhân vật, trong số đó có các tướng đảo chính Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ và ông Bùi Diễm, và những người Mỹ có ác cảm với ông Diễm trong bộ ngoại giao Mỹ như Averell Harriman, Roger Hilsman, những nhà báo đã từng đả kích ông Diễm trước khi ông bị lật đổ, như David Halberstam, Neil Sheehan, v.v. nhưng tiếc rằng không thấy tác phẩm và tiếng nói của những người bênh vực ông Diễm như ký giả Marguerite Higgins hay tổng thống Nixon chẳng hạn.

Dĩ nhiên không có những tác phẩm bằng Việt Ngữ có lẽ vì tác giả không đọc được tiếng Việt, tác phẩm “Le Dragon d’Annam” của cựu hoàng Bảo Đại bằng Pháp ngữ, trong đó có nói nhiều đến ông Diễm và vụ Phật giáo, cũng không, phải chăng vì tác giả không đọc được tiếng Pháp? Phần nhiều những điều tác giả nói xấu về ông Diễm đều do các nguồn tin báo chí, nhất là của Neil Sheehan và Stanley Karnow. Ông không đọc Nixon và Higgins có lẽ vì không muốn nghe những tiếng chuông chói tai thiên kiến của ông hoặc vì những gì hai người này viết cải chính tất cả các nhận xét và đảo lộn lập luận của ông.

Sau khi bắt buộc phải trung lời tổng thống Eisenhower ca ngợi tổng thống Diễm,²⁾ tác giả viết: “Ông Diễm cực kỳ tin tưởng ở khả năng bất bại của mình đã để cho chính phủ của ông trở thành tập đoàn chuyên chính, gia đình trị quá khích, gồm anh em họ hàng và một số ít địa chủ giàu có, làm phật ý hoàn toàn giới trung lưu có học ở đô thị,”³

² Xin xem lại chương 7.

³ Sách đã dẫn trang 26. Nguyên văn: “Supremely confident in

his own invincibility, Diem allowed his government to turn into a complete oligarchy in which the rampant nepotism of his brothers, relatives, and a few wealthy landowners completely alienated the educated urban middle class.”

Vì cùng tham khảo những nguồn tin giống nhau như Sheehan chẳng hạn, nên Newman cũng như Karnow đều cho rằng ông Diệm không muốn đánh cộng quân, mà chỉ muốn tránh thương vong. Ông cho rằng các tướng Huỳnh Văn Cao, Bùi Đình Đạm sợ đụng với cộng quân gây thương vong cho binh sĩ thì sẽ bị tổng thống khiển trách và có thể mất chức. Thậm chí ông còn dẫn chứng trung tá Vann, cố vấn sư đoàn 7, nói rằng tổng thống Diệm đã có khẩu lệnh mật cấm tướng lãnh mở những cuộc tấn công có thể gây thương vong. Ông viết: “Tướng Cao luôn luôn từ chối không chịu cho quân trừ bị vào trận và hoàn thành cuộc bao vây địch quân. Lý do, Sheehan giải thích, là thế này: Việt Cộng, một khi sa bẫy sẽ đánh và Cao cũng lãnh thương vong; rồi sẽ “bị rắc rối” với ông Diệm, không được thăng cấp và có thể bị bãi chức nữa.”⁴

⁴ Sđd tr. 289. Nguyên văn: “Cao always refused to commit his reserve and complete the encirclement of the enemy. The reason, Sheehan explains, was this: once trapped, the Vietcong would fight, and Cao would take casualties too; then he would get “into trouble” with Diem, not be promoted, and might even be dismissed.”

Và: “Trung tá Vann khám phá ra rằng ông Diệm đã hạ khẩu lệnh mật cho các tu lệnh của ông không được mở các cuộc hành quân tấn công đưa đến kết quả thương vong nặng.” Nhân vụ này tác giả còn viết rằng ông Diệm đã nói dối. Ông viết tiếp: “Trung tá Vann báo cáo với đại tá Porter và tướng Harkins, rồi Harkins đến gặp ông Diệm. Ông Diệm chỉ nói dối. Sheehan giải thích: Ông Diệm bảo “Điều đó không đúng”⁵

⁵ Sđd tr. 299. Nguyên văn: “Vann discovered Diem had issued a secret verbal order to his commanders not to conduct offensive operations that resulted in serious casualties. Vann told colonel Porter and general Harkins, and Harkins confronted Diem. Diem simply lied; Sheehan explains: It was not true, Diem said.”

Đến cuối sách tác giả còn nhắc lại lời buộc tội của ông đối với ông Diệm, tuy bằng những lời lẽ luôn luôn có cân nhắc, dè dặt. Sau khi ca tụng các quân nhân Mỹ hoạt động và chiến đấu tại Việt Nam là những anh hùng, ông viết về quân đội Việt Nam và ông Diệm như sau nơi trang 455: “Quân đội Nam Việt Nam quá nhỏ bé và ông Diệm thì vẫn miễn cưỡng, không muốn họ chiến đấu”⁶

⁶ Sđd trang 455. Nguyên văn: “The South Vietnamese Army was too small and Diem was reluctant to let them fight anyway.”

Xin mời bạn đọc xem Newman nhận xét về quốc sách ấp chiến lược thời ông Diệm:

“Đây chính là khía cạnh của chương trình Ấp Chiến Lược được thực hiện sau đó - bắt ép dân quê rời bỏ vùng đất của tổ tiên họ đi vào những cái trại, nơi mà cơ cấu xã hội của họ bị tan rã - điều này đã đóng góp phần lớn vào thất bại cuối cùng của nó.”⁷

⁷ Sđd tr. 181. Nguyên văn: “It was precisely this aspect of the subsequent Strategic Hamlet Program —forcing peasants off of their ancestral lands and into camps where their social fabric desintegrated- that contributed in a major way to its ultimate failure.”

Các nhà báo và sử gia Mỹ chưa bao giờ được nếm mùi cộng sản, mùi xã hội chủ nghĩa, và cũng không đọc kỹ lịch sử, cho nên bảo chương trình ấp chiến lược của ông Diệm làm tan rã cơ cấu xã hội Việt Nam.

Nếu các ông đó cẩn thận hơn và so sánh chương trình này với chính sách tiêu thổ kháng chiến của Việt Minh hồi

1947, chính sách đầu tở trong những năm 1953-1956 tại miền Bắc, rồi tìm hiểu lý do tại sao 1 triệu người đành rời bỏ nơi chôn rau cắt rốn miền Bắc để đi vào Nam với hai bàn tay trắng vào năm 1954, và tại sao hai triệu người bỏ mỗ mả cha ông: “những vùng đất của tổ tiên” để liều chết chạy ra biển cả để gần triệu người làm mỗ cho cầ thì chắc hẳn đã hiểu rõ mục tiêu và cốt lõi của chính sách áp chiến lược. Người dân lương thiện thà bỏ nơi “vùng đất của tổ tiên” vào sống trong những vùng được chính quyền Ngô Đình Diệm bảo vệ còn hơn phải sống với cộng sản. Các ông giáo sư, sử gia ngồi trong phòng, đọc những báo cáo của những người thiện cận, thiên vị, không sao có được những tin tức chính xác của phe “xã hội chủ nghĩa” ở miền Bắc Việt Nam (vì nó có bao giờ đem bí mật quốc gia trình cho các ông biết, như chính quyền Mỹ thường đem những công việc đại sự trình với quốc hội, với quần chúng qua báo chí?), cứ tưởng nó hay hơn chế độ miền Nam. Điều đó thật dễ hiểu và cũng dễ tha thứ. Nhưng cố chấp không chịu nhìn thẳng vào sự thực, sau khi mọi khía cạnh của sự thực đã được phơi bày sau hai thập kỷ, tưởng không thể nào tha thứ được. Ông Newman có lẽ không biết rằng chỉ sau khi ông Diệm bị lật quốc sách áp chiến lược mới đổ theo, vì ông Dương Văn Minh, người đứng đầu cuộc đảo chính lật ông Diệm, chủ trương phá nó, dẹp bỏ nó. (khiến Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng của cộng sản phải reo lên vì quá mừng rỡ.) Nhưng sau này những người đi sau ông Minh đã phải cho lập lại, dù rằng dưới cái tên khác “Ấp Đồi Mới”, “Ấp Tân Sinh.”

Ông Newman chỉ chú tâm vào giai đoạn chính quyền Kennedy, nên đã không am tường những sự việc sau đó.

Một sử gia chân chính sẽ dè dặt hơn khi phê bình ông Diệm về quốc sách ấp chiến lược. So với Bernard Fall hay Stanley Karnow là những người cũng chỉ trích ông Diệm không kém, ông Newman không biết nhiều về con người Ngô Đình Diệm.

Về biến cố Phật giáo năm 1963, Newman đã dùng một từ tương đối nhẹ là kỳ thị tôn giáo để nhắc lại. Nhưng sau đó đã tường thuật chi tiết và rất bất lợi cho uy tín của chế độ Ngô Đình Diệm. Ông viết: *“Khi Phật tử vẫn cứ treo cờ của họ, và tụ tập để mừng lễ Phật Đản và rồi bất chấp lời yêu cầu giải tán, phó tỉnh trưởng Công Giáo bèn ra lệnh cho binh sĩ dưới quyền bắn vào đám đông (ngày mùng 8 tháng 5). Khi khói đã tan vào sáng hôm sau, lãnh sự Mỹ tại Huế, John Hebble, báo cáo có 7 người chết, kể cả hai trẻ em bị các xe bọc thép cán nát, và 15 người bị thương. Chính quyền Ngô Đình Diệm nói dối rằng một tên Việt cộng đã liệng lựu đạn vào đám đông, và các nạn nhân đã bị dày xéo lên nhau mà chết trong cuộc chạy tán loạn. Và những lời điều ngoa bịa đặt đó đã được phổ biến thành thông báo chính thức làm cho Nolting (đại sứ Mỹ Frederick Nolting) bị mắc lừa và cho đến ngày nay ông ta vẫn còn nói rằng nó “khách quan, chính xác và công bình”⁸.*

⁸ Sđd trang 332. Nguyên văn: “When the Buddhists flew their flags anyway, held a rally to commemorate Buddha’s Birthday, and then defied a request to disperse, the Catholic deputy province chief ordered his troops to fire on the crowd (on May 8.) When the smoke cleared the next morning, the U.S. Consul in Hue, John Hebble, reported 7 dead, including two children crushed by armored vehicles, and fifteen injured. The Diem’s government’s lies that a Viet cong had thrown a grenade into the crowd and that the victims had been crushed in a stampede were issued as an official report, which fooled Nolting, who, to this day, says it was objective, accurate and fair.”

Newman còn khẳng định có phóng viên trung lập (sic) chụp được hình lính ông Diệm đang bắn vào đám đông.

Về cuộc đảo chính lật đổ tổng thống Diệm, tác giả không dám khẳng định là ông Roger Hilsman là người chủ trương kịch liệt nhất nhưng đã trung dẫn lời một thiếu tá Benedict nào đó nói rằng chính Roger Hilsman, hồi 1960 còn là trưởng phòng tình báo suu tầm của bộ ngoại giao, đã cố thúc đẩy thực hiện trong năm đó cũng vào lúc ngoại trưởng đi vắng⁹

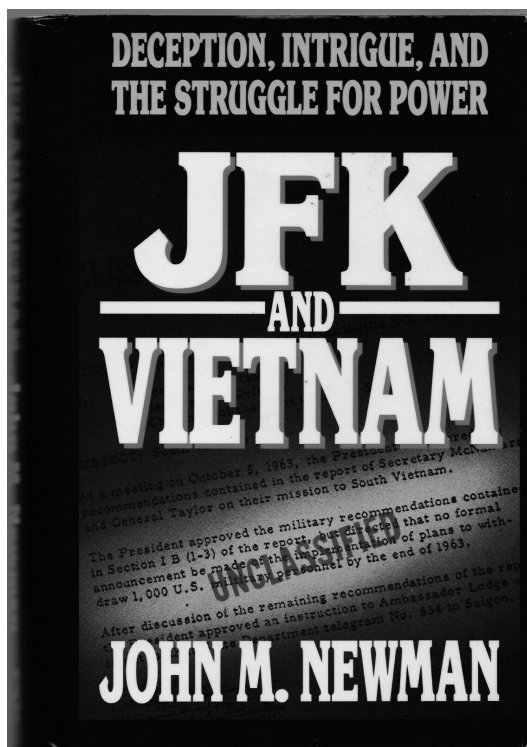
⁹ Sdd trang 33-34.

Năm 1963, vào hạ tuần tháng 8 lại cũng Roger Hilsman và Harriman chọn đúng lúc tổng thống Kennedy, các bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng và giám đốc trung ương tình báo đi nghỉ để thảo công điện gửi sang SG thúc đẩy đảo chính.

Newman cũng trung dẫn nhà báo David Halberstam nói về phái đoàn McNamara, Taylor sang Saigon nhận định tình hình để cho tổng thống Kennedy có đủ yếu tố quyết định thái độ dứt khoát với ông Diệm: khi ông McNamara tới phi trường, đại sứ Lodge đã chỉ định hai nhân viên tòa đại sứ đứng cản, không cho tướng Harkins gặp trước ông bộ trưởng, để cho ông Lodge được gặp trước, vì sợ ông bộ trưởng nghe tướng Harkins sẽ có thiện cảm với ông Diệm. Thái độ của các ông Harriman và Hilsman cũng như ông Cabot Lodge thật không thể hiểu nổi, nếu không phải là cố tình làm mọi cách để tổng thống Kennedy phải chấp thuận kế hoạch lật ông Diệm của các ông ấy. Khi tổng thống Kennedy quyết định gửi hai ông McNamara và Maxwell Taylor sang Việt Nam, những người chống ông Diệm ở bộ ngoại giao rất lo lắng vì chỉ sợ những báo cáo

khách quan của hai ông này sẽ ảnh hưởng đến quyết định của tổng thống Kennedy, khiến âm mưu lật ông Diệm của họ không thực hiện được.¹⁰

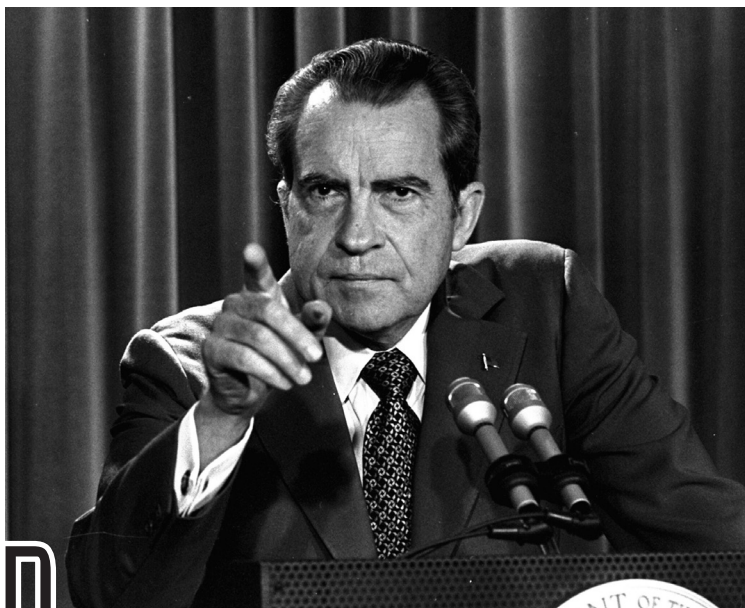
¹⁰ Sdd tr. 385.



Hình: T.L.

Chương 17

Richard M. Nixon: Tổng thống Ngô Đình Diệm ví như tảng đá đỉnh vòm



Hình: T.L.

Richard Milhous Nixon (Jan 9, 1913 to Apr 22, 1994) là tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ (từ 1969 đến 1974). Ông là chính khách lỗi lạc của đảng Cộng Hòa đã từng đứng chung liên danh với tổng thống Eisenhower, làm phó tổng thống từ 1953 đến 1960. Thừa hưởng di sản đổ nát của đảng Dân Chủ, do việc chính quyền Kennedy lật đổ

tổng thống Ngô Đình Diệm gây ra, ông Nixon đã một mặt tăng gia các cuộc hành quân rộng lớn trên chiến trường Việt Nam, một mặt đi những đường ngoại giao can đảm và đầy sáng tạo với Trung Quốc cộng sản và Liên Xô nhằm mục đích rút quân đội Mỹ ra khỏi vùng lầy cuộc chiến Việt Nam. Thành quả của những sáng kiến ngoại giao này có ảnh hưởng đến sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu 17, 18 năm sau. Ông đã đại thắng khi tái ứng cử vào tháng 11 năm 1972.

Mục tiêu này ông đã đạt được để vớt vát danh dự cho Hoa Kỳ, và đã sớm đưa con em của đồng bào ông về nước. Nhưng bên cạnh đó, vì việc này, ông cũng đã làm mất lòng và làm điêu đứng đồng minh bé nhỏ Việt Nam Cộng Hòa. Ngày nay các người quốc gia Việt Nam rất hận ông Nixon và nhất là người phụ tá an ninh thông minh xảo quyệt của ông là Henry Kissinger.¹ Nhưng cố tổng thống Nixon đã cố biện minh với dư luận, và có lẽ riêng với người Việt Nam chúng ta, rằng vì quốc hội Mỹ không chấp thuận tài khoản và trối tay chính phủ không cho can thiệp thêm để ngăn chặn và trừng phạt cộng quân, mặc dù họ cố tình vi phạm hiệp định Paris, và hơn nữa vì vụ Watergate khiến ông phải từ nhiệm (tổng thống Mỹ đầu tiên bị từ nhiệm) cho nên ông không hoàn thành được những điều đã hứa với chính quyền và nhân dân Nam Việt Nam. Trong cuốn “No more Vietnams”² ông đã đưa ra nhiều luận cứ khả dĩ biện minh cho ông phần nào.

Tuy vụ tai tiếng “Watergate” đã khiến ông phải từ chức một cách tai hại, làm gián đoạn sự nghiệp chính trị của ông trong một thời gian, nhưng những thành quả và ảnh hưởng lâu dài của các vận động chính trị khéo léo của ông trong

năm 1972 đối với Liên Xô và Trung Cộng càng ngày càng khiến dư luận chính trường Mỹ nhìn lại khả năng chính trị, ngoại giao hiếm có của ông một cách trân trọng, và các chính quyền Reagan, Bush của đảng Cộng Hòa, cũng như chính quyền Clinton của đảng Dân Chủ đều đã phải nhờ tới tài trí ông trong khi giải quyết các vấn đề khó khăn về Liên Xô và Liên Bang Nga sau này.

¹ Nhưng theo thiên kiến, người Việt Nam nên hận chính quyền Kennedy, mà tiêu biểu là bộ ngoại giao với những Harriman và Hilsman đầy thành kiến và óc tự tôn đã bằng mảnh lối xảo quyệt và quyết tâm, muốn biến Việt Nam thành một nước bảo hộ mà không được, đã lật đổ nhà ái quốc Ngô Đình Diệm, gây nên một lỗ hổng chính trị khiến phòng tuyến chống cộng của thế giới tự do ở Đông Nam Á sụp đổ, buộc ông Johnson phải đem quân tác chiến vào miền Nam, biến cuộc chiến trở thành phi nghĩa vì có sự hiện diện của quân tác chiến Mỹ, mà không do một hiệp ước song phương nào, và cũng chẳng có lời tuyên chiến nào của quốc hội Mỹ.

Chính cái phi nghĩa đó đã khiến một siêu cường như Mỹ phải thất bại nhục nhã. Ông Nixon chỉ là nạn nhân phải đổ đồng rác lớn của các chính quyền Dân Chủ. Nhưng những thành phần phản chiến Mỹ đã lên án ông nặng nề, cho ông là điều hầu số một tàn phá đất nước và tàn sát nhân dân Việt Nam với những cuộc dội bom “trải thảm” khủng khiếp. Còn ông và đảng Cộng Hòa thì cho rằng không dùng võ lực tối đa thì không thể nào bắt Cộng sản Bắc Việt hội đàm nghiêm chỉnh để có thể ký một hiệp định đình chiến vớt vát danh dự cho Mỹ. Và việc để Miền Nam Việt Nam sau này lọt vào tay Cộng sản là lỗi của quốc hội do đảng Dân Chủ nắm đa số, và cũng do áp lực của quần chúng Mỹ được các nhà báo phản chiến leo lái. Cũng vẫn theo thiên kiến thì tất cả đều do một số lớn chính khách, giới trí thức, và nhất là nhà báo không nắm được tinh nghĩa của một cuộc chiến lúc đó, nó chẳng có gì giống những cuộc chiến tranh thế giới hay chiến tranh Triều Tiên trước kia.

² “Đừng Việt Nam nào nữa” có ý nói: “Đừng bao giờ vấp phải những lỗi lầm như trong cuộc chiến tranh Việt Nam nữa.” Ông chỉ viết vền vền có 3 chữ vắn mà chúng tôi phải dùng tới 16 chữ để diễn nghĩa, mà cũng mới chỉ diễn được một nửa. Bởi vì ba tiếng đó đã từng được các đối thủ

của ông dùng theo một nghĩa khác: “Đừng bao giờ can thiệp vào một nước nào khác nữa, giống như các chính quyền Eisenhower, Kennedy, Johnson, Nixon đã can thiệp vào Việt Nam.” Ông Nixon, khi dùng ba từ “No more Vietnams” (“Đừng Việt Nam nào nữa”) làm nhan đề cuốn sách, đã dùng chúng với cả hai nghĩa nói trên.

Trong cuốn “Đừng Việt Nam nào nữa” ông đã lên án việc chính quyền Kennedy đồng lõa trong việc lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm mà ông ví như tảng đá đình vòm của một tòa nhà vòm, chỉ khi nào lấy nó đi mới thấy nó quan trọng đến mức độ nào. Đây, ông viết:

“Tổng thống Ngô Đình Diệm ổn định miền Nam Việt Nam, ví như ĐÁ ĐÌNH VÒM giữ vòm nhà đứng vững. Các thể lực chính trị từ mọi phía quy vào ông mà chống, nhưng bằng cách thăng bằng các thể lực, cho cái nọ chống cái kia, ông đã đóng chốt tất cả lại. Chỉ khi nào đá đình vòm được lấy đi, người ta mới thấy là nó quan trọng. Thì cũng y hệt như vậy, chỉ khi nào ông Diệm chết rồi, toàn thể hệ thống chính trị miền Nam Việt Nam sụp đổ tan tành, người ta mới nhận rõ vai trò sinh tử của ông ta”.

“Điều mà những kẻ chủ trương ủng hộ cuộc đảo chính thuộc chính quyền Kennedy lúc đó đáng lẽ đã phải biết thì nay đã hiện rõ một cách đau đớn: Sự lựa chọn ở Nam Việt Nam lúc ấy không phải là lựa chọn giữa ông Diệm và một kẻ nào đó tốt hơn, mà là giữa ông ta và một kẻ nào đó tệ hơn.”

“Dù ông Diệm có lỗi gì chẳng nữa thì ông ấy cũng có một căn bản pháp lý đáng kể. Ông Diệm là một lãnh tụ kiên cường của một dân tộc đang vô cùng cần một nhà lãnh đạo cương quyết. Ông ta mất rồi, chính quyền ở Nam Việt Nam trở thành cái mà ai cũng chộp giật được. Những viên chức chính quyền (Kennedy) đã từng nôn nóng ngấm ngấm mưu đồ chống ông Diệm đã sớm khám phá ra rằng những

cộng tác viên của mình ở Nam Việt Nam chỉ là những người lãnh đạo tồi đến vô vọng. Cái tài cần có để lật đổ một chính phủ không đặc dụng để điều hành một chính phủ. Lãnh đạo một cuộc đảo chính và lãnh đạo một nước là hai công việc hoàn toàn khác nhau. Cuộc khủng hoảng lãnh đạo đến hỗn loạn sau đó ở miền Nam Việt Nam là hậu quả trực tiếp của việc lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm.”³

³ Sđd trang 70. Nguyên văn: “President Diem stabilized South Vietnam as a keystone holds up a dome. Political forces converge on him from all directions, but by balancing one against another, he locked all of them into place. And just as a keystone’s importance is not apparent unless it is removed, Diem’s vital role became clear only after his demise, when the entire South Vietnamese political system came crashing down.

“What the coup supporters in the Kennedy administration should have known all along now became painfully clear: The choice in South Vietnam had been not between Diem and somebody better but between Diem and somebody worse.

“Whatever his faults, Diem possessed a significant measure of legitimacy. He was a strong leader of a nation that desperately needed strong leadership. With him gone, power in South Vietnam was up for grabs. The administration officials who had so eagerly hatched the plots against Diem soon discovered that their South Vietnamese collaborators were hopelessly bad leaders. Skills needed to overthrow a government are not useful for running one. Leading a coup and leading a country are two entirely different jobs. The chaotic leadership crisis that followed in South Vietnam was a direct consequence of the overthrow of president Ngô Đình Diệm.”

Chúng tôi muốn nhấn mạnh mấy từ “chaotic leadership crisis” (cuộc khủng hoảng lãnh đạo đến hỗn loạn) ở đây. Trong hồi ký của tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã nói đến một năm với 7 lần thay đổi chính phủ. Và Phạm Kim Vinh trong “Cái chết của Nam Việt Nam” (trang 66) thì đếm 9 lần trong 18 tháng.

Về việc lật đổ này Nixon chỉ trích và kết án nặng nề chính quyền Kennedy, nhưng cũng chê ông Diệm là bé cái lằm, cứ tuồng bỏ. Đây, những hàng chữ đánh thép của một lãnh tụ đảng Cộng Hòa Mỹ:

“Chúng ta đã phạm lỗi lằm nguy kịch thứ 3 tại Nam Việt Nam vào năm 1963. Chính quyền Kennedy càng ngày càng thất vọng về tổng thống Diệm, đã khuyến khích và ủng hộ cuộc đảo chính lật đổ ông. Tấn tuồng bi ối này đã kết thúc bằng việc sát hại ông Diệm, khai mào một thời kỳ hỗn mang về chính trị tại miền Nam Việt Nam, khiến chúng ta phải gửi quân vào tham chiến.

“Đứng đầu một nước trong thế giới thứ ba thường có nghĩa là tạo nên kẻ thù. Ông Diệm cũng thế thôi, không khác được. Ông ta là một người có những quyết định táo bạo, khởi xướng những chương trình rộng lớn nhằm cải thiện xứ sở ông, và thường hay làm phật ý những kẻ ủng hộ một kế hoạch khác, hoặc những kẻ thấy cuộc cải cách của ông đe dọa những quyền lợi mà họ có thể tiếp tục được hưởng, nếu giữ nguyên trạng.

“Cũng như mọi nhà lãnh đạo, ông Diệm có một vài quyết định tồi. Ông ta đã thay thế tập tục thôn xã tự trị bằng một hệ thống trung ương tập quyền, bổ nhiệm tỉnh trưởng, xã trưởng v.v và vì vậy làm hại sáng kiến địa phương là cơ sở của nền dân chủ. Ông ta đã làm mất lòng nhiều nhà lãnh đạo dân sự và quân sự sau cuộc đảo chính 1960. Ông ta dựa quá nhiều vào các thành viên gia đình để trị nước. Khi mà nền tảng chính trị vững chãi của ông bắt đầu bị xói mòn, thì ông ta càng trở nên độc đoán hơn.

“Ông Diệm cố giữ sự độc lập của mình, thường hay bác bỏ hay làm ngơ lời khuyên của các cố vấn Mỹ. Dầu sao ông ta cũng là một người quốc gia tự hào, không muốn nhận lệnh người Mỹ

cũng như trước kia đã từng không chịu nhận lệnh của người Pháp. Có lần ông đã nói với một phóng viên: ‘Nước Mỹ có một nền kinh tế huy hoàng và nhiều ưu điểm. Nhưng sức mạnh của quý vị ở Mỹ có tất nhiên có nghĩa rằng Hoa Kỳ có tư cách để chỉ huy mọi việc ở đây, tại Việt Nam này là nơi đang trải qua một cuộc chiến mà quý vị chưa hề trải qua không?’

“Ông Diệm cho rằng mặc dầu ông có những ý kiến đôi khi khác với các kế hoạch gia Mỹ, nhưng Hoa Kỳ vẫn là đồng minh cuối cùng có thể tin cậy được. Ông cũng nghĩ rằng Hoa Kỳ không thấy ai có thể lãnh đạo thay ông. CẢ HAI ĐIỀU TRÊN ÔNG TA ĐỀU ĐÃ LÂM.”

“Trong khi Kennedy và các cố vấn của ông càng ngày càng trở nên bức bối với người bạn đồng minh cương nghị này, họ đã bắt đầu mờ mắt không còn nhìn rõ sự thể là vấn đề lúc ấy không phải là Nam Việt Nam có thể phát triển được một nền dân chủ hiến định hoàn hảo không, mà là nó có được một chính phủ có khả năng chống lại sự bành trướng của cộng sản nó (là chế độ) sẽ tiêu diệt hoàn toàn nền dân chủ không?”⁴

⁴ Sdd Trang 62, 63. Nguyên văn: “We made our third critical mistake in South Vietnam in 1963. The Kennedy administration, increasingly frustrated with president Diem, encouraged and supported a military coup against his government. This shameful episode ended with Diem’s murder and began a period of political chaos in South Vietnam that forced us to send our own troops into the war. Being a ruler of a Third World country usually means making enemies. Diem was no exception. He was a bold decision-maker, initiating vast programs for the betterment of his country. Often he alienated those who supported a different plan or who saw his reform as a threat to their interests in preserving the status quo.

“Like all leaders, Diem made some poor decisions. He replaced the old custom of village self-government with a centralized system of appointed leaders, thereby undermining the local initiative on which democracy depends. He alienated many important civilian and

military leaders in the aftermath of an attempted coup against him in 1960. He started to rely heavily for his rule on members of his own family. As his strong political base began to erode, he became more authoritarian.

“Diem jealously guarded his independence, often rejecting or ignoring the advice of his American advisers. After all he was a proud Vietnamese nationalist who would not take order from Americans any more than he had from the French. ‘America has a magnificent economy and many good points,’ he once told a reporter. ‘But does your strength at home automatically mean that the United States is entitled to dictate everything here in Vietnam, which is undergoing a type of war that your country has never experienced?’

“Diem assumed that despite his occasional difference of opinion with American policymakers, the United States was an ally he could depend on in the end. He also assumed that the United States saw no alternative to his leadership. He was WRONG ON BOTH COUNTS.”

“As Kennedy and his advisers grew increasingly unhappy with their strong-willed ally, they began to lose sight of the fact that the issue was not whether South Vietnam would develop a perfect constitutional democracy but whether it would have a government capable of resisting an expansion of Communist control that would destroy all democracy.”

Người đọc không lấy làm lạ là tổng thống Nixon đã không cáo buộc tổng thống Diệm là bách hại hay kỳ thị tôn giáo. Ông khẳng định ở ngay chương đầu (tr.10) rằng lập luận cho rằng những cuộc biểu tình của Phật tử chống ông Diệm năm 1963 do ông này đàn áp tôn giáo là hoàn toàn sai (false), và ở chương 3 ông đã dành ra 8 trang để chứng minh điều đó và kết luận (tr.65): “Vấn đề đàn áp tôn giáo là hoàn toàn bịa đặt. Chính trị, chứ không phải tôn giáo đã ở trong đầu những kẻ núp đằng sau cuộc khủng hoảng.”⁵

⁵ Sdd trang 10 và 65. Nguyên văn: “The issue of religious repression was a complete fabrication.

“Politics, not religion, was in the minds of those behind the crisis.

Chương 18

Frederick Nolting: Ngô Đình Diệm là con người bướng bỉnh

Frederick Nolting (1911-1989), giáo sư danh dự đại học Virginia, năm 1957 là phó trưởng đoàn Hoa Kỳ trong tổ chức Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ Chức Hợp Tác Kinh Tế Âu Châu. Ông đến Saigon nhậm chức Đại sứ Hoa



Hình: T.L.

Kỳ cạnh chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vào tháng 5 năm 1961, chỉ vài ngày trước khi phó tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson tới thăm viếng Nam Việt Nam. Ông là một trong số rất ít người trong bộ ngoại giao Mỹ kính trọng ông Diệm và quyết liệt binh vực lập trường giữ chủ quyền quốc gia của ông này trước chính phủ Mỹ, mặc dầu ông nhận thấy ông Diệm là người hết sức bướng bỉnh và rất khó thương lượng.

Theo chương trình đã hoạch định sẵn từ trước, ông và

gia đình đã rời Saigon đi nghỉ mát ở Âu Châu đúng vào thời gian xảy ra vụ khủng hoảng Phật Giáo, và chỉ trở lại Saigon ít ngày sau khi chính phủ Mỹ đã quyết định thay ông bằng đại sứ Henry Cabot Lodge. Ông rất ân hận là đã không có mặt vào thời gian đó để giúp chính phủ Việt Nam dàn xếp ổn thỏa cuộc khủng hoảng. Nhưng lại có người như ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk cáo buộc ông là đã trốn tránh khó khăn, khiến ông phải lên tiếng tự bào chữa. Trong thư tự bào chữa này, cũng như trong tác phẩm *Từ tín nhiệm đến thảm kịch*¹ xuất bản năm 1988

¹ Nguyên tác “From Trust to tragedy”, NXB Praeger, N.Y. 1988], ông đã “lấy làm tiếc và rất buồn” phải nói lên sự thật là bộ ngoại giao Mỹ đã phạm lỗi lầm ngớ ngẩn nghiêm trọng trong việc cổ vũ cho cuộc đảo chính 1963 lật đổ và sát hại tổng thống Ngô Đình Diệm.

Ông đã trưng dẫn khẩu hiệu “Diệm must go”²

² Tạm dịch “Diệm phải xuống” mà ông nói có bằng chứng rằng ông Averell Harriman đã phát biểu và trở thành một thứ mệnh lệnh, một thứ danh xưng của nhóm chống ông Diệm: nhóm “Diệm must go”.

Ông Harriman lúc ấy là thứ trưởng ngoại giao dưới quyền ngoại trưởng Dean Rusk. Còn chính ngoại trưởng thì sau này lại phủ nhận: “Việc lật đổ ông Diệm không phải là chính sách, chủ trương của chính quyền Kennedy.” Nhưng ông Nolting đã trưng dẫn tài liệu Ngũ Giác Đài cho biết chính ông Rusk, với tư cách là ngoại trưởng đã đồng ý công điện do các ông Harriman và Hilsman soạn thảo gửi cho đại sứ Lodge nguyên văn như sau: “Chính phủ Hoa Kỳ sẽ ủng hộ cuộc đảo chính có cơ thành công, nhưng không tính để quân lực Mỹ dính líu trực tiếp” và đại sứ Henry Cabot Lodge đã điện cho bộ ngoại giao cũng nguyên văn như sau:

“Chúng ta đã dẫn sâu vào con đường không có lối quay đầu trở lại mà không mất mặt: sự lật đổ chính quyền Diệm.” Ông Nolting hỏi vặn ông Rusk: “Nếu đại sứ Lodge không nói nhân danh chính phủ Kennedy thì tại sao không bị tổng thống Kennedy ngăn cản hay triệu hồi?”³

³ Sđd trang 143. Nguyên văn những đoạn trích dẫn trong ngoặc kép: “It was not the policy of the Kennedy administration to overthrow President Diem.” The Pentagon Papers, to the contrary, state that you as secretary of State cabled the Embassy in Saigon: ‘The U.S. government will support a coup which has a good chance of succeeding but plans no direct involvement of U.S. armed forces.’ ‘We are launched on a course from which there is no respectable turning back: the overthrow of Diem government.’ If Ambassador Lodge was not speaking for the Kennedy administration, why was he not restrained or recalled by the President?”

Có thể là chính ông Rusk không chủ trương lật ông Diệm, nhưng đã bị thủ trưởng Harriman và phụ tá ngoại trưởng Hilsman qua mặt và tổng thống Kennedy đã ký công điện khi đình ninh rằng thủ trưởng của hai ông này đã duyệt khán trước. Nhưng đảng nào thì cũng “tội quy vu trưởng.” Ông Rusk không tránh né được.

Sau khi đã rời hẳn Saigon về Mỹ ông Nolting vẫn thường được tổng thống Kennedy tín nhiệm mời tới dự các phiên họp của hội đồng chính phủ có liên hệ đến Việt Nam. Nhưng tiếng nói của ông không được tiếp thu đúng mức. (Tuy vậy còn khá hơn phó tổng thống Johnson là người thổ lộ với Nolting rằng ông không lên tiếng vì tổng thống Kennedy bảo dự để biết mà theo dõi thôi.) Vì vậy sau khi ông Diệm bị lật đổ, ông Nolting lấy cớ không đồng ý với cách hành xử của bộ ngoại giao, từ chức về hưu. Trong thư riêng gửi tổng thống Johnson ngày 25 tháng 2 năm 1964, trình bày lý do từ chức của ông có đoạn:

“Tôi không chối là quyết định xin nghỉ của tôi đã bị ảnh hưởng bởi sự bất đồng thuận mạnh mẽ của tôi đối với một số hành động (của chính phủ) đã được tiến hành vào mùa thu vừa qua, với những hậu quả bất lợi có thể tiên đoán được.”

Tóm lại Nolting chủ trương nên ủng hộ Việt Nam Cộng Hòa trong tinh thần tôn trọng quyền tự chủ của Việt Nam, không xen vào nội bộ của nước này, đồng thời cố gắng và kiên nhẫn góp ý, hỗ trợ cho chính quyền càng ngày càng trở nên dân chủ và được lòng dân hơn. Như vậy lập trường của ông trái ngược hẳn với nhóm “Diệm must go” chủ trương xâm phạm chủ quyền Việt Nam, xen vào nội bộ của nước bạn. Ông đã thất bại trong chủ trương của ông mà ông cho là đúng đắn. Nên ông từ chức.

Theo ông Nolting thì tổng thống Kennedy bỏ nhậm ông làm đại sứ tại Việt Nam là để hàn gắn sự sứt mẻ tín nhiệm với tổng thống Diệm do vị tiền nhiệm của ông là cựu đại sứ Elbridge Durbrow gây ra. Ông này đã khuyến cáo quá quyết liệt tổng thống Ngô Đình Diệm phải đưa ông Ngô Đình Nhu đi khỏi Saigon làm đại sứ cho một quốc gia nào đó, mà ông Diệm không bằng lòng. Và một phần cũng do vụ đảo chính hụt 1960 đã gây nghi ngờ có bàn tay của nhân viên sứ quán Mỹ. Ông cũng cho biết: đối với hầu hết mọi người Mỹ ông Diệm là một sự kỳ bí, “mặc dù đã sau 7 năm chung đưng trong vấn đề hợp tác viện trợ. Nhưng riêng đối với ông thì “những ai hiểu ông Diệm nhất xem ra là người kính trọng ông ta nhất.”⁴

⁴ Sđd trang 16, nguyên văn: “For even then, after seven years of Diem’s leadership of South Vietnam and of American aid and moral support to his country, he was an enigma to most Americans... Re-

garding president Diem himself, I noted that those who knew him best seemed to respect him most.”

Ở chương 10 bạn đọc đã thấy các ông Newman và Karnow thuật lại lời phó tổng thống Johnson ví ông Diệm với thủ tướng Churchill của Anh. Trong tác phẩm “from trust to tragegy” ông Nolting nói ông Johnson trong một bữa tiệc khác còn so sánh ông Diệm với 2 vị tổng thống nổi tiếng của Mỹ là Andrew Jackson và Woodrow Wilson⁵.

⁵ Hai vị tổng thống thứ 7 và thứ 28. Ông này được giải thưởng Nobel về hòa bình, sau đệ nhất thế chiến.

Còn chính Nolting thì sau khi được ông Diệm cho xem họa đồ kiến trúc trường võ bị quốc gia Dalat mà chính ông Diệm vẽ, đã bảo có lẽ phó tổng thống Mỹ nên thêm tên tổng thống Thomas Jefferson⁶, kiến trúc sư, vào danh sách các tổng thống Mỹ nêu trên.

⁶ Thomas Jefferson (1743-1826) là tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ, người đã soạn thảo bản tuyên ngôn độc lập năm 1776. Người Mỹ không ai không biết tên vị tổng thống này, cũng như Abraham Lincoln và George Washington.

Và ông Nolting nhận thấy ánh mắt ông Diệm có vẻ vui, mặc dầu ông Diệm bảo phó tổng thống Johnson quá lời. Còn lời của vị đại sứ chắc ông Diệm hiểu đó chỉ là câu nói đùa.

Vì đã được vị tiền nhiệm cho biết trước nên lần đầu tiên hội kiến với tổng thống Diệm tại Dalat, ông Nolting đã sẵn sàng để chấp nhận một cuộc độc thoại liên tu bất tận. Nhưng sau này ông đã viết:

“Cuộc hội đàm của chúng tôi kéo dài 6 giờ. Thực sự, xem ra không thấy lâu mấy, vì tôi thấy những đề tài mà chúng tôi thảo luận vô cùng hấp dẫn. Ông (Diệm) khởi sự bằng việc giải thích lịch sử Việt Nam, từ thời quá khứ xa xăm qua các cuộc

chiến tranh với Trung Hoa, cuộc chiếm đóng của quân Pháp, quân Nhật, và thời kỳ hỗn loạn sau thế chiến 2. Những tài liệu nghiên cứu phong phú về dân tộc Việt Nam, về nguồn gốc, văn hóa, và vận mệnh của dân tộc đó bắt đầu trước kỷ nguyên Thiên Chúa giáo, chấm dứt, không phải trong hiện tại, mà mãi nhiều thế kỷ trong tương lai. Những điều đó được trình bày bởi một người rõ ràng bị ám ảnh bởi nhu cầu giải thích cho tôi, - và qua tôi cho chính phủ của tôi - biết rõ lẽ sống của ông, chính là cứu nước ông một lần nữa thoát khỏi nền văn hóa ngoại lai, lần này (nền văn hóa ngoại lai đó) khoác bộ áo Cộng sản.

“Tôi đã có đọc lịch sử Việt Nam, và đã biết các cuộc chiến tranh giành độc lập của xứ sở này, và cũng đã biết là ông Diệm hiểu biết tường tận, thấu đáo vấn đề. May mắn là tôi cũng đã có một căn bản hiểu biết đáng kể về triết học và khoa tôn giáo đối chiếu. Nhưng tôi hoàn toàn không được chuẩn bị để nghe những điều như thế này. Càng nghe tôi càng thích thú. Tôi đặt những câu hỏi. Mỗi câu hỏi lại mở ra một chương mới, và sau một thời gian tôi nhận ra sự dẫn thân tận hiến và lòng say mê của con người này, là người đã hiến trọn đời mình để giữ cho bằng được căn cước lịch sử của dân tộc của ông ta và ông ta hiểu nó, yêu thích nó.”⁷

⁷ Sdd trang 22-23. Nguyên văn: “Our first conversation last six hours. Actually, it did not seem nearly so long, for I found the subjects we discussed fascinating. Diem led off with his interpretation of Vietnamese history, from the ancient past, through the Chinese wars, the French occupation, the Japanese conquest, and the confused aftermath of World War II. His richly documented survey of the Vietnamese people, their origins, their culture, and their destiny started before the Christian era and ended, not in the present, but several centuries in the future. It was presented by a man obviously

obsessed by the need to explain to me - and through me to my government - his *raison d'être*, which was nothing less than to save his country once again from an alien culture, coming this time in a garb of Communism. I had read some Vietnamese history, I knew about its wars for independence, and I had heard of Diem's depth of penetration into a subject. Fortunately I had a considerable background of philosophy and comparative religion. But I was not prepared for anything like this. I listened with growing interest. I asked questions. Each question opened up a new chapter, and after a while I began to realize the dedication and passion of this man, who had devoted his life to the preservation of his people's historic identity, and understood and loved it."

Ông Nolting ghi nhận là tổng thống Diệm tuy ghét những phương pháp và triết lý của ông Hồ Chí Minh, nhưng kính trọng sự quyết tâm giành độc lập của ông này. Và theo ông Nolting có lẽ vì vậy ông Diệm cố tranh đua với ông Hồ về phương diện giữ chủ quyền của VN không muốn để mang tiếng làm theo lệnh Mỹ. Muốn thực lòng giúp VN trong việc chống cộng sản thì phải hiểu cái tâm lý đó của ông Diệm. Không nhận ra điều đó thì thấy ông Diệm là con người kỳ bí. Ông viết ở đầu chương 4 Sđd như sau:

"Cho đến lúc này cáo buộc quan trọng nhất của ông ta là người Mỹ can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Ông ta không muốn người Mỹ đoạt lấy trách nhiệm của Việt Nam. Ông ta không muốn quân lực Mỹ chiến đấu cho nền độc lập và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ông bảo tôi: 'Nếu chúng tôi không tự mình thắng cuộc chiến này với sự viện trợ vô giá của quý quốc thì như vậy chúng tôi sẽ thua và thua là đáng đời'. Ông ta vô cùng cương quyết trong vấn đề này vì ông ta cảm thấy rằng nếu chính phủ Nam Việt Nam trở nên lệ thuộc vào Hoa Kỳ thì như vậy chứng tỏ luận cứ của Việt Cộng

là đúng. Việt Cộng thường nói rằng: ‘Nếu các anh cúi đầu thần phục Hoa Kỳ thì các anh sẽ thấy các anh đúng chỉ là thuộc địa của Mỹ cũng như 75 năm về trước Việt Nam đã từng là thuộc địa của Pháp.’ Về điểm tế nhị này tôi đã có thể trấn an ông ta, vì toàn bộ ý niệm của những khuyến cáo cho toán đặc nhiệm cũng như những huấn thị cho tôi do tổng thống Kennedy ban hành, là phải giúp Nam Việt Nam tự bảo vệ nền độc lập tự do của họ cho chính họ.”⁸

⁸ Sdd trang 33-34. Nguyên văn: “By far the most important were his charges of American interference in Vietnamese internal affairs. He did not want South Vietnam’s responsibilities taken over by the United States. He did not want the American forces to fight the battle for South Vietnamese independence and selfdetermination. ‘If we can not win this struggle ourselves,’ he told me, ‘with the invaluable help you are giving, then we deserve to lose, and will lose.’ He was adamant about this because he felt that if the government of South Vietnam become dependent on the United States, it would merely prove the Vietcong argument that ‘if you bow down to the United States, then you are going to find yourselves an American colony.’ On this sensitive point I was able to reassure him, since the whole idea behind the Task Force recommendations and my instructions from President Kennedy was that we were going to help the South Vietnamese maintain their freedom themselves, for themselves.”

Ở một đoạn khác ông Nolting nhắc lại và nhấn mạnh cả 2 vị tổng thống Việt Nam và Hoa Kỳ đều không muốn có quân tác chiến tại Nam Việt Nam. Coi như đó là một trong ba nguyên tắc căn bản của viện trợ Mỹ nhằm bình định miền Nam Việt Nam chống chiến tranh khuynh đảo và phá hoại của cộng sản. Một nguyên tắc nữa cũng quan trọng không kém là không can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Ông viết:

“Việc đưa quân tác chiến vào Nam Việt Nam được loại bỏ. Tổng thống Diệm không muốn có chúng. Tổng thống Kennedy

không muốn gửi chúng sang. Nguyên tắc thứ ba là Hoa Kỳ sẽ không can thiệp vào nội bộ Nam Việt Nam, không tìm cách tiếm quyền của chính phủ Nam Việt Nam hay tìm cách kiểm soát sự điều khiển chiến tranh.”⁹

⁹ Sđd trang 39, nguyên văn: “The introduction of U.S. combat forces was ruled out. President Diem did not want them. President Kennedy did not want to send them. Three, there would be no interference by the United States in South Vietnam internal affairs - no attempt to usurp the powers of South Vietnamese government or to take control of the conduct of the struggle.”

Ông Nolting đã thành công trong việc xin chính quyền Mỹ xác nhận bằng công điện những điều đó, khiến ông Diệm hoàn toàn vừa ý. Nhưng theo ông Nolting thì báo chí Mỹ, được đại diện bởi một số rất ít phóng viên trẻ không nắm đầy đủ ý nghĩa của những nguyên tắc căn bản đó, và cả một số lớn giới chức cao cấp trong bộ ngoại giao cũng không thấu đáo hoàn cảnh Việt Nam, hoặc có mặc cảm tự tôn đối với chính quyền của ông Diệm cho nên mới có những chuyện ép tổng thống Diệm phải làm điều nọ, áp dụng biện pháp kia, kể cả việc loại trừ người em của tổng thống Diệm v.và, nghĩa là vi phạm trắng trợn những điều đã cam kết, can thiệp ngang nhiên vào công việc nội bộ của một chính quyền hợp hiến, được nhân dân bầu lên. Trong số những người này ông đã nêu đích danh nhà báo David Halberstam, thứ trưởng ngoại giao Averell Harriman và đại sứ Cabot Lodge, người kế vị ông.

Về thứ trưởng ngoại giao Harriman, ông đã thuật lại cuộc hội kiến gay go của ông này với tổng thống Ngô Đình Diệm về vấn đề Ai Lao, đặc biệt là về thỏa ước trung lập hóa Ai Lao mà thoát tiên tổng thống Diệm không chịu ký. Ông Harriman có lẽ có ác cảm với tổng

thống Diệm từ đó. Ông đã lợi dụng lúc ngoại trưởng Dean Rusk và tổng thống Kennedy bận tâm về nhiều vấn đề khác quan trọng hơn như cuộc khủng hoảng Bá Linh chẳng hạn, (gần như khoán trắng vấn đề Việt Nam cho ông Harriman, như có lần ông Nolting xin ý kiến ngoại trưởng Dean Rusk để giải quyết một vấn đề Việt Nam, ông Rusk đã bảo hỏi ông Harriman và nói “Averell (tên gọi của Harriman) is handling it”), để cùng với các ông Roger Hillsman và Michael Forrestal, nhân lúc các vị tổng thống, bộ trưởng quốc phòng, bộ trưởng ngoại giao, Giám đốc CIA vắng mặt, thảo công điện khẩn gửi cho đại sứ Lodge bật đèn xanh cho nhóm tướng lãnh bất mãn tiến hành cuộc đảo chính.

Ông Nolting không đả động gì đến số tiền triệu mà trung tướng Trần Văn Đôn đã nói đến trong “Việt Nam nhân chúng” của ông, là món tiền CIA Lou Conein dùng để “thù lao” cho các tướng tá đảo chính. Có lẽ vì ông không được biết hay biết mà không nỡ nói ra vì nó quá dơ bẩn, chẳng những sỉ nhục các tướng lãnh Việt Nam mà còn làm mất danh dự của đại sứ Cabot Lodge, là đại diện của nước ông. Nhưng ông đã nêu tài liệu của Ngũ Giác Đài chứng minh đại sứ Lodge và bộ ngoại giao Mỹ có nhúng tay vào cuộc đảo chính này như chúng tôi đã trưng dẫn ở trên.

Nếu đại sứ Nolting là người cố giữ nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ Việt Nam và cố chỉ dùng ngoại giao và giao tế cá nhân cùng với phương pháp thuyết phục để giúp chính phủ Ngô Đình Diệm cải tiến, thì trái lại, người kế vị ông là đại sứ Henry Cabot Lodge (1902-1985) lại dùng thái độ kẻ cả, bất thân thiện, thậm chí miệt thị để làm áp lực với chính quyền Diệm. Và khi thấy không thành công

đã giúp các phe phái chống đối khuynh đảo, rồi tiến hành đảo chính lật chính phủ hợp hiến được nhân dân bầu lên.

Tuy vậy sau này thấy hậu quả tai hại của việc lật ông Diệm, ông Lodge đã cố tự bào chữa là ông chỉ làm theo lệnh của bộ ngoại giao muốn tổng thống Diệm phải đưa ông Nhu đi nước ngoài, chứ không hề có ý định giúp phe chống đối lật ông Diệm. Ông Lodge còn dè dặt khen ông Diệm về một vài điểm. Chẳng hạn, trong cuốn “Bão có nhiều tâm” (“The storm has many eyes”, W.W. Norton Company Inc., New York, 1973) ông Lodge viết:

“Tôi nhận huấn thị nêu (với ông Diệm) vấn đề đưa ông Nhu ra ngoại quốc.” và “Nhưng ông ta (Diệm) cũng có mặt hết sức hấp dẫn. Ông ta là người tiếp khách thanh lịch, như vợ chồng tôi đã nhận thấy khi ông ta - trước khi chết một tuần - đưa chúng tôi đi thăm vùng cao nguyên trong cuộc hành trình dài bằng máy bay thường, máy bay trực thăng, và xe hơi cuối ngày thì tới thành phố Dalat với đồi núi rất ngoạn mục. Ông ta là con người can đảm và yêu quê hương ông ta. Mặc dầu chỉ mới quen biết ông ta vài tuần lễ, tôi cũng đau buồn một cách sâu xa về cái chết của ông ta và ghê tởm về cách thức gây nên cái chết đó.”¹⁰

¹⁰ Sđd tr. 207 và 208. Nguyên văn: “I also was instructed to bring up especially the idea of having Nhu leave the country. “ và “But he had a most attractive side as well. He was a very gracious host, as my wife and I found when he took us—a week before his death—on an airplane- helicopter- automobile trip to the high plateau, ending the day at the charming hill town of Dalat. He was courageous and loved his country. Although I had only known him for a few weeks, I was deeply grieved by his death and horrified at the form it took.”

Ngoài những lời khen dè dặt nhắm vào cá nhân ông Diệm nêu trên, ông Lodge giữ ý không khen mà cũng

không chê những gì ông Diệm đã làm với tư cách người lãnh đạo chính phủ. Ông chỉ nói một cách hết sức tóm tắt và cân nhắc rằng tuy ông Diệm trong quá khứ đã là một nhà lãnh đạo có khả năng, nhưng chính quyền ông đã bước sang giai đoạn kết thúc¹¹.

¹¹ Sđd tr. 207, nguyên văn: “Although President Diem had been an effective leader in the past, his rule was clearly entering its terminal phase.”

Để bào chữa cho việc lật đổ ông Diệm, xen vào nội bộ Việt Nam, ông Lodge đã đưa ra những luận cứ lúng túng, thiếu tính thuyết phục như sau:

“Ngày 25 tháng 8 tôi nhận công điện, thường công bố, từ Hoa Thịnh Đốn nói rằng Hoa Kỳ phải “đối phó với khả năng loại trừ ngay cả Diệm.” Công điện nói rằng “Hoa Kỳ không thể chấp nhận tình trạng quyền hành nằm trong tay Nhu” - khi nói về em ông Diệm - và chỉ thị cho tôi làm một kế hoạch chi tiết xem bằng cách nào chúng ta có thể thực hiện việc thay thế Diệm.

“Thoạt tiên kế hoạch của tôi là trực tiếp, hay qua trung gian, tiếp xúc với các tướng lãnh mà chúng tôi tin là thích hợp lật tổng thống Diệm, để biết ý định của họ, tìm biết chi tiết về các cuộc điều động quân sĩ, là điều thường có tính cách quyết định, rồi sau đó xem có thể làm được gì, nếu có gì có thể làm được. Hơn nữa tôi còn được phép bảo cho các tư lệnh thích hợp biết chúng ta sẽ trực tiếp ủng hộ trong bất cứ thời kỳ chuyển tiếp nào nếu thất bại.

“Tôi đã làm hết sức mình để thực thi huấn thị đã nhận, mà không biết rằng vào lúc đó các huấn thị đó chưa được thông qua bởi các giới chức cao cấp nhất.

“Ngày 25 tháng 8 tôi đề nghị cho các tướng mà chúng tôi

tin rằng thù nghịch ông Diệm biết rằng Hoa Kỳ ủng hộ ông Diệm, nhưng có dè dặt nghiêm trọng đối với ông bà Nhu.

“Ngày 28 tháng 8 bộ ngoại giao bảo tôi họ chấp thuận điều đó, nhưng vẫn tin rằng Nhu phải đi và “một cuộc đảo chính là cần thiết.

“Rất có thể những từ này đã là cơ sở cho người ta cáo buộc rằng cuộc đảo chính lật ông Diệm, theo tài liệu Ngũ Giác Đài được trích dẫn, đã được Hoa Kỳ cho phép, chấp thuận và khuyến khích bằng những cách khác nhau.

“Ngày 30 tháng 8, công điện ngày 25 và công điện ngày 28 tháng 8 được hủy bỏ. Sự hủy bỏ này thực sự đã gạt bỏ cơ sở để cáo buộc chính phủ Hoa Kỳ, dưới quyền tổng thống Kennedy đã “cho phép, chuẩn y và khuyến khích cuộc đảo chính.”¹²

¹² S.ĐD. tr. 208 và 209, nguyên văn: “On August 25 I received the oft-published cable from Washington saying that the United States must “face the possibility that Diem himself cannot be preserved.” The cable said that “the United States cannot tolerate a situation in which the power lies in Nhu ‘s hands” - referring to Diem’s brother - and instructed me to “make detailed plans as to how we might bring about Diem’s replacement.” My plans initially involved getting in touch, in person or through others, with the generals believed to be interested in overthrowing President Diem so as to learn of their intentions, to get details on the specific troop movements which are often so crucial, and then to see what, if anything, we should do. I was further “authorized to tell the appropriate commanders that we would give direct support in any interim period of breakdown.” I did my best to carry out my instructions, not realizing at the time that they had not been cleared at the highest levels. On August 25 I suggested that we tell the generals believed to be hostile to Diem that the United States supported Diem, but had grave reservations about Diem’s brother and sister-in-law. On August 28, the State Department told me that it approved of this but it continued to believe that Nhu must go and “coup will be needed.” Presumably, these are

the words on which was based the accusation, subsequently made so often, that the coup against Diem was, to quote the Pentagon Papers, “variously authorized, sanctioned and encouraged” by the United States. On August 30 the telegrams of August 25 and August 28 were canceled. This cancellation in effect removed the basis for the charge that the United States government, under the administration of President Kennedy, had “variously authorized, sanctioned and encouraged a coup.”

Ở đây ông Lodge chỉ nói đến âm mưu đảo chính, bắt thành vì nhiều lý do, được toan tính vào hạ tuần tháng 8. Mà không nói gì đến cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11. Dựa vào sự hủy bỏ một công điện để nói rằng không có công điện đó là một biện bạch không có tính thuyết phục. Vì có thể là ý đồ đảo chính gặp trở ngại nên bắt buộc dĩ phải (tạm thời) hủy bỏ lệnh thực hiện, để rồi 3 tháng sau thực hiện. Dù sao thì ý định thực hiện đã có thực.

Hơn nữa những tài liệu sau đã cho thấy rõ bàn tay của chính quyền Kennedy trong cuộc đảo chính khiến ngay cả Karnow cũng phải công nhận, như đã thấy trong chương 11. Trong số những tác giả được trích dẫn trong soạn phẩm này Schlesinger, Cabot Lodge, Nguyễn Chánh Thi là những người cực lực phủ nhận không hề có bàn tay của Mỹ.

Có một số sự việc cho thấy ông Cabot Lodge là kẻ xảo quyệt. Ông tích cực nhất, nếu không nói là trụ cột trong việc lật và cả giết ông Diệm nữa, nhưng lại không phê bình hay chê trách ông Diệm mà còn khen, như đã nói, mặc dầu lời khen đó khác tất cả những lời khen của những người ngưỡng mộ ông Diệm. Thấy nhiều người, kể cả Hồ Chí Minh, khen ông Diệm là người yêu nước, thì ông cũng miễn cưỡng viết: “ông ta yêu nước ông ta” (he loved his country), chứ không dùng những từ “nationalist, hay patriot”.

Ông Nolting cho biết khi gặp nhau ở Honolulu hai người xem ra đồng ý với nhau là không nên xen vào nội bộ của Việt Nam và ông Lodge có vẻ sẵn sàng tiếp tục đường lối của ông Nolting. Nhưng khi đến Saigon ông đã làm ngược hẳn lại. Chỉ một thời gian vắn sau ngày trình ủy nhiệm thư, ông không thèm gặp ông Diệm và ngay cả đại tướng Harkins là người có cùng quan điểm chính trị với ông Nolting.

Trong thời gian có vụ khủng hoảng Phật giáo, ông Lodge đã cho thượng tọa Trí Quang trốn ngay trong tòa đại sứ Mỹ. Nhưng đã không làm gì để bảo đảm an toàn tính mệnh cho hai ông Diệm Nhu lúc bị lật. Thế mà trong hồi ký “Bão có nhiều tâm” ông lại nói là rất đau lòng và kinh tởm về hình thức cái chết của ông Diệm. Sử gia Hoàng Ngọc Thành đã gọi thái độ này là nước mắt của kẻ sát nhân khóc nạn nhân của y.

Ông McNamara trong phúc trình gửi tổng thống Johnson cuối năm 1963, 2 tháng sau khi ông Diệm bị lật đổ, đã viết rằng ông Cabot Lodge suốt đời luôn hành động thui thủi một mình, chẳng màng đến ai, (tài liệu Ngũ Giác Đài trang 272) có ý nói ông không chịu tham khảo ý kiến của các cơ quan bạn hay chính quyền nước bạn. Việt Nam ta có câu: “Ao rậm mà lắm cá trê, những người lắm ngẫm mà ghê tinh thần”.

Luật sư Lâm Lễ Trinh gần đây có nhận xét trên tờ nguyệt san Diễn Đàn Phụ Nữ cuối năm 1997, đại ý tiếc rằng lòng tự ái quá cao của hai ông Lodge và Diệm đã dẫn đến cái chết bi thảm của ông này. Tuy không hoàn toàn đồng ý với vị cựu bộ trưởng Tư Pháp đệ nhất Cộng Hòa, tôi cũng có ý nghĩ ông Lodge là con người đầy lòng tự tôn,

vì tự ái cá nhân cũng có mà vì tự ái dân tộc cũng có, ông muốn tổng thống của nước bạn phải khuất phục trước cường lực của một siêu cường mà không được, nên thà hy sinh ông Diệm chứ không để mang tiếng khuất phục ông Diệm. Khi gần chết ông đã phải thú nhận ông sai. Lỗi theo cái sai và sự thất bại của nước Mỹ.¹³

¹³ “From trust to tragedy” trang 136. Nolting viết: “Trước khi qua đời vào năm 1985, đại sứ Cabot Lodge đã gửi thư cho người bạn cũ là Corliss Lamont, mà ông đã bất đồng quan điểm về chính sách Việt Nam trong thời gian lâu. Bức thư này đã được công bố trên “tạp san Harvard tháng 11 năm 1985. Nguyên văn bức thư: “Dear Corliss, Regarding your open letter of November 1, 1965, concerning me - you were right - We were wrong and we failed - I should have resigned sooner. Thank you for your most interesting book which I am reading with avidity. Best wishes always, Cabot. August 2, 1984.” Tạm dịch: “Corliss thân. Về bức thư ngỏ của anh đề ngày 1 tháng 11 năm 1965 liên quan đến tôi - anh nói đúng - chúng ta đã lầm và đã thất bại. Đáng lẽ tôi đã phải từ chức sớm hơn. Cảm ơn anh về cuốn sách hay nhất của anh mà tôi đang đọc với sự thèm khát.

Ngoài ông Cabot Lodge, Nolting cũng nói đến một người khác tại bộ ngoại giao có trách nhiệm lớn trong việc lật ông Diệm là thứ trưởng ngoại giao Averell Harriman (thăng chức thứ trưởng ngày 4 -4-1963), mà ông cho là con người nóng nảy, bướng bỉnh, hành động theo cảm tính hơn là theo lý trí. Có lần ông Harriman đã quát tháo bảo ông “Hãy im cái mồm. Tôi đã nghe ông nói điều đó rồi.” Về tính ương ngạnh, bướng bỉnh, Nolting cho rằng Harriman, Ngô Đình Diệm hai người một bên tám lạng một bên cũng nửa cân. Nhưng lý do của sự bướng bỉnh thì lại khác. Ông viết: “ÔNG DIỆM LÀ CON NGƯỜI BUỐNG BỈNH. Ông Harriman cũng vậy. Điều khác biệt, theo thiển kiến, là một người thì có những lý do thông minh để giữ lập trường của

mình, còn một người thì không. Họ đã đụng nhau kịch liệt lần đầu tiên về vấn đề hiệp ước 1962 về Ai Lao.”¹⁴

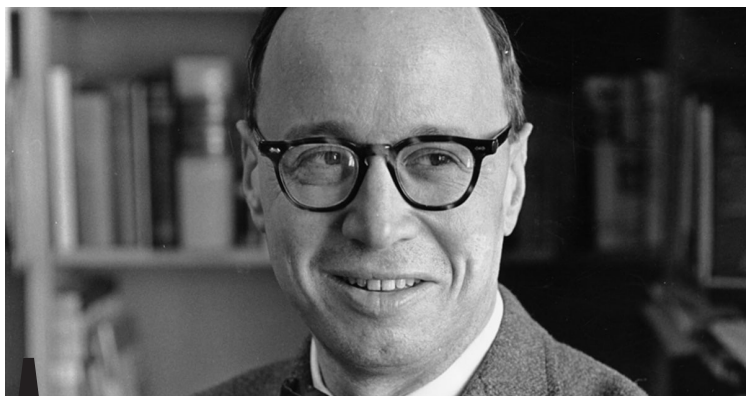
¹⁴ Sđd trang 81. Nguyên văn: “Ngô Đình Diệm was a stubborn man. So was Harriman. The difference, it seemed to me, was that the one had intelligent reasons for his position and the other did not. They clashed first over the Laos treaty of 1962.”

Đây là hiệp ước nhằm trung lập hóa Ai Lao mà Harriman có thể được coi như tác giả chính. Hiệp ước này là lỗi lầm lớn về chiến lược của Hoa Kỳ mà Harriman đại diện, Harriman một cựu đại sứ Mỹ tại Mạc Tư Khoa từ nhiều năm trước, người tự phụ am tường chiến lược cộng sản, đặc biệt tin tưởng một cách ngây ngô rằng mình nắm chắc phía Liên Xô không đòi nào để đàn em Bắc Việt vi phạm; nhưng thực tế Bắc Việt đã luôn luôn vi phạm mà Liên Xô chẳng bao giờ có hành động gì như lòng mong mỏi của Harriman. Ông Diệm đã cảnh cáo trước mà Harriman không tin, nhất định dùng áp lực “Cúp viện trợ” để ép ông Diệm. Nhờ tài thuyết phục của ông Nolting, như ông này đã viết, chứ không vi áp lực thô bạo của Harriman, ông Diệm đã nín nhịn và chịu ký để bám lấy viện trợ Mỹ mà chống chọi với cộng quân mà ông nhìn thấy tỏ tường đang được tăng cường càng ngày càng nhiều do cái hiệp ước ngu xuẩn này.

Tác phẩm “From trust to tragedy” chỉ dài 130 trang, không kể phần hình ảnh, ghi chú. Nhưng đó là 130 chứng cứ hùng hồn về lòng yêu nước của ông Diệm, con người quyết tâm bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đến chết. Ông Nolting đã không ngần ngại tố giác, lên án những người đồng hương của ông để chứng minh lòng yêu nước của ông Diệm. Vì vậy mà không thiếu người Mỹ ghét ông. Nhưng ông đã can đảm, noi gương Ngô Đình Diệm giữ tiết tháo của mình để nói lên sự thực.

Chương 19

Arthur M. Schlesinger, Jr: Diệm là người hết sức câu nệ truyền thống. Ông ta thi hành một chính sách gia đình trị theo kiểu Đông Phương



Arthur M. Schlesinger (15-10-1917) là sử gia đã từng được giải thưởng Pulitzer về lịch sử và cũng đã từng là giáo sư sử, trường đại học nổi tiếng Harvard. Ông được tổng thống John F. Kennedy chọn làm phụ tá đặc biệt, có một văn phòng làm việc ngay tại tòa Bạch Ốc. Vì vậy ông đã có thể quan sát, theo dõi mọi hoạt động không những của riêng tổng thống mà còn của chính phủ, đồng thời

gián tiếp theo dõi tình hình các quốc gia có liên hệ với Hoa Kỳ trong thời gian tổng thống Kennedy tại chức, trong đó có Việt Nam. Năm 1965, tức 2 năm sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Schlesinger cho ra đời cuốn “Một nghìn ngày”¹ nói về gần ba năm cầm quyền của tổng thống Kennedy.² Trong tác phẩm trên 1000 trang này ông đã đề ra hai chương XX và XXXVII, tổng cộng 65 trang để nói về hoạt động của tổng thống Kennedy tại Nam Việt Nam và mối tương quan giữa hai vị tổng thống Hoa Kỳ và Việt Nam, nhất là về những quyết định quan trọng của tòa Bạch Ốc trước khi hai vị tổng thống này bị sát hại chỉ cách nhau 3 tuần lễ dẫn đến thảm kịch cho cả hai quốc gia.

Có lẽ để bênh vực tổng thống Kennedy, hoặc không được đọc những điện tín mật trao đổi giữa đại sứ Cabot Lodge và các giới chức bộ ngoại giao, cũng như giữa tổng thống Kennedy và ông Lodge, nên sử gia Schlesinger là một trong những người kịch liệt phủ nhận tin có bàn tay người Mỹ trong cuộc đảo chính 1963 tại Saigon.³ Ông viết:

“Điều quan trọng cần nói cho rõ là cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963, hoàn toàn được hoạch định và thi hành bởi người Việt Nam. Tòa đại sứ Mỹ cũng như CIA không có liên hệ trong việc xúi bẩy hay thi hành.”⁴

¹ Nguyên tác *A thousand days*, the Riverside Press, Cambridge. 1965.

² Tổng thống Kennedy tuyên thệ nhậm chức ngày 20 tháng 1 năm 1961 và bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963, đúng 3 tuần sau khi ông Diệm bị sát hại.

³ Các tướng Đỗ Mậu và Nguyễn Chánh Thi, có lẽ đã đọc tác phẩm này trước khi in hồi ký, cũng kịch liệt phủ nhận như vậy để chạy tội làm tay sai cho Mỹ sát hại một lãnh tụ quốc gia đã từng được các ông đó coi như lãnh tụ của chính mình.

⁴ Sđd trang 997. Nguyên văn: “It is important to state clearly that the coup of November 1, 1963, was entirely planned and carried out by the Vietnamese. Neither the American Embassy nor the CIA were involved in instigation or execution.”

Để một lần nữa quyết liệt bênh vực cho tổng thống Kennedy tác giả còn nói chính tổng thống bảo nếu đại sứ Lodge đồng ý thì chúng ta nên chỉ thị cho ông ấy ngăn cản cuộc đảo chính⁵. Có lẽ tác giả muốn nói tổng thống không muốn lật ông Diệm, nhưng vì áp lực của bộ Ngoại giao và tòa đại sứ? Nhưng tác giả lại cũng bênh vực cả đại sứ Lodge bằng cách trung dẫn sự việc chính ông Lodge dẫn đồ đốc Felt tới thăm ông Diệm vào trưa ngày đảo chính để chứng minh rằng ông Lodge chẳng biết gì cả. Nhưng nếu đã đọc ông Trần Văn Đôn và Newman, thì lại thấy sự có mặt của ông Lodge tại dinh tổng thống Việt Nam vào giờ đó là nhằm cầm chân ông Diệm để ông ta khỏi đi Dalat thành linh mà hòng kế hoạch⁶.

Cũng để gián tiếp chứng minh tổng thống Kennedy không muốn lật hay ít nhất không muốn ông Diệm chết, tác giả đã thuật lại thái độ của tổng thống Kennedy khi nghe tin ông Diệm chết và được các tướng chủ trương đảo chính tuyên bố ông Diệm tự sát như sau:

“Tôi gặp tổng thống chẳng bao lâu sau khi ông nghe tin Diệm, Nhu đã chết. Ông rầu rĩ, xao xuyến. Từ sau vụ Vịnh Con Heo đến giờ tôi chưa thấy ông phiền muộn đến thế. Các tướng Saigon cho rằng ông Diệm tự tử; nhưng tổng thống Kennedy lắc đầu, không tin là một người Công Giáo như ông lại có thể tìm cái chết theo kiểu đó. Ông cũng nói rằng ông Diệm “đã chiến đấu cho xứ sở ông suốt 20 năm ròng và không thể để sự việc kết thúc như thế này được.”⁷

⁵ Ibid. Nguyên văn: “If Lodge agreed, the president said, we should instruct him to discourage the coup.” Mấy tiếng “nếu ông Lodge đồng ý” (If Lodge agreed) nghe thật lạ tai và khó hiểu. Tại sao lại phải có cái điều kiện là ông Lodge đồng ý?

⁶ Ibid.

Vì gần tổng thống Kennedy nên ông nhận thấy rõ có hai phe chống đối nhau trong chính quyền về vấn đề tình hình an ninh và thực chất chế độ miền Nam Việt Nam lúc ấy. Theo ông thì các tướng McGarr, Harkins và đại sứ Nolting ủng hộ ông Diệm và báo cáo tốt về chính phủ của ông. Còn các ông Harriman, Hilsman ở bộ ngoại giao và nhất là các phóng viên của các thống tấn và những tờ báo lớn ở Mỹ, nhất là ở miền Đông Bắc thì cho rằng không thể thắng nếu còn để ông Diệm. Và tác giả đứng về phe này. Bằng chứng là ông khen ngợi những ký giả cỡ Neil Sheehan, David Halberstam và Malcolm Browne. Ông đã trung lại nguyên văn của David Halberstam viết về Đại sứ Nolting gọi ông này là tay sai của ông Diệm.⁸ Vì vậy ông đã phê bình tổng thống Ngô Đình Diệm một cách gay gắt như sau:

⁷ Sđd trang 998, nguyên văn: “I saw the president soon after he heard that Diem and Nhu were dead. He was somber and shaken. I had not seen him so depressed since the Bay of Pigs. The Saigon generals were claiming that he killed himself; but the president, shaking his head, doubted that, as a Catholic, he would have taken this way out. He said that Diem had fought for his country for twenty years and that it should not have ended like this.”

Theo tiến sĩ Ellen Hammer viết trong tác phẩm “A Death in November”, thì khi một người bạn cố an ủi tổng thống Kennedy bằng cách nói dẫu sao thì hai ông Diệm Nhu cũng chỉ là “những tên bạo chúa” (không đáng cho tổng thống âu sầu), ông Kennedy đã nói: “Không. Các ông ấy đã ở vào một vị thế khó khăn. Và đã làm điều tốt nhất có thể làm được cho quê hương mình.” Nguyên văn: “A friend try to rally his spirits by saying Diem and Nhu after all had been tyrants. “No,” he said. They were in a difficult position. They did their best they could for their country.” (SĐD trang 301)

⁸ Sđd trang 984: Nguyên văn: “The US Embassy,” David Halberstam wrote in a characteristic outburst, “turned into the adjunct of a dictatorship. In trying to protect Diem from criticism, the Ambassador became Diem’s agent.”

“Ông Diệm, con người hết sức câu nệ truyền thống, đã thực thi một chính sách gia đình trị theo kiểu đồng phương. Ông ta nắm trọn quyền hành trong tay, coi đối lập như phản bội, biểu lộ sự khinh miệt các cơ chế nông cạn, hời hợt của nền dân chủ tây phương và nhắm tới việc khôi phục nền đạo lý An Nam cổ xưa.”

Ông cũng phê bình phó tổng thống Lyndon B. Johnson đã thiếu khôn ngoan khi ca ngợi ông Diệm là Churchill “của miền Nam”⁹

Một ông phụ tá đặc biệt của tổng thống phê bình ông phó tổng thống là không khôn ngoan (imprudent) thì cũng được đi. Nhưng một nhà báo nổi tiếng gọi vị đại diện cho siêu cường Mỹ là tay sai của ông Diệm, đang bị dư luận báo chí và nhân dân Mỹ - do báo chí hướng dẫn - khinh ghét, thì có đáng cho vị phụ tá đặc biệt thích thú mà đề cao hay không mà đem trưng dẫn ở đây? Theo tinh thần tôn trọng lẽ nghĩa của người Đông Phương, thiết tưởng chỉ có trẻ con mới ăn nói xằng bậy như David Halberstam. Có lẽ trong tinh thần tự do báo chí tuyệt đối với phong cách luôn cởi mở của nhân dân Mỹ, ông phụ tá Schlesinger cho rằng nói như vậy không phải là sỉ nhục cả nước Mỹ có người đại diện đi làm tay sai cho một người không ra gì, và ngược lại cũng chẳng gián tiếp đề cao quá lố một vị tổng thống có đại diện siêu cường Hoa Kỳ làm tay sai. Nên nhớ là việc bổ nhiệm đại sứ phải được quốc hội chấp thuận và phải tuyên thệ khi nhậm chức.

Nói chung, tuy có thiên về phe chống ông Diệm nhưng tác giả “Một nghìn ngày” cũng có chỗ khen ông Diệm một cách dè dặt. Ông viết:

⁹ Sdd trang 541.

“Dĩ nhiên mức sống người dân đã lên cao mau lẹ tại miền Nam hơn miền Bắc là nơi ông Hồ chí Minh tập trung vào đầu tư hơn là tiêu thụ. Và chính ông Diệm có vẻ là người ngay thẳng và cương quyết, tận tâm và liêm khiết.”¹⁰

Đọc mấy hàng “Ông Hồ Chí Minh tập trung vào đầu tư hơn là tiêu thụ”, người đọc thấy tác giả “Một nghìn ngày” rõ ràng có ý biện bạch cho ông Hồ về sự nghèo túng cực khổ của nhân dân miền Bắc dưới quyền của ông Hồ. Nếu ông Hồ có đầu tư chẳng là đầu tư vào chiến tranh, chuẩn bị để khuynh đảo và xâm chiếm miền Nam. Hơn nữa đúng ra trong những năm 1955 và 1956, khi mà ở miền Nam ông Diệm bắt đầu kiến thiết và chăm lo cho đời sống dân quê trong các chương trình định cư, dinh điền, khu trù mật v.v. và thì ở miền Bắc ông Hồ giao cho hai ông Trường Chinh và Hồ Viết Thắng theo lệnh Trung Quốc phát động cuộc cải cách ruộng đất với những cuộc đấu tố long trời lở đất dưới sự cố vấn chỉ đạo trực tiếp của các cố vấn Tàu có mặt tại hiện trường.

Các ông Bùi Tín và Hoàng Hữu Quýnh, những cán bộ cộng sản tương đối cao, trong hồi ký đã nói khá nhiều về những cuộc đấu tố rừng rợn này mà tiêu chuẩn phải là mỗi xã tìm cho ra bằng được 5 “địa chủ” hay “cường hào ác bá” để hành quyết khiến hàng vạn người trong đó có hàng ngàn đảng viên bị chết oan. Và sau cải cách đẫm máu là sửa sai bịp bợm, được dùng như cái bẫy, cái rọ để đảng

¹⁰ Sđd tr. 538, nguyên văn: “Living standards, indeed, had risen faster in South than in North Vietnam, where Ho Chi Minh concentrated on investment rather than consumption. And Diem himself seemed a man of rectitude and purpose, devoted and incorruptible.”

lùa những nhà văn, nhà trí thức ngay tình hay ngây ngô chui vào cho đảng bắt bỏ tù hay cho đi an trí, kể cả nhà đại trí thức đã cùc cung phục vụ đảng trong những ngày khó khăn là luật sư Nguyễn Mạnh Tường, nhà đại trí thức số một thời đó.

Nhưng tại sao một giáo sư, một sử gia như Shlesinger không biết điều đó? Là bởi vì các nhà báo như Halberstam, Sheehan, Browne mà ông trung dẫn ở trên không biết hay biết rất ít mà không nói vì thiên vị. Thực ra những gì xảy ra trong khối cộng sản thường được hàng rào tre, hàng rào sắt bung bít hết. Báo chí của cộng sản không giống báo chí Tây Phương. Họ chỉ là công cụ của đảng, chỉ nói những gì đảng cho phép nói. Các nhà báo Tây phương lúc ấy không thể ngờ được. Vì vậy kể ra lúc đó thì cũng không đáng trách lắm. Nhưng khi đã có hàng ngàn, hàng trăm ngàn người chứng kiến những sự thực đó di cư vào Nam hay chạy ra nước ngoài thuật lại những điều họ được mắt thấy tai nghe mà các nhà báo hay sử gia vẫn khư khư giữ thành kiến hay thiên kiến cũ mới thực đáng trách.

Chương 20

Neil Sheehan: Diễm là người xảo quyết, gian trá, là tên phản động cuồng nhiệt, muốn tái lập triều đại nhà Ngô



Hình: T.L.

Neil Sheehan (sinh tháng 10 năm 1936) là phóng viên chiến trường của hãng Thông Tấn UPI và nhật báo New York Times, đảm nhận nhiệm sở ở Nam Việt Nam vào tháng 4

năm 1962, một tháng trước khi trung tá John Paul Vann đến Mỹ Tho, Định Tường làm cố vấn cho tư lệnh sư đoàn 7 lúc ấy là đại tá Huỳnh Văn Cao. Nhờ có được những tài liệu mật mà trung tá Vann cung cấp, Neil Sheehan đã để ra 16 năm viết một cuốn sách trên 800 trang (thuộc loại “Best Seller”) về hoạt động của vị trung tá hăng say chống cộng này suốt trong hai nhiệm kỳ của ông tại miền Nam Việt Nam. Cuốn sách nhan đề: *A bright shining lie* (tạm dịch: “Điều dối trá rực rỡ xán lạn”),¹ mở đầu bằng một

tang lễ long trọng dành cho một anh hùng của Mỹ đã hy sinh khi thi hành nhiệm vụ tại Việt Nam, đó chính là John Paul Vann. Thi hài của Vann được chôn tại nghĩa trang Arlington. Sau tang lễ trưởng nam của Vann được cùng với gia đình đến gặp tổng thống Nixon nhận huân chương Tự Do của tổng thống là huân chương cao quý bậc nhì của Mỹ ban tặng người cha quá cố của anh. Tác giả đã cố ý đưa những hình ảnh thật vĩ đại và cảm động với nhiều tình tiết hấp dẫn vào đoạn mở đầu này để gây ấn tượng mạnh nơi độc giả, khiến người đọc không khỏi khâm phục người quá cố, để rồi trong những đoạn sau sẽ được đọc những lời của vị trung tá “anh hùng” này, do tác giả thuật lại, lên án chính quyền và cá nhân tổng thống Ngô Đình Diệm, và ở những đoạn kế tiếp lên án và sỉ nhục tất cả những chính quyền sau ông Diệm ở miền Nam. Phần thư mục ở cuối sách cho thấy tác giả đã tham khảo trên dưới 300 tác phẩm. Nhưng phần chính vẫn là những tài liệu mật mà tác giả nhận được hoặc trực tiếp của trung tá Vann, hoặc do bà vợ đã ly dị của ông trao lại.

Đọc 250 trang đầu, người đọc không khỏi cảm phục vị trung tá cố vấn Mỹ coi cuộc chiến chống cộng của miền Nam như của chính ông, coi nhân dân Việt Nam như chính đồng bào của ông. Ông không từ nan một việc gì mà không làm để mau chiến thắng cộng sản, kể cả việc nịnh và bốc thom ông tư lệnh Việt Nam Huỳnh Văn Cao để ông này làm theo những kế hoạch của ông hầu có thể mau đi

¹ Nhà xuất bản Random 1988. Cũng có người dịch tựa sách là “Sự lừa dối hào nhoáng”, CNN (bút hiệu của Nguyễn Ngọc Chấn), khi điểm cuốn phim truyền hình cùng tên dựa trên cốt truyện của Sheehan, đã dịch là Chuyện Ba Xạo Hào Nhoáng.

đến thành công, và kể cả việc cố thuyết phục cấp trên của mình là đại tướng Harkins về những kế hoạch mà ông cho rằng chỉ có thể mới thành công.

Qua các hành động và trở ngại khó khăn của trung tá Vann, tác giả đã dẫn người đọc đến chỗ phải kết án tướng Harkins, đại tá Cao và đích thân tổng thống Diệm là những người “coi thường sinh mạng dân què”, không hiểu gì về chiến tranh du kích, chiến tranh khuynh đảo và chỉ lo giữ địa vị của mình để lãnh viện trợ, ỷ vào viện trợ, ỷ vào sức mạnh của không quân Mỹ, chứ không muốn quân sĩ Việt Nam dưới quyền chiến đấu chống cộng. Những gì hai ông Karnow (chương 11) và Newman (chương 16) đã nói về một khẩu lệnh mật nào đó của tổng thống Diệm cấm các tư lệnh không được để cho quân sĩ mở những cuộc hành quân gây thương vong lớn đều đã được viết theo hoặc trích dẫn Sheehan, và ông này cũng chỉ trích dẫn trung tá Vann.

Nhưng ngoài cái chết trong khi thi hành nhiệm vụ, và thiện chí chiến đấu chống du kích quân cộng sản của trung tá Vann, tác giả còn cho thấy tính tình và lối sống bất thường gần như thác loạn của vị trung tá này ở chương 7, khiến người đọc phải đặt dấu hỏi về những nhận định của chính vị trung tá này. Theo Sheehan thì Vann có cha thất nghiệp vì mắc bệnh cao áp huyết, có mẹ nát rượu, chết cô đơn trong trường hợp say rượu vì đã ly dị chồng, các em không chứa chấp nổi vì luôn say sưa, thổ mửa ra nhà họ. Vann thường chỉ ngủ mỗi đêm hai giờ. Đêm nào ở Saigon cũng làm tình với hai, ba cô gái trẻ, mà không hề bị suy kiệt, trái lại còn thêm cường tráng(?)^[++] Sheehan thuật

(++) Sdd tr. 599. Nguyên văn: “Ellsberg was not alone among Vann’s friends in noticing that when Vann was in Saigon he often made love to two or three

lại một cách thần phục mối tình của trung tá Vann với hai người đàn bà Việt Nam, một cô tên là Lee nào đó (tác giả đổi tên để tránh tiếng cho gia đình cô gái) có cha từng là bộ trưởng mà Vann đã dùng mách lới rất tầm thường của một tên tán gái chuyên nghiệp để đưa vào bẫy, và người con gái thì lấy làm thích thú được sa vào cái bẫy đó. Sheehan cũng nói là Vann đã có vợ con (ông không mang sang Việt Nam hay Thái Lan hoặc Phi Luật Tân như các sĩ quan cao cấp khác mà để lại Mỹ, tiểu bang Colorado) nhưng đã nói dối là độc thân, tự rút đi cả chục tuổi để đánh lừa cô Lee, v.v. Còn cô Lee thì làm như không để ý đến chiếc nhẫn cưới mà Vann đeo hôm trước đã biến mất vào ngày hôm sau. Cũng vẫn theo Sheehan thì trong khi cặp kè với Lee, Vann còn dụ dỗ được một nữ sinh 17 tuổi, xin nhắc lại 17 tuổi, tên là Annie (đã được tác giả đổi tên), con một nhà trí thức ở Dalat, cho cô ấy một cái bầu, rồi ép cô ta phá thai. Cô Lee cũng phải phá thai hai lần. Nghĩa là Vann đã tài tình lừa dối cả hai cô. Chẳng cô nào biết chuyện giữa cô kia với Vann, cũng như vợ chàng ở Colorado chẳng hay biết gì về những cô Lee, cô Annie, hay cô nào khác. Câu chuyện tình hồ kéo dài nhiều năm qua nhiều trang sách (từ trang 599 đến trang 606.)

Ở chương I, sau khi thuật chuyện trung tá Vann một mình lái xe jeep từ Saigon đi Mỹ Tho an toàn trên chặng

different young women a day. This repeated sexual jousting that would have exhausted most men seemed to invigorate Vann". Tạm dịch: "Ellsberg không phải là người duy nhất trong số bạn bè của Vann nhận thấy rằng khi ở Saigon, mỗi ngày Vann năng làm tình với hai hay ba phụ nữ trẻ. Những cuộc làm tình liên tục như dùng sĩ đấu thương thế này đáng lý phải làm cho hầu hết mọi người mệt lả và kiệt sức, nhưng xem ra càng làm cho Vann thêm cường tráng."

đường 50 dặm vào ngày 21 tháng 5 năm 1962 (trang 46), tác giả cho rằng cộng quân hạn chế khủng bố đối với người Mỹ trong những năm đầu này để gây cảm tình với nhân dân Mỹ, (trang 48), chứ không chịu nhận rằng cho tới thời gian đó, (tháng 5 năm 1962) chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn còn giữ được an ninh tuyệt đối trên những trục lộ chính ở miền Nam.

Cựu đại sứ F. Nolting, nhậm chức vào tháng 5 năm trước, cũng đã viết trong cuốn “Tù Tin Cây Đến Thảm Kịch” rằng vào cuối năm 1962 ông và gia đình ông có thể đi Vũng Tàu và Đà-Lạt mà không cần có hộ tống vũ trang^[+] Ngoài ra cũng trong năm đó vợ con ông Colby (xem chương 3) còn có thể đi xe qua Đèo Hải Vân giữa Huế và Đà Nẵng chỉ với một sĩ quan dưới quyền ông một cách an toàn.

Và tình hình đó sẽ chỉ thay đổi nhanh chóng khi người Mỹ âm mưu bằng mọi cách lật ông Diệm và hỗ trợ cho các cuộc gây rối của phe Phật Giáo Ấn Quang do TT. Thích Trí Quang lãnh đạo vào mấy tháng sau. Cuối cùng đã trở nên hết sức tồi tệ sau khi ông Diệm đổ, hơn một năm sau.²

(+) Nguyên tác *From Trust to Tragedy*, Praeger, New York 1988. Trang 56. Nguyên văn: “By the end of 1962 my family and I could drive to Cap St. Jacques or Dalat without armed escort.

(++) *Honorable men* trang 179, nguyên văn: “Heinzen Barbara (bà Colby, chú thích của soạn giả.) and Catherine (con) drive over the Hai Vân pass between Hue and Danang with one of the officers leading our northern operations, and taking the family for a final call on President Diem, where they watched and listened while he explained his satisfaction with how things were going.”

² Cũng như trước đó 10 tháng khi phó tổng thống L.B.Johnson sang Việt Nam không sợ nguy hiểm len lỏi vào giữa đám đông ở Saigon, các nhà báo Mỹ

Cũng trong đoạn 1 tác giả chế diễu đại tá Huỳnh Văn Cao có một ông vua “ảo quyết chuyên gian lận để thủ thắng” như sau:

“Khi nói về lòng sùng kính của mình đối với Diệm, Cao bảo ông ấy là “vua của tôi”. Vua của Cao là CON NGƯỜI XẢO QUYẾT có nhiều mảnh lối gian lận để tránh thất bại”.³

Sang đoạn II, Sheehan viết:

“DIỆM LÀ TÊN PHẢN ĐỘNG NĂNG NỔ muốn sáng lập một triều đại mới cho dòng họ Ngô tại một xứ sở mà hầu hết những người biết nghĩ đều cho rằng triều đại là

cũng phê bình ông là liều mạng một cách vô lối chứ không dám nhận rằng dù có bị chống đối gì đi nữa, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng giữ được an ninh tuyệt đối cho nhân dân ở thủ đô. Và phó tổng thống Johnson, tin tưởng nơi báo cáo trung thực của các tướng cố vấn Mỹ và nhất là của đại sứ Nolting, người đi sát với ông Diệm và tin tưởng vào đức độ và khả năng của ông Diệm, chứ không phải vì ông liều mạng một cách vô lối như các phóng viên Mỹ cáo buộc.

[+++]
 Ngoài ra cũng cần lưu ý là tình hình an ninh vào những tháng cuối 1962 trở nên xấu một phần lớn còn là hậu quả của chính sách của chính quyền Kennedy về Ai Lao, mà người trụ cột thực hiện chính sách này là Averell Harriman, nhằm trung lập hóa nước có vị trí chiến lược này, đưa đến mất Ai Lao vào tay cộng sản Bắc Việt, khiến cộng sản có thể tài quân và vũ khí vào miền Nam một cách ồ ạt qua đường mòn Hồ Chí Minh. Ông Diệm đã biết rõ diễn tiến và hậu quả của việc trung lập hóa Ai Lao, nên đã nêu vấn đề với phó tổng thống Johnson và tướng Maxwell Taylor, lúc ấy là chủ tịch ban tham mưu liên quân Mỹ đến thăm Việt Nam vào năm trước. Và tổng thống Diệm cũng đã nghĩ đến việc ký khẩn cấp với Hoa Kỳ một hiệp ước song phương để cho Hoa Kỳ đem quân vào với điều kiện Mỹ chỉ đóng quân ở vùng giới tuyến, hầu chặn sự xâm nhập ồ ạt của cộng quân, sửa chữa phần nào lỗi lầm cực kỳ quan trọng của Harriman về chiến lược. Ông Diệm cũng như tổng thống Eisenhower là những người am hiểu chiến lược, chẳng những không được các nhà ngoại giao trong chính quyền Kennedy nghe, mà họ còn chống lại và làm ngược lại. Chính tổng thống Eisenhower một ngày trước khi rời nhiệm sở đã can thận can dận vị tổng thống đắc cử Kennedy là phải

thứ lỗi thời rồi. Ngày xưa, hồi thế kỷ thứ 10 đã từng có lần có một triều đại nhà Ngô, tồn tại chẳng bao lâu.”⁴

Về những thành quả mà ông Diệm thu đạt được trong hai năm đầu, tác giả gán cho mưu mẹo và tài trí của đại tá Lansdale, là người mà ông gọi là kẻ khai sáng ra Việt Nam Cộng Hòa. Ông cho rằng nếu không có Lansdale thì ông Diệm đã bị loại rồi. Về cuộc đón tiếp thân tình và nồng nhiệt mà dân chúng Tuy Hòa dành cho ông Diệm khi ông đến thăm lần đầu tiên, (tuốn đến quanh ông, giẫm cả lên chân “làm lấm giấy ông”), tác giả cũng nói đó là vì dân hiếu kỳ, và đã quen mồm hoan hô các cán bộ cộng sản trước kia rồi, nên khi nghe những dấu hiệu của những cò mồi mà ông Nhu phái ra trước để chuẩn bị, bắt chước giống như cán bộ cộng sản đã làm trước kia, thì bèn cũng hoan hô, và vỗ tay theo như cái máy, chứ chẳng phải thực lòng, vì họ có biết ông Diệm là ai đâu.⁵ Sheehan viết:

“Nam Việt Nam, có thể nói thực, đó là công trình sáng tạo của Edward Lansdale”⁶ Và:

chú trọng đặc biệt vấn đề Ai Lao, vì với tư cách là một thống soái, một chiến lược gia ông nhìn Ai Lao còn quan trọng hơn Nam Việt Nam, trong thế chiến lược Đông Nam Á.

³ Sđd trang 78. Nguyên văn: “He is my king” Cao would say when he spoke of his devotion to Diem. Cao’s king was a wily man who had rigged numerous fail-safe devices.”

⁴ Sđd trang 144. Nguyên văn: “Diem was a fervent reactionary, intent on founding a new family dynasty in a country where most other thinking people thought that dynasties were anachronism. There had once been a Ngo dynasty, a brief one, in the tenth century.”

⁵ Xin xem lại chương 6, ông Trần Văn Đôn đã mô tả ra sao về thái độ của người dân khi được tiếp xúc với ông Diệm vào dịp này, để so sánh.

⁶ Sđd trang 138. Nguyên văn: “South Vietnam, it can truly be said, was the

“Trong một phút sáng trí lâu sau đó, Bumgardner bất chợt hiểu ra mình đã lầm lẫn khi diễn tả cuộc nghênh đón ông Diệm tại Tuy Hòa vào cái ngày hôm đó của năm 1955. Anh ta nhớ ra rằng cái đám đông ở sân banh không có vẻ gì là chú ý đến những điều ông Diệm nói khi họ reo mừng và vỗ tay. Mặt họ tươi cười, miệng họ hò hét, nhưng cặp mắt của họ lơ đãng, trống không. Anh đã tìm ra chân lý. Đám đông đã không chú ý nghe ông Diệm. Lúc ấy ông ta không được thường dân Việt Nam biết mấy và những người dân quê hay thị dân ở tỉnh nhỏ này đã không thể nào biết ông ta là ai.”⁷

Đã rõ đối với Sheehan, ông Diệm chỉ đáng nguyên rủa, chứ không thể đáng được hoan hô. Vì vậy nếu có ai hoan hô ông thì Sheehan phải tìm đủ mọi cách ngụy biện để chứng minh rằng những người hoan hô ông chẳng biết việc họ làm, vì họ có biết ông Diệm là ai đâu. Thủ tướng của một nước tới thăm, lại đã được ông Nhu phái người đi chuẩn bị trước như chính Sheehan viết, thế mà người dân sở tại lại không biết ông ta là ai!

Thực ra Sheehan chẳng biết gì về ông Diệm thì đúng hơn. Anh ta chỉ biết có một người mê gái sống cuộc đời

creation of Edward Lansdale.” Xin xem lại chương 3 để đối chiếu nhận định của Colby về vấn đề này.

⁷ S.đd. trang 141. Nguyên văn: “During a moment of clarity long afterward, Bumgardner suddenly understood how erroneously they had interpreted the reception at Tuy Hoa that day in 1955. He remembered that the crowd at the soccer field did not to be paying attention to what Diem was saying when they cheered and applauded. The faces smiled, the voices shouted, the eyes were vacant. The truth came to him. The crowd had not been listening to Diem and Diem was not well known to ordinary Vietnamese then, and these peasants and provincial townsfolk could not have had the faintest idea who he was.”

phóng đảng là John Vann thôi, nên đã đẩy công sưu tầm lý lịch và đi sâu vào đời tư của nhân vật “anh hùng của Mỹ” này. Còn đối với ông Diệm thì anh ta viết như sau:

“CIA đã vận động để Bảo Đại ban chức thủ tướng cho Diệm vào tháng 6 năm 1954. Việc bổ nhiệm Diệm được loan báo ngày ông này đáp xuống Saigon vào ngày 7 tháng 7 năm 1954”⁸

Không cần phải sử gia hay ký giả nổi tiếng tham khảo đến hơn 300 quyển sách cũng biết ngày 7 tháng 7 năm 1954 là ngày ông Diệm nhậm chức thủ tướng. Còn ngày ông Diệm về đến Saigon là ngày 26 tháng 6 năm 1954. Chứ không phải là ngày 7 tháng 7. Viết cẩu thả như vậy chứng tỏ tác giả không tìm hiểu một cách nghiêm chỉnh về thân thế sự nghiệp con người mà ông phê bình. Còn việc ông Bảo Đại mời ông Diệm, đây có phải lần đầu đầu và tại sao ông ấy lại cần đến ông Diệm thì đọc chương 1, chắc bạn đọc đã rõ.

Sau đây còn một sai lầm khác về danh tính của ông Diệm. Sheehan bảo ông Diệm có cái tên Pháp là “Jean Baptiste”, cũng giống như các người Công Giáo Việt Nam khác⁹. Đó là một sai lầm nghiêm trọng, nếu không phải

⁸ Sđd trang 134. Nguyên văn: “The CIA maneuvered Bao Dai into offering the prime ministership to Diem that June of 1954. Diem’s appointment was announced the day he landed in Saigon, July 7, 1954.” Trang 174 Sheehan nhắc lại điều sai lầm này một lần nữa. Xin coi chú thích số (9).

⁹ Sđd trang 174. Nguyên văn: “Jean Baptiste Ngô Đình Diệm (Vietnamese Catholics often gave their children a French name as well as their Vietnamese one) was fifty-three years old and almost as ignorant as Lansdale of the political and social realities of his country when he returned to Vietnam on July 7, 1954, after nearly four years of exile.” Tạm dịch: “Gio-An Bao-Ti-Xi-Ta Ngô Đình Diệm (Người Công Giáo Việt Nam thường cho con cái họ một cái tên Pháp cũng như

là một sự xuyên tạc đầy ác ý đối với đạo Công Giáo nói chung. Trước hết Jean Baptiste là phiên âm theo tiếng Pháp (cũng như John the Baptist là phiên âm theo tiếng Mỹ, Gioan Bao-Ti-Xi-Ta là phiên âm theo tiếng Việt Nam v.v.) của tên một nhân vật Do Thái, nói theo sử, hoặc tên một vị thánh, nói theo Thánh Kinh. Người Công Giáo khi chịu phép rửa tội, đều lấy một tên thánh để xin vị thánh đó phù hộ cho mình trong suốt cuộc đời và cố sống theo gương vị thánh đó. Nói ông Diệm mang một tên Pháp là hàm ý ông là tay sai của Pháp. Ở đây Sheehan, bắt chước giọng điệu của một số sử gia cộng sản, còn muốn nói tất cả những người theo đạo Công Giáo đều mang tên Pháp, coi nước Pháp như tổ quốc của mình. Nếu đó đích thực là chủ ý của tác giả, thì khỏi bàn đến các vấn đề khác nêu trong tác phẩm gần ngàn trang của ông.

Nơi trang 177 Sheehan viết:

“Ông ta (ông Diệm) thương lượng với người Nhật, nhưng bất thành, để được chức thủ tướng trong cái chính thể bù nhìn do họ dựng lên dưới quyền Bảo Đại.¹⁰

Ở chương 1 và chương 8 bạn đọc đã thấy Bảo Đại nói gì và Bernard B. Fall nói gì về việc này, mặc dù hai ông không có bất cứ lý do gì để bênh ông Diệm. Chẳng những thế, ngay đến một tác giả người Anh, ông Dennis J. Duncanson, trong cuốn “Government and revolution in Vietnam” thường chê ông Diệm độc tài và dốt về hành chánh, cũng

cái tên Việt của chúng) lúc ấy 53 tuổi và cũng như Lansdale, hầu như chẳng biết tý gì về những thực tại chính trị và xã hội của xứ sở của ông ta khi ông ta trở về Việt Nam vào ngày mồng 7 tháng 7 năm 1954, sau gần 4 năm lưu vong.”

¹⁰ Sđd tr.177. Nguyên văn: “He negotiated unsuccessfully with the Japanese for the premiership of the puppet regime they set up under Bao Dai”

viết rằng ông Diệm đã “khôn ngoan không nhận” chức thủ tướng nên mới đến lượt sử gia Trần Trọng Kim.^{10bis}

Đến trang 179 Sheehan lại viết rằng những đảng viên Cần Lao khi làm lễ tuyên thệ đã phải quỳ gối, hôn ảnh ông Diệm¹¹. Không rõ những vị Cần Lao gộc cỡ các ông Dương Văn Minh, Tôn Thất Đính, Đỗ Mậu, Huỳnh Văn Cao nghĩ sao về lời của Sheehan, nhất là hai vị sau này, vì thứ nhất, ông Đỗ Mậu đã trưng dẫn Sheehan và suy nghĩ giống hệt Sheehan về ông Diệm trong cuốn hồi ký trên ngàn trang của ông, mà theo một nhà văn Quân Đội thì từ đầu tới cuối đó là ngàn lời chửi rủa không ngoi. Và, thứ hai, ông Huỳnh Văn Cao, tuy bị chửi trong sách của Sheehan, nhưng lại cũng đã được Sheehan giúp đỡ để được cộng sản chấp thuận cho đi định cư sớm tại Mỹ.

Thưa thiếu tướng phó thủ tướng, đặc trách Văn Hóa Xã Hội, và trung tướng tư lệnh, hai vị có phải đảng viên Cần Lao không? Theo Sheehan và một số cây viết chống ông Diệm thì tướng tá thời ông Diệm muốn thăng cấp thăng chức bó buộc phải vào Đảng Cần Lao. Nếu hai vị đã vào đảng Cần Lao thì có đúng là hai vị phải quỳ gối hôn ảnh ông Diệm khi được kết nạp không? Và nếu đúng như lời Sheehan, người bạn tốt của hai vị, thì sau khi đã quỳ gối hôn ảnh của một người rồi ít lâu sau đó lại câu kết với nhau để lật đổ và giết hại người đó, như thiếu tướng phó thủ tướng đặc trách văn hóa xã hội đã làm (ở đây xin bạn đọc tạm quên hai ông Dương Văn Minh và Tôn Thất Đính

^{10bis} Sdd (1968, Oxford University Press) trang 155.

¹¹ Sdd tr.179. Nguyên văn: “During the secret initiating ceremony, new members knelt and kissed a portrait of Diem.” Tạm dịch: “Trong buổi lễ bí mật gia nhập đảng, những đảng viên mới quỳ gối và hôn ảnh Diệm.”

cùng những tướng lĩnh khác từng tham gia các cuộc đảo chính lật ông Diệm đi), thì tư cách và đạo làm người của thiếu tướng nó ra sao, đáng gọi là gì? Hoặc giả thiếu tướng cho rằng đã làm cách mạng lại có cái mạng “Sinh vi quân, tử vi thần” thì không cần tư cách và đạo đức? Bằng không, nếu đã biết điều nói trên của Sheehan là bịa đặt, thì tại sao thiếu tướng tổng ủy viên còn trích dẫn ông ta và viết theo luận điệu của ông ta?

Đáng lẽ thiếu tướng phải dùng tên tuổi và chức vị của thiếu tướng để vạch rõ cái sai, cái bịa đặt, cái xuyên tạc của nhà báo nọ mới phải chứ. Nhất là, như thiếu tướng đã biết, ở rất nhiều trang sách, Sheehan đã ca ngợi Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông ta và còn ngụ ý trách các vị tổng thống Mỹ như Roosevelt, Truman, Eisenhower đã không ủng hộ Hồ chí Minh là người quốc gia thực sự (các trang 145-150 và rải rác ở 18 trang sau) mà lại đi ủng hộ một người thân Pháp đã từng đàn áp các cuộc nổi dậy của nông dân khi làm tuần vũ cho nên sau này nước Mỹ của Sheehan mới bị ông Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông ta đánh cho tơi bời.

Thái độ của tác giả “Điều dối trá rục rờ xán lạn” là thái độ phù thịnh: tâng bốc kẻ chiến thắng; đánh kẻ ngã ngựa, mặt sát kẻ chiến bại; tự bào chữa cho những sai lầm của mình khi làm nhiệm vụ phóng viên 25, 26 năm về trước. Trong chương 17 bạn đọc đã thấy tổng thống Nixon đã coi những phóng viên loại này có trách nhiệm trong việc Mỹ thất trận ở Việt Nam. Võ Nguyên Giáp cũng đã từng coi họ như những đồng minh đặc lực.

Vì sẵn có thành kiến nên Sheehan nhiều khi mâu thuẫn trong lập luận của mình. Ví dụ ông bảo Lansdale cũng như

ông Diệm chẳng biết gì về thực tại chính trị, xã hội Việt Nam⁹. Nhưng lại cho rằng Miền Nam Việt Nam là công trình sáng tạo của Lansdale⁶.

Nhân câu chuyện một nhân viên CIA chẳng biết gì về Việt Nam mà lại có thể sáng tạo hay tạo dựng miền Nam Việt Nam của Sheehan, tôi mạn phép hỏi nhà báo năng nổ này một câu. Nếu quả thật một CIA tầm thường mà còn tạo nổi một Miền Nam Việt Nam, thì toàn bộ hệ thống CIA với kỹ thuật tân kỳ và kỳ diệu của khoa tình báo có thể tạo nên một vụ Phật Giáo để lấy có thúc đẩy cho quân dân miền Nam lật ông Diệm không? Câu hỏi này xem ra lỗ bịch và trái khoáy trước khi có những tài liệu mật cho biết chính quyền Kennedy chủ mưu vụ đảo chính 1-11-1963. Nhưng đến nay thì đáng lẽ nhà báo nổi tiếng Sheehan phải có lúc tự hỏi chứ.

Và nếu CIA Mỹ nhẫn tâm hãm hại một lãnh tụ Việt Nam như ông Diệm, thì liệu họ có nương tay hay chùn tay trong việc tàn sát 9 nạn nhân trước đài phát thanh Huế để đạt mục tiêu chính trị lâu dài của mình không? Dĩ nhiên đây không phải lời khẳng định buộc tội ai. Nhưng chỉ gợi ý cho một câu hỏi có thể nảy ra trong đầu những nhà báo từng theo dõi những hoạt động chính trị của nhiều chính quyền Mỹ cũng như Việt Nam. Nhất là Sheehan, người đã khẳng định một CIA mù tịt về xã hội Việt Nam lại có thể tạo nên miền Nam Việt Nam, như đã nêu trên.¹²

¹². Ông Nguyễn Ngọc Chấn (Bút hiệu tắt CNN) trong tờ tuần san *Tinh Thương* số 452 ngày 5 tháng 6 năm 1998 đã điểm cuốn phim truyền hình “A Bright Shining Lie” mà ông dịch là “Chuyện ba xạ hào nhoáng” mới được sản xuất vào cuối tháng 5 năm 1998 với phí tổn trên 14 triệu Mỹ Kim để mang đến tận nhà cho khán thính giả qua hệ thống Cable TV, HBO. Ông Chấn nói rằng

cuốn phim dựa vào cuốn tiểu thuyết của Neil Sheehan. Thực ra tác phẩm của Neil Sheehan thuộc loại sử thì đúng hơn, chứ không phải tiểu thuyết hay hư cấu. Dĩ nhiên cuốn phim đã tiểu thuyết hóa và biến chất theo nhu cầu “câu khách” và cũng theo óc tưởng tượng và quan niệm chính trị, nghệ thuật của đạo diễn. Nhưng dù sao thì cuốn phim cũng có tác dụng xấu giống như tác phẩm của Neil Sheehan. Xin xem bài điểm phim của **CNN** nơi phần phụ lục.

Chương 21

Trương Như Tảng: Ngô Đình Diệm, một sự bí ẩn, một con người huyền bí



Hình: T.L.

Trương Như Tảng, cựu bộ trưởng tư pháp trong cái gọi là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, xuất thân từ một gia đình giàu có mà các anh em ông đều là bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư và kiến trúc sư tốt nghiệp tại Pháp. Cha

ông là một trí thức hấp thụ nền văn hóa Pháp và cũng đã hợp tác với Pháp. Theo ông thì mỗi chủ nhật ông nội ông đều dạy các cháu đạo Ngũ Thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Khổng giáo.

Ông đã kể lại trong cuốn *Hồi ký của một Việt Cộng*¹ cuộc gặp gỡ của ông với ông Hồ Chí Minh ngay khi mới chân ướt chân ráo đến Pháp để du học, đúng vào dịp ông Hồ sang Pháp để thương thuyết với Sainteny ở Fontainebleau. Được chọn để được cùng với một nữ sinh viên cũng người miền Nam gặp riêng ông Hồ cả một buổi chiều tại phòng làm việc của phái đoàn thương thuyết, ông Tảng rất hạnh diện và cảm động. Những lời nói và thái độ của “chủ tịch

nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” dành cho hai sinh viên người miền Nam trong một cuộc nói chuyện thân mật, mà ông Hồ luôn bắt hai người phải gọi ông bằng Bác, chứ không được dùng tiếng chủ tịch hay Hồ chủ tịch²

¹ Bản Anh Ngữ với tựa đề: “A Viet Cong Memoir” với hai đồng tác giả David Chanoff và Đoàn Văn Toại. NXB Harcourt Brace Jovanovich, San Diego 1985. Nguyên tác Pháp văn: “Le memoir d'un Viet Cong”. Những trích dẫn đều theo bản Anh Ngữ.

² Sdd Trang 13-15] đã để lại trong tâm trí người sinh viên trẻ tuổi những ấn tượng tốt đẹp sâu đậm. Những ấn tượng này đã ảnh hưởng quyết định đến việc Trương Như Tảng chọn Hồ Chí Minh, chứ không chọn Ngô Đình Diệm, khi ông Tảng về nước năm 1954 theo lời yêu cầu của gia đình và được tiếp xúc bởi những người bạn quốc gia chung quanh ông Diệm cô Võ Văn Hải, Ngô Khắc Tĩnh, Trần Hữu Thế.

Ông Tảng cho rằng lúc ấy ông Hồ đã được nhân dân hai miền coi như vị anh hùng, còn ông Diệm thì chả có mấy người biết³

³ Sdd trang 32

Vẫn theo cuốn hồi ký thì sở dĩ ông bí mật hoạt động cho Mặt Trận Giải Phóng (để rồi ít lâu sau, sau khi ông Diệm đã bị lật đổ, ra bung làm bộ trưởng tư pháp (cùng trong bung), chính vì thấy ông Diệm độc tài chuyên chế, không khoan nhượng với các phần tử trước kia đã từng hợp tác với Pháp như cha ông chẳng hạn. Tuy nhiên trước đó, khi để tâm phân tích vai trò của ông Diệm và ảnh hưởng của người Mỹ đối với ông Diệm, cùng tìm hiểu những toan tính của ông này đối với đất nước và chính thể mà ông ta đang xây dựng, rồi so sánh đối chiếu với những hành động chống Pháp trước kia của ông ta, rồi lại so sánh với hoàn cảnh của ông Hồ Chí Minh đối với Trung cộng và Liên Xô, ông Tảng cho rằng ông Diệm là con người khó hiểu: “Nếu

bấy nhiêu đã sáng tỏ, thì rất ít cái khác sáng tỏ, và CÁI BÍ ẨN TRƯỚC TIÊN LÀ CHÍNH CON NGƯỜI ÔNG DIỆM”

Và ở trang sau ông Tảng đã nhắc lại ý tưởng đó bằng một từ khác: “ÔNG TA LÀ MỘT CON NGƯỜI HUYỀN BÍ.”⁴

⁴ Sdd trang 34. Nguyên văn: “But if that much was clear, very little else was, and the foremost enigma was Diem himself.” Và trang 35: “HE WAS A MYSTERY.”

Còn vài lý do khác khiến ông Tảng không chọn ông Diệm mà chọn ông HỒ, theo ông viết là: Thứ nhất: Người Mỹ đã không ủng hộ nền độc lập Việt Nam khi viện trợ cho Pháp trước 1954, mà ông Diệm thì có liên hệ quá chặt chẽ với những người Mỹ như hồng y giáo chủ Francis Spellman. Thứ hai: Những tin tức về sự tàn bạo của Việt Minh cộng sản trong chính sách tiêu diệt các đảng phái quốc gia (1945, 1946), tiêu thổ kháng chiến (1947-1948), giảm tô và cải cách ruộng đất đợt đầu (1953) đầm máu tại miền Bắc, ông Tảng nghĩ không đáng tin vì cho rằng chúng chỉ được những người di cư Công Giáo sẵn có thành kiến đối với cộng sản kể lại.⁵

⁵ Hai lý do này kể ra đối với một nhà trí thức quá trẻ miền Nam lúc ấy có thể thông cảm được, vì còn thiếu kinh nghiệm, và chưa đủ sâu sắc về mặt lý luận. Và đó cũng là tâm lý phần đông người miền Nam vốn hồn nhiên chất phác, thích an nhàn, và không thích nghĩ đến những gì xa xôi. Chính cái tâm lý này ảnh hưởng quyết định đến vận mệnh miền Nam về sau. Trong hồi ký “Trong nanh vuốt lịch sử” ông Bùi Diễm có thuật lại chuyện ông làm điện ảnh và bị thất bại nặng nề, mặc dầu kỹ thuật, nghệ thuật không phải dở. Ông lấy làm lạ và không hiểu tại sao. Chính người đọc lấy làm lạ tại sao một người có kinh nghiệm cộng sản như ông mà lại không hiểu lý do thất bại đó. Chỉ vì ông đã nói lên một sự thật mà người miền Nam nhất định không tin là thật: Những cảnh đầu tố rừng rợn trong các chiến dịch giảm tô và cải cách ruộng đất hồi 1953-1956 tại miền Bắc. Ông Tảng không biết hồi ấy có xem hay nghe nói về cuốn phim “Chúng tôi

muốn sống” của nhà trí thức lãnh nạn cộng sản miền Bắc (không phải là tín đồ Công Giáo), ông Bùi Diễm, không? Ai cũng phải công nhận kỹ thuật, nghệ thuật tuyên truyền của cộng sản là tinh xảo. Nó có tác dụng hóa giải những luận điệu tuyên truyền của đối phương khiến đối tượng chỉ tin những gì cộng sản nói, dù là nói dối, còn những gì người chống cộng nói thì dù là nói thật vẫn bị coi là bịa đặt. Chắc hẳn ông Tàng đã sớm nhận ra sự giả dối của cộng sản, nên chẳng bao lâu sau khi miền Nam được (hay bị?) giải phóng ông đã tìm cách vượt biên để khỏi phải thấy tận mắt những điều giả dối đã từng mê hoặc ông trong suốt 20 năm trời.

Ông Tàng cho rằng ông Diệm chẳng có công lao, thành tích gì trong công cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân, chỉ được cái tiếng suông là người yêu nước. Nhưng lại đối xử tệ với những người cự kháng chiến. Cũng như hầu hết các ký giả Mỹ và các tướng lĩnh chủ trương đảo chính, ông Tàng không tiếc lời lên án ông Diệm đàn áp trí thức đối lập, độc tài và kỳ thị Phật giáo. Dĩ nhiên ông cũng chê các chính quyền sau ông Diệm đều bất lực và thối nát. Cuối cùng ông bất mãn với cả chính quyền cộng sản và đành rời bỏ tổ quốc thân yêu của ông mà ông đã hy sinh cả tuổi thanh xuân để chiến đấu cho nó được “độc lập tự do.”

Nhà trí thức họ Trương vỡ mộng vì đâu? Còn biết bao người như Trương Như Tảng cũng vỡ mộng như vậy? Chắc ông ta biết rõ hơn ai hết. Vì đâu? Nhìn vào tình hình Việt Nam ngày nay và so sánh với tình hình kinh tế chính trị miền Nam Việt Nam thời ông Diệm, như trong năm 1958, cũng là năm, theo ông viết, ông bắt đầu đi theo ông Hồ⁶, ông có nuôi tiếc rằng đã không cùng các ông Võ Văn Hải, Ngô Khắc Tĩnh, Trần Hữu Thế, ủng hộ ông Diệm và lôi kéo thêm nhiều nhà trí thức miền Nam khác cùng xây dựng và bảo vệ cái chế độ mà lúc ấy ông cho là bất công thối nát, nhưng rút cục, lúc này nhìn lại nó còn tốt hơn

chế độ cộng sản ngày nay bội phần không? (Xin xem lại các chương 6 và 12.)

⁶ Sdd trang 66. Năm 1958 là năm ông nhập bọn với nhóm Huỳnh Tấn Phát, kiến trúc sư (đảng viên Cộng sản từ 1940); Nguyễn Văn Hiếu, giáo sư (đảng viên CS từ 1951); Ưng Ngọc Kỳ, giáo sư (đảng viên CS từ 1951); Trần Bửu Kiếm (đảng viên CS từ 1951); Dương Quỳnh Hoa, bác sĩ (gia nhập đảng cộng sản từ khi còn là sinh viên ở Pháp); Trịnh Đình Thảo, luật sư; Phùng Văn Cung, bác sĩ; Nguyễn Long v.v. để lập lên một tổ chức chống chính quyền miền Nam, và đã phái Nguyễn Văn Hiếu ra Hà nội xin viện trợ. (Ông không dám thú thực - hay không biết- rằng là để xin chỉ thị.) Đó chính là hạt nhân cho cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng sẽ ra đời ngày 20 tháng 12 năm 1960, biến một số trí thức miền Nam thành bung xung hay bù nhìn, con rối của Hà nội với số phận hẩm hiu, (như ông đã mô tả trong hồi ký của một tên Việt Cộng) mà lúc ấy cứ tưởng bờ!

Nếu ông chưa nhận ra được điều đó và không có cái niềm hối hận đó, thì người ta có thể nghi ngờ rằng ông bỏ nước ra đi không phải vì những lý do đơn giản như ông viết đâu.

Ông Tảng không theo ông Diệm, chẳng những không khen mà còn chê, chống và lên án ông Diệm vì ông đọc, nghe và tin những gì các cán bộ hàng đầu của cộng sản Hà Nội viết và nói lúc ấy. Ông đã trưng dẫn Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, để bào chữa cho thái độ và hành động của ông khi chống ông Diệm. Vì ông tưởng những người đó thành thực muốn cho miền Nam có một nền tự trị, dân chủ theo đường hướng quốc gia, còn ông Diệm thì chủ trương độc tài, kỳ thị người miền Nam. Xin mời độc giả theo dõi những nhận định có dẫn chứng của nhà trí thức họ Trương:

“Lập trường của Ủy Ban Trung Ương luôn gắn bó với những gì đã được chủ tịch Tôn Đức Thắng tuyên bố tại Đại

Hội kỳ III ngay từ tháng 9 năm 1960 là: “Do sự khác biệt tình hình giữa hai miền Đất Nước (Nam và Bắc), miền Nam phải thực hiện một chương trình phù hợp với tình hình trong miền, trong khi vẫn theo đúng đường lối chung của Mặt Trận Tổ Quốc. Miền Nam đang thực hiện cách mạng dân chủ dân tộc, còn miền Bắc thì thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa.” Những tình cảm này dĩ nhiên đã lại được nhấn mạnh hơn nữa cho người Tây Phương. Phạm Văn Đồng đã nói với nhiều vị khách nước ngoài: “Làm sao chúng tôi lại có cái ý tưởng ngu xuẩn, tội lỗi là muốn thôn tính Miền Nam?” Lê Đức Thọ thì tuyên bố với báo chí quốc tế tại Paris: “Chúng tôi không ước mong bắt miền Nam phải theo chế độ Cộng Sản.”⁷

⁷ Sđd trang 283 và 284. Nguyên văn: “The Central Committee’s position had consistently been what Tôn Đức Thắng had announced it to be at the Third Party Congress back in September 1960: “Owing to the differences in the situation in the two zones of the country (South and North), the South must work out the program that, while in accord with the general program of the Fatherland Front, is suitable to its own situation. The South is carrying out the people’s national democratic revolution, the North the socialist revolution. “These sentiments were of course reemphasized for Western consumption. “How could we have the stupid, criminal idea of annexing the South?” said Phạm Văn Đồng to various foreign visitors. “We have no wish to impose communism on the South,” said Lê Đức Thọ to the international press in Paris.”

Chúng tôi xin lỗi và xin phép đọc giả được dành những hàng sau đây cho riêng nhà trí thức miền Nam Việt Nam Trương Như Tảng và những nhà trí thức khác đã nuôi mộng, ôm mộng, dệt mộng và vỡ mộng với ông Hồ chí Minh và đảng cộng sản của ông. Có lẽ mãi cho tới những năm 1976, 1977 các nhà trí thức trong “Mặt Trận Giải

Phóng miền Nam” mới thấy những lời trên của các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ là lão khoét. Nhưng có một người chẳng phải trí thức, không bao giờ dám có tham vọng chính trị, vì cũng không có chút khả năng nào về mặt đó. Nhưng lại đã nhìn thấy rõ âm mưu và ý đồ đen tối của các ông lãnh tụ cộng sản nói trên ngay khi các nhà trí thức như các ông còn ngây thơ soạn thảo và ban hành cái gọi là cương lĩnh của mặt trận của các ông, nghĩa là vào những năm 1960-1962. Chỉ vì người đó xuất thân từ bản nông và đã được chung đụng và trở thành nạn nhân của cộng sản ở miền Bắc trước 1954.

Không giống ông Tăng cho ông Diệm là một huyền bí, bí ẩn, con người xuất thân từ bản nông đó và chưa hề bao giờ có một văn bằng đại học lại rất hiểu ông Diệm, vì anh ta nằm trong tim ông Diệm. Xin quý vị trí thức cứ đọc lại những chương 6, 9 và 12 về các nhân chứng Trần Văn Đôn, Marguerite Higgins và Hồ Sĩ Khuê, rồi chờ xem chương 25 về nhân chứng Đỗ Thọ, thì sẽ hiểu tại sao con người xuất thân từ bản nông đó lại nằm trong tim ông Diệm. Vì vậy anh ta hiểu được con người mà một đại trí thức như ông Tăng lại coi như kỳ bí. Những người đã trực diện với thực tế cộng sản, từng là nạn nhân cộng sản, khi phục vụ trong chính quyền lãnh đạo bởi một người cũng hiểu cộng sản, cũng đã từng là nạn nhân cộng sản, lại có lòng thương dân nghèo, nông dân, thì đương nhiên ủng hộ người đó, mặc dù chẳng có khả năng tài chính, trí tuệ hay quyền lực gì, chỉ có sự cảm thông và ủng hộ tinh thần. Vì từng là nạn nhân cộng sản, anh ta tìm hiểu thêm về cộng sản và muốn những người khác cũng hiểu biết hơn về cộng sản, rồi để tâm nghiên cứu và do việc nghiên cứu đó, người “nông

dân” đã nhìn rõ hơn các vị trí thúc đẩy tham vọng và ôm ảo vọng. Để chứng minh điều nói trên, xin ông Tăng hãy xem lại- Tôi chắc thời gian ông còn nằm vùng kín mít ở Gò Vấp chắc cũng có dịp đọc rồi, mà coi thường không tin hay không muốn bận tâm về những kiến thức tầm thường của một tác giả vô danh - cuốn “Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản” của Minh Võ, xuất bản lần thứ nhất năm 1963 và lần thứ hai 1970, từ trang 134 đến trang 143. Các thư viện đại học Cornell, Nữ Uớc và thư viện Quốc Hội Mỹ còn giữ mỗi nơi một ấn bản⁸.

⁸ Xin ông Trương Như Tảng hãy xem Sdd Phần III “Đảng cộng sản Việt Nam mọc mầm giữa những mâu thuẫn và mâu thuẫn”, chương (4): “Trường Chinh đặt tên và Xuân Thủy công nhận “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” từ trang 134 đến 143. Theo ngày tháng ghi ở phần mở đầu sách lần xuất bản hai, (trang 4) thì sách viết xong vào dịp lễ Quốc Khánh Đệ Nhất Cộng Hòa, 26 tháng 10 năm 1961. Thời gian đó tác giả đã nói đến ngày chủ nghĩa cộng sản sẽ biến tan, và thần tượng Lenin sẽ bị triệt hạ (trang 185 và 49.)

Đó chỉ là một trong nhiều tác phẩm cùng loại của nhiều cây viết trong chế độ đệ nhất Cộng Hòa, kết quả của phong trào học tập về Cộng Sản để chống Cộng Sản, do chính quyền Ngô Đình Diệm chủ trương.

Về việc tác giả “Sách lược xâm lăng của Cộng Sản” nhìn rõ Mặt Trận Giải Phóng chỉ là công cụ của đảng Cộng Sản miền Bắc nhiều năm trước một số nhà trí thức như họ Trương, điều đó chẳng có gì đáng lấy làm ngạc nhiên hay tự hào. Vì như gần đây nhà văn Vũ Thư Hiên (con ông Vũ Đình Huỳnh, một trong những tay chân thân tín nhất của ông Hồ Chí Minh sau này đã bị thất sủng và bị thanh trừng không nương tay) đã viết trong cuốn hồi ký “Đêm giữa ban ngày” rằng điều ấy trẻ con ở miền Bắc cũng rõ.⁹

⁹ *Đêm giữa ban ngày*, Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ, California năm 1997. Trang 469. Nguyên văn: “MTGP miền Nam Việt Nam mà một đứa trẻ cũng hiểu do miền Bắc dựng nên vụ cho đối phương vi phạm thỏa hiệp ngưng bắn nhân dịp tết Nguyên Đán để làm một vi phạm lớn hơn-mở một cuộc tổng tiến công trên toàn cõi”. Đến chương 27, lời bàn chung, chúng tôi sẽ lại dẫn chứng Vũ Thư Hiên để giải thích tại sao ở miền Bắc “trẻ con” cũng biết mà các nhà trí thức miền Nam Việt Nam và một số nhà báo tốt nghiệp đại học lúc ấy lại không biết.

Chương 22

Maxwell D. Taylor: Tổng thống Ngô Đình Diệm ví như nắp hộp Pandora



Tướng Taylor Maxwell (phải) gặp Thomas Maxwell ở Việt Nam. Hình: T.L.

Đại tướng Maxwell D. Taylor (1901-1987) nổi danh là anh hùng thế chiến II khi chỉ huy sư đoàn Không Kỳ 101 đổ bộ xuống Arnhem, Hòa Lan. Sau thế chiến ông làm tư lệnh quân đội Mỹ tại Bá Linh, rồi tư lệnh đệ bát lộ quân ở Triều Tiên. Đến thời tổng thống Eisenhower ông làm tham mưu trưởng Lục Quân. Năm 1961 Tổng thống Kennedy bổ nhiệm ông vào chức vụ chủ tịch ban tham

muu liên quân. Trong chức vụ này ông đã đến Việt Nam với sứ mạng nhận định tình hình và xét khả năng viện trợ thêm cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm 1965, sau khi đã về hưu ông lại sang Saigon làm đại sứ dưới thời tướng Nguyễn Khánh. Năm 1972 ông cho ra đời cuốn hồi ký “Thanh gươm và lưỡi cây”¹.

¹“Swords and ploughshares”, W.W.Norton & Company, Inc. New York. 1972.

Đọc cuốn hồi ký này ta thấy ông là một nhà quân sự chuyên nghiệp tài giỏi, nhưng không phải là một nhà ngoại giao tế nhị. Tính ông bộc trực và thẳng thắn, không ngần ngại nói lên những sở đoản của mình. Ví dụ khi nghe tướng Lansdale, một chuyên viên về chống chiến tranh khuynh đảo của cộng sản, trình bày về tác dụng của lời tuyên bố thành lập “Mặt Trận Giải Phóng” của cộng sản đối với miền Nam Việt Nam, tướng Taylor đã bảo đó là lần đầu tiên ông được biết về ý đồ của cộng sản vận dụng chiêu bài giải phóng ra sao để nhằm đánh đổ chính phủ miền Nam. Ông viết:

“Báo cáo của ông ta (Lansdale) về hiệu quả lời tuyên bố của Hà Nội năm 1959 loan báo mở cuộc “chiến tranh giải phóng dân tộc” đã làm cho tôi lần đầu tiên nhận ra được ý nghĩa trọn vẹn của nhóm từ này trong từ ngữ cộng sản, được dùng để mô tả việc sử dụng chiến tranh du kích mà họ bí mật hỗ trợ từ bên ngoài biên giới của một nước không cộng sản nhằm lật đổ chính phủ của nước này.”²

² Sđd trang 221. Nguyên văn: “His account of the effects of Hanoi’s declaration of a war of National Liberation in 1959 revealed to me for the first time the full significance of this term of communist jargon used to describe the use of guerrilla warfare clandestinely supported from without the boundaries of a non-Communist state to overthrow its government.”

Câu trên chẳng những chứng tỏ tác giả là người ngay thẳng và khiêm nhường không che giấu sở đoản của mình, mà còn cho thấy một sự thực đáng suy nghĩ: Một vị tướng lãnh tổng tham mưu trưởng, đồng thời còn là cố vấn của tổng thống Mỹ, mà còn lấy làm lạ về chiến pháp của cộng sản, thì không lạ gì mà đa số người Mỹ, nhất là những phóng viên trẻ măng như David Halberstam, Neil Sheehan không nhận ra rằng cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam thời đó chỉ là sản phẩm của Hà Nội tạo ra để đánh lừa thế giới; chứ thực chất của nó không phải là một tổ chức bộc phát của nhân dân miền Nam chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Càng không lấy làm lạ là những nhà trí thức con nhà giàu như Trương Như Tảng đã mắc bẫy của Cộng Sản.

Trong các người mà tướng Taylor đã gặp trong chuyến công tác này, ngoài đại sứ Nolting, tướng McGarr và các sĩ quan cùng giới chức Mỹ khác, về phía Việt Nam có bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần, trung tướng Dương Văn Minh, đại tướng Lê Văn Ty và tổng thống Ngô Đình Diệm.³

³ Về tướng Dương Văn Minh xin xem chương 15. Về tướng Lê Văn Ty, ông viết: “Sau khi gặp tướng Minh tôi tới thăm đại tướng Lê Văn Ty, vị tướng lãnh cao cấp nhất của quân lực Việt Nam; tôi nhận thấy ông không quan tâm đến chính trị trong nước và tác phong của tổng thống Diệm cho bằng các vấn đề quân sự: vũ khí và huấn luyện. Ông không nói một lời nào về ông Diệm và những lỗi lầm của ông Diệm.” Nguyên văn: “After my call on Minh I went to see Lieutenant General Lê Văn Ty, the senior officer of the Vietnamese armed forces, whom I found much less interested in domestic politics and president behavior than in military matters of equipment and training. But there was not a word said about Diem and his misdeeds.”

Trước khi sang Việt Nam tướng Taylor đã được nghe nói nhiều về những lời phàn nàn chê trách ông Diệm.

Nhưng sau khi điều tra tại chỗ ông có vẻ bênh ông Diệm. Ông viết:

“Tôi có cảm tưởng có lẽ ông ta đã nhận được nhiều lời khuyên hơi ngây ngô về chính trị từ nhiều năm do những nhân viên sứ quán trẻ, ít kinh nghiệm cố nói theo những huấn thị của bộ Ngoại giao. Ông ấy rất có lý để nghi ngờ sự phán đoán cao siêu của những người Mỹ, chỉ ở Việt Nam một thời gian ngắn, liên quan đến khả năng và uy tín của những người đã cộng tác với ông ta hầu suốt đời. Ông ta cũng biết số người có khả năng lãnh đạo chưa được dùng và có thể mời tham gia để tăng cường cho chính phủ của ông ta, (số người này) rất giới hạn ra sao.”⁴

⁴ Sdd trang 235. Nguyên văn: “I got the impression that he must have received a lot of rather naive political advice over the years from young and inexperienced Embassy officers attempting to comply with State Department directives. He had considerable reason to doubt the superior judgement of transient Americans concerning the ability and reliability of men with whom he had spent most of his life. Also he knew how limited was the untapped Vietnamese leadership available to reinforce his government.”

Tướng Taylor cũng xác nhận là hai nhân vật cao cấp nhất của Mỹ ở Việt Nam lúc ấy là đại sứ Frederic Nolting và tướng McGarr hoàn toàn ủng hộ ông Diệm.⁵

⁵ Sdd trang 236. Ngoài ra nơi trang 221 ông viết về thái độ của tướng McGarr như sau: “But notwithstanding the obvious retrogression in Vietnam, McGarr had confidence in Diem, whom he regarded as one of the most effective anti-Communist leaders in the world.” Tạm dịch: “Nhưng mặc dầu tình hình có xấu đi một cách rõ rệt, McGarr vẫn tin tưởng ở ông Diệm mà ông coi như một trong những nhà lãnh đạo chống cộng hữu hiệu nhất thế giới.” Nơi trang 223 ông viết về nhận xét của đại sứ Nolting: “Ambassador Frederick E. Nolting, Jr had strong praise for Diem’s objectives and philosophy of government. Far from being a dictator relishing power for its own sake,

in Nolting's eyes he was a dedicated patriot of high principles who would have preferred to be a monk rather than a political leader. Diem's strong convictions were to some extent a source of weakness in that they caused him to reserve too much responsibility to himself to the detriment of governmental efficiency and to increase of his personal vulnerability as a political target." Tạm dịch: "Đại sứ Frederick E. Nolting Jr rất ca ngợi các mục tiêu và triết lý chính quyền của ông Diệm. Dưới mắt Nolting ông Diệm chẳng những không ham quyền bính vì quyền bính mà còn là nhà ái quốc tận hiến cho những nguyên lý cao cả, thích được làm một nhà tu hơn làm một lãnh tụ chính trị. Niềm tin mãnh liệt của ông, tới một mức độ nào đó, đã là nguồn gốc nhược điểm vì nó khiến ông giữ quá nhiều trách nhiệm cho chính mình làm hại đến sự công hiệu của chính phủ và cũng làm tăng khả năng bị chống đối của ông như một mục tiêu chính trị."

Sau đây là một vài nét về con người ông Diệm mà tướng Taylor còn nhớ và đã ghi lại trong hồi ký của ông:

"Ông Diệm là một người Việt Nam thấp, dáng dấp hơi bè bè, tuy đã 60 tuổi nhưng mái tóc đen nhánh của ông chưa có dấu hiệu hoa râm. Ông có một bộ mặt nghiêm nghị nhưng dễ mến với cặp mắt mơ màng của con người huyền bí và vẻ uy nghiêm trầm lặng của một vị thượng quan đã được rèn luyện để cầm quyền. Ông cử động và nói năng một cách cân nhắc, chín chắn và rất có tài lái câu chuyện theo hướng mà ông muốn nó phải đi tới. Ông cũng khéo tránh né những câu hỏi mà ông chưa sẵn có câu trả lời."⁶

⁶ Sđd trang 229. Nguyên văn: "Diem was a short, rather stocky Vietnamese, sixty years of age but with no sign of gray in his jet-black hair. He had a grave but pleasant face with the dreamy eyes of a mystic and quiet dignity of a mandarin trained to rule. He moved and spoke deliberately and was highly skilled in steering a conversation in the direction he wished it to go and in avoiding questions which he was not ready to answer."

Về lập trường và tư thế của ông Diệm trong vấn đề viện trợ của Hoa Kỳ, tướng Taylor thuật lại như sau:

“Trong khi dứt khoát về nhu cầu cần được hạm đội 7 của ta giúp kiểm soát sự xâm nhập bằng đường biển (của địch), ông ta cho thấy rõ ràng là vào lúc này đây ông ta không mong muốn xin viện quân của ngoại quốc. Tuy nhiên ông rất muốn có một kế hoạch phối hợp về nơi đóng quân và cách sử dụng quân ngoại quốc, nếu có lúc cần phải đem quân ngoại quốc vào. Ông giải thích rằng cho đến nay ông vẫn hy vọng có thể đối phó với tình hình mà không cần tới viện quân, nhưng tình hình ở Ai Lao và sự gia tăng quân số Việt Cộng đang ép ông phải xét lại lập trường của ông. Điều quan trọng nhất đối với ông là, nếu có bao giờ quân Mỹ cần vào Việt Nam, thì phải vào với một cam kết là sẽ ở lại và bảo vệ miền Nam Việt Nam, chứ không được muốn cấp tốc rút lúc nào thì rút bằng một đạo luật của quốc hội.”⁷

⁷ Sổ trang 232, nguyên văn: “While he was definite about needing the help of our 7th Fleet to control the seaward approaches to Vietnam, he indicated that he did not wish to ask for foreign troops at this time. However he did want an agreed joint plan as to where they would be located and how used, if they had to be introduced. He explained that, up to now, he had hoped to be able to cope with the situation without foreign troops, but the situation in Laos and the increasing strength of the Viet cong were forcing him to reexamine his position. He considered it most important that, if the US troops ever came into the country, they should come with a commitment to stay and defend South Vietnam and not be subject to precipitate withdrawal by an act of the American Congress.”

Trong chương 34: “Những bài học từ Việt Nam” vị thống soái dày kinh nghiệm chiến trường do đã từng chỉ huy nhiều đại đơn vị tác chiến, với kiến thức chuyên môn của ông, đã cho rằng khuyết điểm lớn và cũng là nguyên nhân chính của sự thất trận là do không có đủ hay coi

thường những thông tin tình báo về miền Nam cũng như miền Bắc Việt Nam. Cũng như tổng thống Nixon, ông cho rằng sự lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm là một trong những nguyên nhân thất bại. Ông đã dùng một hình ảnh của thần thoại Hy Lạp để ví von như sau:

“Điều chúng ta không biết là cuộc đảo chính được Mỹ ủng hộ nhằm lật đổ ông Diệm, đã lật cùng với ông cái nắp đậy hộp chính trị Pandora trong đó ông Diệm đã nhốt các thần hồn loạn chính trị. Khi những thần dữ này được tự do tung hoành chúng đã xé nát Nam Việt Nam trong những năm 1964 và 1965 đặt chúng ta trước một loạt những vấn đề chính trị hoàn toàn khác lạ.”⁸

⁸ Sđd trang 401, nguyên văn: “What we could not know was that an American-supported coup in 1963 would remove Diem, and with him the lid from the political Pandora’s box in which Diem had confined the genies of political turbulence. When freed, these forces tore South Vietnam apart in 1964 and 1965 and presented us with a completely different set of political problems.”

Chỉ trước ngày đảo chính hơn một tháng, theo lệnh của tổng thống Kennedy ông đã cùng với ông McNamara, bộ trưởng quốc phòng tới Việt Nam để nhận định tình hình. Hai ông đã báo cáo là tình hình quân sự ở miền Nam Việt Nam lúc ấy khả quan và có thể rút một ngàn cố vấn vào cuối năm 1963, mặc dù hai ông đều đồng ý là các cuộc xáo trộn về chính trị sẽ có thể ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh ở thôn quê. Tưởng cũng nên thêm là chính ông Cabot Lodge, liền ngay sau cuộc đảo chính cũng báo cáo về Hoa Thịnh Đốn là tình hình an ninh tại thôn quê là tốt. Nhưng chỉ vài tuần sau tình hình đó đã trở nên tồi tệ do việc bãi bỏ quốc sách áp chiến lược.

Trong cuốn “Năm con mèo” tác giả Francis X. Winters đã trưng dẫn từ biên bản phiên họp ủy ban ngoại giao thượng viện Mỹ ngày 8 tháng 10 năm 1963, được triệu tập vội vã, lời của tướng Taylor nói về sự độc đoán của ông Diệm mà ông tán thành và so sánh với tổng thống Lincoln của Mỹ như sau:

“Chúng ta cần có một nhà độc tài trong thời chiến và chúng ta đã có”. Tướng Taylor so sánh những biện pháp đàn áp của ông Diệm với việc tổng thống Lincoln bãi bỏ những quyền hiến định trong thời gian nội chiến của Mỹ đã từng gây tranh cãi.”⁹

⁹ “The year of the hare”, University of Georgia Press, 1997. Trang 93. Nguyên văn: “We need a dictator in time of war and we have one.” Taylor compared Diem’s repressive measures to Lincoln’s controversial abrogations of constitutional rights during America’s civil war.”

Trong phiên họp đó ông McNamara, lúc ấy là bộ trưởng quốc phòng, cũng bênh vực ông Diệm như tướng Taylor, đánh giá đúng mức sự hữu hiệu và thành công của ông trong thời gian 9 năm qua, mặc dầu sau này khi in cuốn “In Retrospect” quan điểm của ông có hơi thay đổi.

Chương 23

Hoàng Ngọc Thành: Dù có lỗi lầm gì đi nữa, Ngô Đình Diệm là người thực sự có thái độ quyết liệt trong việc bảo vệ chủ quyền của dân tộc Việt Nam

Ong Hoàng Ngọc Thành sinh năm 1926, cựu học sinh trường Quốc Học Huế, tham gia kháng chiến chống Pháp từ 1948 đến 1954. Trước khi du học Mỹ quốc để lấy bằng tiến sĩ sử học vào năm 1968, ông đã từng là giáo sư của nhiều trường trung và đại học Việt Nam kể cả trường Bồ Đề, đại học Vạn Hạnh, đại học Hòa Hảo, đại học Cao Đài và Cao đẳng Quốc phòng. Ông bắt đầu tìm hiểu, sưu tầm, nghiên cứu về cuộc đời ông Ngô Đình Diệm, nhất là về nguyên nhân sự sụp đổ của chế độ đệ nhất Cộng hòa và cái chết của hai ông Diệm, Nhu ngay từ ngày mùng 2 tháng 11 năm 1963. Nghĩa là liền ngay khi được tin hai ông bị sát hại. Ông đã cho độc giả biết điều đó ngay ở đầu cuốn “Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm” mà ông viết chung với bà vợ là Thân Thị Nhân Đức. Xuất bản tại San Jose, California năm 1994. Giáo sư Tôn Thất Thiện gần đây đã trình trọng giới thiệu tác phẩm của hai nhà sử học này trên một bài báo ở Canada

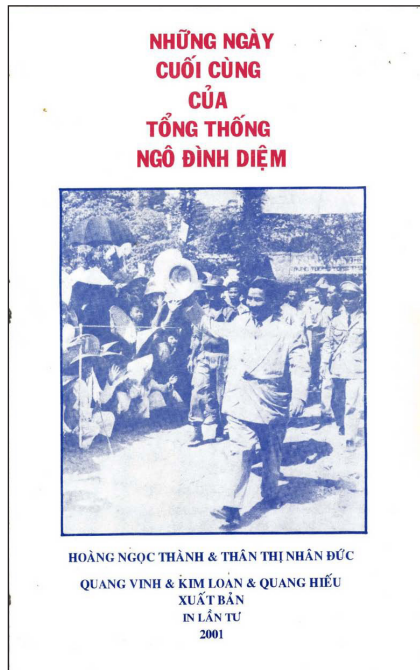
(hồi tháng 10, 1997)
rồi kết luận rằng:

“Quyển *Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm* là một quyển sách mà mỗi người Việt Nam đều phải có trong thư viện tư của mình, nếu họ ưu tư về xứ sở, và thành tâm muốn tìm hiểu một cách khách quan, tường tận, chính xác và công bình những gì đã thực sự xảy ra và các nhân vật đã được nhắc đến trong giai đoạn

1945 - 1975 thực sự là người thế nào.”

Trong tác phẩm dày trên 600 trang này 2 tác giả nói đến cả những cái hay và cái dở, những công lao và lỗi lầm của tổng thống Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu. Về mặt tiêu cực ông bà Thành viết:

“Làm thủ tướng rồi tổng thống, ông Ngô Đình Diệm lòng đầy nhiệt huyết phục vụ quyền lợi của dân tộc. Ông làm việc suốt ngày và 7 ngày một tuần, cả năm hầu như không nghỉ. Ông muốn làm tất cả mọi việc chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao v.v. và từ việc lớn đến việc nhỏ. Kết quả là ông ôm đồm quá nhiều, lo đến những việc mà nên để cấp dưới phụ trách, thay vì nguyên thủ một nước phải chú trọng. Như thế có sự ứ đọng trong bộ máy chính quyền



Hình: T.L.

vì không được giải quyết kịp thời.”¹ Và đây, một nhược điểm khác của ông Diệm được phân tích một cách tế nhị:

“Ông Diệm quên mất “phép nước không kể tình thân” và quá nể nang anh em. Ông đã để người anh là tổng giám mục Thục và người em là cố vấn Nhu ảnh hưởng, hay có thể nói, chi phối ông trong vấn đề Phật Giáo. Tùy viên Đỗ Thọ đã trách cứ Tổng giám mục Thục về sự sụp đổ của chế độ và cái chết của tổng thống Diệm trong “ Nhật Ký Đỗ Thọ”.²

Về ông Nhu, tác giả chê: quá tự kiêu và sống trong ảo tưởng.

Ông Thành cũng chê ông Diệm về cách dùng người trong gần ba trang sách, phân tích khá tỷ mỉ. Sau đây là một đoạn văn:

“Ông đã từ quan chống Pháp, nhưng lại đã sử dụng lâu dài những kẻ đã phục vụ đắc lực cho thực dân Pháp từ Nguyễn Ngọc Thơ, trong chức vụ phó tổng thống cho đến các tướng lãnh nào là Đôn, Kim, Minh, Khiêm, Khánh, Lễ, Oai, v.v. đều là những người đi lính cho Pháp thực dân chống dân tộc Việt Nam. Hầu hết những người này đều là cơ hội hay xu thời, hoặc động cơ quyền lợi hay tham vọng cá nhân thúc đẩy họ.”³

Ông Thành đã so sánh một cách hết sức tế nhị và kín đáo người yêu nước Ngô Đình Diệm với những người lãnh đạo quốc gia sau ông như sau:

“Lằn ranh giới giữa người yêu nước thực sự và tên tay sai là người yêu nước tìm đủ mọi cách để bảo vệ chủ quyền

¹ “Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm” trang 425.

² Tr.426.

³ Tr.427.

của xứ sở, đến tận cùng, dù phải hy sinh tính mạng, phú quý của cá nhân và dòng họ, còn tên tay sai dù có phản đối nhưng rút cục cũng buông xuôi theo thực dân để khỏi tổn thương đến tính mạng, phú quý của cá nhân và gia đình.

“Dù lỗi lầm gì đi nữa, người yêu nước thực sự NGÔ ĐÌNH DIỆM CÓ THÁI ĐỘ QUYẾT LIỆT TRONG SỰ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM. Thái độ này làm chính quyền Mỹ John F. Kennedy mưu đồ đảo chính và sát hại ông. Và biến miền Nam thành một “xứ bảo hộ” của Hoa Kỳ”.⁴

Mục tiêu chính của tác phẩm là chứng minh bằng những tài liệu chính xác, trong số đó có những tài liệu mới được giải mật gần đây nhất, rằng tổng thống Ngô Đình Diệm đã bị chính quyền Kennedy dùng một số tướng tá tay sai để lật đổ. Lý do là vì người Mỹ muốn biến miền Nam Việt Nam thành một xứ đô hộ của Mỹ, mà ông Diệm nhất định không chịu, cố gắng giữ chủ quyền của Việt Nam. Như vậy cái chết của ông Diệm mang một ý nghĩa trọng đại vì ông chết cho đại nghĩa.

Chính vì vậy tác giả đã ca ngợi ông Diệm bằng những lời thật cảm động ở cuối sách như sau:

“Trước cảnh tượng các tướng cầm quyền chỉ làm tay sai cho ngoại bang, hết Pháp rồi đến Mỹ, với mặt trái của cộng sản Hà-nội và con người cá nhân ông Hồ Chí Minh được phơi bày, hình ảnh tổng thống Diệm là con người yêu nước, chống cả cộng sản và thực dân, dù Pháp hay Hoa Kỳ, hy sinh tất cả để bảo vệ chủ quyền, với nếp sống đạo đức cá nhân, đã trở nên đáng kính hơn bất cứ nhân vật hiện đại nào từ 1945 đến nay.”

⁴ Tr.228.

“Đời sống của tổng thống Ngô Đình Diệm không được dài lâu và ông không được hưởng lạc thú trên đời. Nhưng dân tộc Việt Nam sẽ nhớ lâu dài đến người yêu nước Ngô Đình Diệm. Tài liệu này có lẽ là kỳ đài lịch sử đầu tiên cho tổng thống Ngô Đình Diệm. Rồi đây khi đất nước Việt Nam thanh bình và vắng bóng quân thù, sẽ có những kỳ đài khác, những trường học và đại lộ mang tên ông. Vĩnh biệt tổng thống Ngô Đình Diệm.”(Hết)⁵

⁵ Tr. 620, 621.

Chương 24

Nguyễn Chánh Thi: Ngô Đình Diệm chỉ là một kẻ bất tài



Hình: T.L.

Trung tướng Nguyễn Chánh Thi dưới thời đệ nhất cộng hòa mang cấp bậc đại tá, chỉ huy lực lượng nhảy dù là binh chủng ưu tú lúc ấy. Đầu tháng 11 năm 1960, vì nhẹ dạ¹, hay miễn cưỡng mắc mưu Nguyễn Triệu Hồng và Vương Văn Đông, ông tham gia cuộc đảo chính bất thành và đã phải cùng một số sĩ quan chủ mưu lánh nạn sang Nam Vang, thủ

đô Cam Bốt. Sau cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 ông

¹ Chính ông thú nhận là đã lầm nghe theo trung tá Vương Văn Đông, mà sau này ông không ngót nguyên rủa, cũng như về sau lại tin Nguyễn Khánh đến nỗi lại bị Nguyễn Khánh phản. Tôi dùng chữ nhẹ dạ ở đây là vì thế.

trở về nước, rồi gần hai năm sau nắm quyền tư lệnh quân đoàn I kiêm tư lệnh vùng I chiến thuật.

Nơi chương 6 chúng tôi đã trích dẫn lời trung tướng Trần Văn Đôn nói rằng trong hàng tướng lãnh, thượng tọa Thích Trí Quang tin trung tướng Nguyễn Chánh Thi nhất. Có lẽ vì sự tin cẩn đó và có lẽ trung tướng cũng đáp lại lòng tin cẩn của thượng tọa sao đó, cho nên khi thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch ủy ban hành pháp trung ương, thẳng tay dẹp loạn do thượng tọa Thích Trí Quang lãnh đạo ở vùng I, thì trung tướng Thi cũng bị liên lụy hay nghi ngờ và được cho xuất ngoại “chữa bệnh thối mũi” không có ngày về.

Trong thời gian chữa bệnh (?) tại Mỹ, sau này ông Thi đã cho ra mắt bạn đọc tác phẩm “Việt Nam một trời tâm sự” là cuốn hồi ký đặc ý của ông². Trong cuốn hồi ký này có nhiều đoạn lên án nặng nề đệ nhất cộng hòa và nhất là tổng thống Diệm mà ông mô tả như kẻ bất tài vô đức.

“Ông Diệm cũng chỉ là một KẼ BẤT TÀI, quá tự kiêu và nuôi quá nhiều tham vọng, đến khi nhờ thời cuộc xoay vần, đưa đẩy, những tham vọng kia biến thành sự thực, ông ta tỏ ra bất lực, không nắm vững tình thế”.

“Về cá nhân ông Diệm, nếu muốn bảo đó là một người tốt thì cũng đúng. Ông là người tốt nhất trong số 5 anh em nhà Ngô, nắm trong tay trọn quyền sinh sát của 14 triệu dân Việt Nam. Ông đáng xem là người tốt nhất vì trong số này ông kém tinh khôn, sâu sắc và gian ác nhất.”³

Người đọc tất phải hiểu ông Diệm là kẻ gian ác, chỉ gian ác không bằng các anh em khác của ông thôi. Sau đây

² Việt Nam Một Trời Tâm Sự, tác giả Nguyễn Chánh Thi, nhà x.b. Xuân Thu, Los Alamitos, CA, năm 1987.

chúng tôi xin cống hiến bạn đọc vài đoạn văn mà ông Thi đã dùng để chứng minh sự “gian ác” của tổng thống Diệm:

“Vì có sẵn trong lòng dự định cải tạo tình thế, nên từ đó về sau tôi luôn luôn để tâm tìm hiểu bộ mặt thật của chế độ quái gở gọi là “Cộng Hòa Nhân Vị”, “Cộng Đồng Đồng Tiến”. Thế rồi càng ngày tôi càng khám phá thêm những sự việc gian trá tồi tệ”.

“Đại khái các việc mà tôi biết đích xác như sau:

“Vụ đầu thầu của cơ cấu kiến thiết ở Quy Nhơn mà chính ông Diệm đã đích thân ra lệnh cho một người quen của tôi hỏi đó làm tỉnh trưởng ở đấy phải để cho người của họ Ngô được trúng thầu.”

“Bác sĩ Trần Kim Tuyến, trùm mật vụ của Ngô Đình Diệm, đã gửi sang Thụy Sĩ và Pháp vô số tiền bạc”.

“Thật ra thì không thể nào kể hết những hành động thối nát của gia đình họ Ngô và bọn quần thần, những kẻ luôn luôn vỗ ngực tự xưng “vì dân, vì nước”.⁴

Có lẽ vì không biết có một số tài liệu mật của chính quyền Kennedy đã được giải mật cho thấy đích thực người Mỹ có nhúng tay vào trong các cuộc đảo chính 1960 và 1963, cho nên tướng Thi viết một cách quả quyết như sau:

“Tuyệt nhiên không có sự nhúng tay của ngoại quốc, dù xa dù gần, dù trực tiếp hay gián tiếp, dù vật chất hay tinh thần.”⁵

(3) Sdd trang 78.

(4) Sdd trang 79.

(5) Sdd trang 69,70. Theo ông Đỗ Mậu thì ông Thi bất bình về việc tướng Nguyễn Khánh đề tướng Nguyễn Văn Võ và trung tá Vương Văn Đông về nước vì ông Thi cho rằng “Vương Văn Đông là người của Pháp và có liên hệ với (trung tá) Trần Đình Lan, một thứ con Tây đang làm gián điệp cho Pháp”. (*Việt Nam*

Có lẽ ông Thi muốn cho độc giả hiểu: Vì ông Diệm thói nát xấu xa quá cho nên chẳng cần có người Mỹ hay Pháp nhúng tay vào, chỉ nhân dân đủ đánh đổ rồi.

Như ai nấy đều biết hai người chủ xướng cuộc đảo chính 1960 là Nguyễn Triệu Hồng và Vương Văn Đông. Ông Nguyễn Chánh Thi chỉ tham dự vì bị trúng kế của hai người trên. Nhưng trong hồi ký ông Thi thuật lại y như ông là người chủ xướng và là tổng chỉ huy⁶. Tuy nhiên cuối cùng ông cũng tự lộ tẩy. Vì nơi trang 131 ông viết:

“Nhưng sau đó trung úy Lưu Danh Rạng lại nhận điện tín khẩn của trung tá Vương Văn Đông bảo cho tôi “Lệnh trên không cho phép bắn, vì sợ đổ vỡ cuộc thương thuyết”.

Lệnh trên là lệnh của ai? Nguyễn Triệu Hồng (đã chết)? Hoàng Cơ Thụy? Phan Quang Đán (tức Phan Huy Đán)? Hay một ông Mỹ ông Pháp nào? Chứ nhất định không phải Nguyễn Chánh Thi.⁷

Đọc *Việt Nam một trời tâm sự*⁸ của trung tướng Nguyễn Chánh Thi người ta thấy rõ một điều: Đối với ông Thi

Máu Lửa Quê Hương Tôi, trang 677). Như vậy gián tiếp và vô ý ông Đỗ Mậu đã tố cáo ông Thi, bạn của ông, khi tham gia cuộc đảo chính 11-11-1960 với Vương Văn Đông cũng có liên hệ với gián điệp Pháp?

⁶ Sđd trang 123. Ông Nguyễn Cao Kỳ, người bạn, sau trở thành thù, của ông Thi nói ngược hẳn. Đầu chương 4 trong hồi ký “Hai mươi năm và hai mươi ngày” (trang 31) ông Kỳ đã viết: “CIA ủng hộ cuộc đảo chính của chúng tôi”. Nguyên văn: “The CIA backs our coup.” Và chính ông Thi chỉ một trăm trang sau đã tự mâu thuẫn khi viết: “Những tướng lãnh làm đảo chính 1.11.1963 hầu hết là manh động theo lệnh ngoại bang.” (Sđd tr.220)

⁷ Sđd trang 125, 126.

⁸ Trong hồi ký của mình, trung tướng Nguyễn Chánh Thi nặng lời chê trách nhóm Nguyễn Triệu Hồng, Vương Văn Đông và - nói chung - cái gọi là Hội Đồng Cách Mạng của họ (mà ông gọi là “ngây ngô, nham nhở” (đầu trang 151)), trong

không phải chỉ có một ông Diệm là độc tài, thối nát, mà tất cả mọi tướng lãnh và chính phủ sau đó đều bị ông sỉ vả, lăng nhục không tiếc lời, kể cả những người được ông Thi hợp tác, ủng hộ, và coi là bạn như Vương Văn Đông, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Khánh. Như vậy phải đi đến một kết luận rất logic là, theo ông Thi, chỉ có một mình ông trong sạch và có khả năng lãnh đạo miền Nam chống cộng. Bằng không thì phải hiểu: Tất cả các lãnh tụ miền Nam, theo ông Thi, đều là đồ bỏ, kể cả chính ông, chỉ có những Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Đỗ Mười, v.v. ở miền Bắc là tốt, là hay. Nhất là nếu người đọc nhìn một thực trạng

đó có luật sư Hoàng Cơ Thụy (lúc ấy ông Thụy có liên lạc nhiều với tòa đại sứ Mỹ, nên về sau vị đại sứ này - ông Durbrow - đã bị tổng thống Kennedy triệu hồi về Mỹ, vì tổng thống Ngô Đình Diệm nghi ngờ ông có yểm trợ nhóm đảo chính. Mật vụ phủ tổng thống có nắm được một số tang chứng.) Xem ra ông Thi không thuộc bài học 1960, nên sau này, 1965, ông lại tin tưởng Nguyễn Khánh làm chuyện hồ đồ khác. Rồi lại bị ông tướng này đi, nên lại nặng lời chỉ trích tướng Khánh (các trang 222-227).

Nguyệt San *Diễn Đàn Phụ Nữ* số 151, tháng 11 năm 1996, trang 47-54, cho biết ông Thi khi làm tư lệnh quân đoàn I có liên lạc với một cán bộ cộng sản tên Huỳnh Liễu và chứa chấp một cán bộ cao cấp khác, cấp bậc thiếu tướng tình báo cộng sản, tên là Bùi Văn Sắc, thường được gọi là Sáu Giã. Theo tác giả bài báo thì cái tin động trời này do chính bạn ông Thi là cựu đại tá Phạm Văn Liễu tiết lộ. Trong hồi ký “Hai mươi năm, hai mươi ngày” (trang 89), tướng Nguyễn Cao Kỳ cho biết ông Thi còn có một cô nhân tình là cộng sản. Có lẽ ông Kỳ muốn nói đến cô Trang nào đó mà ông Thi quen khi lánh nạn ở Nam Vang từ 1960 đến 1963.

Trong số 155 *Diễn Đàn Phụ Nữ*, tháng 3 năm 1997, ông Thi đã lên tiếng phủ nhận tin trên, nói là ông không quen biết Huỳnh Liễu. Ông nói nếu có liên hệ, thư từ qua lại thì hai ông Nguyễn Mộng Hùng và Nguyễn Hữu Nghiêm thường đọc thư của tư lệnh ắt phải biết. Nhưng ông Thi nhận là có cho Bùi Văn Sắc ở nhà ông mà không biết y là cộng sản. Ông không đã kích ông bạn Phạm Văn Liễu thậm tệ như đã đã kích Vương Văn Đông, Nguyễn Khánh, nhưng ngụ ý tố ngược lại là chính ông Phạm Văn Liễu đã biết mà không cho ông hay để đề phòng, rồi nay lại

đáng buồn khác là: Những sách báo ở Hải ngoại trong hai thập kỷ nay đầy rẫy những lời của các chính khách đả kích lẫn nhau, chứ ít, rất ít thấy những sách phê bình các người lãnh đạo cộng sản. Tại sao lại cứ để cho những người đã lật ông Diệm đả kích, lên án ông Diệm không ngớt, để gián tiếp tự bào chữa cho cái tội tày trời của họ? Những tiếng nói của những người đó gián tiếp làm lợi cho truyền của cộng sản không ít. Nếu những người như ông Thi chẳng hạn ý thức được điều đó thì chắc không nỡ cứ người phe mình mà đả kích, trong khi để yên cho các nhà báo thân cộng của Mỹ ca tụng ông Hồ và đảng cộng sản.

còn vu cáo ông. Cuối cùng ông Thi kết luận một cách mơ hồ: “Tôi nghĩ cái kim giấu mãi trong túi áo, có ngày nó sẽ lòi ra, làm sao qua mặt được thiên hạ.”

Độc hồi ký V.N.M.T.T.S. và lời phân trần của trung tướng Nguyễn Chánh Thi trên D.Đ.P.N. số 155 rồi đối chiếu với những gì được tiết lộ qua bài “Tướng N.C.Thi bị cộng sản Việt Nam cài điệp viên sát nách, hay bị vu cáo?” đăng ở D.Đ.P.N. số 151 người ta có cảm tưởng tướng Thi là một người nóng nảy, nhẹ dạ, quá dễ bị lừa và bị phản: Hết ông Diệm rồi đến Vương Văn Đông, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Khánh và cả bạn thân là Phạm Văn Liễu. Các ông này (trừ ông Phạm Văn Liễu) đều bị ông Thi xỉ vả không tiếc lời. Do đó người đọc có thể nghĩ cuốn hồi ký của ông không phải ông viết, mà do một bàn tay nào đó cũng có dụng tâm lừa ông, hại ông. Nhất là nếu được nghe một người từng ngồi ăn cùng bàn với ông Thi ở San Jose cho biết ông Thi đã nghiêm khắc lên án những kẻ sát hại tổng thống Diệm mà ông - theo lời người kể lại - gọi một cách kính cẩn là lãnh tụ của ông.

Chương 25

Đỗ Thọ:

**Lịch sử sẽ viết rằng Hoa Kỳ đã
mượn tay tướng lãnh giết tổng
thống Ngô Đình Diệm...**

**Mai hậu công lao của tổng
thống Diệm to tát được người
người ca tụng như tổng thống
Lincoln của người Hoa Kỳ**

Dỗ Thọ là trung úy không quân, một trong 4 sĩ quan tùy viên của tổng thống Diệm, người duy nhất đi theo và xách chiếc cặp đựng giấy tờ quan trọng của tổng thống cho đến lúc ông và ông Nhu leo lên xe bọc sắt để rồi bị giết trên đó sáng mùng 2 tháng 11 năm 1963. Chẳng những Đỗ Thọ không phải là tín đồ Công Giáo (những kẻ có ác ý thường cho rằng ông Diệm chỉ tin dùng người trong gia đình hay người theo đạo Công Giáo) mà còn là một Phật tử, cháu ruột đại tá Đỗ Mậu, một người rất năng nổ trong việc lật đổ tổng thống Diệm.

Ngay sau cuộc đảo chính, ông Thọ, quá xúc động vì thương tiếc tổng thống mà ông kính yêu như cha đẻ, đã viết nhật ký¹ kể lại những gì ông được mắt thấy tai nghe

¹ Nhật Ký Đỗ Thọ nhật báo Hòa Bình xuất bản năm 1970.

trong mấy năm làm tùy viên, theo sát bên tổng thống, lúc làm việc hay khi ngủ nghỉ trong dinh Độc Lập, cũng như trong các cuộc kinh lý, và cả trong những dịp lễ, giỗ ở Phú Cam, Huế, khi tổng thống về họp mặt với gia quyến và thăm mẹ già. Ông Đỗ Thọ đã bộc lộ tất cả sự kính phục và thương mến của mình đối với tổng thống Ngô Đình Diệm, và nhất là mối xúc động sâu xa mãnh liệt trước cái chết bi thảm của hai ông Diệm, Nhu. Có lẽ vì mối xúc động khôn nguôi khi cầm bút, nên ông viết như người nói, đơn sơ, mộc mạc, có chỗ luộm thuộm, nhưng vì chân thực nên lại thành ra sâu sắc lạ lùng. Ví dụ, sau khi ông Diệm chết, bộ ngoại giao Mỹ, các phóng viên Mỹ đều quả quyết đây là một việc thuộc nội bộ Việt Nam, người Mỹ không hề có nhúng tay vào. Các tướng lãnh đảo chính đều tự hào nói rằng đó là công việc tự mình lo lấy từ đầu tới cuối². Nhưng Đỗ Thọ, ngay trong thời gian đó đã dám khẳng định ngược hẳn lại dư luận chung rằng:

“Lịch sử sẽ viết rằng Hoa Kỳ đã mượn tay tướng lãnh giết tổng thống Ngô Đình Diệm.”

Đó là một lời tiên tri rõ ràng. Sau đó tác giả “Nhật Ký Đỗ Thọ” còn tiên đoán mạnh hơn khi viết:

“Mai hậu công lao của tổng thống Diệm to tát được người người ca tụng như tổng thống Lincoln của người Hoa Kỳ.”³

Đến nay thì phần trên của nhận định ấy đúng là lời tiên tri đã được thực hiện. Chính tổng thống Richard Nixon, 21 năm sau (1985, khi hồ sơ mật liên quan đến vụ đảo

² Xin xem chương 24 ở trên, lời khẳng định của trung tướng Nguyễn Chánh Thi.

³ Nhật Ký Đỗ Thọ, trang 294.

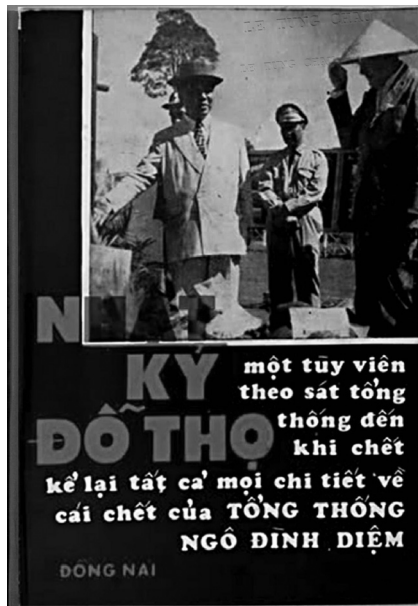
chính vẫn chưa được giải mật), cũng phải nhận như vậy trong “No more Vietnams” như chúng ta đã thấy ở chương 17, tuy rằng khi ông Nixon viết cuốn sách đó các văn kiện mật của bộ ngoại giao và quốc phòng Mỹ chưa được giải mật để có bằng chứng trên giấy trắng mực đen như sử gia Hoàng Ngọc Thành đã có vào năm 1992, khi ông này viết “Những

ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm”. Còn phần dưới thì, nếu ý kiến của sử gia Hoàng Ngọc Thành được tán thành⁴, chẳng bao lâu cũng sẽ thành sự thực.

Những lời mà Đỗ Thọ dùng để ca ngợi vị tổng thống mà ông kính yêu nhan nhản trong cuốn Nhật Ký 360 trang của ông, đôi chỗ nói đi nói lại một cách vụng về, nói lên mối xúc động luôn luôn tồn tại trong trái tim. Sau đây chúng tôi chỉ xin trích một vài đoạn văn.

“Quả thật tổng thống Ngô Đình Diệm là người đứng về phía quần chúng.⁵

“Thật sự giờ này tôi đang viết thư từ nơi côi sống về nơi côi chết. Tôi viết để thương kính vị tổng thống mà tôi đã



Hình: T.L.

⁴ Xin xem “Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm”, trang 621.

⁵ Nhật ký Đỗ Thọ, trang 312,

theo chân trong những giây phút sóng gió đầy nước mắt, từ dinh Gia Long”.

“Tôi thương yêu, kính trọng tổng thống với tình cảm thiêng liêng, giữa một tùy viên, một con người, và có lẽ còn nhiều hơn nữa, các thứ ấy chồng chất không thể nào cắt nghĩa được...”⁶

“Cái chết của tổng thống Diệm chẳng đem lại một đổi thay tình hình mà còn làm cho bi đát hơn thì đúng hơn.”

“Tôi là một sĩ quan tâm thương. Nếu tôi là một chính trị gia, tôi sẽ tiên đoán rằng, dù trong tương lai xa xôi, tổng thống Diệm vẫn là bất diệt.”⁷

“Khi tổng thống chết rồi, tôi bắt gặp một số lớn đồng bào vẫn treo ảnh tổng thống trong nhà. Tôi cảm động lắm. Cảm động đến buồn tủi mà không nói ra. Còn riêng tôi, khung ảnh tổng thống Ngô Đình Diệm thật lớn, choán khung tường rộng trong phòng ngủ tôi. Tôi sẽ treo ở đó mãi mãi mà không sợ sệt.”

“Tôi cũng xúc động khi gặp một số đồng bào không tin tổng thống đã chết. Họ cho rằng tổng thống đã xuất ngoại hoặc ẩn ở một vùng nào đó. Thi hài của hai người trên xe M113 là giả. Tôi xác nhận tổng thống đã chết thật. Nhưng họ vẫn hoài nghi, dù tin tưởng ở tôi.”⁸

Nhắc lại sự bình tĩnh lạ lùng của tổng thống Diệm, vào những giờ phút cuối cùng tại nhà ông Mã Tuyên trong Chợ Lớn, Đỗ Thọ viết:

“Nhưng lạ lùng thay tổng thống Diệm thản nhiên ngồi uống trà, phải chăng tổng thống đang nghĩ tới cuộc đời

⁶ Sdd trang 322.

⁷ Sdd trang 323.

⁸ Sdd trang 328.

tiên thánh ở thế giới bên kia, xứng đáng là một tổng thống Ngô Đình Diệm bất diệt ngàn đời.”⁹

Thái độ thanh thản của ông Diệm trong lúc nguy nan, kề cận cái chết đối với vị trung úy trẻ chưa vợ con lúc ấy đáng lấy làm “lạ lùng.” Nhưng ông sẽ không ngạc nhiên, nếu biết được rằng tổng thống Diệm, tuy có thể nhìn thấy trước là sau ông sẽ là “đại hồng thủy”¹⁰ và “phe quốc gia sẽ thua”¹¹, nhưng vốn sống bằng đức tin Thiên Chúa Giáo, ông hiểu và đặt “Thánh Ý Chúa” lên trên hết. Ông cũng thấm nhuần triết lý Nho Giáo nên cũng hiểu “Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên”. Và ông cũng không phải không biết cái “vô thường” và “sắc sắc, không không” của nhà Phật. Còn đối với cái chết, ông biết hơn ai hết con người ai cũng phải chết và nhiều vĩ nhân trước ông đã chết bất đắc kỳ tử, như bạn ông, Ramon Magsaysay, như thánh Gandhi, như Abraham Lincoln, và đệ nhất vĩ nhân, siêu nhân, “thần-nhân” Jesus Christ còn chết một cách ô nhục trần truồng trên thập tự giá nữa kia. Vậy thì nếu ông có bị chết vào tay người Mỹ, vào tay những bầy tôi của ông thì có gì đáng làm ông thảng thốt mà chẳng bình tĩnh ngồi uống trà như không có gì xảy ra? Ta hãy đọc tiếp nhật ký Đỗ Thọ.

“Tổng thống Diệm đã đem đến cho tôi nhiều ưu tư thương mến. Tổng thống còn cho tôi hiểu rõ được

⁹ S.Đ.D. trang 335.

¹⁰ Xin xem cuối chương 26: Phạm Kim Vinh.

¹¹ Xin xem đầu chương 27. Karnow đã thuật lại lời tổng thống Diệm tiên tri là “Cộng sản sẽ đánh bại chúng ta (phe quốc gia).” trong cuốn “Vietnam, a history”, trang 231-232, nguyên văn: “Summing up the experience, Diem made a prophetic comment at the time: “The communists will defeat us, not by virtue of their strength, but because of our weakness. They will win by default.”

tính vị tha của một kẻ bị phản bội mà tâm hồn vẫn cao thượng.¹²

“Trong giây phút đang viết dòng chữ này, lòng tôi dâng lên tràn ngập. Nước mắt tôi chảy dài trên má. Tôi đau đớn về cái chết, cái buồn tẻ, cái cô quạnh.”¹³

“Tổng thống Ngô Đình Diệm được coi là người dựng cơ đồ lớn lao. Người đã bình định miền Nam được ổn định trong một tình thế thật rối rắm của 1954. Nhưng rồi trong hai vụ binh biến tổng thống Ngô Đình Diệm lại bị những người ông hằng thương yêu rắp tâm hạ bệ và giết chết. Như thế cuộc đời này có nghĩa gì đâu.”

Trung úy Đỗ Thọ trẻ tuổi, chưa vợ con, cuộc đời còn nhiều hứa hẹn. Nhưng ông đã kết thúc nhật ký của mình bằng một nhận xét triết lý đầy ý nghĩa như trên. Phải chăng Đỗ Thọ đã linh cảm thấy mình chẳng còn sống được mấy ngày nữa, hay vì câu kết thúc bi quan này, mà ông đã đi tìm cái chết qua tiềm thức. Bởi vì chẳng bao lâu sau đó Đỗ Thọ đã tử nạn trong một phi vụ gần Đà Nẵng.

¹² Nhật Ký Đỗ Thọ trang 349.

¹³ Ibid.

Chương 26

Phạm Kim Vinh: Ngô Đình Diệm còn vượt xa hơn cả Hồ Chí Minh

Phạm Kim Vinh là cựu sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa, 14 năm quân vụ. Ông cũng là luật sư hội viên luật sư đoàn toà thượng thẩm Saigon. Độc giả các báo *Chính Luận*, *Diều Hâu*, *Phát triển*, *Cao Đẳng Quốc Phòng*, v.v. trước tháng 4 năm 1975 thường biết ông qua bút hiệu Trương Tử Phòng. Sang



Hình: T.L.

Mỹ từ 1975, ông được quyền giảng dạy chính thức tại các trường đại học ở tiểu bang California về báo chí, chính trị, luật pháp. Ngoài ra ông còn làm chủ nhiệm chủ bút nhiều tờ báo và điều khiển những trung tâm chính trị xã hội. Trong vòng 12 năm, từ 1976 đến năm 1988 là năm Xuân Thu cho xuất bản cuốn *Cái chết của Việt Nam*, những trăn

đánh cuối cùng của ông, tính ra ông đã viết tổng cộng 23 tác phẩm trong đó có 6 cuốn bằng Anh ngữ. Tháng tư năm 1997 độc giả ở Úc đã thấy bày bán cuốn *Còn cơ hội nào cho người quốc gia*, tác giả Phạm Kim Vinh.

Cuốn *The politics of selfishness: Vietnam. The past as prologue* được chính tác giả dịch ra Việt Ngữ với tựa đề: *Những bí ẩn về cái chết của Việt Nam, Kissinger trong bầy sập* và do nhà xuất bản Người Việt xuất bản năm 1977 (chỉ 2 năm sau khi cộng sản chiếm miền Nam). Trong tác phẩm hơn 200 trang này tác giả đã nói lên những sai lầm của phe quốc gia và nhất là của báo chí Mỹ có trách nhiệm lớn trong việc làm mất Nam Việt Nam vào tay cộng sản, đồng thời cũng chứng minh tinh thần chiến đấu anh dũng của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Mặc dầu sách của Phạm Kim Vinh ra đời trước cuốn *No more Vietnams* của tổng thống Nixon và cuốn hồi ký *Swords and ploughshares* của tướng M. Taylor nhiều năm, nhưng ông cũng cùng nhận định như hai chính khách này là thất bại một phần do việc lật đổ ông Diệm. Sau đây là một vài đoạn văn trích từ bản Việt Ngữ tác phẩm nói trên:

“Nhưng lợi điểm lớn nhất của miền Nam Việt Nam năm 1954 là có được một lãnh tụ có khả năng và đạo đức tương đương để chọi lại huyền thoại Hồ Chí Minh: Ngô Đình Diệm.”

“Về thành tích chống Pháp, chống Nhật, Ông Ngô Đình Diệm còn vượt xa hơn cả Hồ Chí Minh.”¹

“Critchfield viết rằng năm 1963, khi hay tin ông Diệm

¹ Sdd trang 73. Dĩ nhiên tác giả không có ý nói chống Pháp bằng võ lực, bằng chiến thuật biến người như trong trận Điện Biên Phủ là điều ông Diệm thua ông Hồ rất xa.

bị hạ sát, giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam rất vui mừng nhưng chưa dám tin. Có kẻ còn kêu rằng: “Chuyện ấy tốt quá nên chưa chắc đã là thật.”²

“Người ngoại quốc không thể hiểu nổi rằng cái chết của ông Diệm là một mất mát lớn lao đến như thế nào đối với uy tín của miền Nam tự do.”

“Cabot Lodge: ‘Việt Nam có dư người để lãnh đạo. Chúng tôi không cần ông Diệm.’ Thế rồi sau này cũng những người được ông Lodge trả lời như thế lại được nghe Cabot Lodge nói khác: ‘Thế mà bây giờ chúng tôi lại phải nắm lấy Nguyễn Cao Kỳ’.”

“Chưa hết. Cái chết của ông Diệm còn là cái chết của Việt Nam tự do sau này.”

“Ngay từ cuối năm 1962 ông Diệm đã than với cố vấn binh định của ông là Sir Robert Thompson rằng: ‘Nếu xứ này mất thì đó là tại báo chí Mỹ’.”

“Tháng 9 năm 1963, khi thấy đã hết hy vọng, ông Diệm nói với Thompson: (Ông Diệm mượn lời của vua Louis XV của Pháp) ‘Sau tôi sẽ là trận hồng thủy’ (Après moi le deluge).³

“Đối với Hồ Chí Minh cần trừ ông Diệm thì mới thắng được miền Nam. Mỹ và các nước tự do và hàng ngũ người Việt quốc gia dần dần rơi vào cạm bẫy của Hà Nội. Thật là một thảm kịch của miền Nam sau năm 1954, khi cả hai tôn giáo lớn (Phật Giáo và Công Giáo) đều có phần trách nhiệm nặng trong việc làm sụp đổ chế độ của ông Diệm. Công Giáo ủng hộ quá. Phật Giáo chống đỡ quá.”⁴

² Sdd trang 75.

³ Sdd trang 76-77.

⁴ Sdd trang 81-82. Tác giả nói nhiều và lên án thượng tọa T.T. Quang là người

Trong cuốn “Cái chết của Nam Việt Nam. Những trận đánh cuối cùng”⁵, chương 11, kết luận, ông không những không đả kích chế độ Ngô Đình Diệm là độc tài, mà còn nghi chưa độc tài đúng mức:

“Còn nhớ rằng khi miền Nam V.N. sống dưới chính quyền Ngô Đình Diệm, có những kẻ vì lý do riêng tư, kể cả lý do bị cộng sản đầu độc và thúc đẩy, đã than thở với đám báo chí Mỹ là chính quyền Diệm “độc tài”. Và thế giới Tây phương lại có hiện tượng kỳ quặc là cứ lăm le chỉ trích các chính quyền chống cộng tại thế giới đệ tam là độc tài. Trong khi thế giới ấy (Tây Phương) không bao giờ dám mạnh dạn lên án chính sách phi nhân cùng cực của các chính quyền cộng sản. Một chính quyền chống cộng tại một nước chậm tiến bắt buộc phải hạn chế sự tự do cá nhân ở một mức nào đó, khi chính quyền hợp pháp của xứ ấy đang bị cộng sản mưu tìm sự lật đổ bằng chiến tranh khuynh đảo.”⁶

lãnh đạo các cuộc tự thiêu và xuống đường gây rối của một số Phật tử trong “cuộc khủng hoảng Phật Giáo” ở những trang 83 và 84.

⁵ NXB Xuân Thu, 1988.

⁶ Sđd trang 407

Chương 27

Lời bàn chung

Qua những lời khen tiếng chê của 26 nhân vật thuộc nhiều thành phần và xu hướng khác nhau hy vọng bạn đọc đã có một hình ảnh khái quát về tổng thống Ngô Đình Diệm, tuy không đầy đủ nhưng khá rõ nét. Với những lời mạn bàn vắn tắt, kèm theo một số thông tin giới hạn liên quan đến con người, lập trường và hành động của các tác giả nêu trên, được trình bày trong một số chương, bạn đọc cũng đã có một ý niệm về các tác giả đó và có thể tự đánh giá những lời khen tiếng chê của họ đối với ông Diệm.

Ngoài ra, kèm theo những lời khen tiếng chê dành cho người lãnh đạo quốc gia lúc ấy, cũng có một số thông tin cục bộ về tình hình đất nước ta trong giai đoạn lịch sử từ 1954 đến 1963. Với những thông tin giới hạn đó bạn đọc hẳn cũng thấy được phần nào bối cảnh lịch sử trong đó những lời khen tiếng chê dành cho ông Diệm được đưa ra. Trong chương này, căn cứ vào ý kiến của 26 tác giả nói trên, tôi xin trình bày một cách tổng quát một vài ý nghĩ riêng về 3 điểm:

1. Con người ông Ngô Đình Diệm.
2. Những người khen và những người chê ông Diệm.

3. Tình hình tổng quát trong, trước và sau thời gian ông Diệm cầm quyền.

Thứ nhất. Về ông Ngô Đình Diệm:

Nói chung, phần đông những người chê ông Diệm cũng phải công nhận ông là người ngay thẳng, can đảm, yêu nước, trừ các ông Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi và Sheehan. Nhưng họ cho rằng ông thiếu khả năng hành chính, ôm đồm không chịu ủy quyền cho thuộc cấp, quá lệ thuộc vào gia đình, biến chính quyền của ông thành chế độ gia đình trị, độc tài, chuyên quyền, đàn áp đối lập, kỳ thị tôn giáo và thậm chí các ông Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi, Sheehan còn kết tội ông Diệm bách hại Phật Giáo. Trong số những người chê cũng có người như ông Bernard Fall, Stanley Karnow, Hồ Sĩ Khuê và trung tướng Trần Văn Đôn khen ông Diệm thông minh chịu tìm hiểu sâu xa về đất nước. Ba ông trên đều dùng đến những từ tiên tri, tiên liệu, thấy trước, nói trước để nói về sự sáng suốt của ông trong khi nhìn thời cuộc¹. Ông Hồ Sĩ Khuê và trung tướng Trần Văn

(1) Riêng ông Karnow đã viết nơi trang 231-232, cuốn “Vietnam, a history” như sau: “Thâu tóm kinh nghiệm, ông Diệm đã đưa ra một lời bình luận tiên tri vào lúc ấy: “Những người cộng sản sẽ đánh bại chúng ta, không do họ mạnh, mà vì chúng ta yếu. Họ sẽ thắng vì chúng ta bỏ cuộc.” Nguyên văn: “Summing up the experience, Diem made a prophetic comment at the time: “The communists will defeat us, not by virtue of their strength, but because of our weakness. They will win by default.”

Và cũng chính Karnow khi nói về thái độ của ông Diệm cương quyết bác bỏ hiệp định Genève năm 1954 cũng cho rằng ông Diệm đã tiên tri là hiệp định đó sẽ đưa tới một cuộc chiến tranh chí tử. Ở lần này Karnow đã dùng từ “prescient” thay vì “prophetic”: Sđd trang 221. Nguyên văn: “Diem also rejected the Geneva accords, which put half of Vietnam under Communist control, and he predicted that “another deadly war” lay ahead for Vietnam. His forecast was prescient:

Đôn còn nêu những thành tích to lớn mà ông Diệm đạt được ở nông thôn, và ông được lòng dân như thế nào. Về phía người Mỹ có đại sứ Cabot Lodge, các ông Newman và Schlesinger tuy đứng về phía chê nhưng cũng có những lời khen dè dặt. Ông Bùi Diễm đánh giá ông Diệm như là chính khách sắc sảo tinh khôn. Ông Trương Như Tảng coi ông Diệm như điều bí ẩn, con người huyền bí.^(1bis)

Tất cả những người khen ông Diệm đều cho ông Diệm là người tài trí, đức độ, yêu nước chân thành, cương quyết chống lệ thuộc ngoại bang. Đối với những người này ông Diệm là người chống cộng sản hữu hiệu nhất, có những chương trình cải tiến rộng lớn khiến đất nước phát triển thuận lợi. Về những thành tích trong những năm đầu hầu hết, kể cả những người chê, đều coi ông Diệm như vị cứu tinh của đất nước. Có một điểm mà nhiều người khen ông Diệm cũng phê bình ông là quá nặng tình cảm gia đình để cho anh em làm hỏng việc lớn của ông. Những người khen ông Diệm đều bác bỏ hoàn toàn luận điệu của những người chê cho rằng ông đàn áp Phật Giáo. Theo họ những xáo trộn chính trị mùa hè năm 1963, được mệnh danh là cuộc khủng hoảng Phật Giáo - phát xuất từ một lỗi nhỏ của phủ tổng thống liên quan đến vấn đề treo cờ tôn giáo và thể thức treo cờ tôn giáo nói chung - là do mưu đồ chính trị hoàn toàn chứ không phải vấn đề tôn giáo.

Qua các chương 6, 12, 15, 17, 18, bạn đọc hẳn đã thấy ông Diệm được dân quê thương mến. Chính những người

after eight years of conflict and four hundred thousand soldiers and civilians dead, the agony was far from finish.”

(1bis) Trong hồi ký “In Retrospect” (trang 42) ông McNamara cũng nói ông Diệm là một bí ẩn (an enigma) đối với ông.

chỉ trích ông Diệm như Trần Văn Đôn, Hồ Sĩ Khuê, Dương Văn Minh lại là những người không thể phủ nhận dân quê kính trọng ông Diệm. Mà dân quê là đa số, tuyệt đại đa số, vì 85 phần trăm người Việt Nam thời đó sống ở nông thôn. Cũng vì vậy ông Diệm chú trọng đặc biệt tới các chương trình “khu trừ mật”, “dinh điền” và Ấp Chiến Lược. Trong tác phẩm *When Heaven and Earth changed places*² tác giả Le Ly Hayslip, một cựu cán bộ giao liên Việt Cộng, cũng phải nói đến những người lính quốc gia khá ái, ban ngày thì đi làm ruộng giúp dân, ban đêm thì thức canh cho dân ngủ bình yên không bị cộng sản khuấy nhiễu. Bà cũng thuật lại việc bà Ngô Đình Nhu đích thân đến một ấp gần Đà Nẵng để tổ chức thiếu nữ và phụ nữ cộng hòa nhằm bảo vệ xóm làng khỏi sự khủng bố của cộng sản. Hai việc trên gián tiếp chứng minh chính quyền Ngô Đình Diệm thực lòng lo cho dân quê. Cho nên người dân nào không bị cộng sản tuyên truyền lừa bịp ắt thương ông Diệm. Nhưng những sự việc đó không được báo chí Mỹ quảng bá.^{2bis}

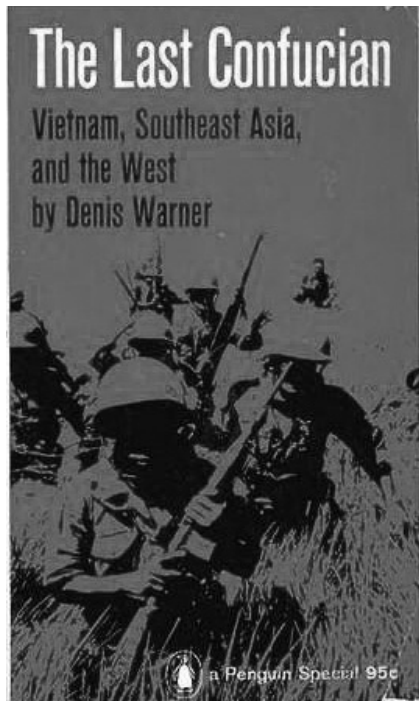
² Tạm dịch: “Khi trời đất đổi ngôi”, nhà xuất bản Double Day, New York, May 1989. Trang 33 và 34.

^{2bis}. Francis X. Winters trong tác phẩm “Năm Con Mèo” đã khám phá ra một công điện của đại sứ Cabot Lodge đánh về Hoa Thịnh Đốn ngày 30 tháng 8 năm 1963 trong đó có nguyên văn lời đại sứ Pháp Roger Lalouette nhận xét về ông Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu như sau: “Diem has a steadfastness and determination which is rare in Asia and is valuable. In many ways he is the best chief of state in South East Asia. His weakness is that he is not a political leader, cannot make speeches, cultivate the press, etc. He is much better with Nhu than without him. Nhu is efficient and intelligent. The war against the Viet Cong can be won with Diem administration in office.” Tạm dịch: Ông Diệm có đức tính kiên định và quả quyết là điều hiếm có ở Á Châu và điều đó rất đáng quý. Về nhiều mặt ông ta là vị quốc trưởng tốt nhất ở Đông Nam Á. Nhược điểm của ông ta là ông không phải thủ lãnh chính trị, không biết ăn nói trước quần chúng và gây

Một số nhà báo, sử gia và chính khách ngoại quốc gọi ông Diệm là ông quan. Có người, như đại sứ Nolting, thích cái tính quan cách của ông Diệm, vì thấy trong con người ông có những đức tính cao quý của một nhà nho đã được rèn luyện để cầm quyền. Bà Marguerite Higgins thì gọi ông Diệm là ông quan bị hiểu lầm, cũng ngụ ý ông Diệm là một nhà cầm quyền theo đạo lý của nhà Nho, và còn nhận xét ông là một nhà Nho hơn là một tín đồ Công Giáo. Có người, như nhà báo trở thành sử gia Karnow, khi gọi ông Diệm là ông quan là ngụ ý quan lại, thu lại, thiếu sáng kiến, thiếu tính cách mạng cần thiết trong cuộc chiến tranh chống cộng. Cũng có người như sử gia Úc Denis Warner gọi ông Diệm là “Nhà Nho Cuối Cùng”, cho rằng ông thấm nhuần tinh thần Nho Giáo (Tức Khổng Giáo), lấy Đức trị dân.

Cũng có người lên án ông Diệm là bất trung, đã là nhà Nho mà không giữ câu “Trung thần bất sự nhị quân” theo đạo

cảm tình với báo giới. Có ông Nhu bên cạnh thì tốt cho ông ta nhiều hơn là không có ông Nhu. Nhu là người thông minh và đặc lực. Chiến tranh chống cộng có thể thắng với chính quyền Diệm tại chức.” (Sđd trang 75)



Nhà nho cuối cùng. Hình: T.L.

Tam Cương (Quân thân, Phu phụ, Phụ tử), Ngũ Thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín), lật ông Bảo Đại (trong cuộc trưng cầu dân ý 1955). Nhưng những người hiểu Nho Giáo hơn thì cho rằng Mạnh Tử đã dạy “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, thì nếu ông Diệm vì dân vì nước mà lật ông Bảo Đại thì không đáng trách. Có lẽ chính ông Bảo Đại, đã từng là một quân vương, và cũng đã đọc kỹ Mạnh Tử, cũng thông cảm cho ông Diệm, nên mới có thái độ và lời nói như đã trình bày ở cuối chương 1. Và lại lúc ấy ông Bảo Đại không còn là vua nữa, sau khi tuyên bố: “thà làm dân một nước độc lập” ngày 25 tháng 8 năm 1945.

Để đánh giá những lời khen tiếng chê một người tướng cũng nên đưa ra một tiêu chuẩn luân lý cơ bản là trên đời này không ai hoàn toàn cả (nhân vô thập toàn). Một vị lãnh đạo quốc gia càng không thể hoàn toàn. Như ông Nixon đã nói: “Mọi lãnh tụ đều phạm lỗi lầm.” Vì vậy khen mà bảo cái gì ông Diệm làm cũng tốt cả là không đúng. Thời xưa có người nói “vào một làng mà nghe ai cũng khen ông trưởng làng thì phải xét lại. Vào một làng khác thấy ai cũng chê ông trưởng làng, cũng phải xét lại. Ông trưởng làng nào có người khen mà cũng có người chê đó là ông trưởng làng tốt.” Điều đó chứng tỏ không ai có thể làm vừa lòng mọi người.^{2ter}

Tốt là tương đối với cái không tốt bằng, hay với cái xấu hơn. Một lãnh tụ quốc gia khi còn tại chức trong nhân dân

^{2ter} Tuy nhiên cũng có người như Dennis J. Duncanson cho rằng thật hiếm khi nghe có ai nói xấu về cá nhân ông Diệm. (Government and revolution in Vietnam, trang 210 và 211. Nguyên văn: “Ngô Đình Diem was a likeable man, perpetually good humoured; although his policies have been universally condemned, it was rare to hear anyone speak ill of him personally.”)

có người cho là tốt, có người cho là xấu. Nhưng khi ông ta chết rồi, so sánh với những người kế vị thấy những người sau này xấu hơn mới nhận ra người trước là tốt. Một điều khác cũng quan trọng để đánh giá lời khen tiếng chê đó là tư cách của người khen hay chê, quan niệm của họ về những vấn đề liên hệ và lý do, hoàn cảnh trong đó phát xuất lời khen, tiếng chê. Ví dụ một người không biết gì về hội họa mà chê một tác phẩm hội họa thì dĩ nhiên lời chê không đáng tin bằng của một người trong nghề hay am tường về hội họa. Phê bình một thủ lĩnh chống cộng mà không hiểu bản chất cộng sản, không am tường các phương pháp đấu tranh của cộng sản thì làm sao khỏi lầm. Hơn nữa tính lương thiện, lòng tự ái, thái độ và mục đích chạy tội v.v. của một số tác giả đều có ảnh hưởng đến lời khen hay tiếng chê của các vị đó. Vì vậy cũng cần xét về con người và hoàn cảnh cũng như lý do của những lời khen tiếng chê nữa. Đôi khi qua tiếng chê của một người ta còn có thể đánh giá con người đó.

Thứ hai: Về tác giả những lời khen tiếng chê

A. Trong số những người khen tổng thống Diệm, trước hết có nhà cách mạng Phan Bội Châu. Lời khen của ông: “Ngô Đình Diệm là chí sĩ, vĩ nhân” được nói lên nhân lúc thấy ông Diệm không màng danh lợi chức tước, không sợ nguy hiểm, từ chức để tỏ thái độ không hợp tác, chống đối chính quyền thực dân. Lời khen đó cũng chỉ có giá trị lúc ấy và trong hoàn cảnh ấy. Tiếc rằng chí sĩ Phan Bội Châu không sống thêm hơn hai chục năm nữa để phê phán việc ông Diệm làm trong những năm ông cầm quyền và cử chỉ không khuất phục của ông Diệm trước người Mỹ.

Thứ đến là ông Bảo Đại, người đã mời ông Diệm làm thủ tướng, rồi bị truất phế trong thời gian ông Diệm cầm quyền, mà nhiều người cho rằng ông Diệm đã phản bội đích thân tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để truất phế quốc trưởng của mình mà mình đã thể trung thành phục vụ. Ai cũng nghĩ chắc ông Bảo Đại phải thù ghét hay khinh miệt ông Diệm. Nhưng trái lại, 17 năm sau khi ông Diệm mất, ông Bảo Đại vẫn giữ sự quý mến dành cho ông Diệm từ trước. Vẫn gọi ông Diệm là người “thông minh liêm khiết”, và là “người yêu nước, chết trong khi thi hành nhiệm vụ” bảo vệ tổ quốc. Ông cũng xác nhận ông Diệm không thể với ông, cũng không thể trung thành đối với ông. Mà là thể trước tượng Chúa, thể trung thành với tổ quốc. Vì vậy, dù có bị truất phế bởi ông Diệm chăng nữa, nếu việc truất phế đó sau này chứng tỏ là đúng đắn thì ông đành chấp nhận. Ngay thời gian đó có thể là khó chấp nhận. Nhưng sau này, sau bao nhiêu biến cố xảy ra, nếu có chút lòng thương dân ắt phải nhận ra rằng bị truất phế để cho một người khác có khả năng và hoàn cảnh thuận lợi hơn lo việc nước thì càng tốt. Đó là thái độ của một người yêu nước, của một người độ lượng, của một người quân tử. Tuy ở vào hoàn cảnh khó khăn, ông không làm được gì nhiều cho dân cho nước như ông mong muốn. Nhưng ông đã sống và hành động với tấm lòng quảng đại. Nên tuy không phải là một minh quân, nhưng cũng không ai nỡ gọi ông là hôn quân. Tuy ông không cứu được nước. Nhưng cũng không ai bảo ông bán nước.

Các ông Cao Thế Dung, Phạm Kim Vinh là hai nhà báo, nhà giáo, và sử gia, tuy không có ý bênh vực nhà Ngô, vì trong các tác phẩm của các ông cũng có những lời phê

bình chế độ Ngô Đình Diệm, nhưng cũng đã khen ông Diệm ở nhiều điểm.

Sau hết trong số các tác giả người Việt khen ông Diệm nhiều nhất và quả quyết với bằng chứng rằng ông Diệm đã chết vì bảo vệ chủ quyền Việt Nam là trung úy Đỗ Thọ và tiến sĩ sử gia Hoàng Ngọc Thành. Các chương 21, 23 đã nói rõ điều đó.

Về phía người Mỹ 3 vị tổng thống đã khen ông Diệm. Ông Eisenhower và ông Johnson khen ông Diệm lúc ông này đang thành công. Có người cho rằng nếu biết trước ông Diệm về sau thất bại như vậy chắc hai ông không khen mạnh đến thế. Nhưng như hồi ký của tổng thống Johnson và đại sứ Nolting cho biết thì lâu sau khi ông Diệm chết, hai vị tổng thống này, nếu không thương tiếc vì cảm mến ông Diệm, thì cũng lấy làm tiếc và tự trách chính phủ Mỹ đã nhúng tay vào cuộc đảo chính và cái chết của ông Diệm, lời theo sự thất bại của một đại cường chưa bao giờ biết bại là gì. Còn ông Nixon chỉ gặp ông Diệm một lần trong khi làm phó cho Tổng Thống Eisenhower, nhưng cũng tỏ ra quý trọng ông Diệm. Và sau khi ông Diệm chết rồi, thất bại rồi, vẫn khen ông không tiếc lời. Tuy ông Nixon cũng có chê ông Diệm nhưng trong cái chê đó có ngụ ý chê chính phủ Mỹ nhiều hơn. Ông bảo ông Diệm quá tin tưởng ở đồng minh của mình, và tưởng không ai thay thế mình được. Lại có người sẽ bảo ông Nixon người đảng Cộng Hòa, nên bênh ông Diệm để hạ uy tín đảng Dân Chủ. Nhưng nếu ông Diệm là người tầm thường thì việc gì một tổng thống đại cường lại phải hạ mình bênh vực để làm mất uy tín của dân tộc mình, khi ông Diệm đã chết rồi và lúc ấy đang bị nhiều người chỉ trích, lên án.

Ngoài 3 vị tổng thống ra, trong số người Mỹ khen ông Diệm còn phải kể đến tướng Maxwell Taylor và đại sứ Frederick Nolting. Tướng Taylor tuy chỉ gặp tổng thống Diệm vài lần nhưng cũng nhận thấy ông Diệm là nhà lãnh đạo tài ba và cương quyết. Hình ảnh cái nắp hộp Pandora theo thần thoại Hy Lạp được ông dùng để so sánh với ông Diệm đã nói lên hết sự cảm phục của ông.

Còn đại sứ Nolting thì là người đã có rất nhiều dịp gần ông Diệm trong các cuộc hội đàm, thương thuyết, và trong các chuyến đi kinh lý, đã hiểu được phần nào con người, tính tình ông Diệm và nhất là lập trường của ông Diệm, ý nghĩa của từng chính sách ông Diệm thực hiện tại nông thôn nhằm nâng cao mức sống người dân quê là thành phần chiếm 85 phần trăm dân số lúc ấy. Cho nên mặc dù thấy ông Diệm là người khó thuyết phục và khó thương thuyết có lợi cho phía Hoa Kỳ, vẫn phải nhận rằng ông Diệm có lý và hành động đúng, nếu chưa thành công là vì trở ngại, khó khăn quá lớn, chứ không phải vì chính sách sai hay vì không biết làm việc. Chỉ vài tháng sau khi ông Diệm bị hạ và bị sát hại, ông Nolting đã từ chức để nói lên sự bất đồng ý của ông đối với chính sách của chính phủ Mỹ đối với chính quyền của tổng thống Diệm. Ngoài ra, một phần cũng vì ông đã tiên liệu được những gì còn tai hại hơn gấp bội sẽ xảy ra sau này.

Sau hết còn hai người nữa cũng hoàn toàn khen và bênh vực ông Diệm là ông Colby và nữ ký giả Marguerite Higgins. Ông Colby tuy không có dịp gần ông Diệm nhiều như ông Nolting nhưng nhìn rõ thực trạng miền Nam Việt Nam và có vẻ cũng thông cảm với lập trường và cách thức làm việc của ông Diệm, nên đã nhìn nhận ông Diệm là nhà

độc tài nhưng cho là đó là thứ độc tài chấp nhận được vì là một thứ độc tài có hảo ý, và đành phải chấp nhận do tình trạng chiến tranh đang xảy ra thực sự giữa hai phe quốc gia và cộng sản. Tình trạng chiến tranh đó, có hiểu được cộng sản và các phương pháp cùng chủ trương chiến tranh toàn bộ của cộng sản thì mới thấy nó thực sự đang diễn ra và diễn ra một cách nguy kịch như thế nào.

Trong khi đảo chính diễn ra một nhân viên CIA là trung tá Lou Conein luôn có mặt tại phòng họp của các tướng chủ mưu khiến nhiều người trách Colby sao để đàn em dính líu vào việc lật đổ ông Diệm. Vì vậy ông đã phải cố gắng trưng dẫn nhiều bằng chứng và lý lẽ để chứng minh rằng theo chính sách của tòa Bạch Ốc lúc ấy các nhân viên CIA ở Nam Việt Nam đã được đặt hoàn toàn dưới sự điều động trực tiếp của đại sứ Cabot Lodge. Tiếc rằng lúc đó người kế nhiệm ông Colby ở Saigon là John Richardson rất có thể lực và am hiểu tình hình Việt Nam lại nhiệt thành ủng hộ ông Diệm đã bị ông Lodge tìm cách thuyết chuyển về Hoa Thịnh Đốn.

Nữ ký giả Mỹ Marguerite Higgins cũng bênh vực lập trường của ông Diệm. Bà đã nhiều lần đến Việt Nam (cho tới 1963 là 7 lần), lại được tiếp xúc nhiều với ông Diệm và dân chúng, nhất là nông dân, và trong tháng tám là tháng các cuộc rối loạn xảy ra trầm trọng nhất lại chính là lúc bà sang Việt Nam với nhiệm vụ tìm hiểu về thực chất của những vụ chống đối chế độ, và ở lại cả tháng trời đi khắp nơi, chứng kiến tận mắt những hoạt động của phe chống đối do một số thượng tọa, đại đức lãnh đạo. Vì vậy bà hiểu được rằng những cuộc chống đối đó không do ông Diệm đàn áp Phật giáo, mà đích thực chúng có mục đích

chính trị. Ông Đỗ Mậu cho rằng rất có thể bà bị nhà Ngô mua chuộc và “tiêm cho những tài liệu thất thiệt” để bà viết. Nhưng đã không trưng được bằng chứng về sự mua chuộc đó. Ông Đỗ Mậu cũng bảo bà rất đẹp và kêu gọi đã từng là tình nhân của nhiều tướng lãnh khác, hàm ý rằng các tướng Harkins và Krulak, là hai tướng rất ủng hộ ông Diệm, đã bị bà ảnh hưởng sao đó. Đỗ Mậu có chỗ bảo ông ta không thèm trả lời những người đem đòi tư ông ra phê bình. Có lẽ bà Higgins, chết từ hồi 1966, cũng không thèm đối đáp với ông Đỗ Mậu làm chi.

B. Về phía chê, Trước hết phải kể hai tướng Đỗ Mậu và Nguyễn Chánh Thi là hai người chẳng những chê mà còn lên án, kết tội nặng nề ông Diệm, không thiếu tội gì. Rồi đến các tướng Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, và ông Bùi Diễm, là ba người tuy có chê nhưng cũng có khen, nhất là ông Đôn khen có lẽ nhiều hơn chê. Cả 5 vị này đều tham gia đảo chính lật ông Diệm. Ông Thi tham gia đảo chính hệt. Như đã thấy ở các chương trên liên quan tới từng người, mỗi người có một cách phê bình hay kết tội ông Diệm khác nhau. Nhưng tựu trung những người đã trót tiếp tay ngoại bang lật ông Diệm thì không thể nào lại nói ông Diệm không có tội được.

Khi đọc các lời chê trách của 5 vị trên kết tội ông Diệm để chạy tội của mình, tôi có nhận xét như thế này: 3 ông: Kỳ, Đôn, Diễm lúng túng; ông Thi hốt hoảng; còn ông Đỗ Mậu thì cuống cuống, y hệt người quản trí vừa la hét vừa đâm ngực thành thành.

Bạn đọc nếu có thì giờ thử đọc thật kỹ tác phẩm của ông Đỗ Mậu rồi so sánh đối chiếu từng trang từng đoạn với nhau và với các tài liệu khác xem có cảm nghĩ giống

tôi không. Nhất là hãy lưu ý đến những đoạn ông Đỗ Mậu cố biện minh cho TT T.T. Quang, đến nỗi phải đả kích cả hòa thượng Thích Tâm Châu (một giới chức Phật Giáo cao cấp, nổi danh chẳng những trong nước mà còn cả thế giới nữa.)

Điều khiến người đọc phải ngạc nhiên là ở một vài chỗ, chính trong khi ngụy biện để bênh vực thượng tọa Thích Trí Quang, ông đã hớ hênh và vụng về gián tiếp kết án chính vị thượng tọa mà ông đề cao như thần tượng này. Ông chỉ trích các nhóm sinh viên quá khích ở Huế và các nhóm Lập Trường, hội đồng Nhân Dân Cứu Quốc mà ông bảo là TT T.T. Quang phát động và điều khiển nhưng “đã không nắm vững” để cho họ “vọng động, xuẩn động.” Đọc kỹ các trang 702, 703 và 704 bạn đọc sẽ thấy rõ điều đó.

Ông cũng chẳng những đả kích Giáo Hoàng La Mã là người mà các lãnh tụ Đông Tây, Tự Do hay Cộng sản đều phải kính nể, mà còn điên cuồng đả kích toàn thể giáo hội Thiên Chúa Giáo hoàn vũ, một tập thể tuy không có sức mạnh quân sự, nhưng có một sức mạnh tinh thần vô song dựa trên niềm tin của cả tỷ người được tổ chức chặt chẽ.

Khi ông lên án hay chê trách hội đồng quân nhân cách mạng hay chính phủ Nguyễn Ngọc Thơ và chính phủ Nguyễn Khánh chính là lúc ông đâm vào ngực ông, vì chính ông cũng nắm trọng trách trong hội đồng và chính phủ đó. Đâm ngực cũng là một hình thức ăn năn hối lỗi. “Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi mọi đường.” Ước mong có lúc ông Đỗ Mậu cũng viết được mấy hàng ăn năn trước khi chết giống cựu đại sứ Cabot Lodge, như đã nói ở chương 18.

Đại tướng Dương Văn Minh, người đứng đầu các tướng đảo chính, cho đến nay vẫn im lặng. Dĩ nhiên ông có lý của

ông khi chủ trương lật ông Diệm. Nhưng câu nói của ông mà tổng thống Nixon, bộ trưởng quốc phòng McNamara và ông Trần Văn Hương nhắc lại chứng tỏ ông ghét nhưng rất sợ ông Diệm. Trong cuốn “In Retrospect”³ ông McNamara, bộ trưởng quốc phòng trong chính quyền Dân Chủ Kennedy và Johnson viết: “Khi tướng Đôn, một trong những thủ lĩnh đảo chính hỏi Minh: “tại sao hai ông ấy chết?” thì Minh đáp: “Thì đã sao?” Mấy tháng sau Minh bảo một người Mỹ: “Chúng tôi không có cách nào khác. Họ phải chết. Không thể để Diệm sống được, vì ông ta được những dân quê bình thường, khờ dại ở thôn quê quá kính phục.”

Trong số những người chê về phía Việt Nam còn hai ông Hồ Sĩ Khuê và Trương Như Tảng. Có lẽ cả hai ông đều nhận thấy ông Diệm là người khó hiểu. Ông Tảng thì đã hai lần nói lên điều đó một cách minh thị. Còn ông Khuê thì gián tiếp nói lên cảm nhận của mình cũng tương tự như của ông Tảng, khi ông lúng túng và mâu thuẫn trong lập luận của ông về ông Diệm, điển hình là câu “Ông Diệm yêu nước... nhưng không yêu dân, mà chỉ bắt dân phải yêu ông.” Có lẽ ông Diệm đối với ông Khuê quá phức tạp, nên trong những lời chê ông Diệm lại hàm ý khen và trong khi chê ông lại xen vào những câu khen đứt lưỡi như đã được dẫn chứng ở chương 12.

Về phía Mỹ có 4 người chê ông Diệm, trong đó nhà báo Sheehan là chê nặng nhất. Còn Karnow tuy chê nhiều nhưng vẫn có phần dè dặt và cũng phải nhận ông Diệm là người yêu nước, can đảm và ngay thẳng; và có chỗ khen

³ Tạm dịch: “Nhìn lại” NXB Random House inc. New York, 1995. Trang 84.

ông tiên tri được là “phe quốc gia sẽ thua”⁴. Một lời tiên tri bất hạnh cho cả dân tộc Việt Nam.

Sử gia Newman, dựa vào tài liệu của các nhà báo ghét ông Diệm là chính nên cũng chê ông Diệm, nhưng không nhiều và gắt gao như Sheehan. Ông cũng trung thực thuật lại những gì các ông Cabot Lodge, Hilsman và Harriman làm trong những tháng 8 và tháng 10 năm 1963 liên quan đến âm mưu của bộ ngoại giao Mỹ nhằm lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, khiến từ đó có thể thấy được bằng chứng là cuộc đảo chính do chính quyền Kennedy chủ xướng và bật đèn xanh cho các tướng lãnh bất mãn thi hành.

Cuối cùng là ông Shlesinger phụ tá đặc biệt của tổng thống Kennedy chê ông Diệm một cách dè dặt bằng cách thuật lại những sự việc xảy ra trong những năm 1962 và 1963 tại Việt Nam theo luận điệu của báo chí lúc ấy phân lớn do những nhà báo trẻ không hiểu nhiều về chính trị cũng như cuộc chiến tranh chống cộng. Tuy nhiên ông cũng khen một cách dè dặt là ông Diệm “có vẻ là người ngay thẳng và cương quyết, tận tâm và liêm khiết.”

Thứ ba: Về tình hình thế giới và tình hình Việt Nam trong, trước và sau thời gian ông Ngô Đình Diệm cầm quyền, xin tóm lược những điểm chính

Khi thế chiến II kết thúc vào tháng 8 năm 1945 với hai quả bom nguyên tử thả xuống Nagasaki và Hiroshima, chính là lúc khởi sự thế chiến III (theo quan niệm chiến tranh toàn bộ, toàn diện và chủ trương “trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”^{4bis} của Mao Trạch Đông).

(4) Xem chú thích số (1)

(4bis): Đây là nhan đề của một cuốn sách do Trường Chinh phóng tác theo cuốn “Trì Cúu Chiến Luận” của Mao Trạch Đông.

Liên Xô dưới quyền độc tài sắt máu của Stalin, trong thế chiến II đã cùng với phe Đồng Minh đánh Đức Quốc Xã, bỗng trở thành địch thủ của Đồng Minh và thế giới Tự Do sau khi thế chiến II kết thúc.

Trong khi nhân dân các nước đồng minh không thể ngờ được là chiến tranh đang xảy ra, Liên Xô, không tuyên chiến, đã dần dần thôn tính các nước lân bang từ Estonia, Lithuania, Latvia, rồi Moldavia, Mongolia, Albania, Poland, Bulgaria, Romania, Czechoslovak, Hungary, Đông Đức, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên phần lớn không phải bằng súng đạn mà bằng các nhóm đối lập, các đảng cộng sản, với phương tiện và hình thức chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng, chiến tranh toàn bộ(23), nghĩa là bằng tất cả các hình thức khuynh đảo: tuyên truyền, vận động, tình báo, phá hoại, chiến tranh chính trị, chiến tranh tâm lý, chiến tranh ngoại giao, v.v.

Cuộc đại chiến là có thực, trong đó “mỗi ngòi bút là một sư đoàn” hoàn toàn phải tuân lệnh vị tư lệnh là đảng cộng sản. Phần nhiều người ta gọi cuộc chiến tranh đó là chiến tranh lạnh, vì hầu như không có đổ máu. Và vì gọi nó là lạnh nên phía đồng minh và thế giới tự do không thấy được sự tai hại của nó. Quần chúng nhân dân và các cơ quan truyền thông trong thế giới tự do không cảm thấy và không tin là thực sự có chiến tranh giữa hai khối Đông và Tây, hay chính xác hơn giữa cộng sản, tự mệnh danh là phe “Xã Hội Chủ Nghĩa”, và thế giới tự do mà cộng sản gọi là phe “đế quốc tư bản.” Trong khi Liên Xô chủ trương một cuộc chiến tranh toàn bộ mà họ mệnh danh là chiến tranh giải phóng, chiến tranh nhân dân, họ tư duy, hành động, vận động, quảng bá trong bối cảnh chiến tranh thực sự và

toàn bộ, toàn diện, để đạt được mục tiêu thấy “ngọn cờ đỏ bay phấp phới khắp 5 châu”, như Khrushchev tuyên bố vào đầu thập niên 1960, dưới chiêu bài giải phóng các dân tộc.

Ngày nay sau khi khối cộng sản Đông Âu cùng với Liên Xô tan rã, chiến tranh lạnh coi như đã kết thúc, nhắc lại “thế chiến III”, có người cho là tưởng tượng. Nhưng nếu ta tự đặt mình vào địa vị các nhà lãnh đạo thế giới tự do trong những năm đầu liền sau khi thế chiến II kết thúc và nhìn kỹ vào bản đồ thế giới trong đó càng ngày thế lực của Liên Xô càng mở rộng, cứ một vài năm hay mấy tháng lại có một quốc gia rơi vào vòng ảnh hưởng của Liên Xô (cho đến cuối thập kỷ 50 một phần ba thế giới đã thuộc về khối cộng và năm 1957 Liên Xô đã đi trước Mỹ phóng được vệ tinh đầu tiên của nhân loại lên không gian, vệ tinh Sputnik,) thì ắt phải nhìn ra hiểm họa của siêu cường này đối với nhân loại.

Vì Liên Xô chủ trương chuyên chính vô sản, dưới chiêu bài quốc gia, dân tộc, chiêu bài giải phóng giai cấp bị trị, giai cấp bị bóc lột, cho nên đại đa số nhân dân trên thế giới là người nghèo, người bị trị, có khi còn bị bóc lột nữa, dễ hưởng ứng.

Mà không cứ dân nghèo, dân ít học. Ngay những lớp thanh niên trí thức đầy nhiệt huyết cũng tán thành, ủng hộ chủ trương “giải phóng” của Liên Xô, như Allen Dulles, giám đốc CIA dưới thời tổng thống Eisenhower đã biểu lộ sự lo lắng trong bài “Muốn thắng cộng sản trước hết phải hiểu cộng sản” phổ biến vào đầu năm 1961⁵. Những

⁵ Nguyệt san *Reader's Digest* tháng 4, 1961.

chính trị gia và các nhà ngoại giao tinh tế của Hoa Kỳ như Roosevelt, Truman, Eisenhower, hay Marshall, Acheson, Foster Dulles nhờ những tin tức tình báo được phân tích, tổng hợp một cách khoa học dưới sự điều khiển của những thiên tài tình báo như Allen Dulles đã sớm khám phá ra âm mưu bá chủ của Liên Xô.

Với chính sách tàn bạo của Stalin, và chủ trương độc tài, chuyên chính, với nguyên lý “cứu cánh biện minh cho phương tiện”, cùng những phương pháp hành động tàn bạo, dã man như được thực hiện ở Liên Xô vào thời gian đó, nhân loại sẽ ra sao nếu Liên Xô bá chủ hoàn cầu? Hiểm họa của một Hitler vừa qua thì hiểm họa của một Stalin đã ập tới. Các chương trình viện trợ, kế hoạch Marshall, những hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á (SEATO), hiệp ước phòng thủ Trung Đông (CENTO) đều nhằm mục đích ngăn chặn làn sóng đỏ.

Mỹ can thiệp vào Việt Nam trong những năm 50 cũng vì lý do đó và trong bối cảnh đó. Mỹ không có ý định xâm chiếm Việt Nam làm thuộc địa giống Pháp, như cộng sản Việt Nam thường tuyên truyền trong đám dân quê để bắt họ hy sinh chiến đấu chống chế độ miền Nam trong những năm 50 và đầu thập niên 60.

Chẳng những thế trong những năm đầu thập niên 40 người Mỹ đã từng có lúc tìm cách giúp Việt Nam thoát ách đô hộ của người Pháp. Nếu ông Hồ không quá lệ thuộc vào Liên Xô, hay nếu ông ấy qua mặt được Mỹ, thì có thể đã được Mỹ ủng hộ. Trung tá Lou Conein (nhân viên CIA đại diện cho đại sứ Lodge luôn luôn ở bên cạnh các tướng lãnh đảo chính ở ngay bộ tổng tham mưu trong ngày đảo

chính 1963), đã từng là một trong những người Mỹ trong tổ chức OSS, tiền thân của CIA, tiếp xúc với nhóm ông Hồ Chí Minh để giúp đỡ, tìm hiểu và khai thác các tin tức về quân Nhật lúc ấy đang chiếm đóng Việt Nam.

Nhưng khi đã rõ căn cước và lý lịch của ông Hồ và đồng đảng, người Mỹ đã lánh xa ông ta và quay sang giúp phe quốc gia dưới sự lãnh đạo của cựu hoàng Bảo Đại chống lại ông Hồ và đảng của ông.

Tiếc rằng phe quốc gia lúc ấy quá yếu, phải dựa hoàn toàn vào Pháp. Pháp thì hầy còn ngoan cố, tham lam, không chịu trao trả độc lập cho phe quốc gia. Bởi thế những người đứng trong hàng ngũ phe quốc gia lúc ấy bị mang tiếng là tay sai của Pháp. Mỹ lại viện trợ cho phe quốc gia qua Pháp, cho nên cũng bị ghép tội ủng hộ thực dân Pháp. Chính quyền Bảo Đại lúc ấy ngoài những nhân vật thân Pháp hay đã từng được đào tạo bởi Pháp còn gồm cả những đảng viên Đại Việt, Việt Quốc và Việt Cách.

Thành phần này đã mất nhiều uy tín do việc nghe lệnh các tướng Tàu như Tiêu Văn, Lư Hán tham gia chính phủ liên hiệp của ông Hồ Chí Minh và nhận ngôi vào một số ghế không do dân bầu trong quốc hội đầu tiên⁶. Các ông Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam tham gia chính phủ Liên Hiệp cũng chứng tỏ sự thiếu thận trọng và cả nghe của những người đại diện cho phe quốc

(6) Tướng Lư Hán chỉ huy đoàn quân “Tàu Phủ” sang miền Bắc Việt Nam để giải giới quân Nhật thua trận. Ông ta đã ăn tiền đút lót của ông Hồ trích ra từ số vàng do nhân dân trong nước cúng vào quỹ cứu quốc trong “tuần lễ vàng”, rồi cố thuyết phục các nhà lãnh đạo Việt Quốc (Việt Nam Quốc Dân Đảng), Việt Cách (Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội) ủng hộ ông Hồ bằng cách tham gia chính phủ liên hiệp.

gia lúc ấy. Chỉ có ông Diệm thoát, như ông Hồ Sĩ Khuê đã phải công nhận và nói thái độ của ông Diệm lúc ấy chứng tỏ là người can đảm, đầy kinh nghiệm chính trị, hơn hẳn cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Những người chống đối cho rằng ông Diệm không có công gì trong công cuộc kháng chiến giành độc lập, không thể so sánh với ông Hồ. Họ còn bảo “ông Diệm được Mỹ bổng lên đặt vào ghế thủ tướng hồi 1954.” Nhưng nếu xét kỹ mục tiêu và hình thức tranh đấu và hiểu rõ cái lợi cái hại của hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, thì phải nhận rằng không cần dùng tới võ lực mà đạt được mục tiêu chính trị thì vẫn hơn chứ. Tại sao trong vòng 15 năm từ 1945 đến 1960 hơn 3 chục nước Á, Phi, từ Ấn Độ, Phi Luật Tân, Miến Điện, Nam Dương, Mã Lai đến Lybia, Ghana, Madagascar, v.v. không phải đổ máu, hay chỉ phải tranh đấu trong một thời gian ngắn cũng giành được độc lập, trong khi ông Hồ lôi toàn dân vào một cuộc chiến không cần thiết ròng rã 30 năm trời với 2 triệu người chết?

Hành động rũ áo từ quan của ông Diệm năm 1933 cũng là một hình thức đấu tranh đòi phải có lòng dũng cảm. Hành động từ chối lời mời của Nhật và Bảo Đại tham gia chính phủ Trần Trọng Kim cũng là một hình thức đấu tranh chính trị. Và sự khước từ có tính cách thách đố trước lời mời của ông Hồ cũng là một cách bày tỏ thái độ đấu tranh.

Không phải ông Diệm chỉ có những hành động đấu tranh tiêu cực như vừa kể. Sau khi rũ áo từ quan ông đã tiếp tục sự nghiệp của cụ Phan Bội Châu, lợi dụng thế lực của người Nhật đang lên tìm cách đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về nước thay thế vua Bảo Đại lập lên một chế độ quân chủ lập hiến. Nhưng người Nhật chỉ muốn trao

độc lập cho vua Bảo Đại để dễ bề chi phối và mời ông Diệm tham gia chính phủ Trần Trọng Kim. Dĩ nhiên ông không nhận, mặc dù biết rằng làm thế cũng là một hình thức thách đố người Nhật.

Trong khi ông Bảo Đại và các đảng phái quốc gia dựa vào đoàn quân viễn chinh Pháp để chiến đấu chống cộng thì ông Diệm đi tìm một thế đứng khác. Chọn lựa của ông Diệm không chỉ vì những nguyên lý đạo đức mà, quan trọng hơn, còn vì lý do chiến lược.

Phản động những tác giả trung dẫn ở các chương trên đều cho rằng ông Diệm là người thông minh, ham học hỏi, cái gì cũng muốn hiểu biết đến nơi đến chốn, lại có được những người phụ tá uyên bác làm việc có phương pháp cùng với ông nghiên cứu và trình cho ông những dữ kiện để ông quyết định, như chính ông Hồ Sĩ Khuê công nhận và cũng đã từng là một người trong số đó. Vì vậy ông nhìn thời cuộc rất chính xác và tiên đoán được những gì sẽ xảy ra.

Ông không đi theo lá bài Bảo Đại, không phải chỉ vì sự hiện diện của đoàn quân viễn chinh Pháp tàn sát đồng bào ông, mà chủ yếu là vì, khi đi tìm cái thế chiến lược cho mình, ông nhìn thấy trước sau gì người Pháp cũng phải trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam, và lúc đó những người quốc gia như ông mới có chính nghĩa để đấu tranh chống cộng sản.

Không phải chỉ vì thấy cộng sản độc ác, tàn sát người quốc gia, giết anh, giết cháu ông mà ông không hợp tác với ông Hồ.

Ông không hợp tác với ông Hồ còn vì nhìn thấy trước sẽ bị ông Hồ lợi dụng để mang họa cho dân tộc. Và nhất là vì thấy trước vào một lúc nào đó, tình hình nước Pháp và

tình hình thế giới nói chung sẽ đưa đẩy siêu cường Mỹ vào thay thế thực dân Pháp để chống cộng sản một cách hữu hiệu hơn.

Ông Hồ đã đứng về phe Liên Xô, đã bị ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa quốc tế, của các phương pháp và phương tiện chiến tranh tàn bạo theo kiểu Stalin và đã, đang và sẽ được Liên Xô viện trợ để diệt phe quốc gia. Vì vậy ông Diệm thấy tổ quốc của ông, một nước nhỏ và nghèo, không thể tự cứu khỏi sự khống chế của cả một khối cộng sản thế giới. Ông cần sự giúp đỡ của người Mỹ.

Ông đã sang Mỹ và vận động với những nhân vật có thể lực trong chính phủ, quốc hội và nhân dân Mỹ. Người ta thấy dường như ông chỉ sống như nhà tu, tạm trú trong các nhà dòng Công Giáo ở tiểu bang New Jersey. Nhưng đó chính là lúc ông suy nghĩ, làm việc một cách âm thầm để sẵn sàng bước vào chính trường một cách công khai. Ông đã tạo được cái thế. Không phải chỉ ông cần người Mỹ. Lúc đó chính siêu cường quốc nguyên tử này cũng cần một người như ông để đương đầu với Liên Xô đang dùng ông Hồ Chí Minh để lấn chiếm ở Đông Nam Á.⁷

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, người Pháp nản chí, muốn buông xuôi hầu có thể giải quyết những vấn đề ở Algérie, đã trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam và ký kết hiệp định Genève tạm thời chia đôi Việt Nam ở sông Bến Hải,

(7) Dĩ nhiên người Mỹ còn có nhiều lá bài phòng hờ như các ông Phan Huy Quát, Phan Quang Đán, tức Phan Huy Đán. Nhưng các ông này không được ông Bảo Đại tín nhiệm bằng ông Diệm. Ban đầu người Mỹ không hy vọng gì ông Diệm thành công trong hoàn cảnh tuyệt vọng lúc đó. Họ chờ cho ông thất bại sẽ giới thiệu các con bài dự trữ. Nhưng ông Diệm đã thành công như một phép lạ. Mỹ liên triệt để ủng hộ ông.

vĩ tuyến 17. Bảo Đại cần đến ông Diệm để giữ phần đất miền Nam khỏi rơi nốt vào tay ông Hồ. Người Mỹ cần một người như ông Diệm, để lập phòng tuyến ngăn chặn làn sóng đỏ ở Đông Nam Á.

Ai cũng bảo chỉ có ngu ông Diệm mới nhảy ra vào lúc ấy. Vì với thanh thế của ông Hồ sau trận Điện Biên Phủ, miền Nam coi như chỉ còn chờ ngày rơi vào tay Cộng sản.

Nhưng ông Diệm đã dám ngang nhiên đối đầu với ông Hồ và các cường quốc ký kết hiệp định Genève. Ông tố cáo ông Hồ phản bội quyền lợi dân tộc ký một hiệp ước chia đôi tổ quốc theo chỉ thị và sự dàn xếp của các nước lớn. Ông không ký và không thừa nhận hiệp định Geneve. Mỹ là nước lớn duy nhất không ký hiệp định đó, cũng phải ủng hộ lập trường của ông. Lập trường của ông Diệm cũng được đa số nhân dân ủng hộ. Vì vậy ông đã vượt qua được mọi khó khăn trong hai năm đầu khiến nhiều quan sát viên quốc tế coi như những phép lạ về chính trị. Người Mỹ chỉ hoàn toàn ủng hộ ông sau khi thấy ông thành công ở bước đầu này.

Với sự thành công của ông Diệm, cộng quân đã không chiếm được miền Nam. Chẳng những thế cuộc tuyển cử được hiệp ước Genève quy định cũng không xảy ra như ông Hồ muốn. Việt Nam trở thành hai quốc gia: Một bên là Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa (Bắc). Một bên là Việt Nam Cộng Hòa (Nam). Bên nào cũng cho là mình có chính nghĩa. Nhưng miền Nam được nhiều nước trên thế giới công nhận hơn^{7bis}. Mức sống của người dân miền Nam được nâng cao nhanh và vượt xa miền Bắc. Trong

(7bis) Năm 1963 tại Saigon có đại diện của trên 80 nước.

khi miền Bắc tan hoang vì các chiến dịch “tiêu thổ kháng chiến”, “giảm tô”, “cải cách ruộng đất” với các vụ đấu tố man dại dưới sự cố vấn chỉ đạo của cán bộ Trung Cộng^{7ter} thì miền Nam phát triển tốt đẹp về mọi mặt kinh tế, xã hội với các chính sách “dinh điền”, “khu trừ mật” và “cải cách điền địa” một cách ôn hòa có bồi hoàn cho địa chủ.

Tình trạng mất thăng bằng kinh tế, chính trị này đương nhiên đẩy miền Bắc vào cái thế một mất một còn với miền Nam. Nếu cứ tiếp tục chấp nhận tình trạng chia đôi thì sớm muộn gì cũng đến lúc miền Bắc của ông Hồ sẽ thua.

Có người tự hỏi: tại sao ông Hồ không chấp nhận thực tế hai quốc gia, đừng quấy phá miền Nam và cùng ông Diệm thi đua phát triển trong hòa bình, mỗi bên nhận viện trợ của một cường quốc, để cùng phát triển kinh tế văn hóa, như vậy có lợi cho nhân dân? Nhưng ông Hồ có nhiều khó khăn và nhiều mối lo, nhiều thua thiệt. Viện trợ của Liên Xô, về mặt vật chất không thể hơn Mỹ. Tài nguyên thiên nhiên miền Bắc tuy có ưu thế về khoáng sản, nhưng rất thua kém miền Nam về nông sản là nhu cầu thiết yếu của một dân tộc mà trên 85% sống bằng nông nghiệp.

Hơn nữa người dân bắt đầu mất tin tưởng ở chủ trương thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử đáng lý được tổ chức vào năm 1956. Ông Hồ đã hứa rằng lúc đó những thân nhân bị xa cách từ ngày di cư, từ ngày tập kết sẽ được xum họp. Biết bao cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc nay hoang mang dao động. Nhiều hiện tượng bất mãn chống đối đã xảy ra. Và đặc biệt là các đồng chí của ông trong

(7 ter) Xem “Tôi bỏ đảng” của Hoàng Hữu Quýnh, 1989, từ trang 21 đến trang 100. Và “Hoa Xuyên Tuyết” (lần tái bản năm 1994) của Bùi Tín, các trang 68 và 102.

nước cũng như ở ngoại quốc trung thành với chủ nghĩa vô sản quốc tế không bao giờ chấp nhận tình trạng đất nước Việt Nam chia đôi ở trong cái thế bất lợi cho họ như thế. Và chính ông với tư cách là đảng viên cao cấp của quốc tế cộng sản cũng không thể chấp nhận.

Đó là những nguyên nhân đưa đến các cuộc quấy rối, phá hoại, khủng bố, thủ tiêu, ám sát tại nông thôn miền Nam càng ngày càng tăng, nhất là từ năm 1959 là năm chính quyền miền Nam ban hành luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

Cùng với tình hình an ninh mỗi ngày thêm xấu đi, số cố vấn Mỹ càng ngày càng tăng, từ con số vài trăm vào những năm đầu lên đến nhiều ngàn vào thời gian này. Và sự hiện diện của cố vấn quân sự Mỹ trong các cuộc hành quân đã giúp cộng sản tuyên truyền rằng miền Nam lệ thuộc Mỹ cũng giống như trước kia lệ thuộc Pháp.

Đối với những nhà chính trị hay ký giả hiểu biết thì luận điệu tuyên truyền này là trò trẻ. Vì họ biết rõ cố vấn Mỹ hiện diện ở miền Nam cũng giống như cố vấn Liên Xô và Trung Quốc có mặt tại miền Bắc. Và người Mỹ chỉ cố vấn chứ không như người Pháp trực tiếp chỉ huy và hành quân giết người Việt trong những năm dưới chính quyền Quốc Trưởng Bảo Đại.

Nhưng quần chúng nông thôn đơn sơ, chất phác, thiếu thông tin chính xác, dễ bị lừa. Biết được lợi thế đó, cộng sản ghép luôn hai từ Mỹ Diệm vào với nhau để tuyên truyền cho dân chúng và cán bộ nhập tâm.⁸

⁸ Những ai đã từng nghiên cứu các định luật tâm lý, đặc biệt là tâm lý quần chúng ứng dụng vào tuyên truyền, quảng cáo và giáo dục ắt hiểu rõ: những hình ảnh người Mỹ hiện diện bên cạnh quân đội và chính quyền Việt Nam kèm theo

Chính vì điều đó mà ông Diệm rất áy náy về sự hiện diện của người Mỹ càng ngày càng tăng. Chưa nói đến một số cố vấn Mỹ như trung tá Vann - vì nóng lòng và không tin tưởng ở tài trí và kinh nghiệm của vị tư lệnh mà ông cố vấn - còn có xu hướng muốn vượt quyền hạn của một cố vấn, gián tiếp nắm quyền chỉ huy, là điều ông Diệm bằng mọi cách chống đối.

Nhưng nước yếu, dân nghèo, bất đắc dĩ phải dựa vào viện trợ ngoại quốc mà tồn tại và chống cộng; ông Diệm thực sự ở vào cái thế kẹt. Người Mỹ nắm hầu bao luôn luôn muốn kiểm soát xem tiền họ chi ra có được dùng đúng theo ý muốn của họ không. Mà ý muốn của họ nhiều khi không trùng với kế hoạch của các nhà lãnh đạo Việt Nam, đôi khi còn trái ngược với quyền lợi của nhân dân Việt Nam. Những người Mỹ ở Saigon lúc ấy biết đặt quyền lợi chung của thế giới tự do bên trên quyền lợi và tự ái dân tộc của một siêu cường, như đại sứ Nolting sau này, thật hiếm.

Khi dân quê có thân nhân trước kia theo cộng sản hay kháng chiến chống Pháp dưới sự chỉ huy của cộng quân đã tập kết ra Bắc sau hiệp định Geneve ngả về phe cộng sản, chứa chấp, nuôi dưỡng và tiếp tay cho cộng quân trong các cuộc phục kích hay đột kích, thì quân đội quốc gia gặp trở ngại rất lớn. Trong rất nhiều trường hợp người dân không

âm thanh của 2 từ “Mỹ Diệm” luôn luôn được nhắc đi nhắc lại trên đài phát thanh Hà Nội đã có tác dụng như thế nào đối với đa số người dân miền Nam. Các nhà tuyên truyền cộng sản thường ứng dụng các định luật về phản ứng có điều kiện của Pavlov rút từ những thí nghiệm “con chó và tiếng chuông” hơn là những định luật “ý niệm dẫn đến hành động” của anh em Pierre và Paul Janet thực hiện trên những bệnh nhân thần kinh u uất.

thích cộng sản nhưng do bị ép buộc phải đi theo chúng, hoặc vì sợ bị trả thù, không dám báo cho quân đội quốc gia khi chúng lên về vào đêm khuya tuyên truyền, khủng bố, bắt trai tráng trong làng vào trong chiến khu để được huấn luyện thành du kích quân.

Tình hình đó là lý do thành hình chính sách “Ấp chiến lược” với mục đích giữ an ninh thôn xóm, bảo vệ dân làng khỏi sự quấy nhiễu, khủng bố của cộng quân. Vì thôn xóm, làng xã miền Nam không đồng nhất giống như miền trung hay miền Bắc và nhiều gia đình làm nhà lúa thua rải rác ở giữa cánh đồng, nên muốn tổ chức rào làng bắt buộc phải dời đi một số gia đình, gom vào một nơi. Dĩ nhiên chỉ có một thiểu số ở vào trường hợp đó. Nhưng dầu sao thì việc rời bỏ nơi chốn cũ đến một địa điểm tập trung mới đã gây bất mãn cho một số ít gia đình. Nếu những gia đình đó lại thuộc loại thân cộng đang có thân nhân đi theo Việt Cộng, tình nguyện hay bắt buộc dĩ, thì sự bất bình bất mãn đó sẽ được phóng đại thêm. Khi việc rào làng để tự vệ trở thành quốc sách và được thực hiện rầm rộ trên khắp bốn chục tỉnh miền Nam, không khỏi có một vài tỉnh trưởng, quận trưởng, vì quá hăng say, hoặc vì muốn tăng công với cấp trên, đã phạm phải những lỗi lầm mà một chính sách rộng lớn rầm rộ khó tránh khỏi.

Việt Cộng coi Ấp Chiến Lược (tạm viết tắt là A.C.L.) là mối nguy lớn nhất cho chúng. Với chính sách này, chúng sẽ trở thành những con cá sống trên cạn chờ chết. Cổ nhiên phản ứng của chúng phải quyết liệt. Bằng mọi cách chúng phải phá cho bằng được.

Trong khi đó một số người Mỹ, kể cả người đặc trách về viện trợ Mỹ cho chương trình A.C.L. là Rufus Phillips

cũng chỉ trích chương trình A.C.L.. Một phần có lẽ cũng vì kế hoạch này không phải là sáng kiến của người Mỹ mà lại là của ông Nhu, em ông Diệm, đang bị họ ghét và ông này đã dùng một cố vấn người Anh là ông Robert Thompson, cựu bộ trưởng trong chính phủ Mã Lai, người đã thành công trong việc tiêu trừ cộng quân ở Mã Lai.

Điều khiến một số người Mỹ ghét cay ghét đắng A.C.L. là vì quốc sách này chủ trương đưa nhân dân Việt Nam vào con đường tự cường, tự lực cánh sinh để dần dần thoát khỏi lệ thuộc vào viện trợ Mỹ. Nếu mục tiêu đó đạt được, những người Mỹ có óc thực dân sẽ không còn chi phối, sai khiến, hay làm áp lực với chính quyền ông Diệm được nữa.

Ông Nguyễn Văn Châu trong luận án cao học về lịch sử *Ngô Đình Diệm en 1963: Une autre paix manquée* đã cho biết có lần ông đã nghe ông Diệm nói: “Không gì quý hơn nồi cơm của mình” và “đã đến lúc ‘ta về ta tắm ao ta’ để liên hệ với chính sách tự túc của chương trình A.C.L.”

Tôi xin mở một dấu ngoặc về câu nói của ông Diệm “Không gì quý hơn nồi cơm của mình.” Câu này khiến người ta liên tưởng đến mục tiêu kinh tế của ông khi mới về nước ‘Mỗi gia đình một căn nhà và một cái vườn’. Đồng thời nó cũng khiến người nghe liên tưởng đến câu nói nổi tiếng của ông Hồ Chí Minh: ‘Không gì quý hơn độc lập tự do.’ Thì ra con người theo chủ nghĩa duy vật như ông Hồ lại nói lời duy linh. Còn con người theo chủ nghĩa duy linh như ông Diệm lại nói lời sặc mùi duy vật. Đúng là ‘Có thực mới vực được đạo’.”

Trở lại chương trình A.C.L, và việc di dân vào ấp. Một số nhà báo Mỹ, hòa điệu với tuyên truyền của Việt Cộng, tố cáo “chính phủ Diệm bắt dân bỏ mồ mả tổ tiên tập

trung vào một nơi như trại tập trung, mà vẫn không bảo đảm được an ninh cho dân chúng.”

Sau này khi ông Diệm đã chết có những người trong chính quyền ông như Thiếu Tướng Đỗ Mậu, chỉ nửa năm trước còn thuyết trình trước tướng lãnh Mỹ ở Hoa Kỳ mô tả A.C.L. như là một thành công lớn của ông Diệm, cũng quay ra phê bình chỉ trích hùa theo luận điệu của các phóng viên thiên tả của Mỹ. Chính “hội đồng quân nhân cách mạng” của các tướng đảo chính, trong đó ông Đỗ Mậu là ủy viên chính trị, đã cho đình chỉ việc xây dựng A.C.L. ngay sau ngày đảo chính. Đó là một trong những nguyên nhân thất bại của nhóm tướng lãnh, dẫn đến thất bại cuối cùng là mất miền Nam.

Như chương 18 đã trình bày, do sự sơ xuất và tự phụ của Averell Harriman nước láng giềng Ai Lao “trung lập” đã trở thành lãnh thổ của cộng quân, chúng tha hồ sử dụng để làm của ngõ chuyển vũ khí quân trang và chiến binh vào Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh.

Đọc hồi ký của Bùi Tín và nhất là của nhà văn cộng sản hồi chánh Xuân Vũ người ta đã thấy ông Hồ vô cùng quyết liệt trong việc chuyển quân trong những điều kiện cực kỳ gian lao khiến hàng vạn người bỏ thây dọc đường, nhưng không làm sờn lòng những nhà lãnh đạo cộng sản chỉ huy bằng bàn tay sắt.^{8bis} Bởi vì đó là vấn đề sinh tử, không chuyển quân vào để phá kế hoạch A.C.L. thì sẽ thua là cái chắc.

^{8bis} Trong hồi ký “đường đi không đến”, nhất là tập “Mạng người lá rụng”, NXB Xuân Thu, 1990, Xuân Vũ đã tả những cảnh rừng rợn xảy ra cho hàng trăm ngàn cán bộ cộng sản trên đường mòn Hồ Chí Minh khi họ vâng lệnh đảng lên đường vào Nam làm công tác “giải phóng”. Trang 309 Xuân Vũ viết: “Nguyên tắc

Các cuộc oanh kích còn rời rạc và giới hạn của không lực Việt Nam Cộng hòa đã hoàn toàn thất bại trong việc phá hủy con đường mòn hiểm hóc mà một phần lớn nằm trên lãnh thổ nước láng giềng này. Cộng quân từ Bắc vào còn được chuyển theo ngả duyên hải Việt Nam và qua hải cảng Sihanoukville của Cambốt.

Ông hoàng Sihanouk quốc trưởng Cambốt là người lá mặt lá trái, thay đổi lập trường như chong chóng, lúc ấy lại thiên cộng, sẵn sàng cho cộng quân sử dụng lãnh thổ ông làm mật khu an toàn, từ đó cộng quân xuất phát những cuộc hành quân chống phá miền Nam. Các cán bộ đầu não từ Bắc vào Nam điều khiển chiến tranh du kích thường ẩn núp trong những mật khu trên đất Cam bốt và cái gọi là Mặt trận Giải Phóng của cộng sản ra đời ngày 20 tháng 12 năm 1960, rồi “chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam” cũng đóng trong các khu an toàn do ông hoàng Sihanouk dành cho.

Khi quân sĩ và vũ khí đạn dược chuyển từ Bắc vào đã đủ, cộng quân liền mở trận Ấp Bắc vào đầu năm 1963. Đó là một trận đấu có quy mô cấp tiểu đoàn mà theo cố vấn Mỹ trung tá Vann thì sư đoàn 7 do đại tá Bùi Đình Đạm chỉ huy với quân số đông hơn cộng quân gấp bội, đáng lý ra,

của đường giây là ai đi được cứ đi, ai đau ốm cứ nằm lại, ai chết cứ chết mà.” Rồi trang 311: “Cuộc đời ở Trường Sơn là như thế. Văn minh vô cùng. Cái chết cũng chỉ đáng cười. Người ta có giờ một chiếc mừng trùm trên vồng, thấy một mạng người nằm trong đó, hổ mắt đã loại nhội những dòi mẹ dòi con, và bịt mũi quay mặt như tránh một bãi phân. Người ta thấy một cái chân lòi ra dưới mô đất lè tè và cứ lạnh lùng đi qua. Cũng như người ta thấy những bộ xương rũ trong hốc đá và chẳng có cảm xúc gì ngoài sự gớm ghiếc. Chính tôi cũng thế. Cái chết, xác chết, xương người, tai nạn chết người, thấy như com bữa, nên thần kinh chùn dần không run nữa. Và ai cũng có ý nghĩ nay mai tới phiên mình.”

nếu theo sự cố vấn của ông thì đã tiêu diệt được một lực lượng hùng hậu của Việt Cộng. Nhưng vì “hèn nhát” nên đã để thất trận. Theo đại sứ Mỹ Nolting thì không thể bảo đây là một thất bại, nếu tính theo số thương vong của đôi bên. Còn Đô đốc Felt thì nói quân đội Việt Nam đã chiến thắng vì đã đuổi được quân địch.

Nhưng vị cố vấn Mỹ của sư đoàn, úc vì ông Đạm không nghe lời ông, nên chẳng những không tiêu diệt được địch mà còn làm cho 5 trực thăng bị hạ và 3 người Mỹ tử thương. Những lời tuyên bố sau đó của vị cố vấn Mỹ này với báo chí đã được cây bút trẻ David Halberstam của tờ *New York Times* triệt để khai thác và thổi phồng lên, khiến dư luận Mỹ cho rằng quân đội miền Nam hèn nhát và ngay cả “tổng thống Diệm cũng không muốn đánh cộng sản, chỉ muốn cuộc chiến cứ kéo dài để ăn viện trợ Mỹ”.

Đại sứ Nolting cho rằng những lời tuyên bố của ông Vann, được các phóng viên trẻ triệt để khai thác, rất tai hại cho công cuộc chống cộng.

Không may cho ông Diệm là chỉ năm tháng sau trận Ấp Bắc gây dư luận không tốt đẹp trong dư luận Mỹ, một chỉ thị của chính ông ban hành không đúng lúc về trường hợp và thể thức treo cờ tôn giáo (nói chung chứ không phải chỉ nhắm riêng Phật giáo) đã được nhóm Phật giáo Ấn Quang của thượng tọa Thích Trí Quang dùng làm cớ để phát động một cuộc biểu tình chống đối trước đài Phát thanh Huế.

Những người biểu tình dẫn cả trẻ con đến trước đài khiêu khích, như muốn ăn tươi nuốt sống ông quản đốc và các nhân viên của đài, khiến ông phải kêu cứu với tòa tỉnh trưởng. Tỉnh trưởng chỉ thị cho phó tỉnh trưởng nội

an là thiếu tá Đặng Sĩ đem lính có vũ trang đi trên xe bọc sắt đến bảo vệ đài và yêu cầu những người biểu tình giải tán. Nhưng không thành công. Xô xát xảy ra. Có tiếng nổ khủng khiếp và nhiều tiếng súng.

Các tin tức và báo cáo sau này cho biết có 9 người chết. Stanley Karnow trong cuốn “Vietnam, a history”⁹, nói đó là một người đàn bà và 8 trẻ em⁹. Thông cáo chính thức của chính quyền thì cho rằng người chết do lựu đạn và chất nổ của cộng sản. Ký giả Mỹ thì quả quyết là do binh sĩ chính phủ bắn và do xe thiết giáp cán.

Nhà báo Cao Thế Dung sau này, trong cuốn “Làm thế nào để giết một tổng thống”, thì nói tiếng nổ kinh thiên động địa lúc đó làm chết người là do chất nổ cực mạnh mà lúc ấy chỉ có CIA Mỹ có, do một người Mỹ có tên là đại úy Scott cung cấp. Sách của ông không bị kiểm duyệt. CIA chưa bao giờ xác nhận hay phủ nhận. Lúc ông xuất bản tác phẩm của ông¹⁰ là lúc một số đồng những tướng lãnh làm đảo chính lật ông Diệm đang nắm quyền chính đầy thế lực (như Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Thiện Khiêm) hay có mặt trong quốc hội (như các ông Tôn Thất Đính, Trần Văn Đôn).

Theo ông Trần Văn Đôn trong “Cuộc chiến bất tận của chúng tôi” thì sau khi nghe báo cáo của ông, chính ông Diệm và cả ông Nhu đều đồng ý tìm ngay giải pháp thương lượng hoà giải¹¹. Như vậy chúng tôi chính quyền không có

⁹ Vietnam, a history trang 295. Con số 8 trẻ em và một phụ nữ, không có đàn ông mang một ý nghĩa nào đó; khiến những người vô tư phải tự hỏi: tại sao nhóm Phật Giáo quá khích lại dẫn đàn bà, trẻ con đi biểu tình nhiều đến thế?

¹⁰ Năm 1970.

¹¹ Cuộc Chiến Bất Tận Của Chúng Tôi, trang 72. Nguyên văn: “I suggested

chấp và không chủ trương đàn áp Phật Giáo. Chỉ cho đến khi các cuộc thương lượng không đem lại kết quả, do sự cố chấp và lươn lẹo của phe Phật Giáo Ấn Quang cứ lấn lướt, luôn tìm cách dồn chính quyền vào chỗ bí, với chủ đích lật đổ chính quyền, quân đội mới ban hành lệnh giới nghiêm và mới có vụ kiểm soát một số chùa vào ngày 21 tháng tám, nhằm mục đích bắt giữ người chủ mưu hầu dập tắt các cuộc quấy rối, xuống đường, bạo động.

Người Mỹ khẳng định ông Nhu làm việc này vào đúng lúc tân đại sứ Cabot Lodge sắp tới Saigon trình ủy nhiệm thư, là cố tình dần mất vị tân đại sứ. Bộ ngoại giao Mỹ đã chỉ thị ông Lodge khuyến cáo ông Diệm phải thay thế ông Nhu và đem ra ngoại quốc. Ông Diệm coi đó là hành động can thiệp trắng trợn vào nội bộ một nước có chủ quyền, do một tổng thống lãnh đạo và được toàn dân bầu lên một cách hợp hiến, hợp pháp. Dĩ nhiên ông không thể để bị áp lực ngoại bang chi phối, nếu ông không muốn đối phương kết tội ông là tay sai hay con cò của người Mỹ. Hơn nữa đối với ông Diệm ông Nhu chẳng những là người em tốt mà còn là một cố vấn đắc lực.

Không khuất phục được ông Diệm, người Mỹ quyết định triệt hạ ông. Những ông Averell Harriman, Roger Hilsman ở bộ ngoại giao và Michael Forrestal phụ tá của

that he made an announcement, in the language of Hue, worded in the most appeasing manner possible. Ngo Dinh Nhu supported my suggestion by telling Diem that his assistant, Cao Xuân Vỹ, in the Republican Youth had reported the same things and had made the same proposal.” Tạm dịch “Tôi đề nghị ông (tổng thống Diệm) đưa ra lời tuyên bố, dùng ngôn từ xứ Huế, quê hương ông, với lời lẽ hết sức hòa hoãn và trấn an. Ông Ngô Đình Nhu tán thành ý kiến tôi và bảo ông Diệm rằng chính ông Cao Xuân Vỹ là phụ tá ông ta trong đoàn Thanh Niên Cộng hòa, cũng báo cáo y hệt như vậy, và cũng đề nghị như thế.”

tổng thống Kennedy đã lợi dụng lúc tổng thống, ngoại trưởng Dean Rusk, bộ trưởng quốc phòng McNamara, giám đốc CIA McCone... đi nghỉ cuối tuần tự ý thảo công điện, rồi bằng những mưu mẹo lắt léo thuyết phục tổng thống chấp thuận cho gửi đi. Đó là những công điện ngày 25 và 28 tháng 8 năm 1963, minh thị bảo ông Lodge phải lập kế hoạch thay thế ông Diệm. Sau này các ông McNamara và McCone rất bất bình với bộ Ngoại giao về việc này.

Nhưng những cuộc đảo chính hoạch định vào tháng 8 và ngày 26 tháng 10 đã không thực hiện được và phải đình hoãn cho đến ngày 1 tháng 11. Ông Diệm và ông Nhu đã quá tin vào bề tôi của ông là tướng Tôn Thất Đính và đại tá Đỗ Mậu, nên khi phe đảo chính mọc nổi được hai ông này thì không còn cách nào cứu vãn được nữa.

Sự hiện diện của trung tá Mỹ Lou Conein tại văn phòng các tướng đảo chính với số tiền “thù lao” to lớn¹², cộng thêm sự hiện diện của thượng tọa Thích Trí Quang tại tòa đại sứ Mỹ trong thời gian đó, khiến người ta liên hệ cuộc đảo chính với cuộc khủng hoảng Phật Giáo.

Trang 109 “our endless war” ông Đôn đã thuật lại là liền sau khi đảo chính thành công tướng Dương Văn Minh đã cử ông và tướng Lê Văn Kim đến gặp ông Lodge ở tòa đại sứ để nhận lời khen vào lúc 4 giờ chiều ngày mồng 2 tháng 11, nghĩa là chỉ vài giờ sau khi ông Diệm và ông Nhu bị sát hại. Đặc biệt ông còn thuật cả việc chính ông Lodge dẫn các ông xuống tầng dưới ra mắt thượng

¹² Cũng như sự hiện diện của ông Rufus Phillips bên cạnh hai ông Bùi Diễm và Lê Văn Kim, đặc trách về chính trị của nhóm đảo chính.

tọa Thích Trí Quang. Và như vậy một câu hỏi được đặt ra: Trong vụ Phật Giáo có bàn tay Mỹ cũng giống như trong cuộc đảo chính không?

Về cái chết của ông Diệm, như đã nói ông Dương Văn Minh đã thú thật là phải giết không để sống được. Vì ông Minh đứng đầu nên ông không chối được trách nhiệm. Nhưng không thể bảo chỉ một mình ông Minh có trách nhiệm trong cái chết này, mặc dù cả ông Đôn lẫn ông Đỗ Mậu đều chối bai bãi. Đọc Hoàng Ngọc Thành sẽ thấy tại sao các tướng lãnh đều có trách nhiệm như nhau. Và đây là lời của ông Trần Văn Hương, được ông McNamara thuật lại:¹³

“Một dân chính, ông Trần Văn Hương, người đã từng chỉ trích ông Diệm, từng vào tù vì chống chế độ, đã nói : “Những tướng lãnh hàng đầu đã quyết định giết anh em ông Diệm sợ hãi đến chết được. Họ biết rất rõ họ là những kẻ chẳng có tài cán, đức độ hay hậu thuẫn chính trị gì, dù một chút cũng không có, nếu để tổng thống và ông Nhu sống, hai ông sẽ trở lại cầm quyền một cách ngoạn mục mà họ không có cách gì ngăn cản được.”

Qua các công điện trao đổi giữa bộ ngoại giao Mỹ và ông Cabot Lodge đã nêu, và qua lời trình bày của các ông Newman, Karnow, Nixon, Nolting, Taylor, và bà Marguerite Higgins đã rõ có bàn tay Mỹ trong cuộc đảo chính lật ông Diệm. Người thì nói Mỹ “đỡ đầu” (sponsored), người thì nói do Mỹ “khuyến khích” (encouraged). Karnow còn nói có “sự đồng lõa của Mỹ” (American complicity). Và McNamara thì dùng những

¹³ In Retrospect trang 84.

từ “tổ chức” (“organize”) ¹⁴, và “khởi động” (“set in motion”) ¹⁵ là những từ mạnh nhất và cũng đúng nhất. Người Mỹ đã biết không giấu nổi nữa mới chịu nhận. Nhưng vẫn còn một số người Việt như những tướng lãnh đã trót dại làm tay sai cho Mỹ cứ chối bai bãi.

Vấn đề có bàn tay Mỹ trong cuộc đảo chính lật ông Diệm hay không là vấn đề mấu chốt để đánh giá hành động và thái độ của ông ấy. Nếu đây là một hành động tự phát do đa số nhân dân cảm phẫn, do tôn giáo bị bách hại, thì ông Diệm đắc tội. Còn nếu đây là một âm mưu ngoại quốc muốn lật một lãnh tụ quốc gia khó sai khiến, thì ông Diệm là người anh hùng, có công vì đã can đảm bảo vệ chủ quyền quốc gia và đã hy sinh vì đại nghĩa.

Cũng có thể có người cho rằng ông Diệm bất lực trong việc chống cộng cho nên những người thành tâm chống cộng, Mỹ cũng như Việt, muốn thay ông để đặt người khác có khả năng hơn. Về điểm này các chương 3, 17, 18 và nhất là 22 đã cho thấy: Chỉ một tháng trước đảo chính phái đoàn McNamara-Taylor đã báo cáo cho tổng thống Kennedy rằng tuy có bất ổn ở thành phố, nhưng công cuộc bình định ở nông thôn vẫn tiến triển tốt đẹp, và còn khẳng định là có thể rút 1.000 cố vấn vào cuối năm 1963.

Chính ông Cabot Lodge khi được hỏi cuộc đảo chính có làm nguy hại đến công cuộc bình định ở nông thôn không cũng trả lời là không bị ảnh hưởng gì. Điều đó chứng tỏ chế độ ông Diệm không phải bất lực. Chỉ vài tuần sau, khi các tướng đảo chính dẹp bỏ chương trình

¹⁴ Sđd trang 55. Nguyên văn: “Organize”.

¹⁵ Sđd Trang 52. Nguyên văn: “Set in motion”.

Áp Chiến Lược, tình hình ở nông thôn mới tồi tệ đi. Và điều này, cùng với sự xáo trộn triển miên 2 năm trời, cũng chứng tỏ không có ai có khả năng hơn ông Diệm. Sau khi ông Diệm chết tất cả những người chống ông đều đã có dịp thử thời vận, từ Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh, Trần Văn Hương, Phan Khắc Sửu, Phan Huy Quát đều bỏ cuộc sau vài tháng cầm quyền.

Đến thời hai ông Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ tình hình có khá hơn vì Mỹ đã đem vào hàng vạn quân tác chiến để hỗ trợ cho các ông đứng vững trong một thời gian. Nhưng các ông cũng không chứng tỏ được là các ông có thể so sánh với chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nhân nói về báo cáo McNamara-Taylor cho biết có thể rút 1.000 cố vấn về vào cuối năm 1963, có người đã nêu lên giả thuyết: Vì ông Diệm cũng như tổng thống Kennedy đều không muốn có quân tác chiến Mỹ vào miền Nam, lại còn có dự tính rút cố vấn về Mỹ, cho nên cả hai ông đã bị giết. Cái chết của tổng thống Kennedy cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn, mặc dù thủ phạm đã bị bắt. Điều đó khiến người ta nghi có một siêu quyền lực chủ trương bán vũ khí hay tiêu thụ vũ khí cũ vào một cuộc chiến Việt Nam mà bị hai ông cản trở nên họ khừ đi luôn. Dĩ nhiên đây chỉ là một giả thuyết hoàn toàn. Các ông Johnson, McNamara, Nixon hay ai ai khác có biết rõ mười mươi cũng chẳng dám hé răng. Vì vậy có lẽ nó sẽ luôn luôn chỉ là giả thuyết.

Và cũng có thể có người bảo: người Mỹ dùng ông Diệm để chống cộng, thấy anh em ông này lại tính chuyện bắt tay với cộng sản miền Bắc, nên tạo ra những vụ chống đối cho ông Diệm không sao giải quyết nổi, rồi vin vào có đó giết quách đi. Việc ông Nhu liên lạc với Hà Nội được nhiều

người đề cập đến trong đó có ông Đỗ Mậu, Trần Văn Đôn, Karnow, McNamara. Quyển “War of the vanquished” của luật sư Mieczyslaw Maneli, một nhà ngoại giao cộng sản Balan đào nhiệm, có nói kỹ về những cuộc gặp gỡ của tác giả với ông Nhu, khi tác giả còn là trưởng đoàn Balan trong ủy hội kiểm soát đình chiến tại Saigon, nhằm tạo cây cầu liên lạc Bắc Nam.¹⁶

Trong năm 1997 Francis X. Winters, sau khi đã tra cứu các tài liệu được giải mật gần đây và phỏng vấn một số nhân vật cao cấp thuộc bộ ngoại giao của chính quyền Kennedy, đã cho xuất bản cuốn “Năm con mèo”¹⁷ nói về những biến cố quan trọng xảy ra tại Việt Nam từ ngày 25 tháng 1 năm 1963 đến ngày 15 tháng 2 năm 1964. Ngay ở chương đầu ông đã nói đến cảnh đào trưng bày tại phòng khánh tiết của tổng thống Ngô Đình Diệm với danh thiếp của ông Hồ Chí Minh để tặng¹⁸, và ở chương 2 ông đã trưng dẫn công điện đầu tiên của phó đại sứ Mỹ tại Saigon, ông Trueheart, đánh về Hoa Thịnh Đốn với tư cách xử lý

¹⁶ Tạm dịch: “Chiến tranh của những kẻ bại trận”. Nguyên tác bằng tiếng Balan, do dịch giả Maria Gorgey chuyển sang Anh ngữ. NXB Harper & Row N.Y.1971. Trong 2 chương 6 và 7 từ trang 114 đến trang 153 tác giả đã thuật lại một cách tỷ mỉ và chính xác về hai lần gặp gỡ giữa ông và ông Ngô đình Nhu vào các ngày 25 tháng 8 và mồng 2 tháng 9 năm 1963. Lần đầu diễn ra trong buổi tiếp tân có sự hiện diện của tân đại sứ Cabot Lodge. Tiếc rằng khuôn khổ soạn phẩm không cho phép trưng dẫn tại đây những lời đối đáp rất dài và rất sâu sắc giữa nhà ngoại giao Balan và ông cố vấn phủ tổng thống mà nhà ngoại giao luôn xưng hô là “Ngài” (Votre Excellence, Your Excellency).

¹⁷ Nguyên văn: “The year of the Hare”. Hare nghĩa là con thỏ, thỏ rừng. Người Tàu thường gọi năm Mão là năm con thỏ. Người Mỹ có khi dịch là year of the Rabbit. Sách do đại học báo chí Georgia xuất bản, Athens, Georgia. năm 1997.

¹⁸ Sđd trang 19.

đại sứ - lúc ấy đại sứ F. Nolting vừa lên đường đi nghỉ hè tại miền Địa Trung Hải - Công điện đề ngày 25 tháng 5, tường trình rằng trong một câu chuyện với ông Ngô Đình Nhu, ông này đã nói đến một cuộc họp tại Cam Bốt vào ngày 19 tháng 5, trong đó cả Hồ Chí Minh lẫn Ngô Đình Nhu đều có đại diện.¹⁹

Cũng trong cuốn “Năm con mèo” (trang 61) Winters còn nói đến câu chuyện giữa tướng Nguyễn Khánh và John Richardson, trưởng nhiệm sở CIA ở Saigon lúc đó, liên quan đến lời tuyên bố của ông Hồ Chí Minh về một Liên Bang Việt Nam gồm Bắc Việt và Nam Việt và ý định của ông Nhu muốn liên lạc với các giới chức miền Bắc để tìm hiểu về lời tuyên bố của ông Hồ.

Stanley Karnow, trong “Vietnam, a history”, sau khi đã dành hơn một trang (307, 308) tả chi tiết về cuộc gặp gỡ giữa Ngô Đình Nhu và Maneli, còn cho biết chính bà Nhu sau này đã xác nhận có những cuộc gặp gỡ như vậy “và còn tiết lộ rằng chính bà đã chuẩn bị sẵn sàng để gửi hai người con lớn của bà ra Hà Nội “như một cử chỉ huynh đệ”

Ông Đỗ Mậu trong hồi ký “VNMLQHT”, trang 1007, đã đăng nguyên văn lá thư của ông Võ Như Nguyễn viết cho bạn của ông Đỗ Mậu là Hoàng Đồng Tiểu ngày 24 tháng 11 năm 1977. Cuối thư có đoạn thuật lời ông Diệm tâm sự với tác giả lá thư như sau:

“Và tôi với chú Nhu có ý dù hai miền Quốc Cộng tranh chấp nhưng đều là máu mủ ruột thịt, phải có biện pháp anh em giải quyết lấy chiến tranh, đỡ tốn hao sinh mạng, tài sản. Rồi bên nào kéo dài, chung quy sẽ bị lệ thuộc vào

¹⁹ Sdd trang 33

một cường quốc và đất nước chia rẽ, vì các cường quốc có ý định chia rẽ cả.”

Đọc những hàng trên - nếu đích thực là những lời của ông Diệm tâm sự với ông Nguyễn, và ông Nguyễn còn nhớ chính xác, sau 14 năm - người ta, tùy theo lập trường và cách suy nghĩ riêng, có thể phê bình ông Diệm như sau:

Phía bi quan hay chống đối thì cho rằng:

Một là: Ông Diệm “tiền hậu bất nhất.” Chống cộng rồi lại quay ra bắt tay với cộng sản, phản bội lý tưởng quốc gia.

Hai là: Ông Diệm ngây thơ tin vào lòng yêu nước của ông Hồ; không nhớ ông Hồ đã lợi dụng sự hợp tác ban đầu của các đảng Việt Quốc, Việt Cách để thành lập chính phủ liên hiệp, rồi sau đó, khi thế đã mạnh đủ, liền quay ra tiêu diệt các đảng quốc gia đó sao.

Ba là: Anh em ông Diệm không biết rằng làm như thế là phản bội đồng minh Mỹ, và Mỹ sẽ để yên cho các ông ư?

Phía lạc quan và tán thành thì cho rằng:

1. Sau những năm đầu dựa vào sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ mà tồn tại và phát triển thành công, ông Diệm càng ngày càng thấy người Mỹ không hiểu lập trường và phương pháp chống cộng của ông, càng ngày càng muốn dùng áp lực của viện trợ để bắt ông theo một đường lối mà ông không tán thành vì ông thấy chắc chắn nó sẽ đưa tới thất bại cuối cùng. Vì thế ông muốn tính chuyện hòa hoãn với Hà-nội, một phần làm giảm áp lực của Mỹ, một phần cũng hóa giải được những khó khăn do các cuộc phá hoại của cộng quân. Ông cũng nghĩ rằng, nếu ông Hồ hay đa số cấp lãnh đạo đảng cộng sản đặt quyền lợi quốc tế vô sản và đế quốc Liên Xô lên trên quyền lợi dân tộc, thì vẫn còn một số những người quốc gia chân chính bị kẹt lại ở miền Bắc,

họ không tán thành đường lối của đảng cộng sản, nhưng bắt buộc dĩ phải ở vào thế không chống đối, tức gián tiếp ủng hộ. Và ông Diệm hy vọng những thành phần này sẽ có cơ hội ủng hộ ông, nếu ông có một đường lối uyển chuyển, ngả về phía dân tộc (theo quan niệm của họ) rõ ràng hơn.

2. Hơn nữa ông Diệm quan niệm: chủ nghĩa trung lập, liên hiệp thường được cộng sản sử dụng để dần dần tiêu diệt đối phương, là vì đối phương trung lập hay liên hiệp với cộng sản trong thế yếu. Còn nếu đang ở trong thế mạnh mà hiệp thương với cộng sản hoặc giữ thế trung lập thì chỉ có lợi chứ không có hại, miễn là mình biết cách khai thác ưu điểm, ưu thế của mình. Và lúc đó là lúc ông Diệm đang ở thế mạnh hơn Hà Nội, mặc dù không mạnh bằng những năm trước.

Anh em ông Diệm đã chết rồi và không có tài liệu tối mật nào của phủ tổng thống hay văn phòng cố vấn chính trị phủ tổng thống Việt Nam Cộng Hòa được công bố về vấn đề này. Do vậy chúng ta không có cơ sở để nói ông Diệm tính liên lạc với Hà Nội theo chiều hướng nào. Có phải ông chỉ muốn dùng đó như một m책 cả với Mỹ, để Mỹ giảm áp lực? Hay ông tính chuyện hiệp thương thực sự?

Có người còn bảo: Đáng lý trước kia ông Diệm nên chấp nhận cùng vào Liên Hiệp Quốc với Hà Nội, vì chính Liên Xô đề nghị như vậy. (Khi ông nộp đơn xin gia nhập L.H.Q. vào lúc thanh thế Việt Nam Cộng Hòa đang lên tới đỉnh thì bị Liên xô phủ quyết. Liên Xô đề nghị LHQ thu nhận cả hai miền Nam, Bắc, thì ông lại không chịu, nên Liên Xô phủ quyết.) Nhưng ông luôn luôn trung thành (hay cố chấp?) với nguyên lý “Tất cả hoặc không gì”, như từ ngữ Bernard Fall dùng để nói về lập trường cứng rắn không gì

lay chuyển của ông. Ông đã không chấp nhận ngồi chung với ông Hồ mà lúc ấy ông mới tố cáo là phản bội quyền lợi dân tộc khi ký vào hiệp định Genève chia đôi đất nước.

Trong chiến tranh cổ điển, hay chiến tranh trường kỳ kiểu cộng sản thì cũng thế, về mặt quân sự cũng như về mặt chính trị, quy luật chung là có tiến có thoái một cách nhịp nhàng tùy theo tình hình, tùy từng giai đoạn, miễn là đúng lúc và theo đúng kế hoạch chiến thuật và chiến lược. Có khi lùi là để tiến. Lùi về chiến thuật, để tiến về chiến lược. Có khi ở vào cái thế không thoái không được. Nhưng phải thoái theo lớp lang thứ tự. Làm chính trị mà cương quá, không mềm dẻo, uyển chuyển thì dễ thất bại. Nhất là khi mình lại ở thế yếu. Có thể nói vào giữa năm 1963 ông Diệm rơi vào cái thế tứ phương thọ địch. Nếu anh em ông nghĩ đến chuyện hiệp thương với Hà Nội cũng là chuyện dễ hiểu. Đây có thể là một bước lùi cần thiết. Tiếc rằng đồng minh của ông không chấp nhận cái bước lùi ấy mà họ cho là phản bội. Hơn nữa các người quốc gia ở miền Nam cũng chưa sẵn sàng để chia sẻ với ông về một chuyển hướng hơi đột ngột.

Đầu tháng 11 năm 1993, nhân kỷ niệm 30 năm ngày tổng thống Ngô Đình Diệm mất, Đài BBC Luân Đôn, Anh Quốc có cho phát thanh bài của nữ ký giả Judy Stow, trưởng ban Việt Ngữ của đài này. Bà đã từng là phóng viên chính của đài tại vùng Đông Nam Á. Và bài của bà cũng như tất cả các bài được phát thanh trên phần ngoại ngữ của đài BBC luôn luôn theo đúng chính sách của bộ Ngoại Giao Anh. Tuy đài BBC là một công đoàn độc lập mà hội đồng các thống đốc, cơ quan chỉ huy tối cao của đài, do Nữ Hoàng bổ nhậm theo hiến chương của đài, không phải

chịu sự kiểm soát của chính phủ. Nhưng riêng các chương trình hướng ra nước ngoài thì phải chịu sự chi phối của bộ ngoại giao vì bộ này tài trợ các chương trình đó. Trong bài bình luận của Judy Stow có đoạn:

“Lịch sử Việt Nam có thể xoay vần khác hẳn, nếu tổng thống Ngô Đình Diệm không bị sát hại 30 năm trước đây”.

“Quả thực đã có ý kiến cho rằng lý do chủ chốt khiến tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ là vì ông đã chuẩn bị cho ông Ngô Đình Nhu dấn bước vào những cuộc thương lượng ngầm với Hà-nội”.

“Nói cho đúng, có người còn cho rằng, mặc dầu đối địch về chính trị, nhưng ông Hồ chí Minh đã có phần nào trọng nể ông Ngô Đình Diệm. Cả hai đều chọn cuộc đời độc thân, và phải nói, cho đến khi bị hạ bệ, cá nhân ông Ngô Đình Diệm không hề bị ô danh vì tham nhũng”.²⁰

Không rõ khi nói “lịch sử Việt Nam sẽ xoay vần khác hẳn”, Judy Stow có muốn tượng ra nó sẽ xoay vần ra sao, theo chiều hướng nào không.

Nhưng chắc chắn nhiều người quốc gia ngày nay không khỏi có ý nghĩ: nếu lúc ấy người Mỹ không hạ ông Diệm mà còn ủng hộ lập trường của ông (là rút bớt cố vấn về, chỉ viện trợ vũ khí, kỹ thuật, kinh tế để Việt Nam chống cộng theo chiến pháp Việt Nam), và nhất là nếu người Mỹ cũng tán thành kế hoạch thương lượng với Hà Nội của ông Diệm và giúp ông có một cái thế mạnh để thương lượng, thì chắc chắn người Mỹ đã khỏi phải tiêu hàng trăm tỷ Mỹ kim, gửi hai triệu con em sang Việt Nam chiến đấu, để rồi cuối cùng trên 58.000 trong số đó phải tử trận; và cũng

²⁰ Diễn Đàn Phụ Nữ tháng 12 năm 1993.

không phải mang tiếng là siêu cường mà thua đoàn quân đi dép râu hay chân đất; và hơn nữa còn tránh được cái gọi là “hội chúng Việt Nam” ám ảnh, chia rẽ cả một dân tộc cho đến ngày nay.

Lúc ấy nếu ông Diệm nói chuyện với Hà-nội là nói trên cương vị bình đẳng, chưa kể ông còn có ưu thế, hoàn toàn khác với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu sau đó 5 năm chỉ được ngồi ngang hàng với cái bóng ma “chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam”, còn chính siêu cường Mỹ có bom nguyên tử làm hậu thuẫn mà đành lép vế để cho Bắc Việt lên chân, o ép nhiều lần tại bàn hội nghị.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 nhiều sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã nói: Mỹ đâu có thua. Họ chỉ không muốn thắng. Vì họ đã nắm được Trung Quốc rồi. Để cho Việt Cộng thắng hầu Việt Cộng có thể cầm chân Trung Cộng sau này. Người khác thì bảo: Mục đích của Mỹ nhằm thử một số vũ khí mới như máy bay tàng hình, bom CBU và tiêu thụ nốt số vũ khí lỗi thời trong thế chiến II đã đạt được, nên không cần kéo dài chiến tranh nữa. Thực sự Mỹ đâu có mất một tấc đất nào mà bảo Mỹ thua?

Tất cả những lập luận loại đó đều bắt nguồn từ sự không hiểu thế chiến của cộng sản. Cho đến nay, sau khi cuốn “No more Vietnams” ra đời đã hơn một thập kỷ, trong đó tác giả là người tiến hành cuộc chiến trong giai đoạn chót và quyết định của nó đã phải công nhận đó là một thất bại đầu tiên của Mỹ²¹, mà vẫn còn những người nhất định cho rằng Mỹ không thua mới là chuyện lạ.

²¹ *No More Vietnams*, trang 12-14.

Tưởng nên nhắc lại là khi người Mỹ lật ông Diệm và để sau đó đem quân tác chiến ồ ạt vào Việt Nam, họ đã biến cuộc chiến tranh chống cộng có chính nghĩa thành một cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa. Đó là lý do quan trọng nhất của sự thất trận.²²

Thái độ của ông hoàng Sihanouk từ chối viện trợ Mỹ liền sau đó cho thấy ông ta sợ quan thầy nhà giàu dễ dàng dùng áp lực đồng tiền muốn loại bỏ đồng minh nhỏ bé lúc nào cũng được nên thà không có tiền (của ông nhà giàu đó) còn hơn nom nớp lo sợ bị ông ấy hại bất cứ lúc nào như ông Diệm. Một người bên nước láng giềng còn sợ, huống gì người dân Việt Nam. Lòng tin nơi người bạn Mỹ đã mất nơi các người quốc gia sáng suốt. Người dân thường cũng kinh tởm Mỹ. Và quan trọng nhất là những người quốc gia bị kẹt trong chế độ miền Bắc, bề ngoài bắt buộc phải khẹp mình dưới quyền lực vô biên của chế độ, nhưng trong thâm tâm vẫn hy vọng chế độ miền Nam, dưới sự lãnh đạo của một người yêu nước như ông Diệm, sẽ chiến thắng, hoặc/và sẽ có lúc thời cơ thuận lợi tới họ sẽ đóng góp một phần trong việc lật đổ chế độ Cộng sản.

Mỹ giết ông Diệm là giết niềm hy vọng cuối cùng của những người đó. Nhất là khi thấy quân Mỹ nhan nhản trên chiến trường miền Nam, ồ ạt bắn phá miền Nam lẫn miền Bắc, họ, vì là những người quốc gia, không thể tán thành cuộc chiến tranh đã trở nên thực sự của Mỹ, còn các tướng tá Việt Nam Cộng Hòa dù tài giỏi, thiện chiến, có tinh

²² Kế hoạch “Việt Nam hoá” chiến tranh bắt đầu ở đầu thập niên 70 chứng tỏ cuộc chiến sau ông Diệm là cuộc chiến của Mỹ chống nhân dân Việt Nam. Đó là bằng chứng hùng hồn nhất để chứng minh các chiến sĩ quốc gia đã mất chính nghĩa và chỉ là lính đánh thuê. Làm sao không thua, như ông Diệm đã tiên tri.

thần quốc gia hay tư cách đạo đức, dù gì gì đi nữa cũng trở thành lính đánh thuê. Dĩ nhiên có người ý thức mình chỉ là lính đánh thuê thành ra hết hăng say, và cũng nhiều người không ý thức được điều đó, vẫn nghĩ mình chiến đấu vì chính nghĩa, để bảo vệ lý tưởng tự do, nhưng không phải không ý thức được mà không là lính đánh thuê.

Những người quốc gia ở miền Bắc nhìn rõ thực trạng đó. Họ vẫn biết “Bác và Đảng” chẳng qua cũng chỉ là công cụ của Liên Xô. Nhưng họ không nhìn thấy quân Liên Xô hay quân Trung Cộng, mà chỉ thấy máy bay và bom đạn của Mỹ dội xuống trên đầu họ, cho nên dễ bị làm mờ cho tuyên truyền của “đảng”. Thực trạng đó đưa họ đến chỗ đường cùng phải cùng với những người cộng sản chống Mỹ bảo vệ đất nước trước cái đã. Liên Xô và Trung Quốc, cộng sản quốc tế sẽ tính sau.

Vì hiểu và thấy rõ thực trạng đó nên ông Bùi Tín, (một đại tá Bắc Việt đào nhiệm, nguyên phó tổng biên tập tờ *Quân Đội Nhân Dân* miền Bắc, người đã nhiều lần tới Mỹ họp hội nghị với các nhà chiến lược Mỹ và đã tường trình trước quốc hội Mỹ về vấn đề MIA) đã viết trong cuốn hồi ký *Hoa Xuyên Tuyết*, NXB Nhân Quyền, 1991 của ông (trang 172) :

“Chính quyền Kennedy hạ ông Ngô Đình Diệm là một thất sách, có thể nói là một sai lầm rõ rệt”.

Là một đại tá trong quân đội miền Bắc ắt ông Bùi Tín phải hiểu chiến lược, chiến thuật cộng sản và ông nói điều đó với tư cách người có thẩm quyền. Và vì ông đã đào nhiệm, coi mình không còn trong khối cộng nữa nên mới phát biểu như vậy. Chứ những cấp chỉ huy của ông ở Hà Nội đâu có mất công mách cho những vị như

Harriman, Hilsman, Forrestal biết bài học đau lòng đó. Họ chỉ cười thôi.^{22bis}

Vì không hiểu được tâm trạng của những người Việt Nam, bên này cũng như bên kia bờ sông Bến Hải khi thấy Mỹ lật và giết ông Diệm, nên sau đó người Mỹ tưởng với vũ khí tối tân hiện đại họ sẽ thắng dễ dàng. Nhưng quân dân miền Bắc trong đó có những thành phần quốc gia như vừa nói trên, đã được rèn luyện theo chiến pháp nhà

^{22bis} Câu trên của Bùi Tín được đưa ra trong hồi ký xuất bản năm 1991. Bốn năm sau, ngày 10 tháng 11 năm 1995 trong buổi họp chuẩn bị cho hội nghị Mỹ-Việt (Cộng) vào cuối năm 1996, để rút ra những bài học cho cuộc chiến tranh Việt Nam tại Hà Nội, theo ký giả Keith B. Richburg của tờ *Washington Post* thuật lại cuộc họp nói trên vào hôm sau thì “ông McNamara đã lấy làm thích thú đến say mê” (từ ông dùng để nói với nhà báo: fascinating) nhận thấy rằng vài giới chức cao cấp trong chính quyền Hà Nội, (trong buổi họp có mặt tướng Võ Nguyên Giáp), đã bảo cho McNamara biết ông Diệm là người yêu nước (họ dùng từ nationalist) và giả sử như ông Diệm còn thì có lẽ ông ấy đã không để cho người Mỹ đem chiến tranh vào Việt Nam và Mỹ-hoá cuộc chiến tranh đó khiến cuối cùng Mỹ phải tổn mất trên 58,000 sinh mạng. (Washington Post November 11, các trang A21 và A25 Nguyên văn: (He found it) “fascinating that several former high-level Vietnamese Communist officials here told him that Diem was a nationalist and that had he lived, Diem would probably not have accepted the U.S. buildup and the Americanization of the war that eventually cost 58,000 American lives”. Chắc hẳn ông cựu bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ phải đã làm gì cho những cán bộ cao cấp cộng sản thích thú lắm (trong đó có tác phẩm “In Retrospect”, thú tội, nhận lỗi một cách hơi quá đáng) nên mới được họ cho biết sự thực đó, để được thích thú say sưa.

Bài báo của ký giả K.B.Richburg cũng cho biết là trong phiên họp hai bên cũng đưa ra một số câu hỏi về nguyên nhân và trách nhiệm của cuộc chiến, trong đó có câu: “Nếu cuộc đảo chính lật tổng thống Diệm ngày nay trở thành một lỗi lầm bi thảm, thì có bao nhiêu giới chức Mỹ đã biết trước và đã tích cực ủng hộ cuộc đảo chính đó?” Nguyên văn: “And if the coup against Diem turns out to be a tragic error, how many US officials knew about it beforehand or were actively encouraging it?”

nghèo, qua hơn ngàn năm kinh nghiệm chống Bắc thuộc, biết “lấy ít thắng nhiều”, lấy “yếu đánh mạnh”, lấy “vũ khí địch đánh địch” do cả hai thành phần quốc gia và quốc tế (cộng sản) tạm đồng lòng, chung sức thi thố. Họ lại học được những bài học đơn giản và vắn gọn của chiến pháp Mao Trạch Đông pha chế từ tinh hoa của chiến pháp Tôn Tử trong những khẩu hiệu vắn gọn như: “Địch tiến ta lùi. Địch ngừng ta quấy. Địch mệt ta đánh. Địch chạy ta đuổi”, v.v. Và khi quân Mỹ đã ra mặt điều khiển cuộc chiến, biến nó thành phi nghĩa, thì lập tức sự động viên của Hà Nội được thi hành dễ dàng và đồng loạt, với những khẩu hiệu chiến tranh đã trở thành châm ngôn tục ngữ: “Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh”, “Tinh vi dân, động vi binh”. “Mỗi người dân là một cán bộ tình báo”, “mỗi ngôi bút là một sư đoàn”, v.v.

Nhân nói đến “mỗi ngôi bút là một sư đoàn” và “lấy vũ khí địch đánh địch”, tôi đề nghị bạn đọc đi vào tinh nghĩa của chiến lược “toàn bộ chiến”²³ của cộng sản để thấy được cái tính thiên biến vạn hóa của nó. Theo chiến pháp của những Stalin và Mao Trạch Đông, toàn bộ chiến là chiến tranh toàn diện trên mọi mặt trận, bằng mọi phương tiện, ở khắp mọi nơi, nhất là ở những nơi mà đối phương tưởng rằng an toàn nhất, nghĩa là ngay trong lòng đối phương. Trong cái thế toàn bộ chiến đó ai cũng có thể là chiến sĩ. Với phương pháp “biến thù thành bạn”, với

²³ Thực ra vào đầu thế kỷ trước Karl Von Clausewitz (1780-1831), một tướng lãnh, một nhà chiến lược thời danh nước Phổ, đã chủ trương toàn bộ chiến và đã được các chiến lược gia Âu Châu áp dụng cho đến thế chiến thứ nhất. Sau đó nó hầu như bị quên lãng cho đến khi được các lãnh tụ cộng sản Liên Xô và Trung Quốc khôi phục và phát triển thêm.

khẩu hiệu “thêm bạn bớt thù”, “lấy gậy bà đập lưng bà,” cộng sản có thể dùng cây bút (sư đoàn) của những David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne chẳng hạn để tấn công bọc hậu vào ngay bộ chỉ huy đầu não của đối phương không phải ở Quảng Trị, An Lộc, Ấp Bắc hay Khe Sanh, A Shau, mà ở ngay Los Angeles, New York, Washington.

Chính vì vậy mà Võ Nguyên Giáp nói các nhà báo Mỹ đã giúp y một tay rất đắc lực. Mĩa mai và trở trêu là ở chỗ những nhà báo nói trên không bao giờ nhìn ra điều đó. Ngay cả khi đã nghe Võ Nguyên Giáp nói có lẽ họ vẫn không hiểu họ Võ nói gì. Bởi vì họ không hiểu Stalin, Mao Trạch Đông đã đánh, mà có lẽ cũng chưa đọc Giáo sư Robert Strausz-Hupé.

Strausz-Hupé đã cùng với ba chuyên gia khác là các ông William R. Kintner, James E. Dougherty, và Alvin J. Cottrell để ra nhiều năm nghiên cứu mài miệt mới viết ra được một cuốn sách 150 trang về “Trường Kỳ Kháng chiến” cho viện nghiên cứu chính sách đối ngoại, xuất bản vào năm 1959. Cuốn sách đã được Henry Kissinger khuyên tất cả những ai muốn hiểu thực chất của mối nguy của thế giới tự do nên tìm đọc.

Người tóm lược và giới thiệu tác phẩm đó với độc giả Reader's Digest (Jan.1961) là Max Eastman đã mở đầu bài báo với tựa đề giật gân - nhưng chính xác và trung thực: “Thế chiến III đã khởi sự rồi”. Trong bài báo ông đã nhắc lại nhận xét chua chát của 4 tác giả “Trường kỳ kháng chiến”²⁴ như sau:

²⁴ “Protracted conflict”, có nghĩa là cuộc xung đột kéo dài. Nhưng vì tác giả dùng từ này để nói về chiến lược Mao Trạch Đông nên soạn giả xin dùng từ của

“Đúng lúc này đây chúng ta đang ở vào giữa cuộc thế chiến thứ ba. Các người cộng sản đang thắng bởi vì họ biết rằng họ đang ở trong cuộc chiến đó. Còn chúng ta thì đang thua vì chúng ta không biết chắc chúng ta đang lâm chiến hay đang hưởng hòa bình.”

Lúc mà quân Mỹ đã đổ vào Việt Nam một cách ồ ạt, rầm rộ, nhân dân Mỹ vẫn còn tưởng họ đương ở thời bình, vì quốc hội không tuyên chiến, vì chiến tranh xảy ra ở một nơi xa xôi, cách biên thùy Hoa Kỳ hàng chục ngàn cây số. Điều đó dễ hiểu. Nhưng báo giới, những người tốt nghiệp đại học báo chí, tự hào là mình am tường về Việt Nam về cộng sản như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne trong thời gian ông Diệm cầm quyền, đã hành xử như trong thời bình, thậm chí đòi chính phủ của ông Diệm cũng phải điều hành như trong thời bình. Điều đó khiến những nhà lãnh đạo chính trị sáng suốt không khỏi lấy làm buồn. Ông Nixon đã khẳng định báo giới đã có ảnh hưởng quyết định đến việc Mỹ thất trận quả không sai.

Về bản chất (chuyên chính vô sản, chuyên chính = độc tài) xã hội một quốc gia cộng sản là xã hội đóng kín^{24bis},

họ Mao “Trường kỳ kháng chiến”, đã được nhân dân miền Bắc nghe quen tai từ những năm 1946, 1947. (Do sự phỏng dịch và cóp nhặt của Trường Chinh, Đặng Xuân Khu từ cuốn “Tri Cúu Chiến Luận”, có nghĩa là bàn về chiến tranh lâu dài, hay trường kỳ kháng chiến, của họ Mao.)

(24bis) Nhà văn cộng sản Vũ Thư Hiên, con ông Vũ Đình Huỳnh, trong hồi ký chính trị “Đêm Giữa Ban Ngày” (trang 148) đã dùng hai từ “khép kín” và mô tả thật chính xác cái xã hội miền Bắc lúc đó như sau: “Xã hội Việt Nam trong những năm ấy là xã hội khép kín. Một lỗ thủng để dân chúng có thể nhòm ra ngoài là sơ xuất của ngành an ninh, là trọng tội đối với kẻ đã dám khoét cái lỗ thủng đó hoặc phát hiện ra nó để sử dụng.”

“Mọi thứ sách báo nước ngoài đều là sách báo địch, mọi thứ đài nước ngoài đều là đài địch, trừ các sản phẩm văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa. Sau đại

còn xã hội các nước dân chủ trong thế giới tự do là xã hội cởi mở. Nhưng nếu nhận ra rằng thế giới đang ở giữa thế chiến III thì phải nói xã hội thế giới tự do là xã hội “bỏ ngõ”, nghĩa là tha hồ cho đối phương tung hoành, thao túng, nếu người dân và nhất là giới truyền thông không tự giác hay được giác ngộ rằng họ đang ở trong thế chiến III, (nên hãy liệu mà viết, mà nói, đừng để ngòi bút, tiếng nói của mình trở thành vũ khí lợi hại của địch.)

Trong chiến tranh toàn bộ, chẳng những mọi người dân đều là chiến sĩ, mà mọi người dân đều là cán bộ tình báo, cán bộ tuyên vận. Chẳng những mỗi ngòi bút là một sư đoàn mà mọi sinh hoạt mọi ngành từ văn học nghệ thuật đến kỹ nghệ, thương mại đều biến thành những thứ vũ khí sắc bén trong tay những cán bộ chiến tranh.

Trong thế chiến III, với định nghĩa chiến tranh toàn bộ, chiến tranh giải phóng, chiến tranh nhân dân, chiến tranh trường kỳ, mặt trận ở khắp mọi nơi, ở ngay chính

hội XX ít lâu, sách báo Liên Xô và các nước Đông Âu cũng bị cấm nốt, cũng bị coi là những sản phẩm văn hóa độc hại.”

Ở phần cuối chú ở cuối trang tác giả đã dẫn chúng một sự việc khá lý thú để chứng minh lời nói trong câu cuối cùng vừa nêu như sau: (Cuộc chú (+) ghi:) Giới thạo tin kể rằng chủ tịch hội đồng bộ trưởng Liên Xô A.N. Kossyghin (1904-1981) trong cuộc hội đàm với thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng năm 1965 (?) đã hỏi thẳng về chuyện báo chí Liên Xô bị cấm bán. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chối. Kossyghin đề nghị ngừng hội đàm để cả hai cùng đi ra phố xem hư thực ra sao thì Phạm Văn Đồng thoái thác. Để giữ hòa khí với nước đàn anh người ra vẫn mua sách báo Liên Xô với khối lượng lớn như trước, nhưng chờ thẳng đến các nhà máy giấy để tái chế. (Hết cuộc chú.)

Đã khép kín đến như vậy thì không phải chỉ ở trong người dân không nhìn được ra ngoài, mà từ ngoài ký giả ngoại quốc tất nhiên cũng không nhìn vào để biết sự thực, trừ phi được giới lãnh đạo chỉ cho thấy những gì họ muốn ở ngoài được thấy mà thôi.

hậu phương an bình, an toàn của đối phương như Hoa Thịnh Đốn, chứ không phải chỉ ở Phước Thành, Ấp Bắc. Và các nhà báo không am tường về “toàn bộ chiến” không thể nào tin và không thể nào hiểu được tại sao họ lại là những sư đoàn đào ngũ nhảy sang chiến đấu bên hàng ngũ địch, chống lại phe mình.

Giáo sư Strausz-Hupé khi bàn về chiến tranh trường kỳ của Mao Trạch Đông vào cuối thập niên 50, nhìn vào bản đồ thế giới với một phần ba nhân loại bị đặt dưới chế độ cộng sản, chỉ trong vòng có dăm năm, đã nhận xét rằng “chúng ta thua vì chúng ta không biết mình đang ở trong thế chiến III.”²⁵

Solzhenitsyn, văn hào giải Nobel, thấy Việt Nam Cộng Hòa mất vào tháng 4 năm 1975 đã viết (trên tờ *Le Monde* ở Pháp) rằng “thế chiến III đã chấm dứt.” Ông muốn nói: “Thế giới tự do đã thua hẳn rồi.”

Nhưng may thay, đó chưa phải là trận cuối cùng. Gần hai triệu người Việt Nam liêu chết bỏ nước ra đi xa lánh chế độ cộng sản là một vũ khí vô cùng lợi hại, hơn hẳn bom nguyên tử, đã từ trời rớt xuống cứu nhân loại, vì nó gây một xúc động rung chuyển thế giới, khiến nhân loại xét lại sự đánh giá của mình về một thiên đường cộng sản mà Mác và Lênin quảng cáo. Cho nên đến năm 1991 thế chiến III mới thực sự chấm dứt và nhân loại đã thoát khỏi cơn ác mộng xích hóa toàn cầu sẽ có thể biến một xã hội văn minh lùi lại thời kỳ đồ đá. Giống như Hà Nội sau khi

²⁵ Protracted Conflict, 1959. The Trustees of University of Pennsylvania, trang 109. Nguyên văn: “The Communists are likely to win World War III because they know they are in it.” Tạm dịch: “Cộng sản có cơ thắng trong thế chiến III vì họ biết họ đang ở trong cuộc chiến đó.”

chiếm Việt Nam cộng hòa đã biến miền Nam Việt Nam đang có mức sống không thua kém các con rồng Á châu sau này bao nhiêu, trở thành nước có lợi tức đầu người hàng niên không đầy 200 Mỹ Kim, một trong 6 nước có lợi tức đầu người thấp nhất thế giới.

Các nhà báo Mỹ chỉ trích ông Diệm cho rằng ông không biết gì về báo chí các nước dân chủ tự do. Tôi không nghĩ một người thông minh luôn luôn tìm hiểu mọi sự một cách tỷ mỷ đến nơi đến chốn như ông Trần Văn Đôn đã mô tả về tính hiếu học của ông Diệm, lại đã từng sống ở các nước dân chủ nhiều năm, mà không hiểu thế nào là tự do báo chí. Nhưng dầu sao chắc chắn ông Diệm hiểu về báo chí cộng sản hơn một số nhà báo Mỹ.

Những người này luôn tự phụ rằng họ làm nhiệm vụ của báo chí một nước tự do dân chủ, phải trung thực trình bày đúng những gì họ mắt thấy tai nghe. Nhưng họ không biết rằng họ chẳng bao giờ có thể trình bày trung thực về thực trạng ở Việt Nam khi họ chỉ nói những gì xảy ra ở Miền Nam, còn về miền Bắc thì họ im lặng. Lý do dễ hiểu: họ không tới được miền Bắc. Và với bức màn tre bức màn sắt vây quanh không có tin gì gọi là trung thực được lọt ra ngoài.

Ngay trong vấn đề thông tin ở miền Nam thôi cũng không thể bảo là thông tin trung thực, khi những điều hay điều tốt của chế độ ông Diệm họ không loan, mà chỉ loan những tin giạt gân, thường xấu, để bán báo cho chạy. Làm báo dĩ nhiên cần báo bán chạy. Khai thác tin giạt gân cũng không phải xấu. Nhưng nếu vì thiên kiến lờ đi những tin tốt chỉ loan tin xấu mà bảo là trung thực thì là nguy hiểm, nếu không phải là nói láo. Ngày nay nhìn lại, hãy chỉ nói về miền Nam thôi.

Các nhà báo nói trên nghĩ gì khi hỏi ấy họ chỉ làm rầm rộ về trận Ấp Bắc, về Ấp Chiến Lược Bến Cát, về trận Phước Thành mà hầu như không bao giờ nói đến những trận thắng lớn của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, ví dụ những trận trong năm 1960: Trận Đức Huệ (tháng 1), Trận Kiến Hòa (ngày 13 tháng 4) trận U Minh Hạ (tháng 5), trận Thới Lai Phong Dinh (ngày 8 tháng 6), trận mặt khu Tô Hạp (ngày 16 tháng 7 năm 1961, trong đó 200 V.C. bị hạ cùng với một thượng tá.)?

Những lỗi lầm của báo chí Mỹ thời ông Diệm được lặp lại trong thời ông Thiệu. Báo chí Mỹ làm rầm rộ về vụ Mỹ Lai mà chỉ loan tin sơ sài về vụ tàn sát tập thể gần 3.000 người trong dịp Tết Mậu Thân (tìm thấy ít tháng sau đó trong những mô tập thể ở Huế). Những sự thiên vị như thế có thể là do lương tâm nhà báo “luôn trung thực” không?

Cần nói thêm là cái thể toàn bộ chiến của cộng sản nó dồn phe dân chủ tự do vào thế lưỡng-nan. Nghĩa là nếu anh cởi mở nhân danh dân chủ thì sẽ bị đối phương lợi dụng như một “thành trì bỏ ngõ” để khai thác, thao túng. Ngược lại nếu anh dẹp bỏ tự do, áp dụng các biện pháp độc tài chuyên chế thì anh sẽ tự mâu thuẫn. Anh chống cộng vì cộng sản độc tài và anh nhân danh dân chủ tự do mà tranh đấu, nếu anh lại cũng độc tài thì anh chống cái gì? Đó là lý luận mà các nhà báo Mỹ thường dùng để đả kích ông Diệm trong những năm đầu thập niên 60.

Chỉ có thể hóa giải được cái thế lưỡng nan đó bằng cách nghiên cứu kỹ chiến lược cộng sản, nhất là toàn bộ chiến và “trường kỳ kháng chiến”. Rồi tìm ra những kẻ hở của nó. Và phải đồng lòng, nhất trí, quyết tâm theo đuổi đến cùng. Đừng vì những bất đồng nhỏ mà quay ra sát hại lẫn nhau.

Như đã nói cái thế toàn bộ chiến nó biến mọi thứ thành vũ khí, thì chính hiến pháp cũng trở nên vũ khí. Hiến pháp của cộng sản cũng bao gồm những điều khoản tương tự như hiến pháp các nước tự do. Nhưng nó có một điều cốt lõi hủy bỏ tất cả các điều khoản có tính dân chủ. Đó là điều quy định sự lãnh đạo của đảng, sự chuyên chính vô sản. Thành ra cộng sản có thể nhân danh hiến pháp biến mọi người dân thành lính phải theo quân lệnh của đảng là tổng tư lệnh, dĩ nhiên kể cả báo chí (đệ tứ quyền), quốc hội, tòa án.

Còn hiến pháp của thế giới tự do là một lời tói, một thứ trở ngại không thể vượt qua, khiến chính phủ, bộ tư lệnh bị trói tay. Như tướng Westmoreland đã từng ví ông chiến đấu trong tình trạng hai tay bị trói.

Thời nội chiến của Mỹ tổng thống Abraham Lincoln, khi lấy cớ chiến tranh tạm hủy bỏ một vài điều khoản về quyền tự do hiến định, đã bị nhiều người phê bình, chỉ trích. Huống chi trong một cuộc chiến ở xa lục địa Mỹ cả chục ngàn cây số, ai cho phép chính quyền Nixon đụng đến hiến pháp?

Trong cái thế chiến tranh toàn bộ đó, kho vũ khí hạt nhân cũng trở thành vô dụng. Cứ lấy một ví dụ. Cuộc oanh kích Bắc Việt trước lễ Giáng sinh năm 1972 nếu được tiếp tục thêm vài ngày nữa thì Hà Nội đã phải đầu hàng vô điều kiện. Nhưng du luận Mỹ, du luận thế giới do báo chí hướng dẫn, đã bắt buộc chính quyền Nixon phải ngưng oanh kích. Tóm lại không phải cứ có ưu thế về quân sự là đảm bảo thắng lợi. Thông tin, văn hóa, nghệ thuật, ngoại giao, tuyên truyền, tình báo, tất cả đều là vũ khí, nhiều khi có tính quyết định hơn hẳn sức mạnh quân sự.

Vì vậy đừng bảo: “Mỹ mạnh như thế làm sao thua được. Họ giả vờ thua đấy thôi.”

Trong thời ông Diệm, vì có sự hiện diện của siêu cường Mỹ tại miền Nam, nên những người có chút văn hóa, và thông thạo ngoại ngữ mà lại vọng ngoại, hay có quá nhiều tham vọng thường được người Mỹ lợi dụng như những lá bài phòng hồ, để làm áp lực hay mặc cả với chính quyền. Ông Diệm đã cương quyết không để bị thách đố bởi những sự việc như vậy. Và thái độ cứng rắn đó, đáng lẽ người Mỹ phải hiểu, thì trái lại có những nhà báo và một số viên chức cao cấp bộ ngoại giao Mỹ lại vì tự tôn, tự ái hành động như thực dân theo xu hướng sô-vanh nước lớn.

Nhưng cũng phải nhìn nhận chế độ ông Diệm hơi kém về phương pháp thu phục giới trí thức thị thành, và báo giới Mỹ.

Ngoài ra, phong trào tố cộng trong những năm đầu, tuy xét chung rất thành công, nhưng có lúc đi hơi quá lố. Sự việc một số cán bộ đảng phái quốc gia và giáo phái bị bắt oan và không được phóng thích kịp thời đã gây nên những hiểu lầm dần dần biến thành những mầm mống chống đối.

Nếu so với đại đa số nhân dân mà phần lớn ở nông thôn mến phục ông Diệm, thì con số nhỏ các phần tử trí thức hay học sinh ở đô thành không đáng ngại²⁶. Nhưng khi

²⁶ Ở miền quê Nam Việt Nam lúc ấy có câu ca dao khá phổ biến chứng tỏ lòng dân hướng về ông Diệm hơn ông Hồ Chí Minh, được nhà văn hồi chánh Xuân Vũ trưng lại trong hồi ký “Mạng người lá rụng” của ông (trang 266) như sau: “Một mai mưa rã tan Hồ. Lúa lên Ngô tốt, ăn Ngô no lòng.”

Nhà văn Duyên Anh, Vũ Mộng Long, người tự xưng là “tình nguyện chống cộng, cộng sản không tha, quốc gia không dung” thì lại trưng một câu ca dao khác để nói về riêng ông Hồ chí Minh: “Những ai còn ảo tưởng cộng sản nữa đây?

người Mỹ bất bình với anh em ông Diệm về những mục tiêu chính trị khác, muốn hãm hại ông, thì những phần tử đó bị người Mỹ sử dụng, trở thành rất nguy hiểm. Những gì đã xảy ra trong vụ Phật tử và sinh viên bị lôi vào trong những cuộc biểu tình chống đối vào mùa thu năm 1963 chứng tỏ điều đó.

Dẫu sao chính quyền Ngô Đình Diệm cũng có phần trách nhiệm về việc không thu phục được một số thành viên đồ thị để họ bị những người Mỹ có óc thực dân lợi dụng dẫn đến sự sụp đổ của một chế độ tương đối tốt nhất trong giai đoạn từ 1945 đến nay.

Nhưng lỗi lầm đó thiết tưởng đã được chuộc và rửa sạch bằng cái chết bất khuất của ông. Chỉ tiếc một điều là cái chết đó và sự sụp đổ của chế độ đệ nhất Cộng Hòa đã dẫn đến cái chết của cả miền Nam sau này, khiến nhân dân Việt Nam phải chịu đựng cảnh thiếu thốn, cơ cực, áp bức cho đến ngày nay.

Để kết thúc chương này và soạn phẩm “Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê,” tôi xin dựa vào những nhận xét của đa số các tác giả đã được trích dẫn để kết luận rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một lãnh tụ xứng đáng của miền Nam Việt Nam. Ông bị lật đổ không phải vì lòng dân oán ghét ông, nhưng vì ông đã chống lại âm mưu của người Mỹ muốn biến chính quyền Ông thành một chư hầu, biến Miền Nam Việt Nam thành một thứ thuộc địa kiểu mới.

Những điều mà người Mỹ qua báo giới đã cáo buộc ông về sự bất lực trong việc bình định nông thôn, về sự thất

Hãy nghe dân gian lên tiếng: “Từ khi ta có Bác Hồ, Nhân dân chẳng được ăn no ngày nào” (Saigon ngày dài nhất, Duyên Anh, Xuân Thu California xuất bản năm 1988, trang 240)

bại của Ấp Chiến Lược hay về sự đàn áp đối lập, bách hại Phật Giáo, thực ra chỉ là những cái có, và những vụ xuống đường biểu tình, các vụ tự thiêu của một số nhà sư đều nằm trong những kế hoạch, những ma-nôp chính trị nhằm triệt hạ uy tín của ông, rồi cuối cùng lật ông, giết ông bằng những bàn tay do CIA Mỹ điều khiển.

Người Mỹ không ước lượng được hậu quả tai hại của việc làm của họ nên đã phải chứng kiến và lãnh đủ những gì ông Diệm đã tiên tri từ trước:

“Sau tôi sẽ là đại hồng thủy”²⁷, “Cộng sản sẽ thắng. Chúng thắng không phải vì chúng mạnh mà vì chúng ta yếu, chúng ta bỏ cuộc.”²⁸

Người Mỹ muốn thoát khỏi “hội chứng Việt Nam” vẫn còn đang chia rẽ nhân dân Mỹ về nguồn gốc, trách nhiệm của cuộc thất trận trong chiến tranh Việt Nam, và người Việt Nam muốn chấm dứt sự chia rẽ hiện nay trong cảnh lưu vong, tha hương, hãy công bình với người quá cố. Hãy trả lại danh dự cho ông Ngô Đình Diệm. Hãy chấm dứt những chiến dịch bôi lọ lẫn nhau. Nhất là những vị tai to mặt lớn đã từng nhúng tay ít nhiều vào cuộc đảo chính 1-11-1963 hãy chấm dứt chiến dịch “chạy tội” nói xấu vị lãnh tụ tương đối xứng đáng nhất của Miền Nam Việt Nam.

Đài phát thanh BBC của Anh Quốc tối mùng 2 tháng 11 năm 1963, trong một bài bình luận, sau khi loan tin tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, đã nhắc lại một số thành tích của ông trong thời gian cầm quyền, và kết luận rằng:

²⁷ Xin xem chương 26.

²⁸ Vietnam, a history, by Stanley Karnow, 1993, trang 231,232.

“Lịch sử sẽ công bình hơn đối với ông”²⁹. Mong rằng thế hệ trẻ Việt Nam sẽ được chứng kiến sự kiện lịch sử tuyên dương anh hùng Ngô Đình Diệm, mặc dù hiện nay sau biến cố 30 tháng tư năm 1975, tại quốc nội cộng sản hầu như giữ độc quyền viết sử, và một số nhà báo thiên cộng trở thành sử gia Mỹ đang có một ảnh hưởng rất lớn trong dư luận Mỹ và thế giới.³⁰

²⁹ Soạn giả đã đích thân nghe câu nói đó qua giọng nói và trước mặt xướng ngôn viên Thạch Xuân Kỳ, thuộc ban Việt Ngữ đài BBC, trong phòng vi âm của ban này tại trụ sở Bush House của Sở Ngoại Ngữ. Như đã trình bày về câu nói của Judy Stow, những lời phát đi từ sở Ngoại Ngữ đều theo đúng chính sách của bộ ngoại giao Anh. Và các bài bình luận chính trị thường chỉ có người Anh được viết, nhân viên người Việt của đài chỉ làm nhiệm vụ dịch thuật và xướng ngôn.

³⁰ Trong tuần san *US News and World Report* số ra ngày 10 tháng 8 năm 1998 vừa qua, dưới nhan đề: “Can Vietnam forget? Its view of the war and of America is changing”, ký giả Kevin Whitelaw đã trưng dẫn lời phát biểu của hai sử gia hiện đại của Cộng Sản Việt Nam, các ông Nguyễn Đình Lê ở trường đại học Hà Nội, và Lê Văn Quang đại học thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy ngày xưa, khi còn chiến tranh, các người cộng sản phải viết để cổ vũ cho cuộc chiến tranh của họ, nên lúc ấy họ gọi Mỹ là xâm lược, chống nhân dân Việt Nam. Nhưng ngày nay, hết chiến tranh rồi, và đang lúc cần lấy lòng người Mỹ, họ lại nói lúc ấy người Mỹ chiến đấu ở Việt Nam là do chiến lược toàn cầu của Mỹ chống Cộng Sản. Đây xin bạn đọc xem nguyên văn lời phát biểu của hai giáo sư sử học Cộng Sản Việt Nam nói trên, qua lời trích dẫn của nhà báo Mỹ Whitelaw:

“Historians also teach a more nuanced view of American motives. “In 1977, we only lectured on what we were given and, of course, there were materials about American colonialism” says Nguyen Dinh Le, a war historian at Vietnam National University in Hanoi, “Now I tell my students that the main reason the US Government wanted to invade Vietnam was under its global strategy against the Communism.”

“During wartime, our historians wrote the history to serve the struggle”, says Le van Quang, dean of history at Vietnam National University of Ho Chi Minh city, “we still write about war, but we try to find things to serve our two countries.”

Tạm dịch:

“Ngày nay các sử gia cũng dạy (sinh viên) một quan điểm uyển chuyển hơn về lý do người Mỹ (chiến đấu ở Việt Nam). Một giáo sư về chiến sử tại trường đại học quốc gia ở Hà Nội, ông Nguyễn Đình Lê nói: “Năm 1977 chúng tôi chỉ dạy những gì được cung cấp, và dĩ nhiên có những tài liệu về chính sách thực dân của Mỹ. Ngày nay thì tôi bảo sinh viên rằng lý do chính khiến chính phủ Mỹ lúc đó muốn xâm nhập Việt Nam nằm trong chiến lược toàn cầu chống cộng sản của họ.”

“Ông Lê Văn Quang, khoa trưởng khoa Sử trường đại học quốc gia ở thành phố Hồ Chí Minh thì nói: ‘Trong thời chiến các sử gia chúng tôi viết sử để phục vụ cuộc chiến đấu. Ngày nay chúng tôi vẫn còn viết về chiến tranh, nhưng chúng tôi cố gắng tìm ra những gì phục vụ hai quốc gia chúng ta mà viết.’

Tài liệu trên đây cho thấy: Dù cho chế độ cộng sản còn tồn tại trong một thời gian thì nó cũng không thể hoàn toàn ngăn cản lương tâm và ý thức lịch sử của những người dân lương thiện trước sau gì cũng tìm ra sự thực.

Đàng khác nó cũng chứng minh những gì chúng tôi nói trong chương lời bàn chung về toàn bộ chiến. Nhằm mục tiêu chiến thắng các chiến lược gia cộng sản không từ một thủ đoạn nào. Tất cả đều có thể biến thành vũ khí, chiến cụ, mọi người phải trở thành chiến binh. Đúng như quan niệm của lý thuyết gia cộng sản Trường Chinh đã phát biểu trong thập niên 50 và trở thành nguyên lý chỉ đạo sự điều hành các chính sách của chế độ: “Không có nghệ thuật vị nghệ thuật. Tất cả phải do chính trị chi phối.” Và như một hệ luận tất yếu: Người viết sử phải viết theo những tài liệu được Đảng cung cấp. Ngày nay họ có viết khác đi thì cũng là theo chỉ thị của đảng. Mục tiêu chiến lược trong giai đoạn này đã thay đổi.

Phụ lục

1. Về việc ông Diệm bị Việt Minh bắt, giam và được thả. (Theo Vũ Thư Hiên, tác giả Đêm Giữa Ban Ngày)

“Nhân chuyện thống nhất đất nước, tôi xin nói tới một mẩu lịch sử ít người biết. Sau khi Cách Mạng Tháng Tám thành công, ông Ngô Đình Diệm bị bắt. Tại Hà Nội ông Diệm bị giam không phải ở Hỏa Lò mà ngay trong Bắc Bộ Phủ. Theo ông Chu Đình Xướng, nguyên giám đốc sở Liêm Phóng Hà Nội, thì việc Ngô Đình Diệm bị giam tại Bắc Bộ Phủ là do ông Hồ Chí Minh quyết định.”

“Tại sao ông Hồ lại có quyết định đó thì ông Chu Đình Xướng không hiểu. Rất có thể do những giây mơ rã má nào đó giữa gia đình ông Hồ với các quan lại triều Nguyễn trong quá khứ mà ông Hồ Chí Minh lo cho số phận của Ngô Đình Diệm, không muốn để mặc tính mạng con người nổi tiếng chống Cộng này nằm trong tay những đồng chí nóng tính. Cha tôi là người giữ chìa khóa phòng giam. Đến bữa cảnh vệ lên lấy chìa khóa, cho Ngô Đình Diệm ăn xong thì nộp lại.”

“Một hôm ông Hồ bảo cha tôi: “Chú Huỳnh ạ, tôi tính nên thả ông Diệm. Mình làm ân cho người ta tốt hơn là làm oán”. Cha tôi bàn với ông Lê Giản. Hai ông cho rằng để ngăn ngừa những hành động chống Cách Mạng của ông Diệm cách tốt nhất là để cho ông ta được hưởng chế độ câu lưu tại Việt Bắc. Ông ta sẽ sống như dân thường, chỉ bị hạn chế tự do đi lại mà thôi.”

“Ông Hồ Chí Minh bỏ ngoài tai ý kiến phản bác. Ông ta đã định thả là ông ta thả: “Các chú không ở Huế không biết, chớ dân Huế có câu “Đầy vua không Khả, đào mả không Bài”, là nói về cụ thân sinh ông Diệm đấy. Vị người cha thả người con là điều nên làm lắm chứ. Các chú không nên hẹp hòi!”

“Nhiều người nhận xét khi ở cương vị tổng thống Việt Nam Cộng Hòa ông Ngô Đình Diệm không bao giờ có những lời khiếm nhã đối với chủ tịch Hồ Chí Minh.”

“Một trong những nguyên nhân, theo tôi nghĩ, có thể là do ông Diệm không quên ơn ông Hồ đã tha mạng mình, là điều không phải khó hiểu. “ Sđd trang 226 và 227.

2. Ý kiến của các ông Ngô Đình Nhu, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, đại sứ Pháp Lalouette, đại sứ Ý D’Orlandi, đại sứ Ấn Độ Goburdhun, luật sư Maneli trưởng đoàn Balan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, Phụ tá ngoại trưởng Mỹ Roger Hilsman, bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ McNamara... liên quan đến các cuộc tiếp xúc mật giữa hai miền Nam Bắc trong những năm 1962, 1963, do nhà báo nổi tiếng nữ tiến sĩ Ellen Hammer thuật lại trong tác phẩm A Death in November. E. P. Dutton, N.Y. 1987 (chương 8, trang 220-262):

“Khi Mieczyslaw Maneli, trưởng đoàn Balan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC) đã từ Hà Nội trở lại Saigon vào mùa xuân năm đó, thì một số nhà ngoại giao Tây Phương đã có quyết định là ông ta phải gặp Ngô Đình Nhu. Họ đang tìm kiếm một cơ hội thuận tiện để cho hai người gặp nhau thì vụ Phật Giáo bùng nổ, bắt buộc họ phải đình hoãn cuộc gặp này, vì vậy mãi cho đến tuần lễ cuối cùng của tháng 8, khi Cabot Lodge đang cố gắng tổ chức cuộc đảo chính ở Saigon, Maneli và bào đệ của tổng thống Diệm mới gặp nhau.”

“Họ gặp nhau trong buổi tiếp tân ngoại giao đoàn đầu tiên của tân quyền ngoại trưởng Trương Công Cừu, mà ông Lodge cũng có mặt. Tân đại sứ Mỹ là trung tâm điểm chú ý khi ông ta trò chuyện với các đồng nghiệp trong ngoại giao đoàn dường như không màng gì đến những căng thẳng bên ngoài căn phòng rực sáng. Nhưng những người Mỹ khác hiện diện thì không giấu nổi quan ngại của họ....”

“Tại một nơi khác trong căn phòng rộng, Đức Cha Asta, khâm mạng Tòa Thánh, đang nói chuyện với Maneli, không cho thấy có dấu hiệu nào bất thường trước sự hiện diện của người Balan này, một nhà ngoại giao của một nước Cộng Sản lần đầu tiên được mời tới dự tiếp tân ở Saigon bởi ngoại trưởng Miền Nam Việt Nam.”

“Đức cha Asta quay sang ông Ngô Đình Nhu và giới thiệu Maneli. Như thể có người làm hiệu, các nhà ngoại giao khác tiến về phía họ, có vẻ như để nhập chuyện một cách ngẫu nhiên, không có gì là chuẩn bị trước, nhưng thực sự thì họ đã mỗi người bằng một cách riêng rẽ cổ thúc đẩy ông Nhu tiến tới cuộc gặp gỡ này. Đó là các ông

Lalouette, đại sứ Pháp; Goburdhun, đại sứ Ấn, chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế; và D'Orlandi, đại sứ Ý.

“Tôi đã nghe các bạn của chúng ta nói nhiều về ông.” Ông Nhu nói với Maneli. Ông ta tiếp: *“Nhân dân Việt Nam có một sự nhạy cảm và không tin cậy chẳng những đối với người Trung Hoa mà với tất cả những nước thực dân hay chiếm đóng, tất cả. Maneli tự hỏi phải chăng Nhu có ý nói Hoa Kỳ, và có lẽ ông ta không phải là người duy nhất trong số những nhà ngoại giao nghe chuyện có sự suy đoán về điều đó.”*

“Rồi ông Nhu lại nói: *“Lúc này đây, chúng tôi đang quan tâm tới hoà bình và chỉ quan tâm tới hòa bình mà thôi. Tôi tin rằng Ủy Hội Quốc Tế có thể và nên đóng một vai trò quan trọng trong việc đem lại hòa bình cho Việt Nam.”*

“Maneli trả lời rằng ông ta sẵn sàng giữ *“vai trò tích cực nhất và xây dựng nhất”* trong UHQT để tái lập hòa bình và thống nhất cho Việt Nam.”

“Ông Nhu nói: *“Chính phủ Việt Nam ước mong hành động trong khuôn khổ tinh thần hiệp định Giơ-ne-vơ.”*

“Ít lâu sau cuộc gặp gỡ này, Maneli nhận được lời mời tới thăm ông Nhu tại dinh Gia Long.”

“Cuộc tiếp kiến được ấn định vào ngày mùng 2 tháng 9, và các ông Goburdhun, đặc biệt là Lalouette rất hy vọng nó sẽ thành công. Khi ông Goburdhun đi Hà Nội với tư cách chủ tịch UHQT, ông ta đã khám phá ra rằng chính phủ Miền Bắc không có vẻ gì coi cuộc chiến tại miền Nam là lý do để từ chối xét việc giao thương với chế độ Saigon. Hồ Chí Minh đã bảo Goburdhun rằng Ngô Đình Diệm là *“người yêu nước theo cách của ông ta”*. Trước kia ông ta cũng đã từng có lần nhận xét với thiện cảm rằng ông Diệm với cá tính độc lập của mình chắc phải gặp khó khăn trong

việc xử trí với người Mỹ là những kẻ muốn kiểm soát mọi thứ. Ông Hồ bảo Goburdhun: *“Hãy bắt tay ông ta cho tôi nếu gặp...”*

“Khi Maneli đến Hà Nội vào mùa xuân 1963, ông ta thấy thành phố này buồn rầu, bị quan dưới một chế độ tàn bạo như thời Stalin ở Liên Xô. Ông ta chuyển thông điệp của Lalouette rằng ông Diệm sẽ đáp ứng nếu Hà Nội đi bước trước, vì ông ấy muốn giảm thiểu áp lực của người Mỹ đối với chế độ của mình.”

“Hà Nội đáp: *“Cứ để ông ta chứng tỏ thiện chí đi. Ông ta có thể dần dần mở liên lạc bưu chính với miền Bắc và nhận than đá của miền Bắc đổi gạo của miền Nam. Miền Bắc sẵn sàng chấp nhận một nền dân chủ kiểu Tây Phương ở miền Nam và sẽ không thúc ép phải mau chóng thống nhất”...*

“Ông Hồ đã đưa ra lời kêu gọi công khai về một thỏa hiệp đình chiến ở miền Nam vào mùa hè năm đó. Đây không phải lần đầu mà một lời kêu gọi như thế được đưa ra để ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng trong cuộc đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng không giống những người đứng trong tổ chức Mặt Trận đang tranh đấu nhằm loại ông Diệm khỏi chính quyền, các nhà lãnh đạo miền Bắc khẩn thiết lo chặn đứng sự can thiệp quân sự của Mỹ vào Việt Nam, dường như đã sẵn sàng đi tới một thỏa thuận với ông Diệm để làm việc đó.”

“Người Bắc nhìn thấy những mối lợi trong việc thương lượng với ông Nhu trong giai đoạn này. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: Dầu sao ông Nhu chắc chắn có khả năng tư duy một cách lo-gích; ông ta đã tốt nghiệp đại học “Ecole des Chartes” (trường đào tạo các chuyên viên văn khố ở Paris). Maneli hỏi nên làm gì nếu được mời đến gặp ông

Nhu, thì ông Đồng nói: *“Cứ đến và nghe cho thật kỹ. Có một điều chắc chắn: người Mỹ phải rời khỏi Việt Nam. Trên căn bản chính trị đó chúng tôi có thể thương lượng về mọi việc. Mọi việc. Chúng tôi thực lòng mong muốn chấm dứt chiến tranh, tái lập hoà bình và thống nhất trên cơ sở hoàn toàn thực tiễn. Chúng tôi rất là thực tiễn”.....*

“Khi Lalouette nghe phong thanh về cuộc đảo chính mà người Mỹ đang cố làm tới trong tuần đó ở Saigon, ông ta sợ rằng chính sách ngoại giao kiên trì của ông ta trở thành công dã tràng. Một buổi tối ông ta bảo Maneli nếu mà ông Diệm bị lật đổ thì cơ may nhỏ về hòa bình ở Việt Nam sẽ tiêu tan. Bất cứ kẻ nào được người Mỹ chọn để thay thế ông ta sẽ lệ thuộc vào Mỹ hơn. Chỉ một mình ông Diệm có can đảm giữ độc lập để làm việc cho hòa bình. Maneli lập tức gửi báo báo về câu chuyện này về thủ đô Ba Lan và gửi bản sao cho chính phủ Bắc Việt và tòa đại sứ Liên Xô ở Hà Nội.”

“Nỗi lo ngại của Lalouette hơi quá sớm; H.C.Lodge đang bận giải quyết một vài khó khăn ở Saigon và Maneli đã có thể giữ hẹn với ông Nhu tại dinh Gia Long vào ngày 2 tháng 9. Bào đệ của tổng thống bảo Maneli ông ta không chống thương lượng và hợp tác với miền Bắc. Người Việt Nam không bao giờ quên ai là người ngoại quốc, ai là người Việt, ngay cả trong khi hai bên đang giao tranh với nhau khốc liệt nhất. Ông Nhu nói: nếu chúng tôi có thể khởi sự một cuộc đối thoại thì chúng tôi sẽ có thể đạt được một thỏa thuận. Và UHQT và chính Maneli sẽ có thể đóng một vai trò tích cực: Trong tương lai gần tôi không thấy trước được là có gì sẽ có thể dẫn tới những cuộc hội đàm trực tiếp nhưng điều này chẳng bao lâu nữa có thể sẽ được sáng tỏ.”

“Maneli hỏi ông Nhu về những tin đồn liên tiếp ở Saigon và Hà Nội rằng cuộc đối thoại giữa hai miền đã khởi sự rồi.”

“Ông có thích những tin đồn đó không?” Ông Nhu hỏi lại có vẻ bông đùa. Trước đó ông Phạm Văn Đồng cũng đã dùng ngôn từ tương tự để trả lời Maneli, khi ông này hỏi cùng câu hỏi đó: “Đồng chí có tin điều đó không?”

“Đại sứ Pháp vô cùng thất vọng khi nghe Maneli thuật lại cuộc gặp gỡ của ông ta với em tổng thống. Lalouette thấy dường như ông Nhu đang tháo lui. Ông ta đã rất thận trọng, thận trọng quá. Ông ta đã tự đánh lừa khi cho rằng mình có thể đạt được một sự hiểu biết với ông Lodge và ông ta không muốn đốt cây cầu ở phía sau. Lalouette bảo Maneli:

“Nếu ông ta không dứt được những ảo tưởng đó, ông ta sẽ tiêu mất. Thực là một lỗi lầm bi thảm.”...

“...Ông Nhu nói (với ông Lodge) về các cuộc tiếp xúc với phía bên kia và bảo những cuộc tiếp xúc mà ông ta phải nhận với Maneli thực ra đang tiếp diễn. Đại sứ Ý D’Orlandi, có mặt trong cuộc hội kiến, đã ghi lại trong nhật ký của ông bản báo cáo những lời của ông Nhu, không chỉ giới hạn trong những điều chung chung như ông Lodge tường trình về Washington. D’Orlandi, chứ không phải Lodge, đã là nguồn gốc tin tức về lời tuyên bố của ông Nhu, đã trưng dẫn ở trên, và rằng “Tôi bây giờ là môi giới được Việt Cộng chấp nhận để họ đối thoại”. Và D’Orlandi đã tường trình về lời giải thích của ông Nhu. Ông Nhu nói rằng sở dĩ phía bên kia đã đưa ra đề nghị hòa bình chẳng những vì chính sách Ấp Chiến Lược thành công, mà còn vì họ bất mãn về cái ách mà người Tàu đặt lên miền Bắc, và họ nhận ra rằng tái lập

giao thương giữa Bắc Nam sẽ có lợi cho cả đôi bên. Theo d'Orlandi, chứ không phải Lodge, ông Nhu đã nói cộng sản thậm chí đã không đòi trung lập hóa miền Nam, vì họ thỏa mãn về việc khi chiến tranh chấm dứt sự hiện diện của người Mỹ sẽ ít còn cần thiết cho chế độ Saigon.”

“Nếu ông Nhu đã không định thảo luận với Maneli về những cuộc tiếp xúc của ông ta với Việt Cộng, thì ông ta lại có nhiều lý do để nhấn mạnh với người Mỹ về sự quan trọng của những cuộc tiếp xúc đó. Ông ta đang phải phấn đấu cho sự sống còn chính trị của mình và sự tồn tại của chính quyền Ngô Đình Diệm..”

“Đại sứ Lalouette cố thuyết phục đại sứ Mỹ nên để ông Diệm tại chức và nói với ông ta về báo cáo của ông Goburdhun rằng Phạm Văn Đồng sẵn sàng trao đổi than đá của miền Bắc để lấy gạo của miền Nam. *“Tôi thúc đẩy Lodge đừng làm đảo chính”*, nhiều năm sau ông ta đã nhắc lại cho soạn giả như vậy. Trong thời gian đó ông ta đã tin tưởng chắc chắn rằng không có gì ông ta có thể nói trong tháng 9 năm đó sẽ có thể làm ông Lodge đổi ý. Cuối cùng ông ta bó buộc phải tin rằng người Mỹ này đã được phái tới Việt Nam với mệnh lệnh là phải sớm loại bỏ ông Diệm cho bằng được.”

... Tại Washington, Roger Hilsman trong giác thư ngày 16 tháng 9 đã định nghĩa cái mà ông ta tin là mục tiêu tối thiểu của ông Nhu: *“giảm thiểu rõ rệt sự có mặt của người Mỹ tại những vị trí có ý nghĩa chính trị ở các tỉnh và trong chương trình Ấp Chiến Lược.”* Còn mục tiêu tối đa của ông ta là: *“thương lượng với miền Bắc để ngưng chiến, chấm dứt hoàn toàn sự hiện diện của người Mỹ, và một miền Nam Việt Nam trung lập, hay theo kiểu Tito, nhưng vẫn biệt lập.”* Hilsman

kết luận. Và đây là lý do ông ta đưa ra nhằm bác bỏ “*đường lối hòa hoãn*” - ngoại giao và thuyết phục để đối phó với một chính quyền Diệm được cải tổ- để dùng chính sách làm áp lực mạnh chống chế độ Diệm.

“Khi đại sứ Lalouette nhìn lại cái năm định mệnh 1963 và toan tính táo bạo của ông nhằm thực hiện một giải pháp chính trị cho Việt Nam và nó đã thất bại ra sao, ông ta thấy dường như “việc ông Nhu yêu cầu rút cố vấn Mỹ (mục tiêu tối thiểu theo Hilsman) nêu lên vào tháng tư là lý do chính khiến người Mỹ quyết định lật đổ ông Diệm. Thêm vào đó là đường lối càng ngày càng thân Pháp của chính phủ Saigon.”

“Chính sách áp lực mà Hilsman đề nghị và hội đồng an ninh quốc gia chấp thuận ngày 17 tháng 9 đã trở thành căn bản của phúc trình McNamara-Taylor đem từ Saigon về vào đầu tháng 10.”

“Phái đoàn McNamara-Taylor đã không thể tìm thấy sự kiện rõ rệt nào về điều ông Nhu toan tính. Nhưng hai ông đã nghe nói đủ để viết trong phúc trình như sau: Việc ông Nhu ve vãn ý nghĩ thương lượng (với miền Bắc) - cho dù nó có nghiêm chỉnh hay không vào lúc này đây- cho thấy là về cơ bản nó không phù hợp với các mục tiêu của Hoa Kỳ.” (A Death In November. Trang 220-232)

3. Một chuyện được tiết lộ lần đầu mới đây

Nguyệt san Văn Nghệ Tiền Phong số 623 (từ 1 đến 15-1-2002) có công bố một tài liệu do tác giả Nguyễn Văn Minh đăng trên Việt Báo điện tử ngày mùng 2 tháng 5 năm 2001 như sau:

“Năm 1959, sau khi đắc cử tổng thống nhiệm kỳ 2 – 3 ngày sau khi có kết quả bầu cử – tổng thống Diệm gọi sĩ

quan tùy viên đại úy Lê Châu Lộc và sĩ quan cận vệ, đại úy Nguyễn Bằng đi theo đến các chùa trong khu vực nội và ngoại thành Saigon để cảm ơn khối Phật giáo đã ủng hộ tổng thống. Tại một ngôi chùa nọ, khi tiếp đón tổng thống, thượng tọa trụ trì đã trách tổng thống rằng: “tổng thống có chuyện vui mà không cho anh em chúng tôi biết để chúng tôi cùng được chung vui với tổng thống.

- Có chuyện chi vui mà giấu các Thầy mô?

- Dạ thưa tổng thống, qua tặng đoàn Tích Lan, chúng tôi được biết tổng thống đã tặng Đức Đạt Lai Lạt Ma một số tiền lớn.

Nghe vậy, tổng thống ngồi lặng thinh một lúc rồi nói:

- Vì là một việc tế nhị, tôi không muốn cho ai biết chứ không phải tôi giấu các Thầy. Tôi có nhận được giải thưởng “Leadership Magsaysay 15,000 đô la. Tôi thì không có nhu cầu chi. Gặp lúc này, Đức Đạt Lai Lạt Ma, tượng trưng cho sự tranh đấu bất khuất để bảo vệ niềm tin, bảo vệ tôn giáo của dân tộc Ngài, đang gặp hoạn nạn, phải sống lưu vong, cần nhiều sự giúp đỡ. Tôi thấy mình có bổn phận phải giúp ngài nên tôi nhờ thủ tướng Nerhu chuyển số tiền này cho ngài, nhưng ông khước từ. Có lẽ ông ngại mất lòng Trung Cộng. Tôi đã phải tìm đường khác chuyển số tiền cho Ngài. Các thầy đã biết mình đang phải chống lại một chủ thuyết vô thần rất tàn bạo. Nên chỉ có niềm tin tôn giáo mới có đủ sức mạnh chống lại được với chủ nghĩa tai hại này...”

Đọc mấy hàng trên, tôi có tìm xem “đại úy Lê Châu Lộc” nào đó mà bài báo nhắc tới là ai và có còn sống không, vì tôi coi ông là một nhân chứng quan trọng. Tôi liền hỏi một người bạn hàng xóm khi còn ở Việt Nam

cũng từng là tùy viên của tổng thống Diệm, thì được biết đại úy Lê Châu Lộc, trong thời đệ nhị Cộng Hòa đã từng là nghị sĩ trong liên danh “Bông Huệ” do luật sư nổi tiếng miền Nam Nguyễn Văn Huyền thụ ủy. Ông bạn này đã cho tôi số điện thoại và tôi đã đích thân nói chuyện với ông Lê Châu Lộc gần một tiếng đồng hồ. Ông xác nhận chuyện đó có thật, và còn nói, ông không phải là nhân chứng duy nhất đâu, vì chuyện này ngoài vị thượng tọa chủ trì ngôi chùa nói trên, còn có nhiều thượng tọa, đại đức khác, trong đó có một vị mà ông Lộc còn nhớ tên là đại đức Thích Quảng Liên. Sở dĩ ông nhớ tên vị đại đức này là vì vị đại đức đã được tổng thống Diệm cho đi du học và khi về nước đã được gặp tổng thống trong dịp này và tổng thống có hỏi ông: Thấy về khi mô?... Sau đó đại đức T.Q.Liên đã nhờ đại úy Lộc xin tổng thống tiếp kiến. Ông Lộc cũng nói việc chuyển ngân thế nào cũng qua ông Huỳnh Văn Lang, lúc ấy là tổng giám đốc viện hồi đoái. Nên chắc ông Lang còn nhớ. Hơn nữa chính Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng còn sống.

Ông Lộc còn cho biết nhiều chi tiết khác về chuyện này mà chưa sách báo nào nói. Ví dụ, ông nói tổng thống thường thức dậy rất sớm. Hôm ấy mới 4 giờ rưỡi ông đã bảo ông Lộc chuẩn bị để ra ngoài thăm viếng mấy ngôi chùa khi trời chưa sáng. Lại không muốn có tiền hô hậu ủng gì cả. Nhưng bổn phận của ông Lộc là giữ an ninh cho tổng thống nên cũng bảo đại úy Bằng đi theo và báo cho mấy giới chức địa phương kín đáo bảo vệ tổng thống. Khi ông Lộc báo cho ngôi chùa mà tổng thống muốn thăm đầu tiên thì các thầy xin cho được có thì giờ chuẩn bị để đón tiếp. Nhưng họ cũng chỉ có được nửa giờ sửa soạn.

Nhân chuyện này, ông Lộc còn cho người viết được nghe về nhiều việc làm của tổng thống để giúp đỡ Phật giáo. Theo tổng thống việc chấn hưng tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, là một bổn phận của ông như một nguyên thủ quốc gia. Ông không muốn và không mong đợi ai biết để nhớ ơn cả. Vì thế mà khi biến cố Phật giáo xảy ra, trong khi nhiều ký giả ngoại quốc, và một vài trí thức và “nhà tu” bịa chuyện tổng thống đàn áp Phật giáo, thì bốn vị Phật tử trí thức rất đạo đức chung quanh tổng thống lúc ấy là các ông Quách Tòng Đức (đồng lý văn phòng), Nguyễn Thành Cung (tổng thư ký), Võ Văn Hải (chánh văn phòng đặc biệt) và Trần Sử (bí thư) đã xin yết kiến riêng tổng thống (dĩ nhiên ông Lộc cũng có mặt). Ông Quách Tòng Đức đại diện và nhân danh bộ tham mưu bốn người toàn là Phật tử này để xin phép tổng thống được công bố những việc làm và những ngân khoản mà phủ tổng thống và chính phủ đã chi ra để chấn hưng Phật Giáo, v.v. Nhưng tổng thống không bằng lòng. Ông coi việc đó như kể công về những việc mà ông đã làm chỉ vì bổn phận đối với đất nước.

Một tài liệu khác của thượng viện Mỹ

Sau đây là một đoạn trích dịch bức thư của thượng nghị sĩ Thomas Dodd, gửi thượng nghị sĩ James O. Eastland, chủ tịch, tiểu ban Nội An của thượng viện Mỹ ngày 17 tháng 2 năm 1964 liên quan đến bản phúc trình của phái đoàn Liên Hiệp Quốc tới Saigon để điều tra về sự tố cáo chính quyền đệ nhất Cộng Hòa đàn áp Phật giáo. Bản phúc trình này đã bị chính quyền của đảng Dân Chủ năm đó ém nhem đi, mãi gần đây mới được công bố.

“Thưa ông chủ tịch, Vào đầu tháng 9 năm ngoái, khi cuộc khủng hoảng Phật giáo đạt cao điểm, 16 chính phủ chuyên

đến đại hội đồng LHQ một tuyên bố nói rằng chính phủ Việt Nam vi phạm nhân quyền một cách trầm trọng. Đáp lại, chính quyền Ngô Đình Diệm mời LHQ gởi phái đoàn đến điều tra và cam kết hợp tác hoàn toàn. Ngày 11-10, một phái đoàn được thành lập gồm đại diện Afghanistan, Brasil, Costa Rica, Dahomey, Morocco, Ceylon và Nepal.

(...phúc trình này chỉ được phổ biến rất hạn chế...)

Về điểm này tôi xin lưu ý đến cuộc phỏng vấn của đại sứ Fernando Volio Jimenez của Costa Rica với hãng thông tấn NCWC ngày 20-12 (1963). Chính đại sứ là người đã đưa ra đề nghị lập phái đoàn điều tra LHQ và là thành viên của phái đoàn. Tôi xin trích lời của ông:

“Cảm tưởng của riêng tôi là không có chính sách kỳ thị, áp bức hay khủng bố đối với Phật giáo. Những lời khai về việc này thường là “nghe nói”, và được trình bày một cách mơ hồ, chung chung. Mỗi khi có một nhân chứng cố gắng tìm một bằng chứng cụ thể nào đó để trình phái đoàn thì đó cũng là hành vi lẻ tẻ hay cá nhân. Căn cứ trên bằng chứng thì chính quyền không có chủ trương chống Phật giáo vì lý do tôn giáo.”

Được đích thân đọc bản phúc trình của LHQ, lời tuyên bố trên làm tôi xúc động, khiến tôi phải gọi đại sứ Volio để thảo luận về chi tiết. Đại sứ Volio nói, căn cứ trên tường thuật mà ông đọc trong báo ông đã sẵn sàng bỏ phiếu lên án chế độ diệm, nhưng khi Diệm mời LHQ phái quan sát viên sang VN, ông thấy rằng phải nhận lời mời này, trước khi LHQ có thái độ.

Đại sứ Volio nói rằng sau hai tuần điều tra ráo riết tại VN, ông đi đến kết luận là những lời buộc tội chế độ Diệm tại LHQ là vô căn cứ, không thể chấp nhận được. Ông nghĩ rằng vô số bằng chứng không cho thấy rằng có sự kỳ thị về tôn giáo hay vi phạm tự do tôn giáo.

(...) Phái đoàn nói rõ rằng họ đã được phỏng vấn một số lãnh đạo và thanh niên Phật giáo mà người ta báo cáo là đã bị giết. Phái đoàn không tìm thấy bằng chứng nào xác nhận những báo cáo đã được công bố rằng có những vị sư đã bị ném từ tầng lầu xuống trong vụ chùa Xá Lợi bị đột kích.

Tóm tắt theo ý tôi, một lần nữa, nhân dân Hoa Kỳ đã bị báo chí lừa dối nặng về tình hình đối ngoại có tính cốt tử.

Chúng ta đã được báo cáo rằng chính phủ Diệm khủng bố tôn giáo một cách tàn nhẫn, khiến những sư vô tội bị dồn vào chỗ phải tự tử để phản đối. Nhưng nay ta thấy sự thực không hề có khủng bố, hay chỉ có thói phồng quá mức, và cuộc náo loạn chủ yếu mang tính chất chính trị”

Lá thư còn khá dài. Và bản phúc trình của phái đoàn LHQ thì hàng trăm trang. Hy vọng những tài liệu này sẽ được dịch ra và phổ biến một ngày gần đây.

4. Ý kiến của một số nhân vật Việt Mỹ liên quan đến trách nhiệm và vụ án của Đặng Sỹ, do nữ ký giả Ellen Hammer thuật lại trong tác phẩm “A Death In November”.

“Tại phiên tòa người ta đã được biết những lưu đạn có sức ép mạnh của Mỹ, mà thiếu tá Đặng Sỹ dùng (được mô tả trong sách huấn luyện về vũ khí của bộ Lục Quân Mỹ, mục “lưu đạn và thuốc pháo”) là những lưu đạn không bao giờ có sức giết người, vì khả năng tối đa của lưu đạn MK III là gây sức ép, làm rách màng tai và gây “sốc”. “Người ta cũng làm áp lực bắt Đặng Sỹ khai trước tòa là tổng giám mục Ngô Đình Thục, lúc ấy đang sống lưu vong, đã đích thân ra lệnh cho ông ta bắn vào đám đông. Nhưng ông ta đã từ chối không lời vị giám mục liên can vào vụ án.”

“Đặng Sỹ bị kết án khổ sai chung thân và phải bồi thường cho các gia đình nạn nhân. Luật sư của ông đã nhấn mạnh

đến sự kiện vợ ông xuất thân từ một gia đình Phật Tử và chồng bà đã hành động theo lệnh trên. Khi vụ xử xong rồi, luật sư bị can cho biết tòa đã không xác định được tính chất và nguồn gốc của những tiếng nổ chết người. Một thành viên của tòa cũng lý luận rằng bằng chứng không đủ để tuyên một bản án nặng như vậy. Tướng Trần Thiện Khiêm, lúc ấy là tổng trưởng quốc phòng, sau này đã nói rằng cần phải kết án Đặng Sỹ để làm người giận thượng tọa Thích Trí Quang. “Đó là cái giá mà Nguyễn Khánh cảm thấy phải trả để lấy lòng thượng tọa Trí Quang.”

“Tờ Kinh Tế Gia ở Luân Đôn đã gọi bản án là một sự “lãng nhục” (công lý)... một phiên tòa gian lận bỉ ổi. Ông (Đặng Sỹ) đã nhận lệnh của những cấp có thẩm quyền và đã thận trọng cho sử dụng lựu đạn gây sức ép ở bên lề đám đông do Trí Quang lừa tới. Sau đó ông đã bị cáo buộc là có trách nhiệm về những cái chết hãy còn chưa giải thích được tại sao của 8 người biểu tình trong những vụ bom nổ do plastic.”

“George A. Carver, khi đã trở thành viên chức cao cấp trong tổ chức CIA, vào năm 1965 đã viết rằng “tia lửa châm ngòi thuốc nổ ở Huế ngày mùng 8 tháng 5 năm 1963, đã được phát động dưới những hoàn cảnh mà chi tiết của chúng có lẽ sẽ mãi mãi là những vấn đề tranh cãi...” Khi còn hoạt động với vỏ bọc của một sĩ quan trẻ ở Saigon năm 1960, Carver đã học được thói chê ghét chế độ Ngô Đình Diệm và đã bị bó buộc rời Việt Nam khi bị lộ vì tiếp xúc với những người đứng đầu cuộc đảo chính trong năm đó. Sau này ông ta đã trở thành phụ tá đặc biệt về các vấn đề Việt Nam của giám đốc Trung Ương Tình Báo.” (Trích dịch từ A Death in November, Ellen Hammer, E.P. Dutton, 1987, trang 115.)

3. Trích bài phát biểu của soạn giả trong buổi ra mắt sách ngày 10 tháng 5 năm 1998:

“... Trong số hàng chục lá thư và cuộc điện đàm trong hai tuần qua, tôi xin phép quý vị chỉ được nêu lên tiếng nói của một người bạn ở miền Đông. Ông là một trong số ít người Việt sống ở Mỹ đã gần nửa thế kỷ, chưa từng bao giờ trở lại quê hương. Trong thời gian tổng thống Ngô Đình Diệm cầm quyền những thông tin mà ông nhận được liên quan đến tình hình Việt Nam có lẽ phần lớn là do những nguồn tin của Mỹ lúc đó rất bất lợi cho ông Diệm. Phải chăng vì vậy mà khi tôi loan báo sẽ tặng ông một cuốn sách về tổng thống Ngô Đình Diệm, ông liền hỏi tại sao lại chọn cái đề tài đó? Ai mà thêm đọc. Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên sau đó là chỉ hai ngày sau khi nhận được cuốn sách “Ngô Đình Diệm Lời Khen, Tiếng Chê” ông đã gọi điện thoại cho biết ông đã đọc đến trang 248, đúng chỗ có mấy hàng khiến ông phải lên tiếng. Ông bảo cuốn sách viết cũng được, có nhiều dữ kiện mới đối với ông. *“Nhưng anh Minh ạ, ông nói, anh đã không thoát được cái tật của phần đông nhà văn, nhà báo Việt Nam ở đây là đả kích, mạt sát những người không đồng quan điểm với mình. Cho dù ông Đỗ Mậu viết gì đi chăng nữa anh cũng không nên bảo ông ta đập đầu vào đá. Viết như thế là thiếu vô tư, là đặt nặng cảm tính vào trong một công cuộc sưu tầm công phu có tính khoa học.”*

Tôi hoàn toàn bất ngờ, vì văn đình ninh mình đã làm hết sức để giữ sự khách quan, vô tư, nên không biết trả lời ra sao. Chỉ nghĩ: Nếu ông đọc kỹ những hàng tiếp theo thì sẽ thấy tôi có trưng bằng chứng tại sao ông Đỗ Mậu đập đầu vào đá chứ không phải tôi đả kích vô tội vạ.

Nhưng hôm nay, sau khi đã có thời gian để suy nghĩ về lời phê bình của ông bạn ở Virginia, trước quý vị tôi thành thực nhận khuyết điểm. Quả thực tôi đã thiếu vô tư. Trong khi viết đối tượng của tôi là những con người sinh động có “hỷ nộ ái cụ ố dục”, là lãnh tụ của một nước, là những tướng lĩnh, là nhân dân Việt Nam đã hàng chục năm đau khổ triền miên vì chiến tranh, một cuộc chiến tàn khốc mà, theo ý tôi, nếu người ta không lật đổ và sát hại tổng thống Ngô Đình Diệm có lẽ tình hình sẽ không đến nỗi bi đát như thế, không đến nỗi trên hai triệu người chết, chưa kể gần một triệu người vừa bỏ thân trong tù ngục, hay làm mồi cho cá biển. Cho nên quả thực sau khi đọc những lời mạt sát của những vị như thiếu tướng Đỗ Mậu, trung tướng Nguyễn Chánh Thi hay nhà báo Neil Sheehan, nhắm vào tổng thống Diệm, và tập thể các cấp lãnh đạo quốc gia, thì dường như có một luồng nộ khí dâng lên trong tôi mà ý chí muốn khách quan, vô tư của tôi không kìm hãm nổi. Tôi đã không còn giữ được cái vô tư của một nhà khoa học như ông bạn của tôi, là người đã đỗ bằng tiến sĩ vật lý cách đây ba chục năm và suốt đời say mê đối tượng vật lý: những phân tử, nguyên tử, trung hòa tử, lượng tử... v.v. với không gian vô tận và những con số với số mũ khổng lồ, chứ không phải những Khổng tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Trang Tử, Tôn Tử... hay Phật Tử, v.v. với những tư duy vĩ đại và tài đức sáng ngời là đối tượng của những nhà xã hội học hay sử gia. Quý vị đã rõ những “cái tử” của nhà vật lý ở trên là những đối tượng vô tình, vô hồn, vô cảm. Vì vậy mà nhà vật lý học dễ vô tư - và có thể hoàn toàn vô tư- hơn một nhà sử học hay xã hội học.” “Dẫu sao tôi cũng khâm phục tinh thần khoa học tuyệt đối của ông bạn ở Virginia và cảm ơn sự chân thành thẳng thắn của ông....”

Sách báo trích dẫn:

Bảo Đại. *Con rồng Việt Nam*, bản dịch của Nguyễn Phước Tộc từ nguyên tác “Le dragon d’Annam”. California 1990. Nguyên tác do Ed. Plon xuất bản tại Paris năm 1980

Nguyễn Văn Châu. *Ngô Đình Diệm và nỗ lực hòa bình dang dở*. Xuân Thu. 1989. Do Nguyễn Vy Khanh dịch từ nguyên tác Pháp văn: “Ngô Đình Diệm en 1963: Une autre paix manquée”, luận án sử học, trường đại học Paris VII, 1982.

Phan Bội Châu. *Phan Bội Châu Niên Biểu*. Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Saigon. 1971.

Nguyễn Văn Chúc. *Việt Nam Chính Sử hay là những sai lầm trong “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” và gian trá của Đỗ Mậu*. 1992.

William E. Colby and Peter Forbath. *Honorable men / My life in the CIA*. Simon and Schuster. New York 1978.

Bùi Diễm. With David Chanoff. *In the jaws of history*. Houghton Mifflin Co. Boston 1987.

Dennis J. Duncanson. *Government and revolution in Vietnam*. Oxford University Press. 1966 (?)...

Cao Thế Dung. *Việt Nam ba mươi năm máu lửa*. Alfa. Falls Church. Va 1991.

Cao Thế Dung và Lương Khải Minh. *Làm thế nào để giết một tổng thống*. Hòa Bình. Saigon. 1970.

Duyên Anh. *Saigon Ngày Dài Nhất*. Xuân Thu, USA, 1988.

Trần Văn Đôn. *Our endless war*. Presidio Press, 1987.

Bernard B. Fall. *The two Vietnams*. Frederick A. Praeger. USA, 1967.

Ellen Hammer. *A death in November: America in Vietnam*, 1963. E.P.Dutton. 1987.

Le Ly Hayslip. *When heaven and earth change places*. Double Day, New York, May, 1989.

Vũ Thu Hiền. *Đêm giữa ban ngày*. Văn Nghệ, USA. 1997.

Marguerite Higgins. *Our Vietnam nightmare*. Harper & Row. 1965.

Robert Strausz-Hupé. *Protracted Conflict*. Harper & brothers. New York, 1959.

Lyndon Baines Johnson. *The vantage point*. Holt Rinehart & Winston. New York, 1971.

Stanley Karnow. *Vietnam, a history*. Pinguin Group. New York, 1991.

Hồ Sĩ Khuê. *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng*. Văn Nghệ, California, 1992.

Nguyễn Cao Kỳ. *Twenty years and twenty days*. Stein and day, New York. 1976.

Henry Cabot Lodge. *The storm has many eyes*. W.W. Norton Inc. New York. 1973.

Robert McNamara. *In Retrospect: Tragedy and lessons from Vietnam*. Random House Inc. New York. 1995.

Mieczyslaw Maneli. *War of the vanquished*. Bản dịch Anh ngữ của Maria de Gorgey. Harper & Row. 1971.

Đỗ Mậu. *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*. Văn Nghệ. California 1993.

Minh Võ. *Sách lược xâm lăng của Cộng sản*. Tác giả xuất bản. Saigon. 1963.

John M. Newman. *JFK and Vietnam*. A Time Warner Co. 1992.

Richard Milhouse Nixon. *No more Vietnams*. 1985.

Frederick Nolting. *From trust to tragedy*. Praeger. New York. 1988.

Hoàng Hữu Quýnh. *Tôi bỏ đảng*. Paris. 1989.

Arthur M. Schlesinger, Jr. *A thousand days*. The Riverside press. Cambridge 1965.

Robert Kennedy and his time, Roughton Mifflin Company, Boston, 1978.

Neil Sheehan. *A bright shining lie*. Random. 1988.

Phạm Văn Sơn. *Việt Sử Tân Biên*. Đại Nam, Saigon, 1972.

Trương Như Tảng, with David Chanoff and Đoàn Văn Tọa. *A Viet Cong Memoir*. Harcourt Brace Jovanovich, San Diego 1985.

Maxwell D. Taylor. *Swords and ploughshares*. W.W. Norton & Company Inc New York 1972.

Hoàng Ngọc Thành. *Những ngày cuối cùng của tổng thống Ngô Đình Diệm*. Ca. 1994

Nguyễn Chánh Thi. *Việt Nam một trời tâm sự*. Xuân Thu. California 1987.

Đỗ Thọ. *Nhật ký Đỗ Thọ*. Hòa Bình. Saigon 1970.

Bùi Tín. *Hoa Xuyên Tuyết*. Nhân Quyền. Paris. 1991.

Phạm Kim Vinh. *Những bí ẩn về cái chết của Việt Nam, Kissinger trong bẫy sập*. Người Việt. California. 1977.

Cái chết của Nam Việt Nam. Những trận đánh cuối cùng. Xuân Thu. 1988.

“*Việt Nam Tự do, từ Ngô Đình Diệm đến lưu vong*”, tác giả xuất bản 1987.

Francis X. Winters. *The year of the hare*. University Georgia Press. Athens. 1997.

Xuân Vũ. *Đường đi không đến tập III: Mạng người lá rừng*. Xuân Thu. 1990.

Diễn Đàn Phụ Nữ. Orange County, California. 1992-1998

Newsweek Mar 6, 1967.

Reader's Digest. 1960-1961.

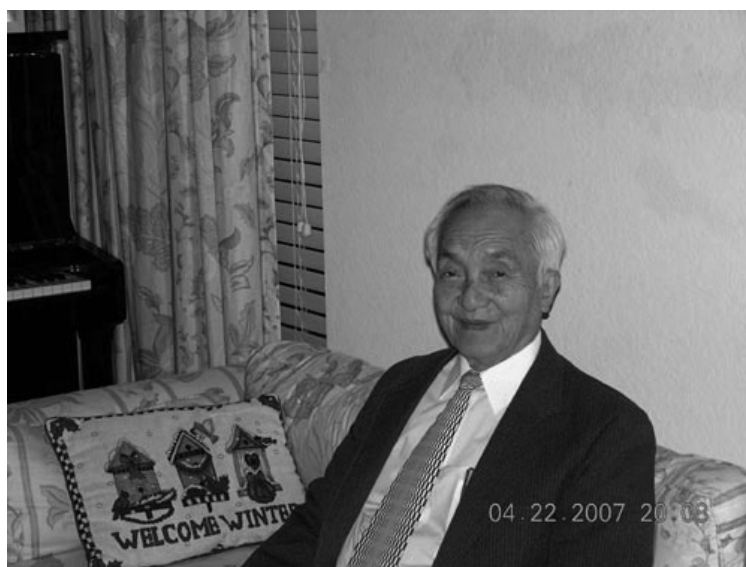
Time Magazine Jan 14, 1966.

US News & World Report Aug 10, 1998.

Washington Post Nov 11, 1995.

Copyright©by thuvienvietnam.com All Right Reserved.

Vài nét về tiểu sử Minh Võ



Minh Võ là bút hiệu của ông Vũ Đức Minh, sinh năm 1931 tại tỉnh Nam Định, Bắc Việt.

Sau khi đậu tú tài hai Sinh Ngữ tại Hà-Nội năm 1953, ông bị bắt vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, nhập học (trẻ gần một tháng) khóa 3 phụ.

Tốt nghiệp vào năm sau ông được chọn ở lại làm huấn luyện viên, trung đội trưởng khóa sinh khóa 4 phụ.

Năm sau ông thăng Trung úy, được cử làm trưởng phòng 5 của trường, vừa đổi tên là Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức.

Năm 1956 ông đổi về bộ Tổng Tham-Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, làm tổng thư ký tòa soạn báo Tinh Thần thuộc Nha Tuyên úy Công-giáo.

Sau một tháng tu nghiệp tại Bộ Quốc Phòng Phi Luật Tân, ông về nước phục vụ tại Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng. Sau đó được cử coi đài phát-thanh Tiếng Nói Quân Đội.

Năm 1960 được biệt phái ngoại ngạch phục vụ tại Nha Vô Tuyến Truyền Thanh với chức vụ trưởng phòng Bình Luận.

Sau gần một năm tu nghiệp tại đài Phát Thanh BBC, Luân Đôn, Anh Quốc, ông về nước năm 1964, rồi năm 1966 lên coi sở chương trình Nha Vô Tuyến Truyền Thanh. Trong thời gian này ông kiêm nhiệm chức sĩ quan liên lạc của Hiệp Hội Vô Tuyến Truyền Thanh và Truyền Hình Á-châu và Thái Bình Dương, nhiều lần lãnh-đạo phái đoàn Việt Nam tham dự các hội nghị của Hiệp Hội, trong đó có hai lần làm giám khảo chấm thi các giải thưởng Quốc Tế về Truyền Thanh, như giải ABU năm 1966, Giải NHK Nhật Bản năm 1970.

Tác phẩm biên khảo đầu tay của ông (sau 3 tác phẩm phiên dịch) nhan đề *Sách-lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*, xuất bản năm 1963, được Nguyệt San Tin Sách của Văn Bút Việt Nam đánh giá là một trong vài cuốn sách hay nhất trong vòng 15 năm, và được đài VOA, Tiếng Nói Hoa Kỳ, trích đọc trong nhiều tuần lễ. Rồi sau đó, đài này đã lập hẳn một chương trình mới, 10 phút, phát-thanh hàng tuần, để mời ông làm chủ biên phụ trách trong 7 năm liên tục, từ 1964 đến 1971, là lúc ông được cử làm phó giám đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh, cũng là lúc ông thôi cộng tác với đài VOA. Và chương trình do ông phụ trách cũng ngưng hoạt động. Ông đã được Đài VOA trao tặng huy chương đặc biệt (medallion) trong dịp này.

Chương trình này có tên là *Viễn Ảnh Việt Nam Dân-chủ Cộng Hòa* (Perspective of the Democratic Republic of Viet Nam), chuyên trình bày về các mặt sinh hoạt của miền Bắc Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản. Phòng Thông Tin Mỹ (USIS), sau đổi là (JUSPAO) cung cấp phần lớn tài-liệu cho chương trình.

Sau khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, tất cả các bài viết của Minh Võ cho chương trình này cũng như nhiều tài-liệu phiên dịch, các bài báo viết cho Đài Tự Do, nguyệt San Chi Đạo của Bộ quốc Phòng hay nhật báo Chính Luận đều mất hay bị thiêu hủy cùng với nhiều hình ảnh lưu niệm trong các chuyến du hành, công tác tại nước ngoài.

Đầu năm 1975 ông được Bộ Quốc Phòng cho giải ngũ kể từ 1-7-1975. Nhưng được nghỉ việc để đi phép có lương trong 3 tháng từ 1-4-1975.

Mặc dầu đã cầm giấy phép giải ngũ và đã rời nhiệm sở ở Hệ Thống Truyền Thanh từ đầu tháng tư, ông vẫn phải đi trình diện “học-tập cải tạo”, đúng ra là vào tù Cộng Sản. Ông bị giam 9 năm 9 tháng tại 8 trại tù từ Nam ra Bắc.

Đầu năm 1985 ông được ra khỏi tù, mang theo nhiều chứng bệnh nan trị. Cuối năm 1991 ông được sang định cư tại Mỹ theo chương trình HO. Sau 4 năm chữa trị và tinh dưỡng, ông bắt đầu viết trở lại vào năm 1998.

Sau đây là mấy tác phẩm biên khảo Minh Võ viết ở Hoa Kỳ:

Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê, (380 trang, 16 MK), Thông Vũ xuất bản năm 1998 (đã in ba lần)

Phản Tinh Phản Kháng Thực Hay Hu (650 trang giá 28 MK), Thông Vũ XB năm 1999 (đã in 2 lần)

Ai Giết Hồ Chí Minh? Tâm Sự Nước Non (350 trang giá 18 MK. Đã hết từ lâu), Tủ Sách Tiếng Quê Hương XB năm 2000.

Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp (780 trang, giá 32 MK) Tủ Sách Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2003 (in 2 lần)

Hàng chục nhật báo và tuần san, nguyệt san ở Mỹ và ngoài Mỹ đã đăng bài của Minh Võ trong 9 năm qua.

